

TS TRỊNH ĐĂNG KHOA

VIẾT KỊCH BẢN VÀ ĐẠO DIỄN
**CHƯƠNG TRÌNH
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT**



TS TRỊNH ĐĂNG KHOA

VIẾT KỊCH BẢN VÀ ĐẠO DIỄN
CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT



VIẾT KỊCH BẢN VÀ ĐẠO DIỄN
**CHƯƠNG TRÌNH
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT**

2021 | PDF | 361 Pages
buihuuhanh@gmail.com



GIÁ: 00.000đ



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TS TRỊNH ĐĂNG KHOA

VIẾT KỊCH BẢN VÀ ĐẠO DIỄN

CHƯƠNG TRÌNH

VĂN HÓA NGHỆ THUẬT



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU.....	7
Chương 1: KHÁI LUẬN CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT	15
1.1. Văn hóa và nghệ thuật.....	16
1.1.1. Văn hóa.....	16
1.1.2. Nghệ thuật	27
1.1.3. Hoạt động văn hóa nghệ thuật.....	45
1.2. Khái niệm chương trình văn hóa nghệ thuật. 52	
1.2.1. Đặc trưng nghệ thuật sân khấu.....	52
1.2.2. Quan niệm chương trình văn hóa nghệ thuật	72
1.2.3. Phương tiện, cấu trúc và thành tố chương trình văn hóa nghệ thuật	80
1.3. Phương pháp và thủ pháp sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật	107
1.3.1. Phương pháp sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật	107
1.3.2. Một số thủ pháp sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật	117
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 1	120

Chương 2: VIẾT KỊCH BẢN CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT	127
2.1. Khái niệm.....	128
2.2. Xác định đề tài và chủ đề chương trình văn hóa nghệ thuật	137
<i>2.2.1. Đề tài.....</i>	<i>137</i>
<i>2.2.2. Chủ đề.....</i>	<i>138</i>
2.3. Xác lập mục đích, ý nghĩa, yêu cầu chương trình văn hóa nghệ thuật.....	141
<i>2.3.1. Mục đích.....</i>	<i>141</i>
<i>2.3.2. Ý nghĩa.....</i>	<i>145</i>
<i>2.3.3. Yêu cầu.....</i>	<i>149</i>
2.4. Bố cục nội dung và kết cấu hình thức thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật	155
<i>2.4.1. Bố cục nội dung</i>	<i>155</i>
<i>2.4.2. Kết cấu hình thức thể loại</i>	<i>161</i>
2.5. Thiết kế tiết mục văn hóa nghệ thuật.....	172
<i>2.5.1. Thiết kế tiết mục trong chương trình văn nghệ</i>	<i>181</i>
<i>2.5.2. Thiết kế tiết mục trong chương trình tuyên truyền cổ động</i>	<i>189</i>

2.5.3. Thiết kế tiết mục trong chương trình cuộc thi.....	200
2.6. Cấu trúc tổng thể, đặt tên chương trình văn hóa nghệ thuật	213
2.6.1. Cấu trúc tổng thể chương trình	214
2.6.2. Đặt tên chương trình	232
2.7. Trình bày kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật	239
2.7.1. Trình bày kịch bản chương trình văn nghệ	240
2.7.2. Trình bày kịch bản chương trình tuyên truyền cổ động	251
2.7.3. Trình bày kịch bản chương trình cuộc thi.....	269
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 2	282
Chương 3: ĐẠO DIỄN CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT	285
3.1. Khái niệm và phương tiện đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật	286
3.1.1. Khái niệm đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật	286
3.1.2. Phương tiện đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật	298

3.2. Xác lập ý đồ đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật	313
3.2.1. Làm việc với kịch bản.....	315
3.2.2. Viết kịch bản dàn dựng	320
3.3. Làm việc với tập thể những người sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật	324
3.3.1. Làm việc bộ phận.....	326
3.3.2. Làm việc tổng hợp.....	330
3.4. Thực hiện ý đồ đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật	337
3.4.1. Kỹ thuật đạo diễn	337
3.4.2. Tổ chức tập luyện, tổng duyệt và biểu diễn chính thức.....	350
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 3	357

GIỚI THIỆU

Theo tìm hiểu của tôi, tính đến thời điểm này, các sách, công trình khoa học về lĩnh vực viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật còn rất hiếm hoi. Bởi vậy, công trình *Viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật* của Tiến sĩ Trịnh Đăng Khoa được ra mắt bạn đọc là đúng thời điểm, cần thiết đối với những người hoạt động văn hóa nghệ thuật.

Công trình *Viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật* của Tiến sĩ Trịnh Đăng Khoa là thành quả lao động của cả một quá trình: tìm tòi tích lũy – trải nghiệm – sáng tạo.

Là người làm việc cùng khoa chuyên môn với Tiến sĩ Trịnh Đăng Khoa, nên tôi chứng kiến những bước trưởng thành của tác giả. Tác giả là người có năng lực hoạt động văn hóa xã hội, nhưng có duyên với nghệ thuật đạo diễn sự kiện hơn. Từ khi còn là sinh viên chính quy (Phân ban sân khấu), anh là người say mê với nghề mà mình đã chọn, thích tìm tòi, nghiên cứu, tích lũy những kiến thức lý luận văn hóa xã hội để rồi vận dụng sáng tạo những hiểu biết của mình vào thực tiễn. Anh là

tác giả kịch bản, đồng thời là đạo diễn nhiều chương trình văn hóa nghệ thuật khi còn là sinh viên, chẳng hạn như: Chương trình sân khấu hóa *Lễ phục hiện rước Bà Chúa Xứ Núi Sam* (2001); *Lễ khai mạc Tuần lễ hội Quốc gia Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam* (2002, 2003, 2004, 2005); *Đêm hội văn hóa nghệ thuật* – Liên hoan Thanh niên tiên tiến toàn quốc ngành Văn hóa Thông tin (2004). Khi theo học Thạc sĩ, Hoạt động văn hóa xã hội – chuyên ngành Văn hóa giải trí tại Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Văn hóa và Nghệ thuật Matxcơva (LB Nga), anh đạo diễn các chương trình: *Khai mạc Tuần Văn hóa Việt Nam tại Moscow* - Liên bang Nga (2008); *Khai mạc cuộc thi Hoa hậu người Việt Nam tại các nước SNG tại Moscow* (2010). Về nước, anh học tiếp Nghiên cứu sinh và tốt nghiệp Tiến sĩ – chuyên ngành Văn hóa học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù vừa học, vừa làm công tác quản lý, giảng dạy nhưng việc dạy/học luôn song hành với trải nghiệm thực tế và gắn bó anh với nhiều chương trình: *Gala âm nhạc Đà Lạt tình xuân* (Festival Hoa Đà Lạt, 2012); *Khai mạc Lễ hội trái cây ngon – an toàn tại Chợ Lách, Bến Tre* (2015); *Thương ca tiếng Việt* (2019); *Nam Bộ - Thành phố Hồ Chí Minh rạng ngời mùa thu cách mạng* (2020)...

Trịnh Đăng Khoa quê tỉnh An Giang nhưng anh có duyên nợ với cả vùng đất Trung - Nam Bộ. Không chỉ có nơi “chôn rau cắt rốn” mà văn hóa vùng miền nuôi dưỡng năng lực, cảm hứng sáng tạo trong anh. Bởi thế, các chương trình mà anh làm được tiếp cận toàn diện, đa dạng, phong phú về đề tài, sắc thái, quy mô cấp độ, phương pháp dàn dựng uyển chuyển, hài hòa giữa chất liệu văn hóa nghệ thuật truyền thống và hiện đại tạo nên một phong cách riêng – phong cách Trịnh Đăng Khoa. Những thành quả đạt được rất đáng trân trọng, nó là cả một quá trình tích lũy kiến thức, trải nghiệm và rèn luyện năng lực sáng tạo của tác giả.

Là người nghiên cứu giảng dạy về đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật, Trịnh Đăng Khoa đã đúc kết những kinh nghiệm làm nghề của mình trong công trình *Viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật*. Đây là công trình được biên soạn công phu, nội dung kết cấu logic, chặt chẽ từ kiến thức lý luận về chương trình văn hóa nghệ thuật (Chương 1) đến phương pháp, kỹ năng viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật (Chương 2) và triển khai các công đoạn của đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật (Chương 3). Từng chương mục của công trình đề cập cụ thể, chi tiết, kèm theo các sơ đồ, bảng mẫu theo từng chủ đề của chương trình văn hóa nghệ thuật. Điều này minh

chúng năng lực khoa học, sáng tạo trong công trình *Viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật* của Tiến sĩ Trịnh Đăng Khoa. Công trình có giá trị lý luận đồng thời là cẩm nang hành nghề cho những nhà viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật. Công trình còn có giá trị tham khảo trong nghiên cứu giảng dạy văn hóa nghệ thuật đối với các trường, viện đào tạo nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật hiện nay.

Chúc mừng Tiến sĩ Trịnh Đăng Khoa đã hoàn thành công trình của mình.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2020

Phó giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo ưu tú

NGUYỄN XUÂN HỒNG

CẢM NHẬN

Được biết, Tiến sĩ Trịnh Đăng Khoa là một nhà nghiên cứu có kiến thức, hiểu biết nghề nghiệp thấu đáo, có nghị lực, ý chí mạnh mẽ, ham học hỏi, say mê nghề nghiệp, vượt nhiều khó khăn để đi tới đích đã chọn. Đó là cơ sở quan trọng để hoàn thành công trình: *Viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật*.

Đây là kết quả dồn tụ tích lũy của quá trình nghiên cứu, lao động, sáng tạo trong nhiều năm, đáng được ghi nhận, trân trọng. Công trình sách đề cập tới nhiều vấn đề có tính lý luận và thực tiễn, trải nghiệm về công tác đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật, một vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu và độc giả quan tâm. Tiến sĩ Trịnh Đăng Khoa đã qua nhiều năm trực tiếp làm công tác giảng dạy và viết kịch bản, đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật nhiều dạng, nhiều loại hình với quy mô, cấp độ khác nhau, rất phong phú, đa dạng, đa chủng loại.

Từ thực tiễn trải nghiệm, tác giả đã hệ thống đúc kết thành lý luận, lý luận khởi nguồn từ thực tiễn, thực

tiền chứng minh cho lý luận. Đó là định hướng nghiên cứu để hoàn thành công trình sách *Viết kịch bản và đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật*.

Điều này được thể hiện qua kết cấu của công trình, gồm những phần chính yếu sau:

Chương 1: Khái luận chương trình văn hóa nghệ thuật.

Chương 2: Viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật.

Chương 3: Đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật.

Các chương đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, chương trước là tiền đề cho chương sau.

Công trình là cẩm nang hành nghề của tác giả, không những thế còn là tài liệu tham khảo rất hữu ích, rất cần thiết cho những nhà công tác đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật, chương trình tổng hợp nhiều loại hình, nhiều chủng loại văn hóa nghệ thuật.

Các chương mục đề cập tới một quy trình rất chi tiết, cụ thể từng bước, từng giai đoạn tổ chức khoa học để tiến hành một chương trình văn hóa nghệ thuật. Điều này đã thể hiện đầy đủ về cơ sở lý luận và kỹ thuật để thực hiện chương trình nghệ thuật tổng hợp với nhiều dạng chủ đề khác nhau.

Kèm theo là các sơ đồ, bảng mẫu của từng chủ đề của chương trình văn hóa nghệ thuật, đem lại sự thuận lợi cho bạn đọc khi tiếp nhận nội dung của công trình.

Là người trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn cho tới lúc trở thành người đồng nghề, đồng nghiệp với tác giả, khi đọc công trình sách đầu tay này của tác giả Trịnh Đăng Khoa đem lại cho tôi nhiều hứng thú, thu hút. Cảm nhận về một công trình khoa học tràn đầy tâm huyết yêu nghề và tri thức, hiểu biết nghề nghiệp của tác giả. Cảm nhận về ý chí, tài năng, ý tưởng kiến thức tích lũy dồn tụ để thực hiện thành công công trình sách mà tác giả ấp ủ, yêu thương chắt chiu trong nhiều năm.

Xin chia vui, chúc mừng tác giả đã hoàn thành công trình nghiên cứu của mình thành công tốt đẹp.

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2020

Giáo sư, Tiến sĩ, Nghệ sĩ nhân dân

Lê Ngọc Canh

The background of the entire page is a detailed, grayscale illustration of peacock feathers. The feathers are arranged in a way that creates a sense of depth and movement, with the 'eyes' of the feathers clearly visible. The pattern is dense and covers the entire area, serving as a decorative backdrop for the text.

Chương 1
KHÁI LUẬN
CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

1.1. Văn hóa và nghệ thuật

1.1.1. Văn hóa

a. Văn hóa là hệ thống các giá trị

Con người là động vật cao cấp nhất vì con người biết hoạt động một cách có ý thức (các động vật khác chỉ hoạt động theo bản năng sinh học). Chính sự ý thức (biết dùng ý thức để chế ngự cái bản năng, dùng lao động để cải tạo tự nhiên, cải biến bản thân và xã hội) đã làm cho con người từ chỗ chưa hoàn thiện tới chỗ ngày càng hoàn thiện hơn để dần hình thành một nhân cách văn hóa – con người – văn hóa. Ý thức thuộc về cái tinh thần, cho nên nói hoạt động văn hóa cũng là hoạt động tinh thần, hay cách nói gộp chung là hoạt động văn hóa tinh thần là lẽ hợp lý.

Đặc tính sáng tạo càng làm rõ hơn đặc trưng văn hóa tinh thần riêng có trong hoạt động của con người. Chính nhờ bộ não sáng tạo, con người đã liên tiếp phát hiện, phát minh, sáng chế ra cái mới; thoát ra khỏi những cái cũ, sự trì trệ, giáo điều; chế ngự cái bất chước rập khuôn, sự lặp lại một cách sáo mòn... để năng động vươn lên cái mới mẽ hơn, cái phát triển hơn, vượt qua chính bản thân mình của ngày hôm qua. Cái mới của sáng tạo mang ý nghĩa văn hóa không phải là sự lặp lại rập khuôn của cái cũ, nhưng cũng không phải là cái được hình

thành trên sự trống rỗng, hư không; mà cái mới đó có được từ sự kế thừa có chọn lọc, có phản biện và biết “gạn đục khơi trong”. Trong hoạt động văn hóa, sáng tạo vừa là kết quả của quá trình lao động thực tiễn vừa là động lực thúc con người luôn không ngừng tìm tòi, khám phá ra cái mới hơn, vươn lên trình độ phát triển cao hơn, đạt tới tính nhân văn cao cả hơn.

Đặt giá trị vào toàn cảnh hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người, Đoàn Văn Chúc¹ cho rằng:

Nhu cầu thể hiện ở cái ao ước, cái ao ước là giá trị. Giá trị (thỏa mãn nhu cầu) là mục đích của mọi hành động người. Người ta hành động theo những quy tắc, tức theo chuẩn mực mà xã hội quy định. Chuẩn mực (quy tắc ứng xử) tồn tại dưới dạng thể chế thành văn hoặc bất thành văn (phong tục, tập quán...). Thể chế, đến lượt chúng xuất hiện là những tiêu chuẩn cụ thể quy định hành vi của mỗi vai trò xã hội, những hành vi theo tiêu chuẩn trở thành những khuôn mẫu ứng xử. Khuôn mẫu ứng xử là hành vi có mục đích, hoặc nói để diễn đạt tới một mục đích.

Giá trị có giá trị chính yếu/cơ bản và giá trị phụ thuộc/cục bộ. Giá trị cơ bản bao gồm: (1) Là ao ước phổ

¹ Đoàn Văn Chúc. (1997). *Xã hội học văn hóa*. Hà Nội: Viện Văn hóa & Văn hóa – Thông tin. Tr. 150.

quát của nhiều người, được nhiều người tham gia nhất, ở mọi nơi và mọi thời kỳ lịch sử, đó là những giá trị nhân bản (đã là người thì đều mong muốn), như no ấm, hạnh phúc, hòa bình... (2) Là cái cần thiết nhất cho xã hội, như tính thống nhất chính trị, lòng dân yên... (3) Là cái quan trọng nhất đối với lợi ích cá nhân lẫn tập thể, như an ninh, giàu có, hạnh phúc... Giá trị phụ thuộc/cục bộ là sự thể hiện giá trị chính yếu/cơ bản trong từng điều kiện cụ thể, như “nhân” là một giá trị chính yếu, khi ứng vào điều kiện cụ thể là cha và con, nó trở thành phụ tử tử hiếu (cha hiền con hiếu)...

Nhiều nhà khoa học nghiên cứu về văn hóa đều có những điểm chung, cho rằng: giá trị là cột trụ, là yếu tố cốt lõi của văn hóa...; văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị...; văn hóa là toàn bộ các giá trị...; đồng thời, xem chân, thiện, mỹ (cái thật, cái tốt, cái đẹp) là những giá trị phổ quát/cơ bản của văn hóa; cả ba giá trị phổ quát này mặc dù mỗi giá trị có những ý nghĩa độc lập, song giữa chúng cũng có mối tương quan, đan xen, hỗ trợ nhau, như cái thật chỉ trở thành cái đẹp khi nó gắn liền với cái tốt, cái tốt làm cho cái thật và cái đẹp được tôn lên, cái đẹp trước hết phải là cái thật và cái tốt.

Giá trị văn hóa là kết quả của hoạt động có ý thức – hoạt động sáng tạo của con người. Các giá trị văn hóa phổ quát/thiết yếu/cơ bản có ý nghĩa rộng, chung đối với

cả nhân loại thì ít có sự tương xung với nhau khi đặt vào các vai trò xã hội. Song, các giá trị văn hóa mang tính phụ thuộc/bộ phận/riêng biệt thì không phải lúc nào, ở đâu và với vai trò xã hội nào cũng đạt được sự tương hợp. Bởi lẽ, văn hóa không nhất thành bất biến, văn hóa thống nhất trong đa dạng cho nên có sự tương xung hay không tương hợp giữa các vai trò xã hội trong các giá trị văn hóa cũng là điều dễ hiểu; trong những trường hợp này cần đưa các giá trị văn hóa đó vào hệ tọa độ văn hóa cụ thể để xem xét (hệ tọa độ văn hóa gồm ba tọa độ là: chủ thể văn hóa, không gian văn hóa, thời gian văn hóa), bên cạnh đó phải đặt các giá trị cục bộ phục tùng các giá trị căn bản.

Có thể thấy, mỗi sản phẩm do con người sáng tạo ra đều chứa đựng những giá trị nhất định. Song, giá trị đó có được xem là giá trị văn hóa hay không thì còn tùy thuộc vào hệ tọa độ văn hóa cụ thể mà nó được sinh ra và tồn tại. Như vậy, giá trị văn hóa vừa mang tính chủ quan của người sáng tạo và sử dụng; đồng thời vừa mang tính khách quan do hoàn cảnh, không gian, thời gian và những chuẩn mực xã hội quy định. Giá trị văn hóa cũng mang tính định hướng và chịu sự chi phối nhất định của chế độ xã hội; gắn với những mục tiêu, quy ước, lý tưởng của lợi ích xã hội; các yêu cầu của Đảng

và Nhà nước; đó chính là những định hướng phát triển toàn diện về văn hóa và nhân cách, tâm hồn con người Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử xã hội cụ thể.

Diễn đạt của các khái niệm văn hóa tuy có khác nhau nhưng tựu trung có thể thấy giữa chúng có những điểm tương đồng sau: văn hóa là đặc trưng các hoạt động của con người và tính giá trị như là bản chất của các hoạt động văn hóa. Văn hóa là hoạt động sáng tạo của con người trong thực tiễn. Chính nhờ hoạt động thực tiễn mà cái “nhân tạo” được hình thành. Nói cách khác, bằng hoạt động thực tiễn của mình, con người đã sáng tạo để cái tự nhiên biến thành cái văn hóa – đó chính là những giá trị văn hóa.

b. Văn hóa là lĩnh vực hoạt động tinh thần

Phân chia một cách tương đối, con người có hai nhóm nhu cầu cơ bản, đó là nhóm nhu cầu vật chất (như ăn, ở, mặc, đi lại, công cụ lao động, phương tiện chiến đấu...) và nhóm nhu cầu tinh thần (khoa học, đạo đức, thẩm mỹ, tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục, lễ hội...). Để thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần của mình, con người phải tiến hành thực hiện các hoạt động sản xuất (làm ra các đối tượng để thỏa mãn nhu cầu) vật chất và tinh thần. Hoạt động sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần không tồn tại độc lập với nhau mà chúng

có mối quan hệ hữu cơ với nhau, đồng thời tồn tại trong hoạt động thực tiễn của con người.

Văn hóa tinh thần²: là hoạt động và sản phẩm của bộ óc con người (hoạt động trí óc sản sinh ra tri thức, tư tưởng, tình cảm...) trong quá trình nhận thức, ứng xử với thế giới tự nhiên, xã hội và con người, nhằm chiếm lĩnh, đồng hóa hiện thực hoặc sáng tạo ra những sản phẩm, những giá trị tinh thần hay vật chất để đáp ứng các nhu cầu sống của cá nhân và cộng đồng. Văn hóa tinh thần thường quy tụ lại ở những quan niệm thuộc lĩnh vực nhận thức như: chân, thiện, mỹ; tín ngưỡng, tôn giáo; nghĩa vụ, bổn phận công dân, gia đình, cộng đồng, xã hội; tình cảm cá nhân, gia đình, xã hội; phong tục, tập quán, lễ nghi... Văn hóa tinh thần chỉ gắn bó với đời sống xã hội của con người; là nguồn năng lượng để phát triển cá nhân và cộng đồng; là mục tiêu vươn tới của xã hội văn minh; là hệ giá trị định hướng và điều tiết sự vận động xã hội và cá nhân; là môi trường nuôi dưỡng, xây dựng hoặc hủy hoại nhân cách.

Sách “Văn hóa Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn” của Trần Thị Kim Cúc³ đã viết:

² Nguyễn Nghĩa Trọng. (2003). *Văn hóa văn nghệ trong đổi mới (Những vấn đề lý luận và thực tiễn)* Đại học Sư phạm. Tr. 10-13,18, 19.

³ Dẫn theo Trần Thị Kim Cúc. (2014). *Văn hóa Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia – Sự thật. Tr. 113.

Báo Cứu quốc, số ra ngày 8/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan niệm về lĩnh vực văn hóa như sau: *“Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần chú ý, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng văn hóa là một kiến trúc thượng tầng”*. Cùng với việc xác định bốn lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa đều phải coi trọng ngang nhau, Hồ Chí Minh chỉ rõ kinh tế là thuộc về cơ sở hạ tầng, là nền tảng của việc xây dựng văn hóa, xây dựng kiến trúc thượng tầng. Từ quan niệm này của Hồ Chí Minh, có thể hiểu rằng, Người coi đời sống văn hóa là đời sống tinh thần.

Tiếp nối tư tưởng của Hồ Chí Minh về văn hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện nhất quán quan điểm về văn hóa trong các Nghị quyết của mình như sau:

Nghị quyết số 05-NQ/TW (28/11/1987)⁴:

Văn hóa là nhu cầu thiết yếu trong đời sống tinh thần của xã hội, thể hiện trình độ phát triển chung của một đất nước, một thời đại, là lĩnh vực sản xuất tinh thần tạo ra những giá trị văn hóa, những công trình nghệ thuật được lưu truyền từ đời này sang đời khác, làm giàu đẹp

⁴ Bộ Chính trị. (1987). Nghị quyết số 05-NQ/TW *Về đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*. Hà Nội: BCHTW.

thêm cho cuộc sống con người.

Nghị quyết số 03/NQ-TW (16/7/1998)⁵:

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Chăm lo văn hoá là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hoá, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hoá là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hoá phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật, kỷ cương,... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển.

Nghị quyết số 33/NQ-TW (09/6/2014)⁶:

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa

⁵ Đảng CSVN. (1998). Nghị quyết số 03/NQ-TW *Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Hà Nội: BCHTW.

⁶ Đảng CSVN. (2014). Nghị quyết số 33/NQ-TW *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Hà Nội: BCHTW.

phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Nhiều nhà khoa học tiếp cận văn hóa ở những khía cạnh khác nhau, cũng có những điểm tương quan khi xem văn hóa là lĩnh vực thuộc tinh thần.

Nhà nghiên cứu văn hóa người Pháp Abraham Moles đã viết⁷:

Văn hóa là bình diện tinh thần của môi trường nhân tạo, do con người xây dựng nên trong tiến trình đời sống xã hội của mình.

Nhà nghiên cứu kinh tế học văn hóa Lê Ngọc Tông quan niệm⁸:

Văn hóa là hệ thống hữu cơ các giá trị tinh thần mà con người sáng tạo ra, phổ biến, lưu truyền, trao đổi, sử dụng trong hoạt động thực tiễn nhằm đáp ứng nhu cầu

⁷ Dẫn theo Trần Thị Kim Cúc. (2014). *Văn hóa Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia – Sự thật. Tr. 113.

⁸ Lê Ngọc Tông. (2004). *Một số nghiên cứu bước đầu về kinh tế học văn hóa*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia. Tr. 29.

tinh thần và vật chất của con người và xã hội.

Xem văn hóa là lĩnh vực hoạt động tinh thần, thì hoạt động văn hóa chính là hoạt động sản xuất tinh thần, tạo ra các tác phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa của con người.

Theo Hoàng Vinh⁹:

Sản xuất vật chất tạo ra những sản phẩm vật chất cho con người tồn tại như một sinh thể, còn sản xuất tinh thần thì tạo ra những tư tưởng, biểu tượng, ý thức thể hiện dưới dạng các sản phẩm văn hóa tinh thần, làm cho con người tồn tại như một sinh thể xã hội, tức là một nhân cách văn hóa.

Quá trình sản xuất tinh thần với các công đoạn sản xuất, bảo quản, phân phối, trao đổi, tiêu dùng các sản phẩm/tác phẩm văn hóa có thể diễn ra lần lượt theo trình tự độc lập từng khâu khi sản phẩm đó mang dạng thức vật thể, cũng có thể các khâu này sẽ đồng thời diễn ra cùng một lúc khi sản phẩm đó hiện ra dưới dạng thức là các hoạt động chương trình sự kiện – phi vật thể.

Sản phẩm văn hóa tinh thần được phân phối trực tiếp qua hành động thể hiện, biểu diễn của người sáng

⁹ Hoàng Vinh. (2007). *Lý luận Văn hóa*. Tập bài giảng. Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 159.

tạo, và gián tiếp thông qua các vật thể là những tác phẩm văn hóa mang tính biểu tượng; được bảo quản thông qua các thiết chế văn hóa, bằng những biện pháp bảo đảm cho chúng tính thường trực lâu dài; được truyền bá không giới hạn về không gian, thời gian.

Việc tiêu dùng, thưởng thức các sản phẩm văn hóa tinh thần cần có thời gian và trình độ nhất định mới có thể thẩm thấu, tri giác được hết các giá trị mang tính biểu tượng của nó. Khi tiêu dùng, lớp vỏ vật chất của sản phẩm văn hóa tinh thần có thể bị hao mòn, nhưng giá trị của sản phẩm văn hóa tinh thần không bị hao mòn, hủy hoại hay mất đi; nó có thể được trao truyền, sáng tạo, nhân rộng và phát triển thêm gấp nhiều lần hơn, một khi đã được công chúng tiêu dùng thừa nhận. Sản phẩm văn hóa tinh thần khác với sản phẩm vật chất thường không mang tính biểu tượng, không trừu tượng hóa (nếu có thì chủ yếu để thực hiện một vài chức năng thực dụng nào đó, chúng không phải là yếu tố quyết định sự tồn tại của sản phẩm vật chất), qua quá trình sử dụng của người tiêu dùng sản phẩm vật chất sẽ hao mòn và đi tới hủy hoại.

Văn hóa thuộc lĩnh vực hoạt động tinh thần, hoạt động văn hóa đóng vai trò chủ lực trong xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của cá nhân và cộng đồng, xã hội. Các hoạt động sáng tạo và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa sẽ phản ánh những giá trị văn hóa cốt lõi được kết tinh

trong đời sống của mỗi cộng đồng xã hội; hội tụ và chuyển giao, bảo tồn và phát triển, điều chỉnh và định hướng lối sống văn hóa của mỗi cá nhân, cộng đồng, xã hội theo hướng ngày càng chân, thiện, mỹ và nhân văn hơn.

1.1.2. Nghệ thuật

a. Nghệ thuật là một hình thái ý thức xã hội đặc thù

Từ điển tiếng Việt¹⁰ của Viện Ngôn ngữ học, định nghĩa:

Nghệ thuật là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt, dùng hình tượng sinh động, cụ thể và gợi cảm để phản ánh hiện thực và truyền đạt tư tưởng, tình cảm.

Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan một cách sáng tạo bởi bộ não con người. Tính sáng tạo của ý thức được thể hiện ra rất phong phú. Trên cơ sở những cái đã có, ý thức có thể tạo ra tri thức mới về sự vật, có thể tưởng tượng ra những cái không có trong thực tế. Ý thức có thể tiên đoán, dự báo về tương lai, có thể tạo ra những ảo tưởng, huyền thoại, những giả thuyết, lý thuyết khoa học hết sức trừu tượng và có tính khái quát cao. Quá trình ý thức là quá trình thống nhất của ba mặt là: (1) trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng phản ánh;

¹⁰ Viện Ngôn ngữ học. (2005). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học. Tr. 676.

(2) mô hình hóa đối tượng trong tư duy dưới dạng hình ảnh tinh thần và (3) chuyển mô hình từ tư duy ra hiện thực khách quan.

Nghệ thuật là một dạng ý thức xã hội của con người. Quá trình ý thức nghệ thuật cũng tuân thủ sự thống nhất của 3 mặt: trao đổi thông tin, tư duy để mô hình hóa thành những hình ảnh tinh thần và chuyển mô hình đó ra hiện thực. Nhưng, nghệ thuật là hình thái ý thức xã hội đặc biệt ở chỗ nó sử dụng tư duy hình tượng để tạo ra những hình ảnh tinh thần – hình tượng nghệ thuật và chuyển những hình tượng nghệ thuật đó ra hiện thực khách quan – là những tác phẩm nghệ thuật. Như vậy, tác phẩm nghệ thuật là những sản phẩm tinh thần, là kết quả của quá trình tư duy hình tượng, trong mối quan hệ tương tác giữa hiện thực khách quan và sự phản ánh sáng tạo của bộ não con người.

Khoa học hiện nay chia tư duy ra làm ba loại: tư duy hành động – trực quan, tư duy khái niệm – logic và tư duy hình tượng – cảm tính.

(1) Tư duy hành động – trực quan: được hình thành từ sự liên hệ trực tiếp với đối tượng, tiếp nhận đối tượng một cách riêng lẻ, cá biệt và không tách rời đối tượng, không chứa đựng ý nghĩa khái quát về đối tượng (tư duy thực tiễn hàng ngày).

(2) Tư duy khái niệm – logic: đi từ những đối tượng cụ thể riêng lẻ để tái hiện khách thể một cách toàn vẹn. Khi đạt tới chân lý, nó tách ra khỏi những đối tượng riêng lẻ ấy, giữ lại cái bản chất, cái khái quát tiêu biểu cho tất cả những hiện tượng cùng loại. Kết quả nhận thức được đúc kết thành các thuật ngữ chuyên môn, các quy luật dưới dạng công thức khái niệm, phạm trù... Đây là tư duy logic (tư duy khoa học).

(3) Tư duy hình tượng – cảm tính: nảy sinh trên cơ sở tiếp xúc trực tiếp với đối tượng, tái hiện đối tượng một cách toàn vẹn, không thoát li đối tượng mà gắn liền với những đặc điểm cụ thể, cá biệt, sinh động về đối tượng, qua đó bộc lộ cái khái quát. Loại tư duy này bao hàm cả thái độ đánh giá chủ quan của chủ thể.

Khác với khoa học sử dụng tư duy khái niệm để suy nghĩ và hoạt động, nghệ thuật dựa trên cơ sở của loại tư duy hình tượng để tái hiện và khái quát cuộc sống, xây dựng nên các hình tượng nghệ thuật. Hình tượng nghệ thuật là sự biểu hiện những quan niệm khái quát về cuộc sống dưới hình thức cụ thể, cảm tính như hình thức của bản thân cuộc sống.

Nghệ thuật phản ánh tất cả những gì mà tự nhiên và cuộc sống xã hội làm cho con người cảm thấy quan tâm, hứng thú. Tất cả những gì mà nghệ thuật phản ánh

đều gắn liền với những quan hệ tình cảm, tâm hồn, đạo đức hay lý tưởng của con người, nó không còn là cái hiện thực nguyên bản mà trở thành cái hiện thực thứ hai của cuộc sống.

Cho tới nay, khái niệm nghệ thuật tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau, có thể quy về hai cách quan niệm phổ biến là: (1) theo nghĩa rộng, nghệ thuật chỉ những hoạt động của con người khi đạt tới một trình độ điều luyện, tinh xảo, đỉnh cao nhất định; (2) theo nghĩa hẹp, nghệ thuật là hoạt động sáng tạo ra cái đẹp, thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Trong cách tiếp cận hẹp, có thể hiểu, nghệ thuật là hoạt động sáng tạo theo quy luật cái đẹp, nhằm mục đích tạo ra các hình tượng nghệ thuật, làm thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người.

b. Nghệ thuật là hiện thân của cái đẹp

Cái đẹp hiện diện khắp nơi trong đời sống tự nhiên, xã hội và con người, khi tiếp xúc với cái đẹp qua các giác quan tai, mắt và tay, con người đạt được cảm giác dễ chịu, khoan khoái, phấn chấn trong lòng. Cái đẹp đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc, nâng đỡ con người trong mọi khó khăn, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua thử thách. Cái đẹp luôn là khát khao vươn tới sự hoàn thiện của con người.

Sách “Mỹ học đại cương” của nhóm tác giả Lê Văn Dương¹¹ đã nêu lên định nghĩa và khái quát một số đặc điểm bản chất của cái đẹp như sau:

Cái đẹp là một phạm trù thẩm mỹ dùng để chỉ một phẩm chất thẩm mỹ của sự vật khi nó phù hợp với quan niệm của con người về sự hoàn thiện và tính lý tưởng, có khả năng gợi lên ở con người một thái độ thẩm mỹ tích cực do sự tác động qua lại giữa đối tượng và chủ thể.

Một số đặc điểm của cái đẹp: (1) Cái đẹp là những cái phù hợp với quan niệm của con người về sự hoàn thiện, hài hòa, cân xứng. (2) Cái đẹp là những cái phù hợp với ước mơ, mong muốn của con người về những cái có tính lý tưởng. (3) Cái đẹp là những cái phù hợp với quan niệm của con người về cái “chân”, cái “thiện”.

Cái đẹp trong nghệ thuật là sự phản ánh một cách chân thực những cái đẹp của cuộc sống, nhưng không đồng nhất với cái đẹp trong tự nhiên cũng như trong các sản phẩm vật chất do con người sáng tạo ra. Cái đẹp trong nghệ thuật mang hai đặc tính cơ bản là tính điển hình và tính biểu cảm.

(1) Tính điển hình: trong cuộc sống tự nhiên, xã hội và con người có rất nhiều cái đẹp, những cái đẹp trong

¹¹ Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân. (2011). *Mỹ học đại cương*. Đà Nẵng: Giáo dục Việt Nam. Tr. 77,78,83.

hiện thực đó khi đi vào tác phẩm nghệ thuật phải trải qua quá trình diễn hình hóa của người nghệ sĩ, làm cho cái đẹp trở nên hoàn chỉnh, diễn hình và hấp dẫn hơn. Quá trình diễn hình hóa là sự gọt nhặt, chắt lọc, tinh luyện để tạo ra cái đẹp mới, cái đẹp mới chứa đựng những nét chủ yếu, bản chất, tiêu biểu cho những cái đẹp cùng loại trong cuộc sống. Cái đẹp mới không phải là cái đẹp thật trong cuộc sống mà là cái hiện thực thứ hai của cuộc sống được phản ánh lại theo tư duy hình tượng, theo quy luật cái đẹp, theo lý tưởng của người nghệ sĩ. Như vậy, nghệ thuật có thể làm biến đổi giá trị của sự vật, làm cho những cái chưa đẹp trở thành cái đẹp, cái đã đẹp trở nên đẹp hơn, tạo nên muôn hình vạn trạng những cái đẹp mới mẻ, khác thường kích thích khoái cảm thẩm mỹ của con người.

(2) Tính biểu cảm: là sự bộc lộ thái độ, cảm xúc, tình cảm của người nghệ sĩ trong tác phẩm của mình (ngụ tình). Tác phẩm nghệ thuật là những cái đẹp có mục đích, có dụng ý của người nghệ sĩ, cho nên nó chứa đựng cả hai yếu tố nội dung và hình thức. Giữa nội dung và hình thức trong tác phẩm nghệ thuật có mối quan hệ hữu cơ với nhau, sự thay đổi của yếu tố này sẽ dẫn tới sự ảnh hưởng đối với yếu tố kia. Trong khi đối với cái đẹp của tự nhiên hay sản phẩm vật chất thông thường khác, sự thay đổi về hình thức như màu sắc, hình dáng

có thể sẽ không làm thay đổi nội dung, công năng của nó, vì hình dáng, màu sắc của chúng không mang tính nội dung. Trong tác phẩm nghệ thuật, hình thức biểu đạt nội dung và không có nội dung nào không được chuyển tải bằng một hay nhiều hình thức, cái đẹp hình thức trong tác phẩm nghệ thuật nói lên một nội dung mang ý nghĩa nào đó.

Như vậy, giá trị của tác phẩm nghệ thuật/cái đẹp phụ thuộc nhiều vào tài năng, cá tính sáng tạo và thế giới tinh thần của người nghệ sĩ tạo ra nó; điều này đòi hỏi ở người nghệ sĩ không chỉ thị hiếu, năng khiếu mà còn là cả sự giáo dục về nghệ thuật.

c. Tác phẩm nghệ thuật là những hình tượng nghệ thuật

Có thể hiểu hình tượng theo nghĩa rộng, là phương thức phản ánh hiện thực của tất cả các loại hình nghệ thuật, trong sự khu biệt nghệ thuật với các hình thái ý thức khác. Theo nghĩa hẹp, hình tượng chủ yếu dùng để chỉ các nhân vật trong tác phẩm nghệ thuật; các sự vật – hiện tượng của cuộc sống cũng là hình tượng nghệ thuật khi nó biểu hiện quan niệm nào đó về con người hay cuộc sống.

Mỗi hình tượng nghệ thuật đều có mục đích và được chuyển tải qua những phương tiện cụ thể. (1) Mục đích

của hình tượng nghệ thuật là sự truyền đạt những tình cảm, cảm xúc, qua đó gửi gắm những thông tin về cuộc sống, những quan niệm, tư tưởng về đời sống của người sáng tạo tới người hưởng thụ nghệ thuật; còn người hưởng thụ thì thông qua những biểu hiện cụ thể của hình tượng nghệ thuật mà khám phá ra chân lý về đời sống. (2) Phương tiện nghệ thuật là những vật chất biểu hiện cụ thể như: ngôn ngữ, âm thanh, hình ảnh, màu sắc, chất liệu... Hình tượng nghệ thuật phải được “vật chất hóa” bằng những vật liệu cụ thể để biến cái mô hình tinh thần thành cái cụ thể - tác phẩm nghệ thuật.

Hình tượng nghệ thuật có những đặc trưng cơ bản như: tính khái quát, tính thống nhất (giữa hai mặt chủ quan và khách quan, giữa lý trí và tình cảm) và tính ước lệ.

(1) Tính khái quát: là sự bộc lộ cái chung qua cái riêng.

Hình tượng nghệ thuật tái hiện cuộc sống từ những hiện tượng cá thể, riêng biệt trong sự thâm nhập vào nhau giữa các thuộc tính chung phổ biến với cái riêng độc đáo. Quá trình khái quát cái chung, hình tượng nghệ thuật không làm mất đi vẻ tồn tại tự nhiên, sinh động, đa dạng của sự vật, hiện tượng; mà nó đồng thời vừa mang những đặc điểm bản chất đại diện cho các sự vật, hiện tượng được khái quát, vừa mang những dấu hiệu cụ thể, cá biệt, không lặp lại ở những sự vật, hiện tượng khác.

Hình tượng nghệ thuật không phải là một hệ thống luận cứ và suy diễn logic mà là những hình tượng cụ thể, sinh động có thể cảm thụ một cách trực tiếp. Khoa học cũng mang tính khái quát, nhưng khoa học tách những thuộc tính chung, chủ yếu, điển hình của các hiện tượng ra khỏi đặc điểm cụ thể, riêng lẻ để đúc kết thành các quy luật chung mang tính khái quát dưới dạng các công thức, khái niệm, phạm trù. Trong khi đó, nghệ thuật tái hiện những hiện tượng mang tính cá thể, riêng biệt để khái quát nên những chân lý chung của cuộc đời.

(2) Tính thống nhất: là sự bộc lộ cái này trong cái kia.

Thống nhất giữa khách quan và chủ quan: trong hình tượng nghệ thuật, hai yếu tố chủ quan và khách quan thấm vào nhau không tách rời. Hiện thực cuộc sống mà người nghệ sĩ phản ánh trong các hình tượng nghệ thuật là cái khách quan, tồn tại bên ngoài bản thân người nghệ sĩ. Nhưng phản ánh ai, cái gì và phản ánh như thế nào là hoàn toàn tùy thuộc vào cái chủ quan của người nghệ sĩ; có nghĩa là nó phụ thuộc vào mục đích và cách thức lựa chọn phương tiện/vật liệu để phản ánh của người nghệ sĩ. Cùng một hiện thực khách quan, nhưng hình tượng nghệ thuật sẽ không như nhau giữa những người nghệ sĩ sáng tạo, điều này càng thể hiện rõ hơn tính chủ quan, cảm tính và sự chi phối của các yếu tố lý

tưởng, quan điểm, thái độ tình cảm, khả năng sáng tạo của người nghệ sĩ. Cho nên, hình tượng nghệ thuật không chỉ phản ánh hiện thực mà còn là sự thể hiện thái độ chủ quan của người nghệ sĩ với hiện thực đó. Tác phẩm nghệ thuật là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, nhưng không phải là sự biểu hiện “cái tôi” của chính mình, mà tác phẩm nghệ thuật có giá trị, ý nghĩa xã hội khi đó là sự phản ánh chính cái thực tại khách quan, trong mối tương quan với trí tuệ và tình cảm của người nghệ sĩ; nó hoàn toàn không phải là sự sao chép nguyên bản trở lại cái thực tại và càng không phải là sự tách bạch, rạch rời cái chủ quan của người nghệ sĩ trong các hình tượng nghệ thuật đó.

Thống nhất giữa lý trí và tình cảm: hình tượng nghệ thuật là sản phẩm tinh thần, cho nên nó gắn liền với tư tưởng con người, tư tưởng con người gắn liền với tình cảm và cảm xúc. Tình cảm con người có những cung bậc cảm xúc khác nhau như vui, buồn, ghét, thương, giận dữ, sung sướng, khổ đau... mỗi hình tượng đều chứa đựng trong nó những cung bậc cảm xúc khác nhau (tình cảm) và hẳn nhiên sau mỗi tình cảm đó là một sự lý giải (lý trí) điều gì dẫn tới những cảm xúc đó.

Tình cảm thường là yếu tố khởi nguồn cho cảm xúc sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ, nó như là nhu

cầu được chia sẻ, giải bày những nỗi niềm cảm xúc của mình, thôi thúc người nghệ sĩ dệt nên những hình tượng nghệ thuật, tìm kiếm sự đồng cảm, sẻ chia từ người thưởng thức, hưởng thụ văn hóa nghệ thuật. Song, theo nhóm tác giả Lê Văn Dương¹², tình cảm trong nghệ thuật là một thứ tình cảm có lý tính, nghĩa là:

Tình cảm trong nghệ thuật không đồng nhất với những cảm xúc có tính cảm tính, nhất thời, ngẫu nhiên trong cuộc sống hàng ngày, bởi đó là tình cảm đã được ý thức trên cấp độ xã hội, đã được soi sáng bằng một lý tưởng xã hội. Vì vậy, nó mang tính khái quát và có ý nghĩa đối với mọi người. Điều đó cũng có nghĩa là, những cảm xúc, tình cảm trong nghệ thuật là những tình cảm có lý tính, là những tình cảm đã được suy xét, đánh giá bằng lý trí.

Lý trí là một thứ năng lực trí tuệ, có được do sự nhận thức sâu sắc về cuộc sống dựa trên một lý tưởng xã hội tiến bộ; nhận thức lý trí dựa trên sự khả năng phán đoán, suy xét, tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng, tỉnh táo để hình thành nên thế giới quan cho người nghệ sĩ. Lý trí, giúp người nghệ sĩ phát hiện, nắm bắt một cách tinh tế bản chất của cuộc sống ở tầm khái quát nhất, hiểu rõ những

¹² Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân. (2011). *Mỹ học đại cương*. Đà Nẵng: Giáo dục Việt Nam. Tr. 156,157.

quy luật logic, khách quan bên trong mỗi sự vật hiện tượng, làm cơ sở cho sự lựa chọn những chi tiết, hình ảnh cụ thể, sinh động xây dựng các hình tượng nghệ thuật đạt tính đặc trưng, điển hình cao.

Hình tượng nghệ thuật xuất phát từ tình cảm, tình cảm nghệ thuật được kiểm nghiệm thông qua lý trí sẽ giúp cho tác phẩm nghệ thuật có khả năng tác động đến công chúng một cách sâu sắc cả lý trí lẫn tình cảm. Quá thiên về yếu tố lý trí hoặc là tình cảm sẽ dẫn tới sự xơ cứng, khô khan hoặc là mềm yếu, ủy mị của tác phẩm nghệ thuật, cả hai đều làm hạn chế sức thuyết phục của một hình tượng nghệ thuật.

(3) Tính ước lệ: là sự vừa giống vừa không giống.

Ước lệ là sự hư cấu thông qua trí tưởng tượng của người nghệ sĩ. Hoạt động ước lệ là sự xê dịch mức độ chính xác của hiện thực cuộc sống; hợp nhất khoảng cách giữa các sự vật, hiện tượng lại với nhau; liên hợp những biến cố rời rạc lại với nhau; kết hợp vạn vật lại với nhau theo một trật tự khác. Sự ước lệ phải đảm bảo tính chân thực, không xuyên tạc bản chất đời sống; làm cho sự phản ánh cuộc sống trở nên chân thực và rõ nét hơn, sinh động và hấp dẫn hơn, phong phú và đa dạng hơn.

Nhờ tính ước lệ mà hình tượng nghệ thuật có thể khái quát một phạm vi rộng lớn của cuộc sống, nhưng

vẫn giữ được tính toàn vẹn, hoàn chỉnh, sinh động vốn có của nó. Phản ánh chân thực cuộc sống nhưng không phải là bản thân sự thật trong cuộc sống được sao chép, chụp ảnh lại một cách rập khuôn, máy móc mà là sự tái hiện một cách sáng tạo hiện thực cuộc sống theo những lý tưởng thẩm mỹ tích cực, có ý nghĩa.

Hình tượng nghệ thuật là bản chất, là kết quả và cũng là mục đích của hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Đặc trưng của hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất biện chứng giữa các mặt đối lập, đó là: sự khái quát giữa cái chung và cái riêng, sự thống nhất giữa lý trí và tình cảm, sự vừa giống vừa không giống sự thật. Hình tượng nghệ thuật chứa đựng những thông tin về đời sống, đem lại nhiều cách hiểu khác nhau về cuộc đời, làm cho tác phẩm nghệ thuật trở nên đa nghĩa (mỗi hình tượng như là một ẩn số và không có lời giải cuối cùng về ý nghĩa) – khác biệt với sản phẩm khoa học.

d. Đặc trưng ngôn ngữ một số loại hình nghệ thuật

Ngôn ngữ nghệ thuật

Ngôn ngữ nghệ thuật là phương tiện để mỗi loại hình nghệ thuật bộc lộ hình tượng nghệ thuật, mỗi loại hình nghệ thuật có một kiểu ngôn ngữ riêng, mỗi kiểu ngôn ngữ nghệ thuật đều là một chỉnh thể thống nhất hài hòa giữa hai yếu tố nội dung và hình thức.

Nội dung của tác phẩm nghệ thuật là thế giới quan, lý trí, tình cảm của tác giả về hiện thực cuộc sống thông qua những hình ảnh cụ thể, sinh động do sự hư cấu, tưởng tượng mà ra. Có thể thấy, nội dung cơ bản của tác phẩm nghệ thuật bao gồm: đề tài – đối tượng phản ánh, miêu tả (hiện thực cuộc sống và cả thế giới tưởng tượng của con người); chủ đề – những khía cạnh quan trọng, chủ yếu của đời sống mà tác giả quan tâm, muốn tái hiện, giải thích, bày tỏ thái độ, và chú ý tô đậm, khắc sâu, làm nổi bật chúng; ý nghĩa tư tưởng – sự phản xử các hiện tượng của đời sống, là sự khẳng định hay phủ định, ca ngợi hay phê phán xuất phát từ thế giới quan và lý tưởng thẩm mỹ; đó chính là ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm, là cấp độ biểu hiện cao nhất của nội dung trong một chỉnh thể tác phẩm. Nội dung của tác phẩm được biểu hiện qua hình tượng nghệ thuật, được người tiếp nhận tự tổng hợp và khái quát nên thông qua hình thức nghệ thuật cụ thể của tác phẩm.

Hình thức nghệ thuật là phương diện tạo hình và biểu hiện để bộc lộ nội dung của tác phẩm; nó bao gồm một chỉnh thể thẩm mỹ với các yếu tố như: vật liệu (gỗ, đá, giấy, mực...); phương tiện (ngôn ngữ, màu sắc, âm thanh, nhịp điệu, thời gian, không gian...); thể loại (vở diễn, bộ phim, chương trình...); phương pháp (bố cục, kết cấu...); thủ pháp/biện pháp (tu từ, lắp ghép, minh họa,

tượng trưng...). Tất cả các yếu tố này có sự tác động lẫn nhau, được tổ chức thành một chỉnh thể thống nhất, cùng bộc lộ nội dung của tác phẩm. Mỗi loại hình/tác phẩm nghệ thuật sẽ có một hình thức phù hợp để bộc lộ nội dung, nội dung sẽ quy định các yếu tố hợp thành của hình thức tác phẩm nghệ thuật.

Có thể thấy, nội dung và hình thức nghệ thuật không phải là cái có sẵn, là mô hình để sáng tạo hình tượng nghệ thuật; mỗi nội dung sẽ có một hình thức tương ứng để chuyển tải và mỗi hình thức sẽ phù hợp với một nội dung nhất định. Việc xác lập nội dung và lựa chọn hình thức phụ thuộc vào thế giới quan, lý tưởng thẩm mỹ của mỗi tác giả khác nhau. Hình thức là phương tiện bộc lộ nội dung, còn nội dung cũng chỉ bộc lộ thông qua một hình thức cụ thể, xác định; giữa nội dung và hình thức có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng với nhau, chúng xuyên thấm và chuyển hóa lẫn nhau để tác phẩm nghệ thuật trở thành một chỉnh thể nguyên hợp.

Đặc trưng ngôn ngữ một số loại hình nghệ thuật

(1) Nghệ thuật ngôn từ: văn học là loại hình nghệ thuật sử dụng phương tiện ngôn ngữ (ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết) để xây dựng nên các hình tượng nghệ thuật. Văn học tác động đến trí tuệ, tình cảm con người thông qua phương thức đọc các hình tượng phi vật thể.

Với lợi thế của phương tiện ngôn từ, văn học có thể phản ánh mọi phương diện của đời sống, từ cái cụ thể đến trừu tượng, từ cái hữu hình đến vô hình, từ chiều rộng của không gian đến chiều dài của thời gian, tái hiện trực tiếp tư duy/cảm xúc của con người, vượt qua mọi khoảng cách không gian để đến với mọi người.

(2) Nghệ thuật tạo hình: hội họa, điêu khắc là hai loại hình nghệ thuật sử dụng các phương tiện như màu sắc, đường nét, mảng khối và các chất liệu tự nhiên và nhân tạo (đất, đá, gỗ, thạch cao, bột màu, sơn, mực...) để tái tạo cuộc sống. Hội họa, điêu khắc dựng nên các hình tượng nghệ thuật là những tương quan vật thể trong không gian nên cũng có cách gọi khác là nhóm nghệ thuật không gian. Sản phẩm của hội họa là tranh trên mặt phẳng. Sản phẩm của điêu khắc là tượng trong không gian ba chiều. Nghệ thuật tạo hình tác động đến trí tuệ, tình cảm con người thông qua phương thức nhìn/xem các tranh, tượng.

(3) Nghệ thuật biểu hiện: âm nhạc và múa là hai loại hình nghệ thuật biểu hiện cơ bản; âm nhạc sử dụng âm thanh (cao độ, cường độ, tốc độ) và múa sử dụng sự chuyển động cơ thể (động tác, điệu bộ, hình dáng, đội hình) làm phương tiện để xây dựng hình tượng nghệ thuật. Âm thanh và sự chuyển động của cơ thể có chọn

lọc, trau chuốt kết hợp, vận động và phát triển theo thời gian sẽ tạo nên cảm xúc và nội dung biểu hiện của âm nhạc và múa. Nghệ thuật âm nhạc và múa có điểm chung là các hình tượng nghệ thuật này diễn ra trong một khoảng thời gian được quy ước, nên còn có cách gọi khác là nhóm nghệ thuật thời gian. Hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm âm nhạc và múa mang tính trừu tượng, ước lệ; tác động đến người thưởng thức qua nghe và nhìn trên cơ sở sự liên tưởng, tưởng tượng.

(4) Nghệ thuật tổng hợp: sân khấu, điện ảnh, chương trình nghệ thuật tổng hợp (nghệ thuật tạp kỹ) là các loại hình nghệ thuật tổng hợp, sử dụng đồng thời nhiều phương tiện nghệ thuật của các loại hình nghệ thuật khác nhau trong xây dựng hình tượng nghệ thuật; cùng có chung ngôn ngữ đặc trưng là hành động (hoạt động, hoàn cảnh, mục đích). Song điểm khác biệt ở chỗ, “điện ảnh là loại hình nghệ thuật tổng hợp thể hiện bằng hình ảnh động, kết hợp với âm thanh, được ghi trên vật liệu bằng phim nhựa, băng từ, đĩa từ và các vật liệu ghi hình khác để phổ biến đến công chúng thông qua các phương tiện kỹ thuật”¹³. Trong khi, sân khấu và chương trình nghệ thuật tạp kỹ là những loại hình nghệ thuật tổng hợp, được thể hiện bằng sự sáng tạo của nghệ sĩ

¹³ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh* (2009). Hà Nội. Tr.1.

trên sân khấu trước sự hưởng thụ và sáng tạo trực tiếp của khán giả. Hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh, chương trình nghệ thuật tổng hợp (nghệ thuật tạp kỹ) cũng mang tính trừu tượng, ước lệ; tác động đến người thưởng thức qua nghe và nhìn trên cơ sở sự liên tưởng, tưởng tượng.

(5) Nghệ thuật ứng dụng: nghệ thuật trang trí, điêu khắc là hai loại hình nghệ thuật ứng dụng cơ bản; nhóm nghệ thuật này vừa là lĩnh vực sản xuất tinh thần vừa là lĩnh vực sản xuất vật chất; sản phẩm nghệ thuật ứng dụng vừa chứa đựng giá trị nghệ thuật/thẩm mỹ vừa có giá trị sử dụng/thực dụng. Loại hình nghệ thuật trang trí – thực dụng thường sử dụng hình ảnh và hoa văn trang trí để tạo hình trên các vật phẩm, công trình kiến trúc..., trong mỗi hoa văn hay hình ảnh trang trí cũng hàm chứa trong đó những nội dung, ý nghĩa nhất định. Loại hình nghệ thuật kiến trúc, vừa mang tính thực dụng vừa có tính thẩm mỹ, đáp ứng không chỉ các nhu cầu sinh hoạt sống thuần túy của con người mà còn cả nhu cầu được sống trong một điều kiện vật chất, tinh thần luôn vươn tới các giá trị thẩm mỹ.

Có thể thấy, mỗi loại hình nghệ thuật đều đồng thời chứa đựng trong nó những chức năng khác nhau, tùy thuộc vào mục đích, nhu cầu của con người mà chức năng nào sẽ hiện diện và trở nên có giá trị; bởi thực chất,

mọi hoạt động sáng tạo đều bắt đầu xuất phát từ chính nhu cầu, mục đích của con người.

1.1.3. Hoạt động văn hóa nghệ thuật

Từ cách tiếp cận văn hóa và nghệ thuật như trên, chúng tôi đưa ra một quan niệm về hoạt động văn hóa nghệ thuật như sau: **Hoạt động văn hóa nghệ thuật là quá trình con người sử dụng hệ thống ký hiệu biểu tượng để sáng tạo, tổ chức và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa nghệ thuật, đáp ứng nhu cầu văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.**

Theo đó, hoạt động văn hóa nghệ thuật có các đặc tính sau:

- Hoạt động văn hóa nghệ thuật là quá trình sản xuất tinh thần bao gồm các hoạt động sáng tạo, tổ chức và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa nghệ thuật. Phân chia một cách tương đối có thể thấy, các hoạt động sản xuất, phân phối, bảo quản thuộc về yếu tố *cung* còn các hoạt động trao đổi, tiêu dùng thuộc về yếu tố *cầu*. Theo đó, hoạt động văn hóa nghệ thuật là quá trình các chủ thể cung (nhà nước, tư nhân và cộng đồng xã hội) sáng tạo/sản xuất ra các sản phẩm văn hóa nghệ thuật và tổ chức phân phối/bảo quản các sản phẩm đó, để đáp ứng

nhu cầu trao đổi/tiêu dùng văn hóa cho toàn thể người dân, cộng đồng, xã hội.

- Sản phẩm văn hóa nghệ thuật là các tác phẩm văn hóa có cấu trúc gồm hai thành tố bề mặt và chiều sâu. Cấu trúc bề mặt là hình thức và nội dung các chương trình văn hóa nghệ thuật, chủ yếu sử dụng hệ thống ký hiệu biểu tượng (tư duy hình tượng). Cấu trúc chiều sâu là hệ thống các giá trị và chuẩn mực văn hóa, định hướng và điều chỉnh quá trình sáng tạo, tổ chức và hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của con người.

- Mục đích của hoạt động văn hóa nghệ thuật là đáp ứng nhu cầu văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.

Tham khảo hoạt động văn hóa nghệ thuật của thiết chế trung tâm văn hóa, có thể thấy, tuyên truyền, giáo dục, giải trí là những mục đích cơ bản, chủ yếu trong hoạt động của các thiết chế này. Tương ứng với các mục đích này, nhận thấy hoạt động văn hóa nghệ thuật của trung tâm văn hóa hiện nay có những loại sau:

(1) Các hoạt động văn hóa nghệ thuật nhằm mục đích tuyên truyền (phổ biến thông tin để nhớ, để hiểu, tạo lòng tin): trang trí cổ động trực quan, triển lãm, giới thiệu, tuyên truyền miệng, tuyên truyền lưu động...

(2) Các hoạt động văn hóa nghệ thuật nhằm mục đích giáo dục (cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng, xây dựng thái độ): giảng dạy, báo cáo chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ, đội, nhóm năng khiếu nghệ thuật...

(3) Các hoạt động văn hóa nghệ thuật nhằm mục đích giải trí (giải tỏa căng thẳng trí não, tạo sự vui thú, khoái cảm thẩm mỹ): sáng tác, dàn dựng, biểu diễn, trò chơi, liên hoan, hội thi, hội diễn, lễ hội văn hóa nghệ thuật...

Hầu hết các hoạt động văn hóa nghệ thuật này đều sử dụng các phương tiện nghệ thuật để tạo tác. Mỗi dạng thức hoạt động có thể tồn tại độc lập một mục đích chủ đạo; nhưng cũng có thể tương tác, bổ sung cho nhau đồng thời thực hiện nhiều mục đích; ví dụ sinh hoạt câu lạc bộ nghệ thuật vừa là để học tập, nâng cao hiểu biết và khả năng thực hành nghệ thuật, đồng thời cũng để sáng tạo và hưởng thụ nghệ thuật nhằm mục đích giải trí. Có thể căn cứ vào đặc trưng các phương tiện nghệ thuật để phân chúng thành các thể loại như sau:

(1) Nhóm hoạt động văn hóa nghệ thuật ứng dụng đặc trưng nghệ thuật ngôn từ: viết bài cảm nhận, viết bài tuyên truyền, viết bài thuyết trình, viết bài nói chuyện chuyên đề, sáng tác văn học (văn, thơ, kịch), tuyên truyền miệng, dẫn chương trình, đọc phát thanh, tuyên truyền giới thiệu sách, báo cáo chuyên đề, tọa đàm, thuyết trình, diễn giảng,...

(2) Nhóm hoạt động văn hóa nghệ thuật ứng dụng đặc trưng nghệ thuật tạo hình: trang trí cổ động trực quan, trang trí khánh tiết, trang trí sân khấu, triển lãm, trưng bày, sắp đặt nghệ thuật, trang điểm, hóa trang, thiết kế mỹ thuật trang phục, thiết kế mỹ thuật đạo cụ, thiết kế mỹ thuật cảnh trí sân khấu, sáng tác mỹ thuật (tranh, ảnh, tượng),...

(3) Nhóm hoạt động văn hóa nghệ thuật ứng dụng đặc trưng nghệ thuật biểu hiện: biểu diễn âm nhạc, biểu diễn múa, sáng tác âm nhạc, sáng tác múa, dàn dựng tiết mục/chương trình âm nhạc, biên đạo tiết mục/chương trình múa, sáng tác/dàn dựng/biểu diễn các tiết mục/chương trình ca múa nhạc,...

(4) Nhóm hoạt động văn hóa nghệ thuật ứng dụng đặc trưng nghệ thuật tổng hợp: sáng tác/dàn dựng/biểu diễn các vở diễn sân khấu (kịch hát, kịch nói, kịch hình thể, kịch múa, nhạc kịch), sáng tác/dàn dựng/biểu diễn các chương trình văn hóa nghệ thuật tổng hợp, sáng tác/dàn dựng/biểu diễn/ghi hình/trình chiếu các bộ phim,...

Theo đó, có thể thấy sản phẩm của các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong hệ thống trung tâm văn hóa có thể tồn tại ở hai dạng cơ bản là: (1) dạng vật thể, bao gồm các sản phẩm thuộc nhóm hoạt động ứng dụng đặc

trung nghệ thuật ngôn từ và nghệ thuật tạo hình; (2) dạng phi vật thể, bao gồm các sản phẩm thuộc nhóm hoạt động ứng dụng đặc trưng nghệ thuật biểu hiện và nghệ thuật tổng hợp.

- Phương tiện của hoạt động văn hóa nghệ thuật là sử dụng đặc trưng ngôn ngữ hình tượng của các loại hình nghệ thuật.

Hoạt động văn hóa nghệ thuật là một loại hoạt động văn hóa đặc biệt, khác với các loại hoạt động văn hóa giáo dục, hoạt động văn hóa chính trị, hoạt động văn hóa khoa học... Điểm khác biệt chủ yếu chính là ở chỗ phương thức thể hiện đời sống của hoạt động văn hóa nghệ thuật là phương pháp tư duy hình tượng và sử dụng phương tiện đặc thù là đặc trưng ngôn ngữ các loại hình nghệ thuật để tạo ra các biểu tượng. Thông qua sáng tạo và hưởng thụ các biểu tượng đó, con người đưa vào trong các tác phẩm văn hóa và đồng thời cũng lấy ra từ các tác phẩm đó những giá trị văn hóa (chân, thiện, mỹ).

Nhưng hoạt động văn hóa nghệ thuật cũng khác với hoạt động nghệ thuật; ở chỗ, mục đích chính của hoạt động sáng tạo nghệ thuật là tạo ra các hình tượng nghệ thuật mang giá trị của cái đẹp, còn mục đích của hoạt động văn hóa nghệ thuật là sáng tạo nên các hình tượng/biểu tượng chứa đựng các giá trị văn hóa, theo

phương pháp thẩm mỹ (phương pháp sân khấu hóa). Thông qua sáng tạo và hưởng thụ các biểu tượng đó, con người đưa vào trong các tác phẩm văn hóa và đồng thời cũng lấy ra từ các tác phẩm đó những giá trị văn hóa (chân, thiện, mỹ). Giữa hoạt động văn hóa nghệ thuật với hoạt động nghệ thuật có sự giống và khác nhau cơ bản về phương tiện và mục đích. Rõ ràng, hoạt động văn hóa đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần (không chỉ là cái đẹp) còn hoạt động nghệ thuật chủ yếu và trước tiên là đáp ứng nhu cầu cái đẹp. Đối với hoạt động văn hóa nghệ thuật, yếu tố nghệ thuật như là phương tiện để thể hiện mục đích, nó không là mục đích tự thân như các hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

Mặc nhiên, hoạt động văn hóa nghệ thuật phải vươn tới cái đẹp, song đó không phải là mục đích tự thân và cuối cùng của các sản phẩm này, mà yếu tố cái đẹp chỉ mang tính thực dụng, góp phần làm tăng thêm giá trị sử dụng, tính hấp dẫn của sản phẩm văn hóa. Trong khi, với sản phẩm nghệ thuật thì yếu tố cái đẹp vừa là phương tiện đồng thời cũng là mục đích tạo tác của hoạt động này. Nói cách khác, hoạt động văn hóa nghệ thuật có thể xem là một dạng ứng dụng nghệ thuật để tạo ra các sản phẩm văn hóa tinh thần, thuộc nhóm nghệ thuật ứng dụng. Có thể thấy trong các sinh hoạt văn hóa như các lễ nghi, lễ hội... hệ thống động tác dâng lễ, trang

phục, âm thanh, trang trí, lễ vật dâng cúng... đều tuân thủ theo quy luật cái đẹp, được sáng tạo trên những quan điểm văn hóa thẩm mỹ nhất định. Hay những cuộc sáng tác, dàn dựng, biểu diễn nghệ thuật mà ở đó người tham dự đàn, ca, múa rất điêu luyện, nhưng ở họ chủ yếu hướng tới tìm kiếm sự thoải mái, sảng khoái, thư giãn đầu óc, tạo sự hưng phấn tinh thần chứ không nhằm hướng tới trở thành các nghệ sĩ trình diễn các tác phẩm có giá trị đỉnh cao, tài nghệ đích thực theo nghĩa duy mỹ của hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

- Là một dạng hoạt động văn hóa sử dụng các phương tiện nghệ thuật để tạo tác, do vậy, hoạt động văn hóa nghệ thuật chứa đựng những chức năng cơ bản của của văn hóa và nghệ thuật bao gồm: chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng điều tiết, chức năng giao tiếp, chức năng thẩm mỹ, chức năng giải trí.

Như đã trình bày, hoạt động văn hóa nghệ thuật của trung tâm văn hóa có nhiều thể loại khác nhau. Mỗi sản phẩm văn hóa nghệ thuật này đều cần phải có phương pháp và biện pháp chung và riêng để ứng dụng đặc trưng ngôn ngữ của nhiều loại hình nghệ thuật như: nghệ thuật ngôn từ (viết/biên tập kịch bản chương trình, viết và dẫn chương trình...), nghệ thuật biểu hiện (ca, múa, nhạc), nghệ thuật tạo hình (thiết kế trang trí sân khấu, cảnh trí, đạo cụ, phục trang, ánh sáng, hóa trang,

trang điểm...), nghệ thuật điện ảnh (video clip, phim ngắn, sản phẩm đa phương tiện...), nghệ thuật sân khấu (hành động diễn xuất, dàn cảnh).

1.2. Khái niệm chương trình văn hóa nghệ thuật

Như đã trình bày, chương trình văn hóa nghệ thuật là một thể loại hoạt động văn hóa ứng dụng đặc trưng ngôn ngữ của loại hình nghệ thuật tổng hợp (mà tiêu biểu là nghệ thuật sân khấu) làm phương tiện thể hiện. Do vậy, chúng ta cần tìm hiểu một số đặc trưng cơ bản của nghệ thuật sân khấu làm cơ sở cho việc xây dựng khái niệm chương trình văn hóa nghệ thuật từ đó ứng dụng vào hoạt động sáng tạo và tổ chức các chương trình này.

1.2.1. Đặc trưng nghệ thuật sân khấu

a. Phương tiện ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu

Sân khấu là thuật ngữ có nhiều cách hiểu khác nhau như: sân khấu là chỗ để biểu diễn (sàn diễn, nhà hát), sân khấu là sự trình diễn, vở diễn, sân khấu là một loại hình nghệ thuật.

Tiếp cận dưới góc độ là một loại hình nghệ thuật, có thể tham khảo một số quan niệm về phương tiện ngôn ngữ của loại hình nghệ thuật sân khấu như sau:

Theo Đức Kôn¹⁴:

Sân khấu là một câu chuyện có kế hoạch, theo một kết cấu có định hướng nhằm thể hiện một mục đích, một ý tưởng nhất định; câu chuyện có kế hoạch và ý tưởng đó được bộc lộ chủ yếu thông qua hành động và đối thoại của nhân vật – con người “bằng xương bằng thịt” trên sân khấu, diễn ra trước mắt và tác động trực tiếp đối với người xem.

Theo Trần Trí Trắc¹⁵:

Sân khấu là loại hình nghệ thuật tổng hợp phản ánh hiện thực đời sống xã hội bằng phương tiện hành động. Hành động là phương tiện sáng tạo của nghệ sĩ biểu diễn và đã trở thành ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật sân khấu. Không có hành động, không thể có nghệ thuật sân khấu và tất cả các thành phần tổng hợp của loại hình phải nương tựa vào hành động để tồn tại thống nhất trong loại hình.

¹⁴ Đức Kôn. (2004). *Sân khấu đại cương*. Trường Cao đẳng Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa – Thông tin. Tr. 93,94.

¹⁵ Trần Trí Trắc. (2014). *Đại cương nghệ thuật sân khấu*. Hà Nội: Lao động. Tr. 35.

Theo Trần Minh Ngọc¹⁶:

Đặc trưng hành động – một thuộc tính của con người – là phương tiện sáng tạo của người diễn viên đồng thời là ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu. Từ hành động, con người nảy sinh mối quan hệ, giao tiếp sinh động giữa người xem và người diễn là hiện tượng chỉ có ở nghệ thuật sân khấu.

Có thể nhận thấy, mặc dù có sự khác nhau trong góc độ tiếp cận và cách diễn đạt, song các quan niệm trên đều có điểm chung là khẳng định phương tiện đặc thù của ngôn ngữ nghệ thuật sân khấu chính là hành động.

(1) Hành động:

Hành động là hình thức hoạt động của con người trong các mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội để nhằm đạt tới một mục đích, một kết quả nào đó. Hành động khác với hoạt động thông thường khác của con người bởi tính có mục đích của nó, nghĩa là hành động phải có định hướng tới mục đích rõ ràng. Hành động của con người là do ý chí chỉ đạo và có mục đích rõ rệt.

Trong đời sống con người có vô số hành động; có những hành động lớn có ý nghĩa xã hội rộng và cao,

¹⁶ Trần Minh Ngọc. (1993). *Cơ sở lý luận và kỹ thuật đạo diễn sân khấu*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Nghệ thuật Sân khấu II. Tr. 33.

cũng có hành động nhỏ chỉ có giá trị đối với một cá nhân riêng lẻ; có những hành động xảy ra liên tục, lâu dài cũng có những hành động chỉ diễn ra một lần, chốc lát; có hành động mang tính cá nhân cũng có hành động mang tính tập thể, cộng đồng...

Hành động con người có bốn dạng cơ bản là: hành động nội tâm, hành động ngoại hình, hành động ngôn từ và hành động vô thức. Cả bốn loại hành động này có mối quan hệ biện chứng với nhau trong hoạt động sống của con người.

Nghệ thuật là sự phản ánh cuộc sống, nhưng không phải hành động nào của cuộc sống cũng trở thành hành động kịch.

(2) Hành động kịch: để hành động trong cuộc sống trở thành hành động kịch cần có những yêu cầu và đặc trưng cơ bản sau:

- Hành động kịch phải tham trực tiếp hoặc gián tiếp vào một cuộc đấu tranh nhất định: nghĩa là hành động phải tham gia trực tiếp vào xung đột kịch. Bởi không có xung đột thì không dẫn tới sự đấu tranh, không có đấu tranh cho một quan điểm, lý tưởng xã hội, một quan niệm sống, một nhiệm vụ nào đó bằng sự phấn đấu, chống chọi khắc nghiệt, đầy bất trắc thì giá trị và ý nghĩa của hành động đó không đạt tới tính điển hình để làm tấm

gương soi cho nhiều người. Mà hành động phản ánh trong kịch phải mang tính khái quát, điển hình do vậy hành động trong kịch có điểm khác với hành động trong cuộc sống ở chỗ là bao giờ nó cũng gây ra một hành động chống đối lại hoặc trái ngược lại, ta gọi là phản hành động.

- Hành động kịch phải có kịch tính (tăng dần xung đột, dẫn tới đỉnh điểm và kết thúc): kịch tính là một phạm trù mỹ học chỉ sự va chạm, đấu tranh của những quan hệ đối lập giữa con người với nhau trong một hoàn cảnh nhất định, nhằm làm thay đổi tương quan của các mối quan hệ ấy và thông qua đó bộc lộ ra được những tính cách nhất định trong một quá trình nhất định. Nếu hành động không có kịch tính sẽ không dẫn tới sự phát triển, cao trào và mở nút trong cấu trúc kịch nghĩa là không có sự biến đổi, thay đổi trong quá trình đấu tranh giữa các nhân vật; đồng thời cũng khó tạo dựng được tính cách điển hình của nhân vật kịch.

- Hành động kịch phải phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc bộc lộ tư tưởng chủ đề của tác phẩm: tư tưởng chủ đề là vấn đề cốt lõi của tác phẩm mong muốn đem tới cho người xem; đồng thời cũng là cái đích mà người nghệ sĩ cần phải đạt tới bằng mọi biện pháp nghệ thuật của mình. Tư tưởng chủ đề của tác phẩm như thổi nam châm, nó có tác dụng hút vào kịch những hành

động trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ cho việc bộc lộ tư tưởng của tác phẩm và sẽ loại bỏ những hành động không phục vụ đắc dụng cho việc làm sáng tỏ tư tưởng chủ đề tác phẩm mà tác giả hay đạo diễn muốn bộc lộ.

(3) Hành động sân khấu: hành động của con người thường biểu hiện ra bên ngoài bằng nhiều hình thức khác nhau; có thể tạm phân ra làm ba biểu hiện là: *nghĩ*, *nói* và *làm* (bằng động tác tay chân). Khi ta lựa chọn hành động và thể hiện chúng theo cách *nghĩ* và *nói* rồi thể hiện ra bằng văn bản những suy nghĩ và lời nói của các nhân vật thì đó là hoạt động sáng tác kịch bản; khi ta chuyển những lời nói ấy trở thành hành động *làm* của người diễn viên biểu diễn trên sân khấu thì đó là hoạt động dàn dựng vở diễn, hoạt động này là tạo ra hành động sân khấu.

Theo Trần Trí Trắc¹⁷, hành động sân khấu có thể diễn đạt qua ba định nghĩa:

(a) Hành động sân khấu là hoạt động của nhân vật, trong hoàn cảnh của nhân vật, để đạt được mục đích của nhân vật, do nghệ sĩ thể hiện ở trên sân khấu trước khán giả xem trực tiếp và mang giá trị thẩm mỹ (hành động sân khấu khác với hành động ngoài đời bằng chính giá trị thẩm mỹ của nó ở trên sân khấu).

¹⁷ Trần Trí Trắc. (2014). *Đại cương nghệ thuật sân khấu*. Hà Nội: Lao động. Tr. 32.

(b) Hành động sân khấu là hoạt động của nghệ sĩ, trong hoàn cảnh thể hiện nhân vật kịch trước khán giả xem trực tiếp, nhằm đạt mục đích xây dựng hình tượng nhân vật chân thực và sinh động.

(c) Hành động sân khấu là sự thống nhất biện chứng của ba loại hành động của con người (hành động nội tâm, hành động ngoại hình, hành động ngôn từ) với hành động của nhân vật và hành động nghệ sĩ trong hình tượng nghệ thuật.

Như vậy, có thể hiểu hành động sân khấu là những hành động kịch được diễn viên biểu diễn trực tiếp trên sân khấu trước người xem. Quá trình tạo ra hành động sân khấu cũng là quá trình hành động của những người nghệ sĩ, họ thực hiện hoạt động sáng tạo theo những chuyên môn nghệ thuật khác nhau của mình, dưới sự chỉ huy chung của người nghệ sĩ dàn dựng – đạo diễn để biến văn bản kịch trên trang giấy trở thành vở diễn được diễn viên trực tiếp biểu diễn trên sân khấu trước người xem. Hành động sân khấu có liên quan tới hành động sáng tạo của tập thể bởi nó tổng hòa các loại hình nghệ thuật khác nhau, mà tựu trung vào là nghệ thuật biểu diễn của diễn viên.

Hành động sân khấu mang những đặc tính cơ bản sau: tính trực tiếp giữa những người sáng tạo với nhau,

giữa diễn viên biểu diễn với khán giả xem vở diễn; tính tổng hòa các loại hình nghệ thuật tập trung cho hành động biểu diễn của diễn viên; tính sáng tạo tập thể của những nghệ sĩ thuộc các chuyên môn nghệ thuật khác nhau.

b. Xung đột kịch và cấu trúc kịch

Hành động trong kịch phải nhằm tạo ra xung đột kịch. Giữa hành động với xung đột có mối quan hệ biện chứng với nhau.

Theo Từ điển Văn học¹⁸:

Xung đột thúc đẩy hành động các nhân vật kịch làm cho tính cách của họ bộc lộ đầy đủ những mặt chủ yếu. Và điều quan trọng nhất, chính trong xung đột kịch tư tưởng chủ đề của vở kịch được thể hiện rõ ràng.

Dẫn theo Lê Nguyên Cẩn, Nghiêm Thị Thanh¹⁹:

Hồ Ngọc nhận xét: *“Xung đột là nội dung của hành động và hành động là hình thức của xung đột, hành động phải tham gia vào xung đột kịch mới trở thành hành động kịch”*. Xung đột có vai trò tổ chức và liên kết các hành động lại với nhau thành một “tòa kiến trúc” của một vở kịch hoàn chỉnh. Hêghen xác định rằng: *“xung đột không*

¹⁸ Từ điển Văn học. (1983). Hà Nội: Khoa học Xã hội. Tr. 610.

¹⁹ Lê Nguyên Cẩn (chủ biên), Nghiêm Thị Thanh (biên soạn). (2006). Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường – Bectôn Brêch (Bertolt Engen Friedrich). Hà Nội: Đại học Sư phạm. Tr. 70.

những là nguồn gốc mà còn là ý nghĩa và mục đích cao nhất của hành động. Ngược lại, hành động lại là biểu hiện cụ thể quá trình diễn biến của xung đột". Xung đột và hành động là hai mặt của một quá trình, xung đột phát triển và vận động đòi hỏi hành động kịch cũng phải phát triển theo.

Mâu thuẫn phát triển tới cao độ sẽ trở thành xung đột. Xung đột là hành động bị phản hành động, tạo nên kịch tính, căng thẳng, quyết liệt. Xung đột kịch như là phương tiện độc đáo để tạo nên sức hấp dẫn khán giả trong nghệ thuật sân khấu. Xung đột kịch bắt nguồn từ hiện thực đời sống xã hội, nên nó mang tính lịch sử, tính thời đại, tính giai cấp và tính dân tộc với những nội dung lớn lao, liên quan tới nhiều người và được nhiều người quan tâm. Xung đột kịch có ba dạng cơ bản và giữa chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, bao gồm: xung đột giữa mình với chính bản thân mình, xung đột giữa mình với hoàn cảnh, xung đột giữa mình với người khác.

Theo Aristotle (384-322 TCN) – cha đẻ của lý luận kịch thế giới phương Tây, kết cấu của một vở kịch phải là quá trình vận động của xung đột từ thắt nút cho tới mở nút. Theo đó, có thể hiểu mọi hành động kịch bắt đầu từ thắt nút, tức là lúc xác định được xung đột (thời điểm nảy sinh ra những mâu thuẫn, va chạm giữa hai mặt đối lập với nhau về tư tưởng, quan điểm, tính cách, quyền lợi,

khát vọng, lý tưởng...) và sau đó là cuộc đấu tranh liên tục cho tới lúc có một bên thắng và một bên thua, xung đột được giải quyết, cũng chính là lúc cởi nút kịch.

Từ quan điểm cấu trúc kịch của Aristotle, cho tới nay nghệ thuật sân khấu nhận thấy có các dạng cấu trúc kịch cơ bản sau:

(a) Cấu trúc kịch theo trường phái kịch tính

Theo trường phái kịch tính của Aristotle, quá trình phát triển của nghệ thuật sân khấu thế giới đã dẫn đi tới một dạng cấu trúc kịch tương đối thống nhất, gồm năm thành tố cơ bản là: giao đãi, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút. Xung quanh cấu trúc năm thành tố cơ bản này, cũng có một số dạng thức bảy thành tố (bổ sung thêm hai thành tố là mở màn và đóng màn) hay dạng rút gọn gồm ba thành tố cốt lõi của kịch là thắt nút, cao trào và mở nút.

- Giao đãi: giới thiệu một cách khái quát về lý lịch nhân vật, mối quan hệ giữa các nhân vật, không gian và thời gian hành động, những mục đích, những vấn đề của kịch, những dấu hiệu của mâu thuẫn để dẫn tới xung đột kịch.

- Thắt nút: chỉ ra mâu thuẫn, xác định xung đột kịch giữa hai phe với nhau để khán giả tiếp tục tập trung theo dõi diễn biến tiếp theo.

- Phát triển: tổ chức các hành động để dẫn tới tăng dần xung đột kịch, đưa câu chuyện kịch phát triển theo chiều hướng ngày càng phức tạp hơn, tác động vào tình cảm của khán giả mạnh mẽ hơn.

- Cao trào: đỉnh điểm của sự xung đột, cuộc đấu tranh đã đi tới thời điểm cao trào, đòi hỏi hai phe phải tương triệt nhau, một mất một còn nhằm giải quyết mâu thuẫn để đi tới thắng lợi cuối cùng.

- Mở nút: xây dựng dấu chấm cho câu chuyện kịch để gieo lại dấu ấn trong tình cảm khán giả về những giá trị của tác phẩm.

(b) Cấu trúc kịch theo trường phái tự sự

Theo trường phái kịch tự sự biện chứng của Brecht²⁰ (1898-1956), nghệ thuật sân khấu kịch có mục

²⁰ Kịch Brecht thay đổi nguyên tắc tam duy nhất (thời gian duy nhất, địa điểm duy nhất, hành động duy nhất) của trường phái kịch tính bởi nguyên tắc tự sự biện chứng, như sau:

- Thời gian dài: thời gian diễn biến trong kịch kéo dài, nên mức độ tập trung, căng thẳng, kịch tính cũng giảm. Căng thẳng – kịch tính là một nét đẹp của trường phái kịch Aristotle. Song với mục đích giáo dục – giải trí, Brecht quan tâm vấn đề kịch có giúp khán giả hiểu và chế ngự được cuộc đời hay không chứ không phải là sự nhập thân vào nhân vật để quên đi cuộc đời (gián cách chứ không hòa cảm), cho nên để đạt được mục đích này không nhất thiết chỉ có một cách duy nhất là tạo ra những xung đột để đi tới sự căng thẳng ác liệt, mà có thể tạo ra cũng như giải quyết các xung đột kịch một cách bình tĩnh, sáng suốt và có lý trí cũng là một vẻ đẹp của kịch. Để đạt mục đích này, ông đã phân bố

đích tối cao là giáo dục (chỉ dẫn – giáo huấn – cải tạo) và giải trí một cách bổ ích (đẹp – vui – khoái cảm); kịch Brecht nhấn mạnh tới yếu tố lý trí, thông qua tình cảm để nâng cao lý trí, từ đó giúp khán giả có thể nhận thức rõ hơn thực tại ngoài sân khấu để hành động nhằm cải tạo nó.

Sách “Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường – Bectôn Brêch (Bertolt Engen Friedrich)” do

thời gian một cách không đồng đều giữa các cảnh, màn, phần kịch; thời lượng của mỗi cảnh, màn, phần đó phụ thuộc vào tính chất quan trọng của nội dung – sự kiện kịch mà tác giả muốn thể hiện, bộc lộ quan điểm, tư tưởng của mình; đồng thời nó cũng tạo ra sự biến đổi về tiết tấu, sắc thái cho câu chuyện.

- Không gian rộng: không gian, địa điểm trong kịch Brecht cũng tương quan với thời gian dài, cho nên đó là những không gian rộng, với nhiều địa điểm khác nhau; gắn liền với bước chân di chuyển của nhân vật, thay đổi liên tục từ nơi này tới nơi khác; là không gian, địa điểm được kể lại hay minh họa bằng các điều kiện thiết kế chứ không phải được dựng lại. Tính chất rộng lớn, kéo giãn ra của không gian làm cho các mâu thuẫn, xung đột cũng bớt bị không gian hạn định gò ép, bao vây tạo cảm giác ngột ngạt, căng thẳng góp phần tạo nên hiệu quả gián cách.

- Hành động thống nhất: hành động trong kịch Brecht không duy nhất mà có thể đồng thời diễn ra hơn một tuyến hành động (mỗi tuyến hành động bao gồm hành động chính và các hành động phụ cùng tập trung vào xung đột kịch). Song, các hành động kịch đó đều thống nhất với nhau; nghĩa là các hành động này có thể cùng hoặc không cùng nằm trong một câu chuyện, một hệ thống nhân vật và sự kiện, nhưng quan trọng là tất cả chúng phải có chung một tư tưởng chỉ đạo, một sự liên hệ bao trùm giữa các hành động trong một vở kịch. Trong một tác phẩm kịch tự sự có thể có nhiều cốt truyện được mắc đan xen, song song hoặc ngược chiều nhau.

Lê Nguyên Cẩn²¹ chủ biên, cho rằng:

Bằng phương pháp gián cách, Brecht đã tạo nên cho các vở kịch của mình một nguyên tắc: “Tác giả không hòa vào tác phẩm. Diễn viên không hòa theo nhân vật. Khán giả không hòa theo sân khấu. Gián cách để tước bỏ các dáng vẻ quen thuộc, cái cảm giác “dĩ nhiên”, “vĩnh cửu” của sự vật để giúp ta thấy cái tính “lịch sử”, “cụ thể”, “có thể thay đổi” và “đầy tính mâu thuẫn” của nó, gián cách để ta giữ được bình tĩnh, tỉnh táo mà phán đoán, nhận xét những gì xảy ra trên sân khấu”.

Với phương pháp gián cách, cấu trúc kịch của Brecht có những đặc trưng sau:

- Một vở kịch thường gồm nhiều cảnh diễn hợp lại;
- Mỗi cảnh kịch như một câu chuyện nhỏ, chứa đựng một xung đột nhỏ, có tiêu đề, có nội dung độc lập, có một số xung đột bị gián cách giữa các cảnh;
- Các cảnh kịch kế tiếp nhau không liên tục, không theo luật “nhân quả” trực tiếp mà theo đường vòng, đứt đoạn hay nhảy vọt;

²¹ Lê Nguyên Cẩn (chủ biên), Nghiêm Thị Thanh (biên soạn). (2006). *Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường – Bertolt Brecht (Bertolt Engen Friedrich)*. Hà Nội: Đại học Sư phạm. Tr. 129.

- Tất cả các cảnh kịch đó đều có chung một xung đột khái quát, liên quan tới một tư tưởng chủ đề thống nhất bao trùm tác phẩm.

Có thể nhận thấy, cả hai cách cấu trúc kịch theo trường phái kịch tính và tự sự biện chứng đều có những điểm chung là: cùng xây dựng câu chuyện theo một chủ đề tư tưởng đã được xác định trước, câu chuyện được xác định thời gian, không gian và hành động cụ thể, rõ ràng trên cơ sở của xung đột kịch. Tuy nhiên, với phương pháp gián cách của kịch tự sự biện chứng, điểm khác biệt chính là việc cấu trúc câu chuyện kịch không liên tục mà theo dạng cắt cảnh, lắp ghép các cảnh kịch với nhau, tương tự như thể hình thức âm nhạc chương trình (tác phẩm âm nhạc gồm nhiều nhạc phẩm có tiêu đề gắn kết với nhau theo một định hướng nội dung tổng thể, bao trùm). Chính phương pháp gián cách đã chi phối toàn bộ cấu trúc vở kịch theo phong cách tự sự biện chứng, làm cho nó gần như đối lập với kiểu kịch tính với đặc trưng cả câu chuyện là một thể duy nhất, không gian, thời gian và hành động tập trung, liên tục, không đứt rời, tạo cảm giác như thể câu chuyện thật đang diễn ra trước mặt, đầy kịch tính và căng thẳng. Cả hai phong cách cấu trúc kịch trên đều có giá trị thiết thực để vận dụng linh hoạt trong việc sáng tạo các chương trình văn hóa nghệ thuật.

c. Các thành tố của vở diễn sân khấu

Theo Đức Kôn²², sức mạnh đặc thù của nghệ thuật sân khấu bắt nguồn từ bốn yếu tố là: sức mạnh bắt nguồn từ kịch bản, sức mạnh do nghệ thuật diễn xuất của diễn viên – bản chất của nghệ thuật sân khấu mang lại, sức mạnh của nghệ thuật tổng hợp, tập thể và sức mạnh của mối quan hệ trực tiếp với khán giả.

Tương quan với bốn yếu tố trên, Trần Trí Trắc và Trần Minh Ngọc cũng đồng quan điểm khi khái quát các thành phần cơ bản trong nghệ thuật sân khấu bao gồm bốn yếu tố là: tác giả (người viết kịch bản), diễn viên (người biểu diễn), khán giả (người thưởng thức) và đạo diễn (người tổ chức dàn dựng).

(1) Tác giả - người viết kịch bản

Tác giả: là người sáng tác ra các kịch bản văn học kịch, là một trong số bốn yếu tố của một tác phẩm sân khấu hoàn chỉnh. Kịch bản là yếu tố tiền đề cơ sở cho diễn viên sáng tạo hành động biểu diễn – sáng tạo nhân vật kịch và đạo diễn cùng những người dàn dựng sáng tạo hành động sân khấu.

²² Đức Kôn. (2004). *Sân khấu đại cương*. Trường Cao đẳng Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa – Thông tin.

Kịch là một thể loại của loại hình văn học (văn, thơ, kịch), phản ánh hiện thực bằng phương pháp tư duy hình tượng, thông qua phương tiện ngôn ngữ độc thoại, đối thoại... của các nhân vật (khác với văn trần thuật hay thơ trữ tình). Kịch – văn học mang tính tổng hợp của thể loại tự sự, trữ tình và kịch, cụ thể: (1) tính tự sự; thể hiện qua kịch là một câu chuyện có mở đầu, phát triển và kết thúc rõ ràng. (2) tính trữ tình; bộc lộ qua tư tưởng, tình cảm, khát vọng của các nhân vật được tác giả hư cấu trong tác phẩm. (3) tính kịch; chứa đựng trong các mâu thuẫn, xung đột để tạo thành kịch tính trong câu chuyện. Như vậy kịch – văn học là một câu chuyện bằng ngôn từ, được hư cấu, có cốt truyện rõ ràng, có mâu thuẫn, xung đột và được thể hiện thông qua độc thoại, đối thoại của nhân vật.

Sản phẩm lao động sáng tạo của tác giả kịch là tác phẩm kịch. Tác phẩm kịch (hay nói vắn tắt là kịch) có thể được sáng tác ra bằng ngôn ngữ nói – dạng truyền khẩu hoặc bằng ngôn ngữ viết – dạng văn bản. Kịch ở dạng văn bản gọi là kịch bản. Kịch bản là văn bản kịch hay là văn bản viết có tính kịch.

Kịch bản, theo Đức Kôn²³ *“là một một câu chuyện có kế hoạch, theo kết cấu có định hướng nhằm thể hiện*

²³ Đức Kôn. (2004). *Sân khấu đại cương*. Trường Cao đẳng Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa – Thông tin. Tr. 94.

một mục đích, một ý tưởng nhất định". Câu chuyện có kế hoạch đó chính là sự hư cấu, sắp đặt nên một cốt truyện kịch; cốt truyện kịch là sự phản ánh hiện thực đời sống xã hội theo một quá trình vận động và phát triển, có đầu có cuối, với những hành động gắn liền với xung đột giữa con người với chính mình, với người khác, với tự nhiên và với xã hội; từ đó quy tụ, phản chiếu những tính cách, số phận con người và xã hội đó; bộc lộ tư tưởng chủ đề - quan điểm và lý tưởng thẩm mỹ của tác giả.

(2) Diễn viên – người diễn vai kịch

Diễn viên là người sáng tạo và thực hiện hành động kịch trên sân khấu, hoạt động sáng tạo vai diễn – nhân vật kịch của diễn viên giới hạn trong phạm vi của kịch bản và phụ thuộc vào đạo diễn và khán giả.

Phương tiện sáng tạo của diễn viên là chính bản thân mình (thân thể, giọng nói, tình cảm, lý trí).

Sản phẩm lao động sáng tạo của diễn viên là vai kịch. Vai kịch vừa chứa đựng cái tôi tỉnh táo, sáng suốt của diễn viên; vừa chứa đựng cái tôi trữ tình của nhân vật kịch với những tính cách, số phận, hoàn cảnh được giả định.

Sáng tạo của diễn viên sân khấu được thực hiện trong thời gian và không gian của vở diễn, tại địa điểm là sân diễn, được khán giả tiếp nhận trực tiếp tại chỗ.

Giữa diễn viên và khán giả có sự giao lưu, tác động và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau trong lúc sáng tạo và hưởng thụ nghệ thuật sân khấu kịch. Quá trình sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời, cho nên khán giả cũng là một thành tố hữu cơ, không thể thiếu trong sự hoàn chỉnh một tác phẩm sân khấu đúng nghĩa.

(3) Đạo diễn – người dựng vở diễn

Đạo diễn là người dàn dựng nên vở diễn sân khấu, là người chuyển hành động kịch từ kịch bản văn học thành hành động sân khấu của diễn viên bằng nghệ thuật dàn cảnh để tạo ra vở diễn.

Để dàn dựng một vở diễn, đạo diễn phải là người: (a) lý giải kịch bản bằng cách nói riêng của mình với tất cả sự hiểu biết nghề nghiệp, cảm xúc, sự rung động thực sự của bản thân; (b) chỉ đạo diễn xuất cho diễn viên để hình thành nên các hình tượng nhân vật độc đáo trong sự hài hòa của vở diễn; (c) tổ chức phối hợp các loại hình nghệ thuật, các thành viên sáng tạo vào một định hướng chung theo ý đồ dàn dựng thống nhất của mình.

Quy trình công việc của người đạo diễn bao gồm các công đoạn sau: đọc kịch bản, chọn kịch bản, phân tích kịch bản, xác định thể loại, lên ý đồ đạo diễn và thực hiện ý đồ đạo diễn. Mỗi công đoạn yêu cầu có một phương pháp với những quy trình công việc khác nhau;

ví như công đoạn thực hiện ý đồ phải trải qua lần lượt các công việc với các phương pháp tương ứng, phù hợp như: làm việc quanh bàn, tập trên sân diễn, làm việc với các thành phần sáng tạo khác (như họa sĩ thiết kế, nhạc sĩ sáng tác, biên đạo múa...), dàn cảnh vở diễn.

(4) Khán giả - người tiêu dùng văn hóa nghệ thuật

Khán giả là người trực tiếp xem kịch tại sân khấu, hành vi thưởng thức nghệ thuật sân khấu của khán giả chính là quá trình tiêu dùng văn hóa, diễn ra dưới dạng hưởng thụ và sáng tạo văn hóa nghệ thuật.

Trong quá trình xem kịch, khán giả biểu lộ trực tiếp phản ứng của mình với nội dung vở diễn hay với quá trình biểu diễn của diễn viên. Những biểu lộ, phản ứng của khán giả sẽ tác động và ảnh hưởng trực tiếp tới cảm hứng, tâm lý sáng tạo, diễn xuất của diễn viên ngay trên sân khấu. Đồng thời, khán giả cũng có thể cùng tham gia sáng tạo và hoàn thiện vở diễn thông qua sự liên tưởng, tưởng tượng, thái độ, phản ứng, góp ý, gợi ý cho diễn viên, đạo diễn...; thậm chí họ còn là những người trực tiếp tham gia vào quá trình biểu diễn trên sân khấu như gõ trống khen hay chê một trò diễn, tiếng dàn để theo các lời thoại của nhân vật, hay trả lời những câu hỏi giao lưu với nghệ sĩ theo ý đồ dàn dựng của đạo diễn...

Thông qua thưởng thức nghệ thuật sân khấu kịch, khán giả không chỉ thỏa mãn được nhu cầu cái đẹp, tìm kiếm và thỏa mãn những khoái cảm thẩm mỹ, mà còn nhận thức được các giá trị văn hóa từ các hình tượng thẩm mỹ trên sân khấu để từ đó mà có sự chiêm nghiệm, suy xét thay đổi nhận thức và hành vi bản thân, đó cũng là một sự hưởng thụ sáng tạo văn hóa nghệ thuật.

Không có khán giả xem và giao tiếp trực tiếp với diễn viên tại sân khấu sẽ không thể hoàn chỉnh một tác phẩm sân khấu đúng nghĩa của nó; khán giả là mục đích cuối cùng, mục đích tối cao, để cả tập thể tác giả, diễn viên, đạo diễn và những người cùng tham gia dàn dựng hoàn thiện vở diễn một cách sáng tạo và hoàn chỉnh nhất.

Có thể thấy, tính hành động, tính xung đột, tính trực tiếp diễn xuất của diễn viên và trực tiếp giao lưu với khán giả, tính tổng hợp và tập thể chính là những thành tố đặc trưng của nghệ thuật sân khấu, các đặc tính này đã góp phần tạo nên sức mạnh và sức sức hấp dẫn đặc biệt của loại hình nghệ thuật không gian và thời gian này. Phương tiện ngôn ngữ nghệ thuật sân khấu hoàn toàn phù hợp và hữu dụng cao cho việc ứng dụng vào các chương trình hoạt động văn hóa nghệ thuật của hệ thống trung tâm văn hóa; nhất là trong hai khâu hoạt động sáng tạo và tổ chức các sản phẩm văn hóa nghệ thuật để phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của công chúng.

1.2.2. Quan niệm chương trình văn hóa nghệ thuật

Sách “Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp” của Lê Ngọc Canh²⁴ quan niệm về chương trình nghệ thuật tổng hợp như sau:

Chương trình nghệ thuật tổng hợp là sự liên kết, hợp thành từ những tác phẩm, tiết mục đơn lẻ nằm trong một tổng thể sắp xếp cố định và chương trình đó đã hàm chứa tính nghệ thuật tổng hợp. Nói cách khác là chương trình nghệ thuật tổng hợp là tập hợp các tác phẩm, tiết mục đơn lẻ của nhiều loại hình nghệ thuật, song nó phải tuân theo quy luật cấu trúc và cân bằng sinh thái, tình cảm, tâm lý và thẩm mỹ người xem. Chương trình nghệ thuật tổng hợp phải thực hiện được hai yêu cầu là tính nghệ thuật và tính logic khoa học, tính hợp lý, tính hấp dẫn.

Sách “Tài liệu nghiệp vụ văn hóa cơ sở”²⁵ của Cục Văn hóa cơ sở - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bài “Công tác văn nghệ quần chúng ở cơ sở” đã nêu:

Nói tới chương trình nghệ thuật là nói tới các tiết mục và sự sắp xếp, bố cục các yếu tố tạo nên một tổng thể nghệ thuật trình diễn gây ấn tượng, hấp dẫn người

²⁴ Lê Ngọc Canh. (2003). *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin. Tr. 38.

²⁵ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2013). *Tài liệu nghiệp vụ văn hóa cơ sở* (lưu hành nội bộ). Cục Văn hóa cơ sở: Hà Nội. Tr. 157-158.

xem từ mở đầu tới kết thúc. Chương trình nghệ thuật quần chúng là một số tác phẩm nghệ thuật được kết cấu với nhau trong một thể thống nhất, biểu diễn trong một thời gian nhất định, do quần chúng tham gia vào quá trình sáng tác và biểu diễn nghệ thuật, nhằm chuyển tải tới người xem ý đồ tư tưởng, tình cảm và giá trị thẩm mỹ.

Sách “Phân tích âm nhạc” của Đào Trọng Minh²⁶ khi nói về âm nhạc không tiêu đề, có tiêu đề và âm nhạc có chương trình đã phân tích:

Âm nhạc không có tiêu đề là loại tác phẩm âm nhạc không có tên gọi tác phẩm mang tính tiêu đề nội dung mà chỉ có tên gọi tác phẩm mang tính thể loại, hình thức cấu trúc hoặc xuất xứ nguồn gốc. Âm nhạc có tiêu đề là loại tác phẩm âm nhạc mà trong đó nhạc sĩ diễn đạt những hiện tượng cụ thể trong đời sống tự nhiên và xã hội bằng một tiêu đề văn học diễn đạt khái quát nội dung tác phẩm của mình. Âm nhạc có chương trình là một dạng mở rộng và cụ thể hóa của âm nhạc có tiêu đề. Ở đây người nghe lĩnh hội tác phẩm thông qua nội dung đã được chương trình hóa. Bằng các phương pháp biểu hiện nghệ thuật khác nhau, tác giả đã hướng người nghe vào một chương trình nội dung theo ý đồ sáng tạo của mình;

²⁶ Đào Trọng Minh. (2012). *Giáo trình Phân tích âm nhạc*. Bộ VH, TT&DL - Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh: Âm nhạc. Tr. 45,46,50.

và như thế cảm nhận âm nhạc cũng như hình tượng âm nhạc được cụ thể hóa hơn.

Qua một số quan niệm trên, có thể rút ra những đặc điểm cơ bản chung của thể loại chương trình như sau: mỗi chương trình đều là sự hợp thành của các tiết mục, giữa các tiết mục có mối quan hệ với nhau, các tiết mục được sắp xếp theo một cấu trúc, và diễn ra theo một trình tự thời gian nhất định.

Từ những nhận định về đặc điểm chung của chương trình và các phân tích về hoạt động văn hóa nghệ thuật, có thể đưa ra một khái niệm cơ bản về chương trình văn hóa nghệ thuật như sau: **Chương trình văn hóa nghệ thuật là một dạng hoạt động văn hóa phi vật thể, bao gồm các tiết mục văn hóa, nghệ thuật khác nhau; được lắp ghép theo một cấu trúc hợp lý, thẩm mỹ và cân bằng tâm sinh lý – tình cảm; diễn ra liên tục và trực tiếp trước người xem; theo một trình tự thời gian nhất định.**

Chương trình văn hóa nghệ thuật có một số đặc trưng sau:

- Là một thể loại hoạt động văn hóa dưới dạng phi vật thể: Như đã trình bày, sản phẩm của các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong hệ thống trung tâm văn hóa có

thể tồn tại ở hai dạng cơ bản là: (1) dạng vật thể, bao gồm các sản phẩm thuộc nhóm hoạt động ứng dụng đặc trưng nghệ thuật ngôn từ và nghệ thuật tạo hình; (2) dạng phi vật thể, bao gồm các sản phẩm thuộc nhóm hoạt động ứng dụng đặc trưng nghệ thuật biểu hiện và nghệ thuật tổng hợp. Từ đó, có thể thấy chương trình văn hóa nghệ thuật thuộc nhóm hoạt động ứng dụng nghệ thuật tổng hợp (mà tiêu biểu là nghệ thuật sân khấu), cho nên nó vừa mang đặc tính của một hoạt động sân khấu vừa chứa đựng các đặc thù của một hoạt động văn hóa. Nói cách khác, mục đích của hoạt động văn hóa nghệ thuật hướng con người tới các giá trị văn hóa và phương tiện của hoạt động này chủ yếu sử dụng ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật sân khấu. Tuy nhiên, hành động và xung đột trong chương trình văn hóa nghệ thuật không hoàn toàn giống với hành động và xung đột của tác phẩm sân khấu.

- Chương trình bao gồm nhiều tiết mục được lắp ghép lại với nhau: Chương trình có thể được bố cục theo hình thức tiết mục, chương hay phần (mỗi phần có thể có hơn một chương). Chương trình có thể có hoặc không có cố định chủ đề; đối với chương trình có cố định chủ đề thì hệ thống các tiết mục phải có mối quan hệ với nhau và với chủ đề - nội dung của cả chương trình; đối với các chương trình không cố định chủ đề thì các tiết

mục không nhất thiết phải có mối quan hệ với nhau và với chủ đề - nội dung, nhưng vẫn phải có mối quan hệ với nhau về mặt hình thức – thể loại, tiết tấu và thời gian diễn ra chương trình.

- Tiết mục là đơn vị cơ bản để cấu trúc nên chương trình: Mỗi tiết mục đều có năm đặc điểm cơ bản là: có tiêu đề, có nội dung, có hình thức biểu đạt, có tiết tấu và có thời lượng. Mỗi tiết mục có thể tồn tại tương đối độc lập trong chương trình, đồng thời giữa các tiết mục cũng có mối quan hệ với nhau một cách thống nhất, hài hòa, thẩm mỹ trong cùng một chương trình. Đối với chương trình có cố định chủ đề thì các tiết mục bắt buộc phải có mối quan hệ hữu cơ, chặt chẽ với nhau cả nội dung lẫn hình thức và tiết tấu để tạo nên một khối thống nhất, chặt chẽ cùng phản ánh một tư tưởng chủ đề chung.

- Tiết mục trong mỗi chương trình thường đa dạng về ngôn ngữ thể hiện: đặc tính tổng hợp cho phép mỗi tiết mục trong chương trình văn hóa nghệ thuật có thể thuộc một thể loại sinh hoạt văn hóa (lễ nghi truyền thống và đương đại, trò chơi, trò diễn...), hay nghệ thuật (âm nhạc, múa, kịch, xiếc, ảo thuật, video clip, phim ngắn, hóa trang, trang trí, sắp đặt, tạo hình...); bên cạnh đó, một tiết mục cũng có thể đồng thời được thể hiện bằng nhiều ngôn ngữ văn hóa, nghệ thuật khác nhau

như ca múa, ca múa nhạc, biểu diễn thời trang, hoạt cảnh sân khấu, nói có hình ảnh minh họa...

- Cấu trúc chương trình hợp lý, thẩm mỹ và cân bằng tâm sinh lý – tình cảm: đây cũng là những yêu cầu mang tính nguyên tắc của chương trình văn hóa nghệ thuật, nghĩa là chương trình phải có một *nội dung* được xác định mang tính hợp lý, chặt chẽ; nội dung của chương trình phải được chuyển tải ra bên ngoài bằng những *hình thức* thẩm mỹ, vươn tới cái đẹp và *tiết tấu* của chương trình phải được cân nhắc sao cho đảm bảo tính sinh động, phát triển hài hòa, cân đối nhằm tạo sự cân bằng về mặt tâm sinh lý – tình cảm cho cả người biểu diễn lẫn người thưởng thức từ lúc mở đầu cho tới khi kết thúc chương trình. Tất cả ba yếu tố này phải hòa quyện vào nhau một cách nhuần nhuyễn, tài tình để tạo nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của mỗi chương trình văn hóa nghệ thuật. Để tạo ra một cấu trúc vừa đảm bảo tính hợp lý, tính thẩm mỹ, tính cân bằng tâm sinh lý – tình cảm và tính hấp dẫn, thu hút công chúng, chương trình văn hóa nghệ thuật thường ứng dụng nghệ thuật sân khấu kịch với đặc trưng tính “kịch” và các hình thức kết cấu “xung đột kịch” để cấu trúc chương trình.

- Chương trình diễn ra liên tục, trực tiếp: Các tiết mục trong chương trình có thể có nội dung không liên tục (kiểu sử thi hay gián cách như kịch Brecht), nhưng

chúng được lắp ghép với nhau và thông qua các thủ pháp kết nối để liên tục diễn ra trên sân khấu, đảm bảo tính thời gian quy định cho từng tiết mục trong tổng thời lượng của cả chương trình. Đồng thời các tiết mục cũng được diễn viên thể hiện trực tiếp qua ngôn ngữ hành động sân khấu, trước sự tham dự, thưởng thức của khán giả. Cũng có những tiết mục không phải được diễn viên biểu diễn trực tiếp trên sân khấu mà có thể qua phương tiện ngôn ngữ điện ảnh, hình ảnh hay biểu ngữ... Cả hai dạng tiết mục biểu diễn trực tiếp và không trực tiếp qua diễn xuất của diễn viên đều có giá trị ngang nhau và cùng góp phần tạo nên hình tượng của tác phẩm văn hóa – chương trình văn hóa nghệ thuật. Khác với tác phẩm sân khấu, xem nghệ thuật diễn xuất của diễn viên là trung tâm, các phương tiện nghệ thuật không biểu diễn phải tập trung hỗ trợ, tạo điều kiện, phục vụ đắc lực cho nghệ thuật biểu diễn của người diễn viên trên sân khấu. Tuy nhiên, về cơ bản các tiết mục trong chương trình văn hóa nghệ thuật vẫn tập trung và đề cao vai trò diễn viên biểu diễn trực tiếp trên sân khấu, trước sự tham dự của khán giả.

- Chương trình diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định: Sự giới hạn và quy định về lượng thời gian diễn ra của một chương trình thể hiện rõ đặc tính nghệ thuật thời gian trong các chương trình văn hóa nghệ

thuật. Nghĩa là các tiết mục trong chương trình có sự kết hợp, vận động và phát triển theo thời gian sẽ tạo nên cảm xúc và nội dung biểu hiện của chương trình. Yếu tố thời gian có đặc tính quy ước và tính tổ chức, biểu hiện cho tính hành động và tính thống nhất trong một chương trình văn hóa nghệ thuật. Tính quy ước và tính tổ chức của thời gian là cơ sở cho việc quy định, phân bố, giới hạn đối với thời lượng biểu diễn của mỗi tiết mục, giữa các tiết mục trong một chương trình văn hóa nghệ thuật. Mỗi tiết mục là một hành động, hệ thống các tiết mục trong quan hệ cấu trúc chặt chẽ của nó sẽ tạo ra một hành động sân khấu mang tính chỉnh thể văn hóa nghệ thuật. Chương trình văn hóa nghệ thuật với tư cách là một chỉnh thể văn hóa nghệ thuật được diễn ra liên tục, xuyên suốt trong một khoảng thời gian nhất định. Mặc dù, chương trình bao gồm nhiều tiết mục khác nhau, song khi thưởng thức một chương trình văn hóa nghệ thuật liền mạch thì không thể chia cắt ra nhiều lần, nhiều tiết mục riêng lẻ để thưởng thức.

Với cách quan niệm chương trình là một hệ thống các tiết mục được lắp ghép lại với nhau, thì có thể thấy ở các trung tâm văn hóa, thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật ứng dụng phương tiện nghệ thuật sân khấu phổ biến một số hình thức sau: chương trình văn nghệ (chương trình biểu diễn âm nhạc, chương trình biểu diễn

múa, chương trình biểu diễn ca múa nhạc, chương trình nghệ thuật tổng hợp, chương trình tuyên truyền lưu động); chương trình sân khấu hóa (các cuộc lễ, hội, sinh hoạt...); chương trình cuộc thi (trò chơi, cuộc thi, liên hoan, hội thi, hội diễn...). Nhóm các chương trình này đều mang những đặc điểm chung là: tính hành động, tính lắp ghép, tính tổng hợp và tính trực tiếp.

1.2.3. Phương tiện, cấu trúc và thành tố chương trình văn hóa nghệ thuật

a. Phương tiện chương trình văn hóa nghệ thuật

Như đã nói, sân khấu là sự phản ánh hiện thực thông qua ngôn ngữ hành động. Hành động là phương tiện sáng tạo của tất cả các thành phần văn nghệ sĩ tham gia vào hoạt động tạo ra tác phẩm sân khấu. Hành động sân khấu phải mang tính kịch và tính sân khấu: (1) Tính kịch của hành động thể hiện ở chỗ; hành động kịch phải tham trực tiếp hoặc gián tiếp vào một cuộc đấu tranh nhất định, hành động kịch phải nhằm diễn đạt xung đột kịch (có quá trình phát triển, tăng dần xung đột, dẫn tới đỉnh điểm nhằm tạo ra kịch tính), hành động kịch phải phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc bộc lộ tư tưởng chủ đề của tác phẩm. (2) Tính sân khấu của hành động thể hiện ở chỗ; là những hành động của nhân vật được hư cấu trong kịch bản được chuyển thành hành động

biểu diễn trên sân khấu của người nghệ sĩ – diễn viên trong sự tương tác, phối hợp với hành động sáng tạo của một tập thể những người tổ chức dàn dựng. Hành động sân khấu là sự tổng hòa, biện chứng giữa hành động con người, hành động nhân vật và hành động nghệ sĩ.

(1) Tính kịch trong hành động chương trình văn hóa nghệ thuật: Hành động chương trình văn hóa nghệ thuật cũng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào một cuộc đấu tranh nhất định, cuộc đấu tranh để giải quyết các mâu thuẫn và xung đột kịch. Mâu thuẫn, xung đột trong chương trình văn hóa nghệ thuật không chỉ là những mâu thuẫn, xung đột về tính cách, quan điểm, tư tưởng, lợi ích được nhân cách hóa thường thấy ở các vở kịch; các xung đột này được thể hiện ra qua cuộc đấu tranh gay gắt của chính bản thân mỗi con người, hay giữa con người với nhau, hoặc giữa con người với hoàn cảnh, đó là những xung đột được nhân cách hóa. Xung đột trong chương trình văn hóa nghệ thuật cũng có khi không được nhân cách hóa, mà biểu hiện dưới dạng các mâu thuẫn kiểu đối chiếu – tương phản giữa cái thật và cái giả, giữa cái tốt và cái không tốt, giữa cái đẹp và cái xấu, hay giữa cái văn hóa và cái phản hoặc phi văn hóa...

Theo Phạm Duy Khuê²⁷, kịch bản các chương trình hoạt động văn hóa theo phương pháp sân khấu hóa phản ánh hiện thực ở bất cứ cấp độ nào của tính kịch, không nhất thiết phải ở cấp độ xung đột tương triệt (cấp độ ba), mà thường chỉ ở cấp độ tương sinh (cấp độ một) hay cấp độ tương khắc (cấp độ hai)... Ông cho rằng:

Xung đột không phải luôn luôn là sự va chạm của các lực lượng đối địch, nó có thể biểu hiện ở sự khắc phục khó khăn, cản trở trong việc thực hiện một mục đích tốt đẹp nào đó; trong sự va chạm giữa con người và môi trường xung quanh; hoặc các mảng, các đội hình, các tuyến tương phản nhau về hành động trình diễn, màu sắc, ánh sáng, âm thanh, lời thuyết minh, không khí, tiết tấu và tốc độ... Xung đột vượt qua những cản trở không phải là sự nhân cách hóa, mà là chiếc chìa khóa dẫn đến việc xây dựng hành động, sáng tạo, tìm chọn các điều kiện thiết kế, tưởng tượng – hư cấu trong việc dựng ghép các cảnh.

Qua xung đột và hành động kịch, tác phẩm sân khấu bộc lộ những tư tưởng chủ đề mà những người sáng tạo muốn thể hiện. Như đã biết, tư tưởng chủ đề là kết quả sau cùng của việc phản ánh và bộc lộ quan điểm về

²⁷ Phạm Duy Khuê. (2010). *Tổ chức và dàn dựng sự kiện*. Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 304.

hiện thực cuộc sống xã hội theo quan điểm và lý tưởng thẩm mỹ riêng của người nghệ sĩ. Tư tưởng chủ đề là sự bộc lộ thế giới quan, nhân sinh quan chứa đựng cái tôi trữ tình của những người nghệ sĩ. Cho nên tư tưởng chủ đề thường mang tính chủ quan cá nhân của người nghệ sĩ, nó cũng là một trong những yếu tố đặc thù của hoạt động sáng tạo nghệ thuật, hướng tới tạo ra các sản phẩm văn hóa tinh thần mang tính độc đáo, duy nhất.

Mỗi chương trình văn hóa nghệ thuật do các trung tâm văn hóa thực hiện, cũng chứa đựng những tư tưởng chủ đề nhất định. Tư tưởng chủ đề của các tác phẩm văn hóa này cũng thể hiện rõ quan điểm, lý tưởng thẩm mỹ của những người làm công tác văn hóa trong khu vực nhà nước (căn cứ trên cơ sở các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ về văn hóa và hoạt động văn hóa của đơn vị), đó cũng chính là mục đích tối cao của nhiệm vụ hoạt động văn hóa nghệ thuật trong hệ thống trung tâm văn hóa.

(2) Tính sân khấu trong hành động chương trình văn hóa nghệ thuật: Hành động trong chương trình văn hóa nghệ thuật cũng được bộc lộ qua hành động biểu diễn của người diễn (dùng thân thể, giọng nói, tình cảm) để diễn đạt hành động của nhân vật trong kịch bản. Song, nếu trong các vở kịch sân khấu, hành động kịch chủ yếu tập trung qua hình tượng các nhân vật kịch với

những mâu thuẫn, xung đột đan kết, liên quan với nhau một cách chặt chẽ, không tách rời, suốt quá trình phát triển xung đột kịch (theo kiểu luật tam duy nhất) thì đối với chương trình văn hóa nghệ thuật, có thể có nhiều dạng nhân vật cùng xuất hiện với những vai kịch (vai trò, nhiệm vụ) khác nhau, giữa các nhân vật này có hoặc không có mối liên hệ hữu cơ với nhau về “số phận” trong nội dung xung đột kịch của câu chuyện kịch. Tất cả các nhân vật trong chương trình văn hóa nghệ thuật đều có chung một mục đích (hành động tối cao) là thể hiện nội dung, tư tưởng chủ đề của chương trình. Nhưng, các nhân vật này có thể xuất hiện xuyên suốt để đóng vai nhân vật nào đó (dẫn chương trình, dẫn chuyện...) nhưng cũng có khi chỉ xuất hiện một lần trong một tiết mục, cảnh diễn duy nhất nào đó và không xuất hiện trở lại sân khấu và nội dung của câu chuyện kịch vẫn được diễn tiếp bởi sự biểu diễn của một nhân vật hay phương tiện khác (qua phim, tranh, người phát biểu...). Giữa các nhân vật – vai kịch này có thể có hoặc không có mối liên hệ nhân quả với nhau trong nội dung hành động kịch chương trình văn hóa nghệ thuật.

Nghệ thuật biểu diễn của diễn viên là trung tâm, là bản chất của nghệ thuật sân khấu. Mặc dù sân khấu là loại hình nghệ thuật mang tính tổng hợp và sáng tạo tập thể; song, yếu tố biểu diễn của diễn viên lại là yếu tố cốt

lỗi, trung tâm, nó như thổi nam châm để thu hút hết mọi sáng tạo của các loại hình nghệ thuật khác như văn học (kịch bản, lời dẫn chương trình...), mỹ thuật (thiết kế sân khấu, phục trang, đạo cụ, hóa trang, ánh sáng...), âm nhạc (nhạc kịch, tiếng động), múa (hình thể, cảnh múa, động tác cho diễn xuất...)... kể cả nghệ thuật dàn cảnh của đạo diễn vào quá trình sáng tạo để hình thành vở diễn.

Các loại hình nghệ thuật khác, tham gia vào nghệ thuật sân khấu phải có sự điều tiết, điều chỉnh để trở thành một dạng nghệ thuật ứng dụng, phục vụ cho nghệ thuật biểu diễn của diễn viên. Nó không thể tồn tại nguyên bản là nó mà chỉ là sự dùng các đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật của mình để cùng góp phần sáng tạo, hoàn chỉnh cho sự biểu diễn của diễn viên, nhằm xây dựng hành động sân khấu – nghệ thuật hành động của người diễn viên. Điều này cũng làm nên tính thống nhất các loại hình nghệ thuật trong nghệ thuật sân khấu, làm cho tác phẩm sân khấu không phải là sự tổng hợp thuần túy, cơ học của nhiều loại hình nghệ thuật mà trở thành một chỉnh thể nguyên hợp – tác phẩm nghệ thuật sân khấu.

Tính sân khấu của hành động thể hiện ở chỗ, những hành động của nhân vật được hư cấu trong kịch bản được chuyển thành hành động biểu diễn trên sân

khẩu của người nghệ sĩ – diễn viên trong sự tương tác, phối hợp với hành động sáng tạo của một tập thể những người tổ chức dàn dựng. Hành động sân khấu là sự tổng hòa, biện chứng giữa hành động con người, hành động nhân vật và hành động nghệ sĩ.

Tuy nhiên, đối với chương trình văn hóa nghệ thuật, nội dung của tác phẩm này có thể được cắt cảnh, lắp ghép với nhau theo dạng các tiết mục. Mỗi tiết mục có thể thể hiện một nội dung, một ý chủ đạo nào đó trong hệ thống nội dung tổng thể của cả chương trình. Hình thức của tiết mục đó có thể thể hiện qua một kiểu nhân vật khác nhau, hình thức khác nhau, thậm chí không nhất thiết phải thể hiện thông qua hành động của nhân vật mà có thể qua các phương tiện vật chất khác của nhiều ngôn ngữ nghệ thuật, văn hóa khác nhau (nghi thức, tranh, ảnh, vật phẩm văn hóa...). Do vậy, đối với chương trình văn hóa nghệ thuật, hành động sân khấu bao gồm cả hành động biểu diễn trực tiếp trên sân khấu của đa dạng kiểu diễn viên (diễn viên ca, múa, kịch, phát biểu, kể chuyện, dẫn chương trình...) và cả những yếu tố hành động không biểu diễn của các văn nghệ sĩ khác (các tác phẩm tranh, ảnh, phim, biểu đồ, panô, áp phích, nghi thức...). Nếu như với nghệ thuật sân khấu, các loại hình nghệ thuật tạo hình không phải là yếu tố bản chất

của hành động sân khấu – hành động biểu diễn của diễn viên; thì với chương trình văn hóa nghệ thuật, có thể thấy tất cả các loại hình nghệ thuật đều có giá trị ngang nhau, cùng có chức năng như nhau để dùng làm các phương tiện thiết kế nên hành động chương trình trên sân khấu; trong đó, nghệ thuật biểu diễn của diễn viên được xác định là nhân tố đặc biệt.

Hiểu theo cách nói của Phạm Duy Khuê²⁸, thì hành động sân khấu của các chương trình hoạt động văn hóa chính là các hình trạng và cảnh tượng mang tính nghệ thuật (hình ảnh – trạng thái âm thanh – tiếng nói cảnh tượng sinh động, đa sắc màu). Theo đó, hành động chương trình văn hóa nghệ thuật có thể hiểu là quá trình sáng tạo, tìm chọn, xử lý và cấu tứ các điều kiện thiết kế (điều kiện thiết kế vật thể như: đạo cụ, cảnh trí, băng rôn, cờ, quạt, dù lộng, tranh, ảnh, tượng, phục trang, xe, máy bay, voi, ngựa...; phi vật thể như: tiếng động, âm thanh, âm nhạc, lời dẫn, lời bình, diễn văn, văn tế, các tiết mục nghệ thuật...; kết hợp giữa vật thể và phi vật thể như: kịch, phim, trò chơi... Các điều kiện thiết kế này phải được nghệ thuật hóa để tác động trực giác con người,

²⁸ Phạm Duy Khuê. (2010). *Tổ chức và dàn dựng sự kiện*. Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 65, 66.

góp phần làm cho họ cảm thấy, trông thấy và nghe thấy được), nếu có nhân vật thì chỉ là những “ảnh tượng” mang tính biểu trưng và sự xuất hiện của chúng trong cuộc trình diễn gần như nguyên vẹn là một điều kiện thiết kế “hữu thể”, chẳng hạn như bức tranh, bức ảnh, pho tượng, bức phù điêu hiện thân chân dung của họ. Cũng có thể xuất hiện như một “vai kịch” nhưng thoát hiện thoát biến trong một vài lớp quan trọng nào đó, chứ không phải như các nhân vật trong một vở diễn sân khấu hay một phim truyện (nhân vật xuất hiện từ đầu đến cuối, liên tục, tự sống cuộc sống của chúng và mỗi nhân vật có số phận của mình với toàn bộ dây chuyền hành động, hạt nhân nhân vật và mục đích cuộc đời – nhiệm vụ tối cao của nó). Tất nhiên, trong các điều kiện thiết kế thì “điều kiện thiết kế con người” luôn luôn là “điều kiện thiết kế đặc biệt”.

Sách “Lý luận và kỹ thuật hoạt động văn hóa giải trí” của Zarkov²⁹ đã so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa kịch các chương trình văn hóa giải trí trong hoạt động của trung tâm văn hóa với kịch của nhà hát như sau:

²⁹ Жарков А.Д. (2007). *Теория и Технология культурно-досуговой деятельности – Lý luận và kỹ thuật hoạt động văn hóa giải trí*. Учебн. Пособие. Москва: МГУКИ. См. 343, 344. (Hiệu đính: TSKH. Nguyễn Thị Đông).

Đặc điểm kịch		
Trung tâm văn hóa	Stt	Nhà hát
Sáng tác có thể không phải trả tiền hoặc trả tiền	1	Sáng tác phải trả tiền
Sáng tác được thực hiện dựa trên sự tự nguyện và mang tính nghiệp dư của những người tham gia	2	Sáng tác của nhà soạn kịch là hoạt động mang tính chuyên nghiệp
Sáng tác kịch được thực hiện bởi một tập thể (hoạt động tập thể)	3	Sáng tác của nhà soạn kịch mang tính cá nhân
Kịch bản của các chương trình mang tính thời sự, các hình thái của nó mang tính ứng biến (linh hoạt)	4	Sáng tác kịch nhà hát mang tính thời đại, đòi hỏi một thời gian dài
Mức độ cấp thiết của các nhiệm vụ mà trung tâm văn hóa phải thực hiện đòi hỏi sự cần thiết phải vận dụng các tác phẩm văn học - nghệ thuật hoặc các trích đoạn của chúng vào kịch bản	5	Sáng tác của nhà soạn kịch là tác phẩm nguyên tác (nguyên bản, nguyên gốc)
Kịch bản của các chương trình văn hóa giải trí mang tính tư liệu (nhất thiết phải đưa vào đó các sự kiện từ cuộc sống của một khán phòng cụ thể)	6	Nhà soạn kịch có thể sử dụng tư liệu, nhưng không nhất thiết. Về cơ bản, sáng tác của nhà soạn kịch là sự hư cấu nghệ thuật

Kết cấu kịch bản theo các phân cảnh (phân đoạn, tình tiết, tiết mục)	7	Kết cấu kịch bản theo các màn kịch
Nhiệm vụ của nhà soạn kịch là tạo lập được sự tác động (ảnh hưởng) mang tính trí tuệ và cảm xúc một cách hiệu quả nhất	8	Nhiệm vụ của nhà văn là xây dựng vở kịch, vở diễn có giá trị văn học (tác phẩm nghệ thuật)
Trong kịch sử dụng tất cả các phương pháp truyền cảm muôn vẻ (Kịch - Sự tổng hợp của nghệ thuật)	9	Kịch nhà hát mang tính tổng hợp, là một loại hình nghệ thuật tổng hợp
Việc sử dụng tư liệu và tài liệu văn học đòi hỏi phải vận dụng phương pháp lắp ghép (giao đãi, thắt nút, phát triển các hành động, cao trào, mở nút thắt)	10	Sáng tác nguyên bản đòi hỏi nhà soạn kịch phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của chính kịch
Nhân vật chính trong kịch là một con người cụ thể, có thật hoặc là một hình tượng văn học	11	Nhân vật chính là hình tượng được khái quát hóa
Nhiệm vụ của nhà soạn kịch là làm sáng tỏ các khía cạnh xã hội của một con người cụ thể	12	Phân tích một con người cụ thể thông qua các khía cạnh xã hội, xây dựng một hình tượng điển hình

Qua các phân tích và tổng hợp trên có thể thấy:

Hành động chương trình văn hóa nghệ thuật cũng mang tính kịch, thể hiện ở chỗ; hành động này cũng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào một cuộc đấu tranh nhất định; cuộc đấu tranh chứa đựng các xung đột bằng hành động kịch đó có thể biểu hiện dưới dạng nhân cách hóa và đầy kịch tính hoặc không mang tính nhân cách hóa mà chỉ là sự tương phản, đối lập, đối chiếu, đối tỷ theo cách sắp đặt vấn đề của những người sáng tạo; song dù là xung đột được biểu hiện ở dạng nào đi nữa thì vấn đề hành động kịch cũng phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc bộc lộ tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

Hành động chương trình văn hóa nghệ thuật cũng mang tính sân khấu, thể hiện ở chỗ; là những hành động biểu diễn trên sân khấu của người nghệ sĩ – diễn viên và cả những người không phải là diễn viên – nghệ sĩ biểu diễn nhưng có vai trò thể hiện một nội dung nhất định nào đó trong chương trình. Tuy nhiên, khác với hành động sân khấu ở chỗ, các loại hình nghệ thuật không biểu diễn khi tham gia vào hành động chương trình văn hóa nghệ thuật vừa có thể là thành tố bộ phận hữu cơ cấu thành nghệ thuật diễn xuất của diễn viên; đồng thời cũng có thể được thiết kế thành các tiết mục văn hóa nghệ thuật độc lập, góp phần vào việc chuyển tải nội dung – hành động kịch của chương trình.

b. Cấu trúc chương trình văn hóa nghệ thuật

Kết cấu của một vở kịch là quá trình vận động của xung đột kịch. Do vậy để tìm hiểu các kiểu cấu trúc kịch, nhất thiết phải hiểu biết các kiểu xung đột kịch. Như đã trình bày một cách khái quát nhất ở trên, nghệ thuật kịch cho tới nay tồn tại hai dạng trường phái phổ biến là: trường phái kịch tính (hòa cảm) và trường phái tự sự (gián cách). Mỗi trường phái với các kiểu thiết kế xung đột kịch khác nhau dẫn tới hình thành các hình thức cấu trúc kịch khác nhau. Có thể khái quát thành các nhóm cấu trúc hình thức kịch như sau:

(1) Xung đột kịch theo kiểu kịch tính: các hành động kịch thường diễn biến theo trật tự phát triển xung đột từ lúc mở đầu cho đến lúc kết thúc câu chuyện. Câu chuyện phải có một xung đột chính (thể hiện một khoảnh khắc, một giai đoạn trong cuộc đời của nhân vật), các hành động kịch phải xoay quanh trục xung đột chính của câu chuyện (hành động nảy sinh từ xung đột và để giải quyết xung đột), hành động phải đang xảy ra tại một không gian và thời thời hiện tại. Xung đột là cơ sở nội dung để làm nảy sinh các hành động, tất cả hành động phải hướng vào một mục đích tối cao để cuối cùng phải giải quyết trọn vẹn được xung đột chính của câu chuyện. Tính kịch được bộc lộ và mở ra theo một quá trình phát triển của xung đột đầy kịch tính. Với kiểu xung đột như

vậy, nhận thấy có hai hình thức cấu trúc kịch phổ biến như: kịch cấu trúc gồm năm thành tố (giao đãi, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút) và kịch cấu trúc gồm ba thành tố (thắt nút, cao trào, mở nút).

Có thể nhận định, cấu trúc xung đột theo kiểu luật “nhân quả” của trường phái kịch tính sẽ dẫn tới sự phát triển nội dung câu chuyện kịch theo dạng mắt xích (gối ý), nghĩa là một câu chuyện sẽ có nhiều nội dung, mỗi nội dung như là một ý, giữa các ý liên tiếp nhau có mối quan hệ nhân quả với nhau, ý một là tiền đề dẫn tới ý hai, cứ như thế diễn tiến cho tới ý cuối cùng, kết thúc câu chuyện.

(2) Xung đột kịch theo kiểu tự sự: là một dạng kịch kể chuyện bằng hành động. Xung đột trong câu chuyện kịch không có thắt nút, mở nút, không bị khép kín, mà nó được thể hiện trong không gian sinh động, thời gian kéo dài. Các hành động kịch không diễn biến theo trật tự phát triển xung đột từ lúc mở đầu cho đến lúc kết thúc câu chuyện, mà phát triển theo diễn biến số phận của một nhân vật nào đó trong quá trình va đập với các sự kiện ở cuộc sống, không nhất thiết câu chuyện phải có một xung đột chính thể hiện một khoảnh khắc, một giai đoạn trong cuộc đời của nhân vật. Câu chuyện kịch luôn có một nhân vật chính được kể lại qua thái độ thẩm mỹ của người kể chuyện, mỗi cảnh diễn là một sự kiện của số phận nhân vật chính đó, tất cả các cảnh diễn lần lượt

được kể lại bằng hành động sân khấu.

Vở diễn kịch tự sự có nhiều cảnh diễn, mỗi cảnh diễn ra trong một không gian, thời gian, với những sự kiện hành động của nhân vật chính cùng các nhân vật có liên quan, chứa đựng một xung đột độc lập, các xung đột trong mỗi cảnh diễn không liên tục, kế tiếp nhau nên không tạo cảm giác căng thẳng kiểu kịch tính, giữa các cảnh diễn không có sự logic nhau về mặt hình thức. Tuy nhiên giữa các cảnh vẫn có một xung đột khái quát nhất, đó chính là vấn đề tư tưởng bao trùm vở diễn, tính thống nhất hành động (không phải duy nhất) xuất phát từ tư tưởng chủ đề được xác định. Với kiểu xung đột tự sự như vậy, nhận thấy hình thức cấu trúc kịch phổ biến như kiểu sử thi, chấp đoạn: một câu chuyện có tính kịch với nhiều cảnh diễn kế tiếp nhau không liên tục (cắt đứt sự liên tục bên trong), không theo luật “nhân quả” trực tiếp, mà theo đường vòng, với những bước nhảy vọt.

Như vậy, cấu trúc xung đột kịch theo kiểu “cấu trúc mở” của trường phái tự sự sẽ dẫn tới sự phát triển nội dung câu chuyện kịch theo hai dạng: (1) dạng ý độc lập, nghĩa là một câu chuyện sẽ có nhiều nội dung, mỗi nội dung như là một ý, giữa các ý có giá trị, mức độ quan trọng như nhau trong quá trình thể hiện xung đột bao trùm của vở kịch. (2) dạng ý chính ý phụ, nghĩa là trong từng cảnh diễn độc lập sẽ có một xung đột – hành động chính, xung đột chính này sẽ được diễn ra với các hành

động phụ, nhỏ, rải rác nhằm phản ánh, diễn đạt trọn vẹn hành động xung đột chính đó. Dạng cấu trúc ý chính ý phụ này cũng nhận thấy trong cấu trúc xung đột của cả vở diễn, ý chính là xung đột bao trùm vở diễn, ý phụ là các xung đột nhỏ trong mỗi cảnh diễn.

Có thể tham khảo bảng so sánh về cấu trúc kịch giữa trường phái kịch tính (Aristotle) và trường phái tự sự biện chứng (Brecht) của Đức Kôn³⁰ như sau:

Cấu trúc kịch		
Dòng kịch tính	Stt	Dòng kịch tự sự biện chứng
Linh hồn của vở kịch là cốt truyện.	1	Linh hồn của vở kịch là cốt truyện.
Kịch bản là sự tái hiện một hành động có tính xung đột đang xảy ra, qua những lớp kịch kế nhau liên tục, chặt chẽ theo quy luật “nhân quả”, theo đường thẳng với trật tự logic của sự việc, của tâm lý và thời gian. Thời gian diễn biến của kịch nhằm	2	Kịch bản là một câu chuyện có tính kịch được kể lại, qua những lớp kể tiếp nhau không liên tục, không theo luật “nhân quả” trực tiếp, mà theo đường vòng, với những bước nhảy vọt. Thời gian diễn biến của kịch luôn tạo ra những điểm mới và cắt đứt sự liên tục bên trong.

³⁰ Đức Kôn. (2004). *Sân khấu đại cương*. Trường Cao đẳng Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa – Thông tin. Tr. 195, 196.

phục vụ cho sự chín muồi của xung đột và tính cách.		
Kịch chỉ chứa đựng một hành động duy nhất, với những biến cố, nhận biết và đau khổ thường xảy ra giữa những người thân và trong quy mô chuyển biến từ hạnh phúc tới bất hạnh.	3	Kịch không buộc chỉ chứa đựng một hành động, mà được tổ chức nhằm làm rõ các mối tương quan xã hội với những tập thể người rộng lớn và trong một quá trình đầy đủ để làm sáng tỏ một vấn đề xã hội, một ý niệm tư tưởng.
Bắt đầu từ thắt nút, kịch phát triển dần từ thấp lên cao, gây cảm giác căng thẳng chờ đợi cái gì sẽ xảy ra, cho tới kết thúc hoàn toàn.	4	Mỗi lớp kịch có giá trị tương đối độc lập, cung cấp thêm những tư liệu cho sự hiểu biết về thế giới và con người, về sự phát sinh, phát triển của sự kiện, cho tới lúc kết thúc một giai đoạn xung đột.
Thể hiện phù hợp với luật “Tam duy nhất”: duy nhất về thời gian, duy nhất về địa điểm, duy nhất về hành động.	5	Thể hiện qua nhiều thời điểm, ở nhiều nơi theo yêu cầu của câu chuyện, với nhiều tình tiết phong phú.
Tuân thủ tính tuyệt đối của chất liệu kịch trong thái độ và cách trình bày.	6	Coi chuyện kịch là tách biệt với người kể, do đó công khai kể theo ý định nghệ thuật với những kiến giải rõ ràng của người kể.

Chương trình văn hóa nghệ thuật kế thừa hai kiểu xung đột kịch tính và tự sự, vận dụng các hình thức cấu trúc kịch của hai trường phái nghệ thuật sân khấu phổ biến này để làm phương pháp cấu trúc nội dung chương trình. Từ đó, nhận thấy có ba dạng thức cấu trúc nội dung chương trình văn hóa nghệ thuật cơ bản là:

(1) Cấu trúc nội dung theo kiểu gối ý: chương trình hay tiết mục có nhiều ý, mỗi ý là một nội dung, ý trước là tiền đề dẫn tới ý sau, lần lượt các ý có mối quan hệ nhân quả với nhau thể hiện quá trình vận động, phát triển khép kín của nội dung chương trình từ lúc mở đầu, phát triển cho tới kết thúc.

(2) Cấu trúc nội dung theo kiểu ý chính ý phụ: chương trình hay tiết mục sẽ có một ý chính chủ đạo, bao trùm, quán xuyên và các ý phụ có liên quan hữu cơ với ý chính, nhằm xây dựng, phát triển, hoàn thiện cho ý chính.

(3) Cấu trúc nội dung theo kiểu ý độc lập: chương trình có nhiều tiết mục, mỗi tiết mục là một ý độc lập, mang tính ngang bằng, cân đối với nhau về nội dung, hình thức và tiết tấu, không có ý nào là ý phụ hay ý chính và cũng không phải ý này làm tiền đề cho sự tiến triển của ý kia.

Ba kiểu cấu trúc nội dung này có thể được sử dụng độc lập, sử dụng song song và sử dụng đan xen với nhau trong quá trình sáng tạo các chương trình văn hóa nghệ thuật.

c. Thành tố chương trình văn hóa nghệ thuật

Tiếp cận theo đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật sân khấu, chương trình văn hóa nghệ thuật cũng chứa đựng các thành tố của một tác phẩm sân khấu bao gồm: tác giả – người viết kịch bản, diễn viên – người biểu diễn các tiết mục trong chương trình, đạo diễn – người dàn dựng chương trình và khán giả - người tiêu dùng chương trình văn hóa nghệ thuật.

(1) Tác giả – người viết kịch bản chương trình

Kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật cũng được xem là một câu chuyện bằng ngôn từ, là thể loại của loại hình văn học (văn, thơ, kịch). Bởi nó cũng phản ánh hiện thực bằng phương pháp tư duy hình tượng, thông qua phương tiện ngôn ngữ lời thoại của các loại nhân vật (nhân vật người dẫn chuyện, người dẫn chương trình, tuyên truyền viên, nhân vật kịch), cùng với ngôn ngữ của thể loại tự sự và trữ tình (sử dụng lời văn, lời thơ, lời ca của các tác phẩm văn học, nghệ thuật lồng ghép trong kịch bản).

Kịch chương trình văn hóa nghệ thuật có một số đặc điểm sau:

Tính tự sự: thể hiện qua kịch chương trình văn hóa nghệ thuật là một câu chuyện có mở đầu, phát triển và kết thúc rõ ràng. Kịch chương trình văn hóa nghệ thuật cũng có cốt truyện rõ ràng, nhưng khác với một cốt truyện theo kiểu kịch tính thường thấy (là một hệ thống hữu cơ và hoàn chỉnh về các sự kiện, với các nhân vật có sự va chạm, xung đột với nhau về tính cách, đấu tranh một cách khốc liệt để giải quyết xung đột), cốt truyện kịch chương trình văn hóa nghệ thuật có thể có hoặc không nhất thiết phải có một hệ thống hữu cơ các sự kiện, các nhân vật có mâu thuẫn nhau về tính cách, xung đột và đấu tranh để triệt tiêu nhau, đi tới kết thúc và tất cả phải được kết cấu chặt chẽ lại với nhau để tường thuật lại trong một cốt truyện hoàn chỉnh.

Tính trữ tình: bộc lộ qua tư tưởng, tình cảm, khát vọng của các nhân vật được tác giả hư cấu trong tác phẩm (thông qua lời thoại kịch, lời dẫn chương trình, lời thuyết minh, lời tuyên truyền, lời ca, điệu múa, thậm chí là hình ảnh tĩnh và động, tranh, tượng hay các phương tiện biểu cảm khác).

Tính kịch: nội dung câu chuyện được hư cấu trong sự kết hợp giữa yếu tố tư liệu và yếu tố hình tượng nghệ thuật; có thể thấy, chủ đề của kịch các chương trình văn

hóa nghệ thuật thường khai thác chất liệu nội dung của những sự kiện cụ thể, người thật, việc thật; căn cứ vào mục đích của cuộc trình diễn; để giải nghĩa các chất liệu cuộc sống thật đó một cách gần gũi, dễ hiểu và thẩm mỹ; bằng sự hư cấu – thông qua trí tưởng tượng của nghệ sĩ để tạo nên các hình tượng; qua đó, nhằm làm sáng tỏ các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa... thực hiện những nhiệm vụ nhất định của đơn vị. Tư liệu là cơ sở để hư cấu nghệ thuật (tưởng tượng sáng tạo nên hình tượng nghệ thuật), sản phẩm mang tính tư liệu và hư cấu nghệ thuật bộc lộ, phản ánh mục đích chủ đạo, chủ quan của người sáng tạo. Sự phản ánh đó chính là một phương thức đặc thù – phương thức hình tượng trong việc chuyển hóa giữa thông tin xã hội và nhận thức con người (hai chiều của một hoạt động văn hóa tinh thần). Câu chuyện chứa đựng các mâu thuẫn, xung đột để tạo nên sức hấp dẫn, có khi gây kịch tính. Xung đột trong chương trình văn hóa nghệ thuật là những xung đột giả định, do tác giả hư cấu nhằm mục đích tạo sự tương phản, đối lập, đối tỷ để làm cái có nhằm đạt mục đích giáo dục sao cho hấp dẫn khán giả, nó không nhất thiết phải là xung đột đích thực của những tính cách nhân vật trong những hoàn cảnh xã hội nhất định, đấu tranh với nhau để khẳng định sự thắng hay thua cuộc và qua đó tự bộc lộ tư tưởng chủ đề.

Như vậy, kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật là một văn bản biên kịch, trình bày câu chuyện được hư cấu, có cốt truyện rõ ràng, có mâu thuẫn, xung đột và được thể hiện thông qua lời thoại của các kiểu nhân vật khác nhau cùng với sự kết hợp đa dạng của các phương tiện biểu cảm.

Tác giả kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật: là người (cá nhân hay tập thể) sáng tác ra các kịch bản văn học kịch chương trình văn hóa nghệ thuật. Thông thường họ là những người làm việc chính thức hay cộng tác viên của các trung tâm văn hóa; là những người có am hiểu và hành nghề chuyên môn trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật. Những người có vốn kiến thức sâu và rộng, am tường về văn hóa, cảm thụ tốt và thực hành được nhiều loại hình nghệ thuật, nhất là nghệ thuật tổng hợp sẽ là một lợi thế trong hoạt động sáng tác kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật. Tác giả kịch bản có thể đồng thời là người đạo diễn cho chương trình văn hóa nghệ thuật.

(2) Diễn viên – người biểu diễn trong chương trình

Diễn viên là người sáng tạo và biểu diễn trên sân khấu, người trung chuyển tất cả các hành động kịch trong kịch bản tới khán giả. Hoạt động sáng tạo của diễn

viên giới hạn trong phạm vi của kịch bản và phụ thuộc vào đạo diễn và khán giả. Diễn viên chương trình văn hóa nghệ thuật rất đa dạng, phong phú, phụ thuộc vào việc thiết kế tiết mục của tác giả và cả việc xử lý dàn dựng của đạo diễn. Thông qua ngôn ngữ nghệ thuật biểu hiện, biểu diễn (hành động ngôn ngữ, ngoại hình và tư duy) người diễn viên thể hiện lời dẫn, lời thuyết minh, lời tuyên truyền, lời thoại kịch, lời phát biểu, lời ca, điệu múa; hay sử dụng các động tác, cử chỉ, điệu bộ của cơ thể (hành động không lời) trong sự kết hợp với các đạo cụ, cảnh trí (phương tiện nghệ thuật tạo hình và biểu cảm khác) cùng vận động và phát triển trong không gian và thời gian sân khấu, dưới sự dàn cảnh của đạo diễn... để thể hiện vai diễn của mình hay trình bày nội dung, ý nghĩa của tiết mục, cảnh diễn trong chương trình.

Sản phẩm lao động sáng tạo của diễn viên là vai diễn. Mỗi vai diễn của diễn viên chương trình văn hóa nghệ thuật vừa chứa đựng cái tôi tỉnh táo, sáng suốt của diễn viên; vừa chứa đựng cái tôi trữ tình của nhân vật được giả định, quy định trong kịch bản. Vai diễn của diễn viên chương trình văn hóa nghệ thuật có khi là sự biểu diễn một nhân vật kịch được định sẵn theo khuôn mẫu kịch bản quy định (diễn viên đóng vai); cũng có khi vai diễn đó là sự trình diễn chính trí tuệ, tình cảm của bản

thân mình về một nhân vật hay sự kiện, vấn đề nào đó (qua lời dẫn, lời bình, lời phát biểu của bản thân diễn viên là người dẫn chương trình, khách mời, đại biểu...).

Sáng tạo của diễn viên trên sân khấu được thực hiện trong thời gian và không gian của chương trình, tại địa điểm là sàn diễn, được khán giả tiếp nhận trực tiếp tại chỗ. Giữa diễn viên và khán giả có sự giao lưu, tác động và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau trong lúc sáng tạo và hưởng thụ chương trình văn hóa nghệ thuật. Quá trình sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời, cho nên khán giả cũng là một thành tố hữu cơ, không thể thiếu trong sự hoàn chỉnh một chương trình văn hóa nghệ thuật.

(3) Đạo diễn – người dàn dựng chương trình

Đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật là người chuyển nội dung hành động trong kịch bản văn học thành hành động biểu diễn trên sân khấu, thông qua nghệ thuật dàn cảnh, sắp đặt diễn viên vận động và phát triển trong bối cảnh sân khấu.

Quy trình công việc của người đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật bao gồm các công đoạn sau: đọc kịch bản, phân tích kịch bản, lên ý đồ đạo diễn và thực hiện ý đồ đạo diễn. Nội dung công việc người đạo diễn phải làm là: lý giải kịch bản bằng cách nói riêng của mình với tất

cả sự hiểu biết nghề nghiệp, cảm xúc, sự rung động thực sự của bản thân; chỉ đạo diễn xuất cho diễn viên để hình thành nên các hình tượng nhân vật độc đáo trong sự hài hòa của vở diễn; tổ chức phối hợp các loại hình nghệ thuật, các thành viên sáng tạo vào một định hướng chung theo ý đồ dàn dựng thống nhất của mình.

Đạo diễn là một nghề thuộc nhóm ngành nghệ thuật. Đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật vừa phải là “nhà nghệ sĩ” làm nghề nghệ thuật dàn dựng, vừa phải là “nhà văn hóa” làm nghề hoạt động văn hóa. Sự thấu hiểu, am tường một cách sâu và rộng các vấn đề văn hóa và nghệ thuật trong sự vận động hữu cơ, biện chứng và thống nhất giữa chúng với nhau vừa là một mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ đồng thời cũng là ý nghĩa, giá trị to lớn nhất của nghề đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật. Cho nên, người làm hoạt động văn hóa cần phải hiểu và biết thực hành nghệ thuật, còn người làm nghệ thuật cần phải nhận thức đầy đủ về bản chất, quy luật và giá trị của văn hóa; và quan trọng hơn, cần có thái độ và năng lực vận dụng một cách hợp lý, hài hòa, thẩm mỹ mối quan hệ biện chứng giữa phương tiện nghệ thuật và mục đích văn hóa trong quá trình hoạt động văn hóa nghệ thuật.

(4) Khán giả - người tiêu dùng văn hóa nghệ thuật

Khán giả là người trực tiếp tham dự (hưởng thụ và sáng tạo) các chương trình văn hóa nghệ thuật. Trong quá trình tham dự, khán giả biểu lộ trực tiếp phản ứng với tất cả những gì đang diễn ra trên sân khấu. Những biểu lộ, phản ứng của khán giả sẽ tác động và ảnh hưởng trực tiếp tới cảm hứng, tâm lý sáng tạo, biểu diễn của diễn viên ngay trên sân khấu.

Quá trình tham dự vào các chương trình văn hóa nghệ thuật khán giả không chỉ hưởng thụ mà còn có thể cùng tham gia sáng tạo và hoàn thiện chương trình thông qua sự liên tưởng, tưởng tượng, thái độ, phản ứng, góp ý, gợi ý cho diễn viên, đạo diễn...; thậm chí họ còn là những người trực tiếp tham gia vào quá trình biểu diễn trên sân khấu thông qua tiết mục giao lưu, phát biểu ý kiến, người chơi các trò chơi, thí sinh của cuộc thi...; đối với các chương trình sân khấu hóa, khán giả cũng là một lực lượng diễn viên chính thức, tham gia vào hành động kịch và hành động sân khấu, có tổ chức và được dàn dựng như nhóm diễn viên biểu diễn trên sân khấu...

Thông qua hưởng thụ và sáng tạo các chương trình văn hóa nghệ thuật, khán giả không chỉ thỏa mãn nhu cầu cái đẹp, tìm kiếm và thỏa mãn những khoái cảm thẩm mỹ, mà còn được nâng cao nhận thức, thay đổi

hành vi bản thân theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn các giá trị chân, thiện, mỹ.

Có thể thấy, chương trình văn hóa nghệ thuật cũng hội đủ các đặc tính của một tác phẩm sân khấu như: tính hành động, tính xung đột, tính trực tiếp biểu diễn và giao lưu với khán giả, tính tổng hợp và tập thể. Các đặc tính này góp phần làm cho chương trình văn hóa nghệ thuật có được sức mạnh và sức hấp dẫn đặc biệt của loại hình nghệ thuật tổng hợp không gian và thời gian; là phương tiện đặc thù, độc đáo của hoạt động văn hóa nghệ thuật.

Hoạt động sáng tạo nghệ thuật sân khấu cũng có sự tương đồng với hoạt động sản xuất các sản phẩm văn hóa tinh thần bao gồm các thành tố sáng tạo, tổ chức và hưởng thụ. Song, đặt trong bối cảnh hoạt động của trung tâm văn hóa, nơi chủ yếu thực hiện nhiệm vụ tổ chức phục vụ các nhu cầu hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa nghệ thuật của người dân, thì hoạt động phục vụ bao gồm hai hoạt động chủ yếu là sáng tạo và tổ chức (còn hoạt động hưởng thụ thuộc về phía người dân). Theo đó, có thể thấy hoạt động sáng tạo và tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật ở trung tâm văn hóa hiện nay thường tựu trung vào hai loại hoạt động chủ yếu là: hoạt động viết kịch bản và hoạt động dàn dựng các chương trình văn hóa nghệ thuật.

1.3. Phương pháp và thủ pháp sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật

1.3.1. Phương pháp sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật

Phương pháp là cách thức tiến hành thực hiện một loại công việc, theo một trật tự sắp xếp nhất định, để đạt tới mục tiêu đã xác định. Mỗi hoạt động văn hóa nghệ thuật đều có những phương pháp làm việc khác nhau, phù hợp với mục đích, chức năng của từng hoạt động văn hóa và gắn với đặc thù của những phương tiện nghệ thuật được sử dụng để thể hiện mục đích, chức năng của hoạt động đó.

Thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật ứng dụng phương tiện đặc thù của nghệ thuật sân khấu để thực hiện chức năng tuyên truyền, giải trí, giáo dục văn hóa cũng có những phương pháp khác biệt. Chúng tôi xin trình bày tám phương pháp cùng với một số thủ pháp cụ thể thường được sử dụng trong các chương trình văn hóa nghệ thuật bao gồm: phương pháp lắp ghép, phương pháp minh họa, phương pháp trang trí, phương pháp sắp đặt, phương pháp mô hình hóa, phương pháp sân khấu hóa, phương pháp tự sự và phương pháp trò chơi/cuộc thi.

(1) Phương pháp lắp ghép: lắp ghép là sự liên kết các bộ phận (chi tiết) lại với nhau nhằm tạo ra một tổng thể hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, mang tính đúc liền với nhau.

Chương trình văn hóa nghệ thuật là một hệ thống các tiết mục của các loại hình, loại thể văn hóa, nghệ thuật khác nhau. Tất cả các tiết mục của hệ thống đó phải được liên kết lại với nhau theo một trật tự cấu trúc nhất định nào đó trong mối quan hệ với chủ đề hay đề tài cụ thể, với lượng thời gian đã được ấn định. Yêu cầu tối cao của việc lắp ghép các tiết mục trong chương trình là làm sao cho tất cả các tiết mục có sự kết nối liền mạch trên cơ sở các nguyên tắc: hợp lý về nội dung, thẩm mỹ về hình thức, sinh động về tiết tấu.

Phương pháp lắp ghép đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong xây dựng kịch bản và tổ chức dàn dựng các chương trình văn hóa nghệ thuật; thể hiện một trong những đặc trưng của loại hình chương trình trong sự khu biệt với vở diễn hay bộ phim. Phương pháp lắp ghép xuất hiện trong cách của người tác giả khi sáng tác kịch bản chương trình và đạo diễn khi dàn dựng xử lý các tình tiết, điều kiện thiết kế trong một tiết mục, giữa các tiết mục với nhau và giữa các chương, phần trong một chương trình thống nhất. Phương pháp lắp ghép sử dụng một hệ thống các thủ pháp đối tỷ để kết nối vô cùng phong phú,

đa dạng như: âm thanh, ánh sáng, màu sắc, số lượng, âm lượng, không gian ba chiều...

(2) Phương pháp minh họa: minh họa là phụ theo để làm cho sáng tỏ hơn.

Minh họa là một trong số những phương pháp thường dùng trong các chương trình văn hóa nghệ thuật như: minh họa múa, minh họa hoạt cảnh, diễn xuất phụ thêm cho các tiết mục ca; minh họa hình ảnh, số liệu, bảng biểu cho bài nói, thuyết trình; minh họa cảnh trí, nghệ thuật tạo hình, vật phẩm... cho tiết mục biểu diễn nào đó...

Phương pháp minh họa có một số nguyên tắc cần lưu ý: là phần phụ cho một phần biểu diễn chính nào đó; nội dung của minh họa phải có mối liên hệ gắn bó với nội dung tiết mục chính; hình thức minh họa cần sinh động, đa dạng và thường mới mẻ, khác biệt hơn so với hình thức của tiết mục chính; tiết tấu của minh họa phải gắn kết, hòa quyện với tiết tấu chung của tiết mục, chương trình; góp phần làm cho công chúng cảm nhận, thưởng thức, thấu hiểu sâu sắc hơn, tốt đẹp hơn giá trị của tiết mục, chương trình. Minh họa khác với phụ họa; phụ họa không cần bám sát tuyệt đối vào nội dung tiết mục chính, mà chủ yếu là điểm tô thêm cho tiết mục chính có “màu sắc” hơn.

(3) Phương pháp trang trí: là điểm tô, tạo nền cảnh cho những hình trạng, cảnh tượng của chương trình văn hóa nghệ thuật thêm đẹp trong cái nhìn của công chúng khán giả.

Phương pháp trang trí là cách thức đi tìm hình thức thẩm mỹ góp phần thể hiện cho nội dung kịch bản, là quá trình vận dụng các yếu tố và nguyên tắc của mỹ thuật tạo hình để làm đẹp cho một chương trình văn hóa nghệ thuật theo kịch bản ban đầu. Kịch bản chương trình có vai trò như một phác thảo (mang tính nội dung) và trang trí chính là một trong những yếu tố nghệ thuật thể hiện (mang tính hình thức) để tạo ra một tác phẩm, một sản phẩm từ phác thảo ban đầu ấy. Do đó, nghệ thuật trang trí góp một phần quan trọng để hoàn chỉnh hình thức của một chương trình văn hóa nghệ thuật thông qua các đặc trưng màu sắc, đường nét, hình khối, bố cục, chất liệu.

Phương pháp trang trí đòi hỏi cần phải nắm vững các yêu cầu mang tính nguyên tắc của mỹ thuật tạo hình, hiểu thấu đáo hình tượng nghệ thuật từ kịch bản, nắm rõ ý đồ sáng tạo của tác giả và đạo diễn dàn dựng trước khi bắt tay vào sáng tạo nên các yếu tố trang trí trong một chương trình văn hóa nghệ thuật. Quá trình trang trí sử dụng rộng rãi các điều kiện thiết kế vật thể (đạo cụ, cảnh trí, băng rôn, cờ, quạt, dù lộng, tranh, ảnh,

tượng, phục trang, xe, máy bay, voi, ngựa...); phi vật thể (tiếng động, âm thanh, âm nhạc, lời dẫn, lời bình, diễn văn, văn tế, các tiết mục nghệ thuật...) và kết hợp giữa vật thể và phi vật thể (kịch, phim, trò chơi...).

(4) Phương pháp sắp đặt/trưng bày: là cách sắp xếp các vật thể, hình thể, hình ảnh tĩnh hoặc động có nội dung và tính thẩm mỹ.

Phương pháp sắp đặt/trưng bày vận dụng tư duy hình tượng và mọi thủ pháp nghệ thuật, cùng tất cả các phương tiện biểu cảm để hình thành nên các hình tượng sắp đặt/trưng bày mang tính thống nhất giữa nội dung và hình thức. Nhiệm vụ của phương pháp này là sáng tạo tổ hợp những hiện vật riêng lẻ, khác biệt, rời rạc, không có mối liên hệ lại với nhau và biến chúng thành một hệ thống – những hình tượng nghệ thuật, có khả năng biểu đạt nội dung, tư tưởng chủ đề. Khác với phương pháp trang trí, cái đẹp hiện lên trong sản phẩm sắp đặt/trưng bày mang vác, chuyên chở một nội dung nhất định nào đó, như là thông điệp mang tính ẩn dụ, chìm sâu trong cảnh tượng thiết kế, trong mối liên hệ giữa tất cả các vật thể, hình thể, hình ảnh tĩnh hoặc động với một kết cấu thẩm mỹ. Trong khi trang trí chủ yếu góp phần làm nền cảnh, làm đẹp thêm cho nội dung của kịch bản.

Các hình tượng sắp đặt/trưng bày là những hệ thống hình tượng trực quan, sinh động, một không gian văn hóa nghệ thuật; có sức truyền cảm, sức thuyết phục, lớn đối với công chúng khán giả; gây được những khoái cảm thẩm mỹ và gợi mở những tư duy, liên tưởng cho người xem, người tham dự.

(5) Phương pháp mô hình hóa: là tạo tác phỏng theo cấu trúc và hoạt động của một sự vật, hiện tượng (vật mẫu).

Phương pháp mô hình hóa dựa trên nguyên tắc ước lệ nhưng vẫn giữ được đầy đủ những đặc trưng chủ yếu, không làm thay đổi căn bản cấu trúc và hoạt động của vật mẫu; qua đó nhằm nghiên cứu, trình bày, phổ biến về vật mẫu. Có thể thấy các cuộc diễn tế dâng hương, dâng rượu, dâng trà, lễ rước, diễu hành... trong các lễ hội cổ truyền của đình làng như là hệ thống nghi lễ truyền thống của dân tộc và trở thành các hình mẫu để người làm văn hóa hôm nay sáng tạo nên các sinh hoạt, lễ hội đương đại, hay người dân sử dụng, mô phỏng, sáng tạo ra hệ thống các lễ nghi mang tính gia đình một cách đại chúng rộng rãi.

Phương pháp mô hình hóa, cần lưu ý các yếu tố: bảo lưu, cải biên và yếu tố mới và mối quan hệ đồng thời giữa các yếu tố này trong quá trình sáng tạo văn hóa nghệ thuật.

(6) Phương pháp sân khấu hóa: sân khấu hóa là phương pháp nghệ thuật hóa vấn đề đời sống – cái vốn dĩ không thuộc về nghệ thuật biểu diễn.

Phương pháp sân khấu hóa là cách thức (nghệ thuật) kết cấu dàn cảnh theo nguyên tắc tính sân khấu và tính kịch. Phương pháp sân khấu hóa, sử dụng rộng rãi các điều kiện thiết kế vật thể (đạo cụ, cảnh trí, băng rôn, cờ, quạt, dù lộng, tranh, ảnh, tượng, phục trang, xe, máy bay, voi, ngựa...); phi vật thể (tiếng động, âm thanh, âm nhạc, lời dẫn, lời bình, diễn văn, văn tế, các tiết mục nghệ thuật...); kết hợp giữa vật thể và phi vật thể (kịch, phim, trò chơi...). Các điều kiện thiết kế này phải được nghệ thuật hóa để tác động trực giác con người, góp phần làm cho họ cảm thấy, trông thấy và nghe thấy được. Kịch bản sân khấu hóa là một sơ đồ cốt truyện. Dựa vào cốt truyện ấy, người đạo diễn dùng các điều kiện thiết kế, tạo nên những cảnh diễn liên tiếp với nhau, biểu hiện những nội dung nhất định, thông qua các hình tượng nghệ thuật sinh động, biểu cảm tác động trực tiếp tới tình cảm, trí tuệ và tâm hồn người tham dự.

Đặc trưng của phương pháp sân khấu hóa:

- Tính tư liệu và tính hình tượng: tư liệu đời sống (người thật, việc thật) phải được sử dụng hòa quyện, tương sinh với tính hình tượng nghệ thuật.

- Tính chất trình diễn hóa: tính biểu hiện cho một biểu trưng (không phải hóa thân); nhân vật hiện ra trong tác phẩm sân khấu hóa là những chân dung thật chứ không phải là nhân vật hư cấu (không nhất thiết nhân vật phải có những cá tính, mâu thuẫn gây gắt, điển hình trong số phận); nhân vật chỉ là bức phác thảo chân dung bằng các điều kiện thiết kế - đó là những hình tượng nghệ thuật chính luận cao cả.

- Tính chất tổng hợp: tổng hợp tư liệu nội dung và hình thức nghệ thuật, tổng hợp các phương tiện biểu hiện vô cùng phong phú vào một chỉnh thể nguyên hợp.

- Tính tập thể: sáng tạo nghệ thuật sân khấu hóa là sáng tạo của một tập thể đông đảo những người thực hành văn hóa, nghệ thuật, kỹ thuật, công nghệ... và cả quần chúng nhân dân là những người tham dự vào sự kiện này.

- Tính chất đại chúng: cuộc trình diễn sân khấu hóa không chỉ là tổ chức hành động biểu diễn cho diễn viên, quần chúng trên các sân khấu, hội trường, quảng trường, đường phố mà đồng thời còn phải phối hợp với hành động của chính bản thân quần chúng tham dự (những hành động tự nhiên của chính con người họ); tất cả công chúng có mặt phải trở thành những chủ thể tham dự chứ không phải là một khán giả của sân khấu.

(7) Phương pháp tự sự: là kể lại nội dung của một vấn đề cụ thể nào đó thông qua một cốt truyện hay một câu chuyện có cấu trúc tương đối hoàn chỉnh.

Tác phẩm tự sự có những đặc điểm sau:

- Cốt truyện được triển khai chi tiết sự kiện, xung đột
- Nhân vật được khắc họa chi tiết nội tâm, ngoại hình, tính cách
- Không gian được chi tiết về ngoại cảnh, nội thất
- Hoàn cảnh được chi tiết đời sống văn hóa, lịch sử, phong tục
- Cả những chi tiết liên tưởng, tưởng tượng hoang đường

...

Tự sự - kể chuyện là một hình thức để chuyển tải một nội dung nào đó, kể chuyện sử dụng phương tiện ngôn ngữ chủ yếu là tiếng nói (cả viết để nói) trong sự kết hợp rộng rãi các phương tiện ngôn ngữ biểu cảm khác để tăng cường tối đa tính hấp dẫn của nội dung được kể nhằm thu hút công chúng.

Kể chuyện có thể xuất hiện như là một tiết mục trong chương trình văn hóa nghệ thuật, cũng có thể là

một hình thức cấu trúc kịch bản cả chương trình như là một câu chuyện, mỗi sự kiện trong câu chuyện là một tiết mục được kể lại cùng khán giả.

(8) Phương pháp trò chơi – cuộc thi: là tạo ra cuộc thi đua một cách kịch tính giữa các người chơi, đội chơi với nhau, yếu tố căng thẳng, tăng dần kịch tính và đấu tranh một mất một còn tạo cho người chơi và xem cảm giác thăng hoa một cách cao độ nhất.

Những yêu cầu đối với phương pháp trò chơi, cuộc thi:

- Định hướng xây dựng một cuộc thi, bao gồm: xác định cuộc thi gì, người chơi/đội chơi, cách chơi, cách tính thắng/thua, mức độ xung đột.
- Quy trình công việc xây dựng một cuộc thi: xác lập mục đích cuộc chơi, định đề tài/chủ đề/nội dung/hình thức thi, xác định mâu thuẫn gì/mâu thuẫn giữa ai với nhau, tạo hành động kịch/áp lực để thắng/thua, thiết kế thể lệ thi.
- Yêu cầu cuộc thi: mức độ xung đột tăng dần tính tương sinh, tương khắc, tương triệt giữa người chơi – giám khảo – khán giả.
- Tính chất cuộc thi: bí mật, bất ngờ, chính xác, công bằng.

1.3.2. Một số thủ pháp sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật

(1) Thủ pháp ước lệ hóa: là dùng điểm để tả diện, dùng chi tiết để khái quát tổng thể. Xác định các chi tiết của nội dung và các điều kiện thiết kế để xây dựng nên các hình trạng, cảnh tượng theo một tỷ lệ đối xứng, đối tỷ nhất định.

(2) Thủ pháp so sánh – đối chiếu: so sánh, đối chiếu giữa các ý tưởng, mảng, miếng, đội hình, tuyến, lớp trò, màu sắc, ánh sáng. So sánh, đối chiếu trong sinh hoạt đời thường, trong văn học, nghệ thuật (ví von). Giúp mọi người dễ dàng liên tưởng, tưởng tượng, so sánh tự nhận ra những giá trị thật; phát hiện ra những nét tương đồng, dị biệt giữa sân khấu và cuộc đời; giúp con người – công chúng – khán giả có thể khái quát quá vấn đề; suy lý theo phép tương tự; phán đoán và nâng cao nhận thức của bản thân.

(3) Thủ pháp ẩn dụ hóa: cũng như so sánh, nhưng ẩn dụ là so sánh ngầm; nó không có vế so sánh mà chỉ có bị đem ra so sánh. Ẩn dụ giúp công chúng liên tưởng, tưởng tượng cao và suy diễn ra những khía cạnh mới mẻ của nội dung, tư tưởng, tình cảm... được biểu hiện trong các hình trạng, cảnh tượng, chi tiết, đội hình... phản ánh trong các cuộc trình diễn. (Tiếng chiêng trống vang trời,

cảnh quân ta chiến đấu giữa cánh đồng mệnh mông (không có quân giặc) ta chiến thắng oai hùng... liên tưởng về một trận thắng trong kháng chiến oanh liệt nhưng cam go, gian khổ của người nông dân). Khi nêu lên một vế, một mặt, một khía cạnh của sự vật, người ta có thể suy diễn, liên tưởng, tưởng tượng ra mặt đối lập của sự vật đó một cách đúng đắn, sáng tạo; đó chính là cái giá của ẩn dụ. Chỉ có mùi hương, màu sắc, âm thanh mà con người tưởng tượng ra những cảnh tượng, cảm xúc, tính cảm, kỷ niệm, lẽ phải, sự thật... đó là đỉnh cao của nghệ thuật ẩn dụ.

(4) Thủ pháp tượng trưng: tượng trưng là tạo cho sự vật trình diễn được biểu hiện bằng những ước lệ, thường là những ẩn dụ cố định. Qua hình ảnh quốc huy, cây tre, bó mạ, bông sen, con rồng, con cá, con ngựa... thông qua những vô thể hay hữu thể công chúng có thể liên tưởng để thấy ngay, hình dung ra ngay, hiểu được ngay những ngụ ý, hàm ý một cách rõ ràng, chuẩn xác. Tượng trưng có thể mang tính tương giao hay tính giả định; vật giả định trung gian để gợi lên liên tưởng để tượng trưng.

(5) Thủ pháp phối hợp thống nhất giữa tĩnh và động: là sự phối hợp chặt chẽ, hợp lý và nhất quán giữa động và tĩnh; trong động có tĩnh và trong tĩnh có động. Sự khéo léo trong xử lý hài hòa, ẩn tượng giữa động và tĩnh sẽ tạo nên tiết tấu tốt, đẹp cho chương trình.

Phương pháp và thủ pháp nảy sinh trong quá trình vận động và phát triển của thực tiễn hoạt động, nó vừa là mục đích vừa là phương tiện để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn đặt ra; cho nên, các phương pháp và thủ pháp trên đây chỉ mang tính chất cơ bản, khái quát nhất; trong thực tế có thể vẫn còn những phương pháp, thủ pháp khác và tất nhiên cả những phương pháp và thủ pháp mới sẽ tiếp tục được hình thành. Song, qua kế thừa từ kết quả nghiên cứu của những người đi trước, quá trình học tập, nghiên cứu, giảng dạy kết hợp với kinh nghiệm hoạt động thực tiễn chúng tôi tạm đúc kết được một số phương pháp và thủ pháp như trình bày ở trên. Mỗi phương pháp, thủ pháp này vừa có thể là một phương pháp, thủ pháp sáng tạo độc lập vừa có thể liên kết, tương tác, bổ sung và xuyên thấm vào nhau trong quá trình sáng tạo các tiết mục, chương trình văn hóa nghệ thuật. Các phương pháp và thủ pháp này có thể được xem là hệ phương pháp sáng tạo các chương trình văn hóa nghệ thuật nói riêng và hoạt động văn hóa nghệ thuật nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 1

1. Đào Duy Anh. (2010). *Việt Nam văn hóa sử cương*: Văn học.
2. Trần Văn Ánh, Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Văn Hy. (2002). *Công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.
3. Thế Bảo. (2013). *Cảm nhận mỹ học âm nhạc*: Thanh niên.
4. Bộ Chính trị. (1987). Nghị quyết số 05-NQ/TW. *Về đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*. Hà Nội: BCHTW.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*. (2005). Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2013). *Tài liệu nghiệp vụ văn hóa cơ sở* (lưu hành nội bộ). Cục Văn hóa cơ sở: Hà Nội.
7. Lê Ngọc Canh. (2003). *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.

8. Lê Nguyên Cẩn (chủ biên), Nghiêm Thị Thanh (biên soạn). (2006). *Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường – Bectôn Brêch (Bertolt Engen Friedrich)*. Hà Nội: Đại học Sư phạm.
9. Trần Thị Kim Cúc. (2014). *Văn hóa Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia – Sự thật.
10. Đoàn Văn Chúc. (1997). *Xã hội học văn hóa*. Hà Nội: Viện Văn hóa & Văn hóa – Thông tin.
11. Đinh Tấn Dung (dịch). (2005). *Tâm lý văn nghệ: Thanh niên*.
12. Đinh Xuân Dũng (chủ biên), Trần Văn Bính, Phạm Đức Dương... (2014). *Văn hóa trong chiến lược phát triển của Việt Nam*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia – Sự thật.
13. Phạm Đức Dương. (2013). *Văn hóa học dẫn luận*. Trường Đại học Văn hóa TP.HCM: Văn hóa – Thông tin.
14. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân. (2011). *Mỹ học đại cương*. Đà Nẵng: Giáo dục Việt Nam.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Nghị quyết số 03/NQ-TW Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Hà Nội: BCHTW.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2014). *Nghị quyết số 33/NQ-TW Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Hà Nội: BCHTW.
17. Tuấn Giang. (2006). *Nghệ thuật sân khấu cải lương*. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Thế Dũng, Bùi Quang Thanh. (2017). *Giáo trình Văn hóa dân gian Việt Nam*. Hà Nội: Thế giới.
19. Nguyễn Văn Huân (biên soạn) (2011). *Âm nhạc Việt Nam những điều cần biết*. Văn hóa – Thông tin.
20. Nguyễn Quốc Hưng (dịch) (2015). *Nghệ thuật tạp kỹ*. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Hà Nội: Khoa học Xã hội.
21. Trần Ngọc Khánh. (2007). *Thực hiện giải pháp phân cấp quản lý văn hóa để phát triển văn hóa đồng bộ với tăng trưởng kinh tế từ thực tiễn tại TP.HCM*. Tập 3. (Trong *Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh – Những vấn đề nghiên cứu*, Viện Nghiên cứu Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh). Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng hợp.

22. Phạm Duy Khuê. (2010). *Tổ chức và dàn dựng sự kiện*. Trường Đại học Văn hóa. Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Vũ Khiêu. (2002). *Bàn về văn hiến Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Đức Kôn. (2004). *Sân khấu đại cương*. Trường Cao đẳng Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa – Thông tin.
25. Nguyễn Thị Mỹ Liêm. (2011). *Góp phần nghiên cứu đờn ca tài tử Nam bộ: Âm nhạc*.
26. Nguyễn Thị Mỹ Liêm. (2014). *Giáo trình Âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Bộ VH, TT&DL – Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh: Âm nhạc.
27. Đào Trọng Minh. (2012). *Giáo trình Phân tích âm nhạc*. Bộ VH, TT&DL – Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh: Âm nhạc.
28. Trần Minh Ngọc. (1993). *Cơ sở lý luận và kỹ thuật đạo diễn sân khấu*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Nghệ thuật Sân khấu II.
29. Phan Ngọc (dịch) (2004). *Hình thái học của nghệ thuật*. Hội Nhà văn.
30. Mịch Quang. (2004). *Khơi nguồn mỹ học dân tộc*. Hà Nội: Chính Trị Quốc gia.

31. Nguyễn Văn Quyết, Phạm Lan Hương, Lâm Nhân. (2005). *Nhạc lễ Nam bộ - Nghi thức và nhạc lễ trong cúng đình, tang ma của người Việt ở Đồng Nai*: Tổng hợp Đồng Nai.
32. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh* (2009). Hà Nội.
33. Lê Ngọc Tòng. (2004). *Một số nghiên cứu bước đầu về kinh tế học văn hóa*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
34. *Tuyển tập Mác – Ăngghen*. Tập II. (1981). Hà Nội: Sự thật.
35. *Từ điển Bách khoa Việt Nam, Tập 4*. (2003). Hà Nội: Từ điển Bách khoa.
36. *Từ điển Triết học* (bản dịch) (1986). Liên Xô: Tiến bộ và Sự thật. Tr. 634.
37. Nguyễn Thị Minh Thái. (1999). *Sân khấu và tôi*: Sân khấu.
38. Chu Văn Thành (chủ biên), Phạm Quang Lê, Lê Chi Mai, Nguyễn Như Phát, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Phước Thọ... Vũ Trường Giang. (2004). *Dịch vụ công và xã hội hóa dịch vụ công, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.

39. Huỳnh Quốc Thắng. (2016). *Dân tộc học văn hóa nghệ thuật*. Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
40. Trần Ngọc Thêm. (1995). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Giáo dục.
41. Trần Ngọc Thêm. (2013). *Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa – Văn nghệ.
42. Nguyễn Ngọc Thu. (2003). *Văn hóa thẩm mỹ và sự phát triển năng lực sáng tạo của con người*. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
43. Trần Thị Thu Thủy, Nghiêm Thị Thanh Nhã, Lương Đức Thắng. (2009). *Giáo trình Giáo dục nghệ thuật*. Trường Đại học Văn hóa nghệ thuật: Đại học Quốc gia Hà Nội.
44. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2014). *Giá trị văn hóa Việt Nam truyền thống và biến đổi*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia – Sự thật.
45. Trần Trí Trắc. (2014). *Đại cương nghệ thuật sân khấu*. Hà Nội: Lao động.
46. Nguyễn Nghĩa Trọng (2003). *Văn hóa văn nghệ trong đổi mới (Những vấn đề lý luận và thực tiễn)*: Đại học Sư phạm.

47. Viện Ngôn ngữ học. (2005). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học
48. Hoàng Vinh. (2007). *Lý luận Văn hóa*. Tập bài giảng. Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.
49. Trần Quốc Vượng (chủ biên), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh. (2007). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*: Giáo dục.
50. Ярошенко Н.Н. (2007). *История и методология теории социально-культурной деятельности – Lịch sử và phương pháp lý luận hoạt động văn hóa – xã hội*. Москва: МГУКИ.
51. Жарков А.Д. (2007). *Теория и Технология культурно-досуговой деятельности – Lý luận và kỹ thuật hoạt động văn hóa giải trí*. Учебн. Пособие. Москва: МГУКИ.
52. Жаркова А.Д и Чижикова В.М. (1998). *Культурно-досуговая деятельность – Hoạt động văn hóa – giải trí*. Учебн. Пособие. Москва: МГУКИ.
53. Жаркова Л.С. (2003). *Деятельность учреждений культуры – Hoạt động của các thiết chế văn hóa*. Москва: МГУКИ.



Chương 2

VIẾT KỊCH BẢN CHƯƠNG TRÌNH

VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

2.1. Khái niệm

Theo Lê Ngọc Canh³¹, người viết kịch bản, biên tập chương trình nghệ thuật có thể ví như người kỹ sư thiết kế xây dựng công trình, là người nghĩ ra, sáng tạo ra các kiểu dáng, quy cách thiết kế một công trình, một ngôi nhà. Công việc của người viết kịch bản chương trình cũng tương tự như công việc của người kỹ sư thiết kế xây dựng công trình. Cụ thể, mỗi chương trình đều có một mục đích, một định hướng được xác định, nhằm đem lại cho người thưởng thức sự tiếp nhận nội dung chủ đề, hình tượng nghệ thuật; người viết kịch bản, biên tập chương trình là người phải có khả năng liên kết hợp lý các tiết mục với nhau trong tổng thể của chương trình. Việc liên kết không đơn thuần chỉ là sắp xếp thứ tự các tiết mục mà phải sáng tạo, nghĩ ra cách và tuyến phát triển hợp lý của chương trình; gợi ý, đề xuất những thủ pháp, cách xử lý để tiến hành một chương trình nghệ thuật. Người viết kịch bản, biên tập chương trình cần phải có phương pháp tư duy hình tượng và tư duy khoa học, tiến hành thiết kế chương trình theo một quy trình công việc hợp lý, chặt chẽ. Quy trình viết kịch bản chương trình thường bao gồm các bước: xác định chủ

³¹ Lê Ngọc Canh. (2003). *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin. Tr. 64.

đề, nội dung, lựa chọn hình thức thể hiện; xác định thể loại chương trình; viết đề cương kịch bản, kịch bản văn học và kịch bản phân cảnh.

Tiếp cận hoạt động viết chương trình dưới góc độ tổ chức sự kiện, nhóm tác giả Cao Đức Hải và Nguyễn Khánh Ngọc³² cho rằng, *Bản chương trình* là tất cả những gì sẽ diễn ra trước khán thính giả trong sự kiện được thể hiện bằng văn bản. *Bản chương trình*, bao gồm *kịch bản văn học* (mô tả chương trình theo lối văn xuôi) và một *kịch bản phân cảnh* (gồm các tiết mục hay hoạt động, phối hợp với âm thanh, ánh sáng, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ, trên địa điểm và theo lịch trình thời gian diễn ra sự kiện). Quy trình lên chương trình sự kiện bao gồm các bước sau: xác định sứ mạng, mục đích và các mục tiêu; lập nhóm viết chương trình; đánh giá lại các kết quả nghiên cứu trước đó và đưa ra những lựa chọn yếu tố cốt lõi thể hiện chủ đề, yếu tố phối hợp và bổ trợ cho chương trình; lựa chọn địa điểm; lựa chọn thời gian; lựa chọn hình thức sự kiện; bàn bạc kỹ lưỡng theo nhóm và phân công người chấp bút (khi viết cần chú ý bám sát chủ đề, mục đích và các mục tiêu của sự kiện).

³² Cao Đức Hải, Nguyễn Khánh Ngọc. (2014). *Quản lý lễ hội và sự kiện* (2014) (giáo trình). Hà Nội: Lao động. Tr. 99, 100.

Sách “Giáo trình Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội” do Nguyễn Thị Mỹ Thanh³³ (chủ biên) quan niệm, kịch bản sự kiện là một sự kiện ở dạng văn bản – nó vạch ra “đề cương” cho tất cả những hoạt động trình diễn, có vai trò liên kết những con người có liên quan với nhau, với các yếu tố kỹ thuật – nghệ thuật và các phương tiện biểu hiện, hỗ trợ cho nhau để thống nhất hành động, tạo nên một sự kiện hoàn hảo. Xây dựng kịch bản là công việc mang tính khoa học và nghệ thuật, công việc này cần tuân thủ các nguyên tắc như: đảm bảo tính sứ mệnh và mục tiêu, hiểu đặc điểm của khách hàng, bám sát chủ đề, đạt tiêu chuẩn chất lượng, dựa theo các điều kiện thiết kế, các yếu tố hỗ trợ, có địa điểm, có thời gian, có thời lượng, có ngân sách, có đối sánh với các chương trình cùng loại, được duy trì và củng cố sức hấp dẫn của chương trình, chú trọng nhịp điệu kịch bản, bầu không khí sự kiện, nội dung và kết cấu nội dung và có cách thức biểu diễn kịch bản. Khâu viết kịch bản sự kiện đóng vai trò quan trọng tạo ra sự thành công cho sự kiện; trong sự kiện có nhiều loại kịch bản được viết như: kịch bản chương trình, kịch bản đường dây chương trình, kịch bản nội dung chương trình, kịch bản kỹ thuật, kịch bản MC...

³³ Nguyễn Thị Mỹ Thanh (chủ biên), Sử Ngọc Diệp. (2015). *Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội*: Lao động – Xã hội. Tr. 400 – 403.

Các khái niệm trên tuy có khác nhau về góc độ tiếp cận và ngôn ngữ diễn đạt, song giữa các khái niệm này đều có những điểm tương đồng như: xem hoạt động viết kịch bản là hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật, là khâu đầu tiên trong quy trình tổ chức một chương trình sự kiện, sáng tác kết hợp phương pháp tư duy nghệ thuật và phương pháp tư duy khoa học, dựa trên những yêu cầu thực tế và tuân thủ theo một quy trình nhất định.

Kế thừa từ một số quan niệm trên, có thể đưa ra khái niệm về hoạt động viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật như sau: **viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật là hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật; sử dụng phương pháp tư duy hình tượng và tư duy khoa học; dựa trên những mục đích, yêu cầu, điều kiện thiết kế được xác định; để xây dựng nên các tiết mục văn hóa nghệ thuật và tổ hợp chúng lại thành một tổng thể thống nhất (đúc khối) theo một cấu trúc thẩm mỹ; đồng thời đưa ra những gợi ý dàn cảnh cho những người dàn dựng, biểu diễn và tổ chức thực hiện chương trình.**

Công việc cốt lõi của viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật là tiến hành xây dựng nên một câu chuyện văn hóa nghệ thuật, có chủ đề tư tưởng rõ ràng, trên cơ sở lắp ghép các tiết mục văn hóa nghệ thuật

riêng lẻ lại với nhau thành một tổ hợp thống nhất (đúc khối) có nội dung hợp lý, hình thức thẩm mỹ, tiết tấu hài hòa. Câu chuyện văn hóa nghệ thuật đó được hư cấu trên cơ sở kết hợp giữa tư liệu thật và hình tượng nghệ thuật, viết ra để trình diễn trực tiếp trên sân khấu có công chúng khán giả xem.

Viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật là hoạt động sáng tác văn học kịch – kịch chương trình văn hóa nghệ thuật, hoạt động này cũng tuân thủ theo một chu trình tư duy sáng tạo nghệ thuật. Chu trình tư duy sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật có thể bắt đầu từ cảm xúc chủ quan của cá nhân, rồi tiến hành tư duy, sáng tạo và hình thành nên tác phẩm kịch bản; cũng có khi bắt đầu xuất phát từ những yêu cầu, nhiệm vụ, đặt hàng từ các cá nhân, tập thể (không xuất phát từ cảm xúc) mà phải bắt đầu từ tư duy rồi chuyển sang giai đoạn tìm cảm xúc, đến sáng tạo và hình thành nên tác phẩm kịch bản. Thông thường, người làm công tác văn nghệ ở các trung tâm văn hóa viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật trên cơ sở những yêu cầu, nhiệm vụ được quy định theo các kế hoạch hoạt động thường xuyên của đơn vị. Bên cạnh tư duy hình tượng nghệ thuật, hoạt động này cũng đồng thời đòi hỏi người sáng tác phải sử dụng cả phương pháp tư duy khoa học để nghiên cứu tư liệu, đúc kết nên các quy luật, khái quát

hóa thành các nội dung có tính đúng đắn, chân thực và hợp lý. Tư duy khoa học giúp người viết kịch bản có cơ sở để bố cục, lý giải nội dung được chặt chẽ, hợp lý hơn, làm nền tảng vững chắc cho việc sáng tạo các hình thức biểu diễn phong phú, đa dạng; góp phần hoàn thiện cả nội dung và hình thức, tăng cường sức hấp dẫn, sâu sắc, thuyết phục cho từng tiết mục và cả chương trình.

Trong thực tế, hoạt động viết kịch bản có thể diễn ra trước hoặc sau khi có kế hoạch tổ chức một chương trình văn hóa nghệ thuật. Nếu viết kịch bản sau khi có kế hoạch tổ chức, người viết bắt buộc phải dựa trên một số nội dung cơ bản, quan trọng đã được xác định trong kế hoạch như mục đích, yêu cầu, thời gian, địa điểm và định hướng nội dung chương trình làm cơ sở để xây dựng kịch bản chương trình. Trường hợp viết kịch bản trước khi có kế hoạch, người viết phải xác định rõ trong kịch bản của mình những nội dung cơ bản, quan trọng như trên để làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình. Song, dù xuất phát điểm từ cảm xúc hay tư duy, viết kịch bản trước hay sau khi có kế hoạch thì nguyên tắc chung là tất cả các kịch bản phải dựa vào mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của các trung tâm văn hóa (chủ sở hữu sự kiện) để tiến hành xây dựng kịch bản. Nói cách khác, mục đích hoạt động văn hóa (tuyên truyền, giáo dục, giải trí) cũng chính là mục đích tối cao của kịch chương

trình văn hóa nghệ thuật. Thông qua tiêu dùng các chương trình văn hóa nghệ thuật người dân được giải trí, tiếp nhận thêm những thông tin đúng đắn, kịp thời và nâng cao hiểu biết, hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ chính là ý nghĩa thiết thực, cao quý nhất của các hoạt động này.

Viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật là quá trình sáng tạo ra các tiết mục văn hóa nghệ thuật và lắp ghép chúng lại với nhau thành một khối tổ hợp thống nhất, tập trung phản ánh một chủ đề tư tưởng. Trên cơ sở định hướng nội dung từ chủ đề, người viết kịch bản phải thiết kế một hệ thống các tiết mục hay các cảnh diễn để cụ thể hóa nội dung (vì trong mỗi tiết mục đều có nội dung và nội dung của tiết mục phải có liên quan tới nội dung của chương trình đã được định hướng). Quá trình thiết kế tiết mục phải bám sát nội dung đã định hướng, tiến hành xây dựng các hình thức thể hiện sao cho thật thẩm mỹ, sáng tạo, độc đáo; đồng thời phải cân nhắc tới yếu tố về tiết tấu, màu sắc nhằm tạo ra tính sinh động, hấp dẫn tổng thể cho cả tiết mục hay cảnh diễn. Tất cả các tiết mục đều có sự gắn kết với nhau về không gian, thời gian và bố cục nội dung tổng thể, cùng tập trung phản ánh một chủ đề tư tưởng thống nhất. Song, dẫu sao thì các tiết mục, cảnh diễn trong chương trình vẫn có sự tồn tại tương đối độc lập với nhau; cho nên,

người viết kịch bản cần tiếp tục sáng tạo ra các thủ pháp nghệ thuật để kết nối liền mạch các tiết mục lại với nhau, tạo ra một tổng thể thống nhất, hài hòa và thẩm mỹ cả nội dung lẫn hình thức, trong một tiết mục và giữa các tiết mục với nhau; đây là một nội dung sáng tạo độc đáo, đặc thù của thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật, nó thể hiện bản lĩnh, tài năng của người viết kịch trong sự am tường về nghệ thuật dàn cảnh sân khấu và thể loại chương trình này.

Cũng như trong viết kịch bản sân khấu, tác giả có thể đưa ra những gợi ý về không gian, thời gian, điều kiện thiết kế và cả hành động diễn xuất cho nhân vật kịch để khắc họa rõ hơn hành vi nhân vật của mình trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định; góp phần cho đạo diễn và diễn viên dễ dàng hình dung, nhận diện sâu sắc hơn về hành động kịch, tính cách nhân vật để mà sáng tạo nên các hành động sân khấu; tuy nhiên, những người biểu diễn và dàn dựng có thể không thực hiện theo hoàn toàn những nội dung gợi ý đó của tác giả. Trong các kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật, chúng ta cũng thường thấy các gợi ý dàn cảnh này như: gợi ý chỉ dẫn về âm nhạc, âm thanh, ánh sáng, cảnh trí, đạo cụ, phục trang, video clip, màn hình, hiệu ứng khói, pháo hoa..., những gợi ý về diễn xuất của diễn viên, động tác, đội hình cùng với các yếu tố ghi chú về phân công người thực...

Kịch bản là văn bản biên kịch, là một tác phẩm văn học kịch được trình bày dưới dạng văn bản chữ viết. Cũng như các bài nhạc, viết ra là để hát, kịch bản văn học không chỉ là một thể loại văn học viết ra để đọc, mà đa phần là kịch bản viết ra để được trình diễn trên sân khấu. Cho nên, người tác giả viết kịch bản các chương trình văn hóa nghệ thuật, cần phải có vốn liếng về hoạt động văn hóa, nắm chắc mục đích và yêu cầu của chương trình, am tường nhất định về nghệ thuật sân khấu thì việc sáng tác sẽ thuận lợi và thuyết phục hơn. Bên cạnh đó, khả năng thực hành sáng tác văn học, thể hiện trong việc sử dụng và kết hợp một cách linh hoạt, hiệu quả các bút pháp, lối hành văn miêu tả, đối thoại, độc thoại, bàng thoại, trần thuật... để diễn đạt rõ ràng, cụ thể, súc tích, có hình ảnh các hành động sân khấu; giúp người đọc kịch bản dễ dàng hình dung, liên tưởng ra hành động sân khấu ngay trong lúc đọc văn bản biên kịch (người đọc có thể nhìn thấy và nghe thấy được qua đọc kịch bản).

Theo khái niệm trên, có thể đưa ra quy trình cơ bản của hoạt động viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật bao gồm các bước sau: (1) Xác định đề tài và chủ đề chương trình văn hóa nghệ thuật; (2) Xác lập mục đích, ý nghĩa, yêu cầu chương trình văn hóa nghệ thuật; (3) Bố cục nội dung và kết cấu hình thức thể loại chương

trình văn hóa nghệ thuật; (4) Thiết kế tiết mục văn hóa nghệ thuật; (5) Cấu trúc tổng thể, đặt tên chương trình văn hóa nghệ thuật; (6) Trình bày kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật.

Sau đây là phương pháp thực hành viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật, sẽ được trình bày theo trật tự quy trình trên, cũng là chu trình tư duy thông thường của người viết, biên tập kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật. Mỗi bước trong quy trình sẽ bao gồm phần diễn giải nội dung và ví dụ để hướng dẫn thực hành. Các ví dụ sẽ được sử dụng thống nhất, xuyên suốt trong quá trình diễn giảng tất cả các mục nội dung, bắt đầu từ ví dụ tiền đề (xác định đề tài và chủ đề chương trình) cho đến ví dụ cuối cùng (trình bày kịch bản chương trình), để người đọc tiện theo dõi mối quan hệ và quá trình xây dựng một chương trình văn hóa nghệ thuật từ đầu đến cuối.

2.2. Xác định đề tài và chủ đề chương trình văn hóa nghệ thuật

2.2.1. Đề tài

Đề tài là một lĩnh vực, một mảng, một vấn đề nhất định của đời sống (là những loại hiện tượng của đời sống, đời sống có bao nhiêu loại hiện tượng là có bấy

hiều đề tài). Đề tài là phạm vi các sự kiện tạo nên cơ sở chất liệu đời sống của các tác phẩm văn hóa nghệ thuật. Đề tài thể hiện phạm vi miêu tả trực tiếp của tác phẩm văn hóa nghệ thuật, có thể có phạm vi rộng hoặc phạm vi hẹp. Đề tài mang tính định lượng, thể hiện giới hạn bề ngoài của phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm.

Ví dụ: Chiến tranh là đề tài rộng, chiến tranh Việt Nam là đề tài hẹp. Người phụ nữ là đề tài rộng, người phụ nữ Việt Nam là đề tài hẹp. Giáo dục đào tạo là đề tài rộng, nhà giáo là đề tài hẹp...

Mỗi chương trình văn hóa nghệ thuật thường gắn với một đề tài nhất định. Nó thường được nhận diện ngay trong lý do tổ chức của các hoạt động.

Ví dụ: Trung tâm văn hóa thực hiện kế hoạch tổ chức một chương trình văn nghệ kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10. Theo đó, có thể xác định được đề tài chương trình văn nghệ sẽ là “người phụ nữ Việt Nam”.

2.2.2. Chủ đề

Chủ đề là những nội dung, khía cạnh được rút ra, được cụ thể hóa từ đề tài. Chủ đề mang tính định tính, thể hiện giới hạn bên trong, chiều sâu của phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm.

Đề tài và chủ đề có mối quan hệ hữu cơ, biện chứng với nhau, là hai mặt của một quá trình nhận thức. Đề tài thường thể hiện giới hạn bề ngoài của phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm (định lượng); còn chủ đề thể hiện giới hạn bên trong, chiều sâu của phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm (định tính), là đối tượng đã được nhận thức, lựa chọn gắn liền với dụng ý, thể giới quan, lập trường tư tưởng, quan điểm thẩm mỹ của tác giả.

Ví dụ (1):

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam
- Các chủ đề có thể là:
 - + Những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
 - + Cách thức để người phụ nữ phòng tránh bạo lực trong gia đình.
 - + Đức hi sinh cao cả của người phụ nữ Việt Nam trong gia đình.

...

Một đề tài có thể có nhiều chủ đề khác nhau. Chủ đề sẽ là cơ sở quan trọng để bố cục định hướng nội dung bao quát của chương trình, nội dung bao quát là cơ sở để thiết kế nội dung chi tiết của tiết mục hoặc các cảnh

diễn trong cả chương trình. Chủ đề như sợi chỉ hồng xuyên suốt, xuyên chuỗi toàn bộ nội dung câu chuyện của kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật. Một đề tài sẽ có nhiều chủ đề khác nhau, mỗi chủ đề sẽ là cơ sở để hình thành nên một chương trình, do vậy việc khai thác được càng nhiều chủ đề sẽ tương ứng với việc có thể sẽ sáng tạo ra được nhiều kịch bản mới lạ hơn. Đề tài có thể bị lặp lại trong nhiều năm hoạt động, do đó để tránh sự nhàm chán, na ná nhau, thậm chí giống nhau trong các chương trình biểu diễn do bắt nguồn từ kịch bản không có chủ đề mới lạ, thì người viết kịch bản phải có khả năng tìm tòi, khai thác được ngày càng nhiều chủ đề mới lạ, độc đáo hơn để làm tiền đề cho việc sáng tạo nên các kịch bản ngày càng đổi mới và hấp dẫn.

Giữa chủ đề và mục đích có mối quan hệ với nhau. Mục đích định hướng cho việc xác lập chủ đề, chủ đề chính là cơ sở cho sự cụ thể hóa ra các nội dung để thực hiện được mục đích. Nói cách khác, chủ đề là khái quát mục đích thể hiện, nó chi phối nội dung, hình thức sáng tạo và tác động tới nhận thức, tình cảm thẩm mỹ của người hưởng thụ, tiêu dùng tác phẩm văn hóa nghệ thuật. Người viết kịch bản phải dựa vào chủ đề để định hướng trong sáng tạo nội dung và hình thức các tiết mục, chương trình sao cho hợp lý, thẩm mỹ để tác phẩm có thể đạt tới kết quả như mục đích đề ra.

2.3. Xác lập mục đích, ý nghĩa, yêu cầu chương trình văn hóa nghệ thuật

2.3.1. Mục đích

Mỗi hoạt động của con người đều là hoạt động có mục đích. Mục đích là đích đến cuối cùng mà con người cần, muốn đạt tới để thỏa mãn nhu cầu hay yêu cầu của chủ thể trong quá trình hoạt động. Mục đích của hoạt động văn hóa nghệ thuật ở các trung tâm văn hóa vừa là để thực hiện yêu cầu của đơn vị chủ sở hữu các chương trình văn hóa nghệ thuật vừa là để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của người dân. Trong vai trò là chủ thể phục vụ, trung tâm văn hóa thường thực hiện các chương trình văn hóa nghệ thuật đáp ứng những nhu cầu văn hóa chung cho số đông người dân, cộng đồng xã hội nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục và giải trí theo những yêu cầu nhiệm vụ của một đơn vị sự nghiệp văn hóa.

Người viết kịch bản nói chung, và viết kịch bản cho các trung tâm văn hóa phải xác định rõ mục đích của kịch bản là gì, cụ thể là kịch bản này sẽ giúp đơn vị đạt được điều gì hay giải quyết được vấn đề gì. Mục đích cần phải cụ thể, rõ ràng và có thể đo lường được để sau này có thể đánh giá được kết quả của chương trình.

Như đã trình bày, các chương trình văn hóa nghệ thuật của trung tâm văn hóa đều nhằm mục đích tác động, gây ảnh hưởng tới công chúng về mặt tinh thần; thông qua mỗi chương trình nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của người dân theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn các giá trị chân, thiện, mỹ; mục đích đó bao gồm:

- Tuyên truyền: để phổ biến, truyền bá và giải thích sâu những tin về chính trị - xã hội (quan điểm, tư tưởng, đường lối, chủ trương, chính sách...) nhằm làm thấm nhuần vào ý thức xã hội, xác lập những những thế giới quan, quan niệm đúng đắn vào quần chúng nhân dân và tích cực hóa hoạt động thực tiễn, động viên người dân hành động đúng với định hướng, nội dung tuyên truyền.

- Giáo dục: để trao truyền những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm giữa con người với nhau một cách tự nguyện và toàn diện (trí, đức, thể, mỹ); thông qua các hình thức giáo dục bằng hay qua văn hóa nghệ thuật để tìm ra, khuyến khích, định hướng, hỗ trợ mỗi cá nhân phát huy tối đa ưu điểm, sở thích của bản thân và đóng góp vào sự phát triển của xã hội.

- Giải trí: để giải tỏa những căng thẳng trí não, tạo sự vui thú, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần; quá trình hưởng thụ và sáng tạo các chương văn hóa nghệ thuật

trong thời gian rồi là quá trình tái nhận thức xã hội theo phương thức thẩm mỹ, hoạt động này có giá trị tích cực, to lớn để nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

Một mục đích hoạt động thường được diễn tả bằng một cụm từ nguyên thể đơn; bao gồm mục đích chung và mục đích cụ thể. Mục đích chung gắn liền với nhiệm vụ, yêu cầu bao quát của chủ thể hoạt động; mục đích cụ thể là những khía cạnh nội dung nhỏ, cụ thể (yếu tố chủ đề của đề tài) gắn liền với hy vọng mà chủ thể hoạt động mong muốn sẽ đạt được chính xác với chương trình của mình trong tương lai; mục đích cụ thể luôn hướng tới một đối tượng thụ hưởng cụ thể, được xác định. Mục đích chung thường thể hiện trong mục đích – nhiệm vụ của chủ thể hoạt động (tuyên truyền, giáo dục, giải trí); mục đích cụ thể phải trả lời được rằng chương trình phản ánh khía cạnh vấn đề gì? (chủ đề), cho ai? (chủ thể tiêu dùng).

Ví dụ (2): Sử dụng lại ví dụ (1) để chúng ta dễ liên hệ và nhận thấy mối quan hệ giữa đề tài, chủ đề và mục đích của kịch bản chương trình.

(2.1)

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam
- Chủ đề: những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Mục đích chung: tuyên truyền
- Mục đích cụ thể: để tuyên truyền cho ai? về vấn đề gì?
- Viết câu mục đích: tuyên truyền cho công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức về những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

(2.2)

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam
- Chủ đề: cách thức để người phụ nữ phòng tránh bạo lực trong gia đình.
- Mục đích chung: giáo dục
- Mục đích cụ thể: để giáo dục cho ai? về vấn đề gì?
- Viết câu mục đích: hướng dẫn cho nữ công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức về cách thức phòng tránh bạo lực trong gia đình.

(2.3)

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam
- Chủ đề: đức hi sinh cao cả của người phụ nữ Việt Nam trong gia đình...

- Mục đích chung: giải trí
- Mục đích cụ thể: để giải trí cho ai? về vấn đề gì?
- Viết câu mục đích: tạo sân chơi cho công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức được giải trí qua xem chương trình văn nghệ với chủ đề “đức hi sinh cao cả của người phụ nữ Việt Nam trong gia đình”.

2.3.2. Ý nghĩa

Chương trình văn hóa nghệ thuật là những tác phẩm văn hóa mang tính hình tượng, hình tượng là bức tranh về cuộc sống vừa mang tính khái quát vừa mang tính cụ thể. Hình tượng nghệ thuật là những sự vật hiện tượng mà chúng ta cảm nhận được (nghe và thấy được) do sự liên tưởng, tưởng tượng mà ra.

Hình tượng nghệ thuật có những ý nghĩa như: (1) ý nghĩa biểu trưng, vì nó khái quát một cách tiêu biểu một hành động nào đó từ cuộc sống nhưng chúng ta không thể quy chiếu ra hiện thực được; (2) ý nghĩa ám chỉ, vì nó đánh động hoặc khơi gợi sự so sánh giữa hình tượng với bản thân người tiếp nhận giúp họ thay đổi một quan niệm nào đó trong cuộc sống; (3) ý nghĩa nhắc gọi, vì nó có tính khái quát cao, thường mang dáng vóc của một chân lý, lời tuyên bố chung có thể đúng trong mọi thời

đại; và (4) ý nghĩa phát hiện, vì nó giúp chúng ta (có thể có hoặc không) liên tưởng, suy luận theo chủ quan của mình về những vấn đề, câu chuyện khác.

Ý nghĩa như là những giá trị tinh thần do con người cảm nhận được từ quá trình tham dự các chương trình văn hóa nghệ thuật; mỗi chương trình văn hóa nghệ thuật có giá trị ý nghĩa đích thực sẽ góp phần tác động, ảnh hưởng tới bản thân người tiêu dùng văn hóa, làm cho họ có sự thay đổi về nhận thức, thái độ và hành vi theo hướng ngày càng tốt đẹp hơn; từ đó góp phần lan tỏa những điều tích cực vào đời sống gia đình, cộng đồng và xã hội. Cho nên, chương trình văn hóa nghệ thuật luôn chứa đựng những ý nghĩa xã hội.

Giữa mục đích và ý nghĩa có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mục đích như là mong muốn chủ quan của nhà tổ chức chương trình văn hóa nghệ thuật hướng tới những giá trị văn hóa. Ý nghĩa là sự lan tỏa của những giá trị văn hóa đó từ mục đích của nhà tổ chức tới người tham dự, tiêu dùng và cộng đồng xã hội; giúp cho họ ngày càng hoàn thiện hơn về mặt nhân cách, góp phần hướng tới một xã hội ngày càng đạt tới các giá trị chân, thiện, mỹ hơn. Mục đích của hoạt động văn hóa chứa đựng những ý nghĩa xã hội. Ý nghĩa xã hội là cái giá đích thực của hoạt động văn hóa. Hoạt động của con người

là sáng tạo, hưởng thụ và chuyển hóa các giá trị văn hóa để cuộc sống ngày càng có ý nghĩa hơn.

Cho nên, mỗi mục đích của hoạt động văn hóa nghệ thuật đều ẩn chứa một hay nhiều ý nghĩa xã hội nhất định, có thể nhận diện các ý nghĩa từ những mục đích sau:

Ví dụ (3):

(3.1)

- Mục đích: tuyên truyền cho công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức về những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- Ý nghĩa: giúp người lao động cảm nhận được sâu sắc hơn về những tổn thất, mất mát, hi sinh to lớn cũng như tinh thần dũng cảm, kiên trung, bất khuất của những người phụ nữ Việt Nam trong thời chiến; qua đó, nhằm nâng cao hơn nữa lòng tự hào về truyền thống đấu tranh cách mạng của những người phụ nữ, của cả dân tộc ta; giữ gìn và phát huy, củng cố và lan tỏa tinh thần yêu nước cho bản thân mỗi cá nhân, từng gia đình và cả cộng đồng xã hội.

(3.2)

- Mục đích: hướng dẫn cho nữ công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức về cách thức phòng tránh bạo lực trong gia đình.
- Ý nghĩa: giúp người lao động có được những kiến thức, biện pháp phòng, tránh và đối phó với những bất trắc do bạo lực trong cuộc sống gia đình; qua đó nâng cao khả năng tự bảo vệ cho bản thân, bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần cho người phụ nữ, phấn đấu cho một xã hội Việt Nam không còn tình trạng bạo lực trong gia đình.

(3.3)

- Mục đích: tạo sân chơi cho công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức được giải trí qua thưởng thức chương trình văn nghệ với chủ đề “đức hi sinh cao cả của người phụ nữ Việt Nam trong gia đình”.
- Ý nghĩa: giúp người lao động được giải tỏa căng thẳng trí óc sau thời gian lao động, làm việc căng thẳng; qua đó nâng cao năng lực cảm thụ nghệ thuật, bồi dưỡng tình cảm thẩm mỹ cho người lao động về đức hi sinh cao cả của người phụ nữ Việt Nam trong gia đình để càng thêm trân trọng, yêu quý và tự hào hơn về người phụ nữ Việt Nam.

2.3.3. Yêu cầu

Viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật cần tuân thủ một số yêu cầu mang tính nguyên tắc của thể loại như: nội dung phải hợp lý, hình thức phải thẩm mỹ, tiết tấu phải sinh động và tính chất phải phù hợp với đặc thù của hình thức thể loại.

- Nội dung phải logic: Nội dung chương trình văn hóa nghệ thuật phải được nghiên cứu, tìm hiểu, chọn lọc, bố cục chặt chẽ, hợp lý trên cơ sở nguồn tư liệu có đủ độ tin cậy và chuẩn xác cao. Trên cơ sở mục đích chung và mục đích cụ thể được xác lập trước, người viết kịch bản tiến hành bố cục nội dung sao cho phù hợp với tính chất, yêu cầu của từng loại thể loại chương trình khác nhau. Cùng một chủ đề, nhưng do mục đích khác nhau sẽ quy định những hình thức, thể loại chương trình khác nhau, dẫn tới bố cục nội dung chương trình và tiết mục sẽ không giống nhau. Nội dung là cái cốt lõi bên trong, là cơ sở cho việc xây dựng hình thức, hình thức có được là do nội dung, từ nội dung mà ra, mỗi nội dung sẽ tương ứng với một hình thức thể hiện phù hợp và hiệu quả nhất. Nội dung chương trình văn hóa nghệ thuật có được từ quá trình khai thác chủ đề, phụ thuộc vào yếu tố thể loại và tính định hướng mục đích. Nội dung một chương trình bao gồm nội dung bao quát (nội dung bao trùm toàn bộ chương trình gắn với mục đích tối cao) và nội dung chi

tiết (nội dung trong từng tiết mục, cảnh diễn), nội dung bao quát chi phối và ảnh hưởng tất yếu tới nội dung chi tiết, nội dung chi tiết phải có sự gắn kết, là sự cụ thể hóa của nội dung bao quát một chương trình. Nội dung bao quát là sự phát triển cụ thể của chủ đề tư tưởng chương trình, thể hiện tính thống nhất, trọn vẹn của một tác phẩm văn hóa nghệ thuật.

- Hình thức phải thẩm mỹ: Hình thức là diện mạo bên ngoài của nội dung, được hình thành trên cơ sở của nội dung cụ thể. Hình thức chung có thể tương tự nhau như các biểu diễn ca hát, múa hay diễn kịch... nhưng khi đặt trong mỗi hoàn cảnh nội dung cụ thể và tài năng sáng tạo riêng biệt của người nghệ sĩ, sẽ lập tức hình thành nên những sắc thái, hình thức của những tiết mục ca, múa, kịch không hoàn toàn như nhau mà mang tính độc đáo, mới lạ đầy sinh động. Hình thức của tiết mục, chương trình văn hóa nghệ thuật mang đặc trưng tính thẩm mỹ trong sự phối kết hợp rộng rãi các phương tiện nghệ thuật và phương tiện biểu cảm đa dạng, phong phú và tổng hợp. Hình thức thể hiện nội dung mang đặc tính thẩm mỹ là yếu tố đặc thù của phương thức hoạt động văn hóa nghệ thuật. Một nội dung có thể được vật chất hóa, được chuyển tải ra bên ngoài bằng một hay nhiều hình thức thẩm mỹ khác nhau. Giữa nội dung và hình thức tuy có sự khác nhau trong cách nhận diện, nhưng

cả hai mặt này có sự hòa trộn tất yếu, biện chứng, hữu cơ với nhau, không có nội dung nào không được chuyển tải ra bên ngoài bằng một hay nhiều hình thức cụ thể, và ngược lại cũng không có một hình thức hoàn chỉnh nào không chứa đựng bên trong nó ít nhất một nội dung. Tính thẩm mỹ cao của hình thức tỷ lệ thuận với tài năng sáng tạo lớn của người nghệ sĩ, tính thẩm mỹ càng cao thì sức kích thích khoái cảm thẩm mỹ của người tiếp nhận càng lớn, hình thức là yêu cầu mang tính sáng tạo thẩm mỹ, tạo nên sức mạnh đặc thù của hoạt động văn hóa sử dụng phương tiện nghệ thuật – phương tiện sáng tạo ra cái đẹp theo quy luật thẩm mỹ.

- Tiết tấu phải sinh động: Tiết tấu là nhịp đập trái tim của tiết mục, chương trình; là sự hài hòa, cân đối tất cả các yếu tố của nội dung và hình thức nhằm tạo ra sự biến đổi một cách thẩm mỹ cho tiết mục và chương trình. Tiết tấu làm cho tiết mục và chương trình có sự vận động, thay đổi liên tục, tạo ra màu sắc, sắc thái, sức sinh động cho mỗi tiết mục và chương trình. Mỗi tiết mục có một tiết tấu khác nhau, các tiết mục kết hợp lại với nhau hình thành nên tiết tấu chung của cả chương trình. Tiết tấu không chỉ là sự nhanh hay chậm, mà đó là sự kết hợp có biến đổi của những sự đối tỷ: (1) đối tỷ về nội dung; như cái đúng đối với cái sai, cái đẹp với cái không đẹp, cái tốt với cái xấu, cái thật với cái giả, cái hay với

cái dõ, cái mạnh với cái yếu, cái văn hóa với cái vô văn hóa, hòa bình với chiến tranh, giàu sang với nghèo hèn, sung sướng với khổ đau, phép tắc và vô phép tắc, sự thật và giả dối, sạch và dơ... (2) đối tỷ về hình thức nhìn và nghe; như màu nóng với màu lạnh, đường thẳng với đường cong, hình tròn với hình vuông, cao với thấp, nông với sâu, dài với ngắn, lớn với nhỏ, nhiều với ít; đối tỷ về cao độ, cường độ, trường độ, tốc độ, âm lượng, giới tính; và các dạng thức đối tỷ khác. Trong khi xây dựng kịch bản chương trình, đôi khi tác giả chú trọng nhiều tới sự hợp lý của nội dung mà không đầu tư đúng mực về sự sáng tạo trong hình thức thể hiện, cũng có khi đạt cả yêu cầu về nội dung hợp lý hình thức thẩm mỹ nhưng thiếu sự chú ý tới yếu tố tiết tấu, dẫn tới giảm sút hiệu quả khi dàn dựng trên sân khấu, bởi tiết mục hay giữa các tiết mục bị trùng nhau về màu sắc, âm điệu hay hình ảnh..., gây ra hiệu ứng trùng lặp như ngưng đọng, chậm chạp quá lâu hoặc quá dồn dập, ồn ào liên tiếp kéo dài... tất cả đều tác động không tốt tới tâm sinh lý – tình cảm của cả người biểu diễn và người thưởng thức, ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu quả của chương trình.

- Tính chất phải phù hợp: Mỗi mục đích hoạt động sẽ có một số dạng thức chương trình văn hóa nghệ thuật khác nhau, nhằm tạo ra sự đa dạng, độc đáo trong hoạt động văn hóa và sự phong phú, mới lạ, hấp dẫn thường

xuyên đối với công chúng. Tính chất của mỗi chương trình văn hóa nghệ thuật cũng có sự khác nhau do yếu tố mục đích, nội dung và tâm lý văn nghệ tạo ra. Cụ thể: (1) Chương trình với mục đích tuyên truyền; yêu cầu phải phổ biến thông tin tức thời, chính xác, cô đọng, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, tạo được niềm tin để công chúng làm theo; do vậy không nên quá chú ý tới việc xây dựng các hình tượng nghệ thuật chứa đựng nhiều ẩn ý sâu xa, phải mất nhiều thời gian và công sức để giải nghĩa thì mới có thể hiểu ra được. (2) Chương trình với mục đích giáo dục; yêu cầu phải trao truyền các tri thức, kinh nghiệm một cách đúng đắn, hệ thống, khoa học dưới dạng thức tự học, tự nguyện, sở thích, không bắt buộc cho đa dạng thành phần, đối tượng công chúng khác nhau; do vậy không nên quá cứng nhắc, nguyên tắc mệnh lệnh hành chính, bắt buộc và gò bó trong những khuôn thước, quy định như các trường lớp chính quy, mà phải đa dạng hóa về thời gian, không gian, quy cách tổ chức, nội dung và hình thức, tài liệu và học cụ giảng dạy, tạo ra các chương trình văn hóa nghệ thuật mang tính giáo dục để người xem tự học, tự chiêm nghiệm và rút ra cho mình những kiến thức, kinh nghiệm và bài học quý giá, toàn diện từ việc tiêu dùng các chương trình này. (3) Chương trình với mục đích giải trí; yêu cầu phải tạo ra sự vui vẻ, thoải mái, hứng thú và đạt tới những khoái cảm thẩm mỹ trong

người tiêu dùng văn hóa, qua đó giúp họ nâng cao đời sống văn hóa tinh thần trong thời gian rỗi; do vậy, phải chú trọng tính đáp ứng và phù hợp với nhu cầu thị hiếu thẩm mỹ và thời gian rỗi của công chúng, phải xây dựng được các hình tượng nghệ thuật thật đẹp, chân thật và gần gũi với đời sống, góp phần giáo dục nhu cầu, thị hiếu văn hóa giải trí và nâng cao năng lực hưởng thụ và sáng tạo thẩm mỹ cho quần chúng nhân dân.

Ví dụ (4):

(4.1)

- Yêu cầu: chương trình phải có nội dung cô đọng, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ; có hình thức đẹp, phong phú, sinh động, gần gũi và hấp dẫn người xem; tác động một cách trực quan tới người tiếp nhận; tạo ra sự ảnh hưởng tích cực tới nhận thức, thái độ và hành vi của những người tham dự.

(4.2)

- Yêu cầu: nội dung chương trình phải được soạn thảo mang tính hệ thống khoa học chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn theo quy định của pháp luật, phù hợp với trình độ, tâm sinh lý – tình cảm của đối tượng tham dự; hình thức truyền đạt phải linh hoạt, mềm dẻo và mang tính thẩm mỹ, bằng hoặc thông qua các loại hình nghệ thuật tổng

hợp, sinh động; đảm bảo tính dễ hiểu và dễ áp dụng đối với mọi người sau khi tham dự chương trình.

(4.3)

- Yêu cầu: nội dung chương trình phải chặt chẽ, hợp lý và mang tính tư tưởng chủ đề rõ ràng; hình thức các tiết mục và chương trình phải sáng tạo, mang tính thẩm mỹ cao; xây dựng được hình tượng/biểu tượng nghệ thuật gắn gũi với đời sống và phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ của công chúng; giúp người tham dự đạt được sự vui vẻ, sảng khoái, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần thông qua thưởng thức và giải mã các hình tượng/biểu tượng văn hóa nghệ thuật.

2.4. Bố cục nội dung và kết cấu hình thức thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật

2.4.1. Bố cục nội dung

Như đã nói, chủ đề là khái quát mục đích thể hiện, nó chi phối nội dung, hình thức sáng tạo và tác động tới nhận thức, tình cảm thẩm mỹ của người hưởng thụ, tiêu dùng tác phẩm văn hóa nghệ thuật. Người viết kịch bản phải dựa vào chủ đề để định hướng, phát triển nội dung của chương trình văn hóa nghệ thuật.

Bố cục nội dung chương trình là quá trình khái quát hóa nội dung tổng thể của chương trình. Nội dung tổng thể của chương trình thể hiện qua các ý chủ đạo được phát triển từ chủ đề. Mỗi ý chủ đạo như thể là những luận điểm chính để hợp thành nội dung trọng tâm của kịch bản chương trình. Mỗi ý chủ đạo sẽ được diễn đạt cô đọng trong một câu đơn, nội dung rõ ràng, không mơ hồ, không chung chung, không nên thể hiện dưới dạng một câu nghi vấn và không sử dụng ngôn ngữ ẩn dụ. Các ý chủ đạo khi viết kết hợp lại sẽ trở thành một đoạn văn mô tả tóm tắt nội dung chính của chương trình.

Số lượng các ý chủ đạo trong một chương trình phụ thuộc vào giới hạn cho phép của tổng thời lượng chương trình. Thông thường trong một nội dung tổng thể của chương trình có từ hai ý chủ đạo trở lên, không nên có quá nhiều ý chủ đạo sẽ dẫn tới sự dàn trải, thiếu tập trung cô đọng được vấn đề muốn thể hiện. Các ý chủ đạo phải nhằm khắc họa sâu, đậm nét cho một chủ đề đã được xác định. Nếu có cùng lúc nhiều ý chủ đạo thì phải cân nhắc, chọn lọc lại các ý nào có thể phát triển hợp lý nhất cho một cấu trúc nội dung được xác định, loại bỏ các ý xa, ít hoặc không liên quan và hữu dụng cho việc cấu trúc này; hoặc là phải xác định, xây dựng lại chủ đề.

Các ý chủ đạo được tổ chức theo một bố cục nhất định. Tổ chức sắp xếp các ý chủ đạo là quá trình bố cục nội dung tổng thể của chương trình, là quá trình định hướng phát triển nội dung theo một trật tự nhất định, để phát triển chủ đề theo dụng ý lý giải của tác giả. Có ba cách thức cơ bản để bố cục các ý chủ đạo là: bố cục theo kiểu gối ý, bố cục theo kiểu ý chính ý phụ và bố cục theo kiểu ý độc lập. Mỗi kiểu bố cục này có thể sử dụng độc lập hoặc sử dụng đan xen, kết hợp với nhau.

(1) Bố cục nội dung theo kiểu gối ý: nội dung tổng thể có nhiều ý, mỗi ý là một luận điểm, ý trước là tiền đề dẫn tới ý sau, lần lượt các ý có mối quan hệ mắt xích, mang tính nhân quả với nhau thể hiện quá trình vận động, phát triển khép kín của nội dung tổng thể chương trình.

(2) Bố cục nội dung theo kiểu ý chính ý phụ: nội dung tổng thể sẽ có một ý chính chủ đạo, bao trùm, quán xuyến và các ý phụ có liên quan hữu cơ với ý chính, nhằm xây dựng, phát triển, hoàn thiện cho ý chính.

(3) Bố cục nội dung theo kiểu ý độc lập: chương trình có nhiều tiết mục, mỗi tiết mục là một ý độc lập, mang tính ngang bằng, cân đối với nhau về nội dung, hình thức và tiết tấu, không có ý nào là ý phụ hay ý chính và cũng không phải ý này làm tiền đề cho sự tiến triển của ý kia.

Mỗi chủ đề có thể áp dụng một, hai hoặc cả ba kiểu bố cục ý chủ đạo để triển khai bố cục nội dung tổng thể của chương trình. Điều đó cũng có nghĩa là mỗi chủ đề có thể sẽ hình thành nên từ một đến ba kịch bản chương trình trong tương lai.

Ví dụ (5):

Chúng ta chọn chủ đề 1, từ đề tài “Người phụ nữ Việt Nam” và áp dụng ba cách bố cục ý chủ đạo trên để định hướng nên ba nội dung tổng thể khác nhau như sau:

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam
- Chủ đề: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

(5.1)

- Bố cục các ý chủ đạo theo kiểu gối ý:
 - + Ý 1: Người phụ nữ tiễn chồng mình đi kháng chiến
 - + Ý 2: Người phụ nữ được đồng đội của chồng báo tin anh đã hi sinh
 - + Ý 3: Người phụ nữ một mình vừa nuôi con vừa nuôi chí diệt thù
 - + Ý 4: Người phụ nữ tiếp tục tiễn con mình đi vào cuộc chiến

- + Ý 5: Ngày giải phóng, người phụ nữ đi tìm con trong đoàn quân chiến thắng trở về nhưng không gặp được con

- Tóm tắt nội dung chương trình: Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, có rất nhiều người phụ nữ Việt Nam đã lần lượt tiến chồng và những người con của mình ra trận. Ngày chiến thắng, cả dân tộc hòa chung niềm vui đoàn tụ, thống nhất nhưng có những người phụ nữ đã không có cơ hội được đón chồng và các con của mình trở về. Họ đã chấp nhận hi sinh vô điều kiện cả thanh xuân của bản thân và tính mạng của những người ruột thịt thân yêu của mình để đổi lấy độc lập tự do cho cả dân tộc, họ xứng đáng để cả dân tộc tôn vinh là những người mẹ Việt Nam anh hùng.

(5.2)

- Bố cục các ý chủ đạo theo kiểu ý chính ý phụ:
 - + Ý chính: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ ở hậu phương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc
 - + Ý phụ 1: Làm du kích, làm giao liên
 - + Ý phụ 2: Làm thanh niên xung phong cứu thương, tải đạn
 - + Ý phụ 3: Lao động tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm gửi ra chiến trường

- Tóm tắt nội dung chương trình: Hậu phương là căn cứ cách mạng vững chắc cho tiền tuyến, mặc dù không đạn pháo ác liệt như chiến trường, nhưng hậu phương trong chiến tranh nhân dân của Việt Nam vẫn “rực lửa đấu tranh cách mạng”. Hậu phương luôn có những người phụ nữ sẵn sàng góp công sức, tiền của, tài sản, tính mạng của mình để xung phong, tình nguyện trở thành những cô du kích, giao liên, nữ thanh niên xung phong làm y tá cứu thương, dân công hỏa tuyến, hay là những cô nữ công đảm việc nhà để tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm tiếp tế cho tiền tuyến... Tất cả những đóng góp to lớn của những người phụ nữ ở hậu phương đã góp phần làm cho cuộc chiến tranh mang bản chất nhân dân của Việt Nam trở thành một huyền thoại giải phóng dân tộc vinh quang và bất tử.

(5.3)

- Bố cục các ý chủ đạo theo kiểu ý độc lập:

- + Ý 1: Những đóng góp về vật chất của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc
- + Ý 2: Những đóng góp về tinh thần của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc

- Tóm tắt nội dung chương trình: Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, người phụ nữ Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn về nguồn lực cả vật

chất và cả nguồn lực văn hóa tinh thần. Tất cả những đóng góp đó đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp dân tộc Việt Nam chiến thắng được mọi kẻ thù xâm lược hùng mạnh hơn ta gấp nhiều lần, để giành lấy độc lập tự do, thống nhất đất nước.

2.4.2. Kết cấu hình thức thể loại

Có thể thấy, thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật ở các trung tâm văn hóa hiện nay phổ biến một số hình thức như: chương trình văn nghệ (chương trình biểu diễn âm nhạc, chương trình biểu diễn múa, chương trình biểu diễn ca múa nhạc, chương trình nghệ thuật tổng hợp, chương trình tuyên truyền lưu động); chương trình sân khấu hóa (các cuộc lễ, hội, sinh hoạt...); chương trình cuộc thi (trò chơi, cuộc thi, liên hoan, hội thi, hội diễn...).

Các hình thức chương trình này đều có chung những đặc tính của thể loại như: tính hành động, tính lắp ghép, tính tổng hợp và tính trực tiếp. Song, ở mỗi hình thức lại có kết cấu khác nhau. Kết cấu hình thức có liên quan tới mục đích, yêu cầu, tính chất và nội dung chương trình; phụ thuộc vào những điều kiện thiết kế của nhà tổ chức; ý đồ sáng tạo của những người thực hiện và nhu cầu – thị hiếu người tiêu dùng văn hóa nghệ thuật.

Một nội dung có thể được chuyển tải ra bên ngoài bằng những hình thức khác nhau. Để lựa chọn được một

hình thức thể hiện nội dung chương trình phù hợp theo hướng hoạt động phục vụ nhiệm vụ của trung tâm văn hóa, trước tiên phải căn cứ vào mục đích của hoạt động là tuyên truyền, giáo dục hay giải trí, mỗi mục đích cụ thể đều gắn với yêu cầu tính chất của nó và hướng tới tính hiệu quả cuối cùng là sức hấp dẫn và tác động tích cực vào công chúng. Ví như, để tuyên truyền nên dùng hình thức nào để công chúng dễ hiểu, dễ nhớ nên các trung tâm văn hóa thường chọn hình thức chương trình tuyên truyền cổ động; để giáo dục phải dùng hình thức sân khấu hóa để biến các nội dung mang tính khoa giáo khô khan trở nên sinh động, vận động, thẩm mỹ để đi vào tìm cảm, cảm xúc trước rồi mới tự thẩm thấu vào lý trí sau; hay để giải trí, cần hình thức chương trình văn nghệ vui vẻ, sáng khoái, đẹp để công chúng vừa đạt mục đích giải tỏa căng thẳng vừa đạt khoái cảm thẩm mỹ, nâng cao đời sống tinh thần.

Mỗi hình thức đều tuân thủ một trật tự kết cấu nhất định; kết cấu hình thức là cách chúng ta phân chia, liên kết và tổ hợp các tiết mục, cảnh diễn, chương, phần vào một tổng thể chương trình hoàn chỉnh. Thông thường, tác phẩm sân khấu được kết cấu gồm bảy, năm, ba, hay hai thành tố như đã trình bày ở phần cấu trúc tác phẩm kịch; mỗi thành tố của cấu trúc có một vai trò khác nhau

nhằm góp phần tạo ra sự logic, vận động, phát triển cho nội dung cũng như tạo ra tiết tấu, kịch tính hấp dẫn người thưởng thức khi tiếp cận với chương trình.

Trên cơ sở vận dụng kết cấu kịch, chúng tôi giới thiệu hai dạng mô hình kết cấu hình thức phổ biến của các chương trình văn hóa nghệ thuật là: kết cấu hình thức tiết mục và kết cấu hình thức chương, phần. Các dạng mô hình kết cấu hình thức này có thể sử dụng thay thế cho nhau và biến đổi tùy theo những yêu cầu và điều kiện thiết kế cụ thể, không cứng nhắc mà linh hoạt điều chỉnh trong quá trình viết kịch bản thực tế.

(1) Kết cấu hình thức tiết mục

Chương trình bao gồm nhiều tiết mục (cảnh diễn); mỗi tiết mục là một đơn vị độc lập, cấu thành nên tổ hợp tiết mục của chương trình; mỗi tiết mục đều có tiêu đề riêng, có nội dung cụ thể, có hình thức nhất định, có thời lượng và tiết tấu thể hiện; nội dung tiết mục góp phần phản ánh rõ nội dung của một ý chủ đạo; mỗi ý chủ đạo có thể có ít nhất một tiết mục; giữa các tiết mục có sự liên kết, mạch lạc với nhau, có tuyến phát triển tiết tấu đảm bảo cân bằng tâm sinh lý – tình cảm. Nội dung và tiết tấu của tổ hợp tiết mục có thể sắp xếp phát triển theo hình thức kết cấu kịch năm thành tố: giao đãi, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút; hoặc kết cấu kịch ba thành

tố: thắt nút, cao trào, mở nút; mỗi thành tố có ít nhất một tiết mục.

(2) Kết cấu hình thức chương (phần)

Chương trình bao gồm nhiều chương (phần); mỗi chương gắn với một ý chủ đạo của nội dung nhằm phát triển, khắc họa sâu nội dung ý chủ đạo đó; trong mỗi chương gồm ít nhất là một tiết mục (cảnh diễn) cấu thành, mang tính hoàn chỉnh độc lập về nội dung, hình thức và tiết tấu; mỗi chương có tiêu đề riêng; thời lượng các chương tương đối đồng đều nhau hoặc không đồng đều, có thể tập trung nhiều thời lượng vào chương quan trọng – mang tính “cái đỉnh” của chương trình; các chương trong cùng chương trình có mối quan hệ với nhau, được kết nối với nhau mạch lạc, liên tục. Nội dung và tiết tấu của mỗi chương và tất cả các chương có thể sắp xếp phát triển theo hình thức kết cấu kịch năm thành tố: giao đãi, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút; hoặc kết cấu kịch ba thành tố: thắt nút, cao trào, mở nút; mỗi thành tố có từ một tiết mục trở lên.

Kết cấu hình thức chương trình được tiến hành theo một trật tự công việc như sau: dựa vào mục đích, yêu cầu để chọn hình thức của thể loại chương trình (văn nghệ, tuyên truyền cổ động, cuộc thi...); dựa trên bố cục nội dung (các ý chủ đạo) đã được định trước, tiến hành

lựa chọn kiểu kết cấu hình thức (theo tiết mục hay chương, phần); thiết lập các thành tố kịch sao cho đảm bảo phù hợp với nội dung và tạo ra tuyến phát triển hợp lý, vận động, phát triển, kịch tính (giao đãi, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút); xác định số lượng tiết mục trong mỗi thành tố (mỗi thành tố có ít nhất một tiết mục); phân bổ thời lượng tiết mục sao cho đảm bảo sự cân đối, hài hòa và phù hợp với tính chất quan trọng của các thành tố và với tổng thời lượng chương trình cho phép.

Dựa trên hai dạng mô hình kết cấu trên và lựa chọn một số hình thức thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật phổ biến của các trung tâm văn hóa hiện nay, chúng tôi xây dựng ba hình thức kết cấu thể loại chương trình văn nghệ, thể loại chương trình tuyên truyền cổ động và thể loại chương trình sân khấu hóa cuộc thi như sau:

Ví dụ (6):

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam
- Chủ đề: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

(6.1)

- Bố cục các ý chủ đạo theo kiểu gợi ý:
 - + Ý 1: Người phụ nữ tiến chống mình đi kháng chiến

- + Ý 2: Người phụ nữ được đồng đội của chồng báo tin anh đã hi sinh
- + Ý 3: Người phụ nữ một mình vừa nuôi con vừa nuôi chí diệt thù
- + Ý 4: Người phụ nữ tiếp tục tiễn con mình đi vào cuộc chiến
- + Ý 5: Ngày giải phóng, người phụ nữ đi tìm con trong đoàn quân chiến thắng trở về nhưng không gặp được con

- Tóm tắt nội dung chương trình: Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, có rất nhiều người phụ nữ Việt Nam đã lần lượt tiễn chồng và những người con của mình ra trận. Ngày chiến thắng, cả dân tộc hòa chung niềm vui đoàn tụ, thống nhất nhưng có những người phụ nữ đã không có cơ hội được đón chồng và các con của mình trở về. Họ đã chấp nhận hi sinh vô điều kiện cả thanh xuân của bản thân và tính mạng của những người ruột thịt thân yêu của mình để đổi lấy độc lập tự do cho cả dân tộc, họ xứng đáng để cả dân tộc tôn vinh là những người mẹ Việt Nam anh hùng.

- Kết cấu hình thức chương trình văn nghệ:

Thứ tự	Nội dung bao quát/các ý chủ đạo	Kết cấu hình thức	Thời lượng
Giao đãi	Người phụ nữ tiễn chồng mình đi kháng chiến	Tiết mục 1	03 phút
Thất nút	Người phụ nữ được đồng đội của chồng báo tin anh đã hi sinh	Tiết mục 2	03 phút
Phát triển	Người phụ nữ một mình vừa nuôi con vừa nuôi chí diệt thù	Tiết mục 3 Tiết mục 4	04 phút 03 phút
Cao trào	Người phụ nữ tiếp tục tiễn con mình đi vào cuộc chiến	Tiết mục 5	07 phút
Mở nút	Ngày giải phóng, người phụ nữ đi tìm con trong đoàn quân chiến thắng trở về nhưng không gặp được con	Tiết mục 6	05 phút
Tổng thời lượng chương trình:			25 phút

(6.2)

- Bố cục các ý chủ đạo theo kiểu ý chính ý phụ:

- + Ý chính: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ ở hậu phương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc
- + Ý phụ 1: Làm du kích, làm giao liên
- + Ý phụ 2: Làm thanh niên xung phong cứu thương, tải đạn
- + Ý phụ 3: Lao động tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm gửi ra chiến trường

- Tóm tắt nội dung chương trình: Hậu phương là căn cứ cách mạng vững chắc cho tiền tuyến, mặc dù không đạn pháo ác liệt như chiến trường, nhưng hậu phương trong chiến tranh nhân dân của Việt Nam vẫn “rực lửa đấu tranh cách mạng”. Hậu phương luôn có những người phụ nữ sẵn sàng góp công sức, tiền của, tài sản, tính mạng của mình để xung phong, tình nguyện trở thành những cô du kích, giao liên, nữ thanh niên xung phong làm y tá cứu thương, dân công hỏa tuyến, hay là những cô nữ công đảm việc nhà để tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm tiếp tế cho tiền tuyến... Tất cả những đóng góp to lớn của những người phụ nữ ở hậu phương đã góp phần làm cho cuộc chiến tranh mang bản chất nhân dân của

Việt Nam trở thành một huyền thoại giải phóng dân tộc vinh quang và bất tử.

- Kết cấu hình thức chương trình tuyên truyền cổ động:

Thứ tự	Nội dung bao quát/các ý chủ đạo	Kết cấu hình thức	Thời lượng
Thắt nút	Chiến trường diễn ra chiến tranh ác liệt, nhiều thiếu thốn. Trong khó khăn trăm bề nhưng những người phụ nữ ở hậu phương luôn sẵn sàng góp công sức, tiền của, tài sản, tính mạng của mình cho cuộc chiến	Tiết mục 1	06 phút
Cao trào	Làm giao liên, Làm du kích địa phương, Làm thanh niên xung phong cáng thương, tải đạn... và có người đã hi sinh	Tiết mục 2	01 phút
		Tiết mục 3	04 phút
		Tiết mục 4	01 phút
		Tiết mục 5	05 phút
		Tiết mục 6	05 phút
Mở nút	Mặc dù có người đã hi sinh, nhưng họ vẫn tiếp tục lao động tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm gửi ra chiến trường	Tiết mục 7	02 phút
		Tiết mục 8	05 phút
		Tiết mục 9	01 phút
Tổng thời lượng chương trình:			30 phút

(6.3)

- Bố cục các ý chủ đạo theo kiểu ý độc lập:

- + Ý 1: Những đóng góp về vật chất của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc
- + Ý 2: Những đóng góp về tinh thần của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc

- Tóm tắt nội dung chương trình: Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, người phụ nữ Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn về nguồn lực cả vật chất và cả nguồn lực văn hóa tinh thần. Tất cả những đóng góp đó đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp dân tộc Việt Nam chiến thắng được mọi kẻ thù xâm lược hùng mạnh hơn ta gấp nhiều lần, để giành lấy độc lập tự do, thống nhất đất nước.

- Kết cấu hình thức chương trình sân khấu hóa cuộc thi:

Thứ tự	Nội dung bao quát/các ý chủ đạo	Kết cấu hình thức	Thời lượng
Giao đãi	Ca ngợi người phụ nữ Việt Nam	Tiết mục mở	05 phút
Thắt nút	Tuyên bố thể lệ cuộc thi và danh sách các đội (hay người) thi đấu với nhau	Phần khai mạc	05 phút
Phát triển	Những đóng góp về vật chất của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc	Phần thi 1	20 phút
Cao trào	Những đóng góp về tinh thần của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc	Phần thi 2	20 phút
Mở nút	Tổng kết, công bố kết quả, trao giải. Ca ngợi sức mạnh trí tuệ và tâm hồn của người phụ nữ	Phần bế mạc Tiết mục kết	07 phút 03 phút
Tổng thời lượng chương trình:			60 phút

Có thể thấy, bố cục nội dung và kết cấu hình thức là hai mặt thống nhất của một cấu trúc chương trình. Bố cục nội dung cần logic, hợp lý để nội dung được chặt chẽ; kết cấu hình thức được xây dựng trên cơ sở nội dung, làm cho nội dung được bộc lộ ra bên ngoài theo một trình tự nào đó, cũng cần tuân thủ một trật tự cấu trúc nhất định để phản ánh hiệu quả nhất nội dung, góp phần giúp cho người xem dễ hiểu khi theo dõi, tiếp cận với thông điệp – chủ đề tư tưởng của chương trình. Nói cách khác, hai yếu tố này phải hòa quyện hợp lý vào nhau, gắn kết hữu cơ với nhau, để xây nên bộ khung của chương trình, làm cơ sở chắc chắn cho việc thiết kế hệ thống các tiết mục cụ thể, chi tiết về sau.

2.5. Thiết kế tiết mục văn hóa nghệ thuật

Tiết mục là một đơn vị cơ bản để cấu thành nên chương trình; các thành tố cấu trúc nên tiết mục gồm có: tiêu đề, nội dung, hình thức, thời lượng và tiết tấu.

- Tiêu đề tiết mục: là tên riêng của tiết mục, khái quát nội dung ý nghĩa của tiết mục, để thuận tiện nhận diện, ghi nhớ và phân biệt giữa các tiết mục với nhau và với tên chương trình. Tên tiết mục văn hóa nghệ thuật thường ngắn gọn để dễ đọc, dễ nhớ; mang tính tượng thanh để khi đọc lên nghe được thanh điệu êm tai, tiết tấu sinh động; mang tính tượng hình để kích thích sự liên

tưởng, tưởng tượng của người tiếp nhận về đối tượng được phản ánh trong tiết mục. Tên tiết mục có thể chỉ thể hiện nội dung của tiết mục (tiết mục: tuyên bố lý do), cũng có thể bao gồm cả hình thức trình bày của tiết mục (tiết mục: ca, múa “Huyền thoại mẹ”).

- Nội dung tiết mục: mỗi tiết mục đều phản ánh một vấn đề nội dung nhất định nào đó, mang tính độc lập, trọn vẹn ý nghĩa. Nội dung của tiết mục là sự cụ thể hóa, chi tiết hóa từ nội dung bao quát được tóm tắt từ các ý chủ đạo ban đầu. Một ý chủ đạo có thể hình thành một tiết mục hoặc nhiều tiết mục; nếu một ý chủ đạo được phát triển thành nhiều tiết mục thì nội dung của các tiết mục phải được thiết kế sao cho thể hiện tập trung, có cấu trúc hợp lý, gắn kết và nằm trong nội dung của ý chủ đạo đó. Thông thường, việc phát triển nội dung các tiết mục của cùng một ý chủ đạo cũng vận dụng phương pháp bố cục nội dung như đã trình bày là: gối ý, ý chính ý phụ, ý độc lập hoặc là phối hợp giữa các kiểu này lại với nhau. Có thể hiểu đơn giản, ý chủ đạo trong trường hợp này tương tự như là một chủ đề nhỏ nữa và các nội dung được phát triển như là các ý chủ đạo con tiếp theo.

- Hình thức tiết mục: là diện mạo bên ngoài của tiết mục, là sự vật chất hóa nội dung tiết mục theo một quy luật thẩm mỹ nhất định nào đó, làm cho người tiếp nhận nội dung cảm thấy, nghe thấy, nhìn thấy được nội dung

một cách chân thực, sinh động và hấp dẫn. Chính nhờ các phương tiện thẩm mỹ nghệ thuật mà hình thức các tiết mục văn hóa nghệ thuật luôn đẹp, kích thích khoái cảm thẩm mỹ của người xem, mang lại cho họ nhiều hứng thú khi tiếp nhận các nội dung, dù cho nội dung đó có khoa học duy lý, hay chính trị khô khan, triết lý phức tạp đến mấy. Thêm nữa, với lợi thế sử dụng tổng hợp, đồng thời cùng lúc nhiều phương tiện ngôn ngữ nghệ thuật, phương tiện biểu cảm khác nhau, không giới hạn mà hình thức của các tiết mục luôn giàu sức biểu cảm, phong phú, đa dạng và biến đổi liên tục, sinh động hơn là chỉ sử dụng một phương tiện nghệ thuật duy nhất. Một tiết mục văn hóa nghệ thuật có thể sử dụng một hay nhiều hình thức thể hiện khác nhau, đồng thời cùng lúc (ví dụ: tiết mục phát biểu của đại biểu, có thể dùng cùng lúc ngôn ngữ nói, ngôn ngữ hình ảnh để minh họa qua các video clip, biểu đồ, tranh ảnh, panô... trong một không gian ánh sáng thẩm mỹ, thậm chí có cả âm thanh, tiếng động để tăng sự chú ý, tác động tích cực vào các giác quan của khán giả. Tất nhiên, sự kết hợp tổng thể các phương tiện này trong một “chừng mức” sáng tạo thẩm mỹ hợp lý sẽ mang tới hiệu quả hơn rất nhiều, so với bài phát biểu chỉ được thể hiện với một phương tiện duy nhất là ngôn ngữ nói).

Mỗi loại hình, loại thể nghệ thuật có một số hình thức thể hiện tiết mục khác nhau trong chương trình văn hóa nghệ thuật, phổ biến như: (1) Âm nhạc: thể loại thanh nhạc có các hình thức biểu diễn phổ biến như đơn ca, song ca, tam – tốp ca, hợp ca; thể loại khí nhạc có các hình thức biểu diễn phổ biến như độc tấu, song tấu, tam tấu – hòa tấu. (2) Múa: thể loại dân gian, ba lê, tính cách có các hình thức biểu diễn phổ biến như múa phụ họa, múa minh họa, múa độc lập. (3) Sân khấu: thể loại kịch hát, kịch nói, kịch hình thể có các hình thức phổ biến như hoạt cảnh, tiểu phẩm, trích đoạn, chặp; ngoài ra còn một số thể loại sân khấu khác như xiếc, ảo thuật, thời trang, dẫn chương trình, tuyên truyền miệng, diễn ngâm, đọc thơ, kể chuyện... biểu diễn với các hình thức tiết mục cá nhân hay nhóm... (4) Mỹ thuật: loại hình hội họa, thể loại tranh cổ động có một số hình thức như panô, áp phích...; loại hình điêu khắc thể loại tượng có hình thức tượng chân dung, tượng đài toàn thân, tượng phù điêu... (5) Điện ảnh (nghệ thuật qua trình chiếu): các thể loại phim có các hình thức phổ biến như trích đoạn phim, phim ngắn, video clip, sản phẩm đa phương tiện³⁴...

³⁴ Sản phẩm đa phương tiện (Multimedia): là một tổ hợp bao gồm văn bản, hình ảnh, hoạt hình, âm thanh (audio), phim (video) và những nội dung mang tính tương tác; thường được ghi lại và chạy; hiển thị hay truy nhập bởi những thiết bị xử lý nội dung thông tin như máy tính, điện thoại di động. (1) Văn bản: là một loại hình phương tiện để ghi nhận,

- Thời lượng tiết mục: Mỗi tiết mục văn hóa nghệ thuật với tư cách là nghệ thuật tổng hợp không gian và thời gian, đều được diễn ra trực tiếp trước công chúng khán giả, tại một địa điểm và trong một thời gian nhất định. Thời gian có đặc tính tổ chức, vì thế hành động sân

lưu giữ và truyền đạt các thông tin từ chủ thể này sang chủ thể khác bằng ký hiệu gọi là chữ viết trên một chất liệu nào đó như giấy, đá, gỗ, sắt...; văn bản bao gồm các tài liệu, giấy tờ có giá trị pháp lý nhất định, được sử dụng trong hoạt động của cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế... như: các văn bản pháp luật, các công văn, tài liệu, giấy tờ... (2) Hình ảnh: là một bức hình, tấm ảnh, hay hình ảnh là thứ ghi lại hay thể hiện hoặc tái tạo được cảm nhận thị giác; hình ảnh có thể có hai chiều (tranh vẽ trên mặt phẳng), hoặc ba chiều (điêu khắc); hình ảnh có thể được ghi lại bằng thiết bị quang học (máy ảnh, gương...) hoặc bởi các cơ chế tự nhiên (như mắt người hay mặt nước...). (3) Hoạt hình/hoạt họa: là những chế tác riêng từng khung hình của phim bằng máy tính, hay bằng cách chụp từng hình ảnh đã vẽ, đã được tô màu, hoặc bằng cách chụp những cử động rất nhỏ của các mô hình để tạo nên những hình ảnh này. Những hình ảnh sau đó được chụp bằng một máy quay phim hoạt họa chuyên ngành, khi tất cả các hình ảnh được ghép vào với nhau, tạo nên một đoạn phim và được chiếu lên màn ảnh, chúng gây nên ảo giác là các cử động được chuyển động liên tục. (3) Âm thanh (audio): là những gì chúng ta có thể nghe được do quá trình thu và phát, có thể từ những âm thanh của tự nhiên như tiếng xào xạc của lá cây do sự tác động của lực gió thổi, tiếng sóng vỗ vào bờ, tiếng mưa rơi, tiếng sấm chớp...; hay từ những âm thanh nhân tạo như âm nhạc, lời nói, tiếng động có chủ đích của con người... (4) Phim (video): là những hình ảnh động, kết hợp với âm thanh, được ghi trên vật liệu bằng phim nhựa, băng từ, đĩa từ và các vật liệu ghi hình khác để phổ biến đến công chúng thông qua các phương tiện kỹ thuật. Các bước thực hiện sản phẩm đa phương tiện: biên tập nội dung, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu, dựng sản phẩm, xuất file, trình chiếu.

khẩu mang tính ý thức, cho nên hành động biểu diễn của tiết mục phải được suy tính, sắp xếp sao cho chính xác và tác động hiệu quả tới người xem. Không nên để xảy ra sự “vô thức” dù là một vài giây trong lúc biểu diễn, không thể tùy tiện để thời gian sân khấu “chết” ngừng đọng quá lâu do không biểu diễn (có thể có sự ngưng lặng mang tính biểu diễn) hay do những lỗi khác của con người (lỗi diễn xuất, lỗi kỹ thuật, lỗi phối hợp...). Thời lượng của một tiết mục phụ thuộc vào tổng thời lượng của cả chương trình, của mỗi chương, phần, của tính chất quan trọng trong mỗi thành tố kịch (giao đãi, thắt nút và mở nút thường ngắn hơn phát triển và cao trào; cao trào thường ngắn hơn phát triển). Thời lượng của chương trình bao gồm tổng thời lượng của từng tiết mục và tổng thời lượng kết nối giữa các tiết mục lại với nhau; có khi, người sáng tạo cũng thiết kế thêm một tiết mục nhỏ để kết nối giữa hai tiết mục, chương, phần lại với nhau.

- Tiết tấu tiết mục: Tiết tấu tiết mục là sự vận động, chuyển động, biến đổi liên tục, không ngừng của nội dung, hình thức và sự biểu diễn của diễn viên trong một không gian, thời gian xác định. Tiết tấu tiết mục không chỉ là sự nhanh hay chậm như cách hiểu thông thường, mà là sự kết hợp của các thủ pháp đối tỷ về nội dung, hình thức, tính chất như đã trình bày. Trong kịch bản văn học, tiết tấu thường được tác giả viết dưới dạng các gợi

ý dàn cảnh, giúp người đọc dễ hình dung ra hành động sân khấu, hành động của nhân vật trong những hoàn cảnh cụ thể sẽ được thể hiện trên sân khấu trong tương lai (ví dụ: ca sĩ xuất hiện từ cánh gà bên trái sân khấu, bước đi chậm chậm, khoan thai; ánh sáng phía trước thềm sân khấu màu xanh hòa trong khói lạnh phủ đầy, tạo một không gian hoài niệm, ký ức xa xăm...; âm thanh giai điệu tiếng đàn kim vang lên từng câu, rải đều theo nhịp bước chân của người ca sĩ). Để viết được mô tả tiết tấu, người viết kịch bản cần am tường ngôn ngữ nghệ thuật dàn cảnh sân khấu và có khả năng diễn đạt bằng ngôn từ một cách có hình ảnh, súc tích và dễ hiểu.

Để thiết kế một tiết mục văn hóa nghệ thuật, người viết dựa trên bố cục nội dung và kết cấu hình thức (khung chương trình) để triển khai xây dựng tiết mục. Quá trình thiết kế tiết mục, thông thường có ba cách phổ biến là sưu tầm, cải biên và sáng tác mới. Người viết có thể sử dụng độc lập một kiểu thiết kế nào đó hoặc kết hợp cùng lúc các kiểu thiết kế để viết một chương trình văn hóa nghệ thuật.

(1) Sưu tầm, tìm kiếm các tác phẩm văn hóa nghệ thuật có sẵn, phù hợp với yêu cầu định hướng của khung chương trình; phương pháp này yêu cầu người viết phải có vốn liếng các tiết mục văn nghệ nhiều.

(2) Cải biên, biên soạn tiết mục trên cơ sở các tiết mục văn hóa nghệ thuật đã có nhưng không hoặc chưa phù hợp với yêu cầu định hướng của khung chương trình; phương pháp này yêu cầu người viết có khả năng sáng tác một cách tương đối (hoặc cộng tác với nghệ sĩ sáng tác).

(3) Sáng tác tiết mục mới theo yêu cầu định hướng của khung chương trình; phương pháp này yêu cầu người viết phải biết rành về sáng tác văn nghệ (hoặc cộng tác với nghệ sĩ sáng tác).

Quy trình thiết kế, dựa trên khung chương trình, chúng ta có thể tìm/chọn các tiết mục văn nghệ có sẵn, phù hợp với nội dung và hình thức đã được định hướng. Trước tiên, cần căn cứ vào nội dung để tìm tiết mục có sẵn; nếu có nhiều tiết mục có sẵn phù hợp nội dung thì ta tiến hành chọn tiết mục có nội dung sát nhất và mới lạ nhất, xem xét về hình thức thể hiện và tiết tấu của tiết mục nào phù hợp nhất với hình thức và tiết tấu chung của chương trình. Nếu có tiết mục phù hợp với nội dung mà thiếu tính mới lạ về hình thức, không phù hợp tiết tấu chúng ta có thể giữ nguyên định hướng nội dung tiết mục đó và tiến hành thay đổi hình thức, tiết tấu thể hiện khác. Nếu không tìm chọn được tiết mục văn nghệ có sẵn phù hợp cả về nội dung, hình thức và tiết tấu với yêu cầu khung chương trình (hoặc có nhưng chưa hoặc không

ưng ý, hài lòng) thì phải tiến hành cải biên hoặc sáng tác tiết mục mới.

Chúng ta hiểu, rằng hình thức và nội dung luôn vận động, biến đổi trong nhau. Nhưng, đặt trong mối quan hệ mục đích và phương tiện của hoạt động văn hóa nghệ thuật ở các trung tâm văn hóa; có thể thấy, nội dung là cái cốt lõi, mang tính định hướng, thường ổn định hơn; còn hình thức có thể tùy biến, thay đổi linh hoạt hơn, miễn là có thể chuyển tải trọn vẹn, mục đích của nội dung hoạt động. Hơn nữa, các nội dung mang tính định hướng có mục đích thường sau khi đã được xác định (phê duyệt) thì khó thay đổi hơn hình thức; cho nên, hình thức có thể biến đổi xoay quanh trục nội dung. Do vậy, nếu không tìm chọn được tiết mục có sẵn nội dung phù hợp, ta phải giữ định hướng nội dung đó mà linh hoạt tìm chọn các hình thức – phương tiện thể hiện khác. Hình thức thể hiện càng linh hoạt, biến đổi mới lạ, phong phú, đa dạng, sinh động thì càng tạo sức hấp dẫn cho nội dung và phù hợp với điều kiện, yêu cầu tính chất hoạt động phong trào của trung tâm văn hóa.

Sau đây, chúng ta vận dụng ba kiểu thiết kế tiết mục trên để thiết kế hệ thống các tiết mục cho chương trình văn nghệ, chương trình tuyên truyền cổ động và chương trình sân khấu hóa cuộc thi.

Ví dụ (7):

2.5.1. Thiết kế tiết mục trong chương trình văn nghệ

Dựa trên bố cục nội dung và kết cấu hình thức được xác định từ ví dụ (6.1)

Thứ tự	Nội dung bao quát/các ý chủ đạo	Kết cấu hình thức	Thời lượng
Giao đãi	Người phụ nữ tiễn chồng mình đi kháng chiến	Tiết mục 1	04 phút
Thất nút	Người phụ nữ được đồng đội của chồng báo tin anh đã hi sinh	Tiết mục 2	04 phút
Phát triển	Người phụ nữ một mình vừa nuôi con vừa nuôi chí diệt thù	Tiết mục 3	05 phút
Cao trào	Người phụ nữ tiếp tục tiễn con mình đi vào cuộc chiến	Tiết mục 4	07 phút
Mở nút	Ngày giải phóng, người phụ nữ đi tìm con trong đoàn quân chiến thắng trở về nhưng không gặp được con	Tiết mục 5	05 phút
Tổng thời lượng chương trình:			25 phút

(7.1) Thiết kế các tiết mục trong chương trình văn nghệ như sau:

Tiết mục 1:

- Tên tiết mục: Ca cảnh sân khấu “Lời người ra đi”

Tác giả âm nhạc: Trần Hoàn

Lưu ý: Nếu sử dụng tác phẩm nghệ thuật được sưu tầm, phải ghi đúng và đầy đủ tên tác phẩm, tên của những người sáng tạo ra tác phẩm đó. Nếu là tác phẩm cải biên phải ghi tên người biên soạn lại và tên tác phẩm, tên những người sáng tác bản gốc, hay ghi sưu tầm, dựa theo đối với tác phẩm khuyết danh. Nếu là tác phẩm sáng tác mới thì ghi tên tác phẩm, tên những người sáng tác mới.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

Lưu ý: Nội dung ca khúc phải có sự gắn kết, phát triển theo định hướng bố cục nội dung/ý chủ đạo của chương trình.

- Hình thức: đơn ca nữ và hoạt cảnh sân khấu minh họa.

Lưu ý: Hình thức thể hiện của tiết mục có thể giống với hình thức thể hiện của tác phẩm có sẵn; có thể điều chỉnh, sáng tạo mới nhưng phải phù hợp với tính chất thể loại, thẩm mỹ và sát với các điều kiện thiết kế của

đơn vị. Mỗi tiết mục cần một hình thức thể hiện khác nhau; các tiết mục kế tiếp nhau cần có sự thay đổi, tránh trùng lặp lại với nhau về hình thức thể hiện.

- Thời lượng: 04 phút

Lưu ý: Thời lượng của tiết mục căn cứ vào thời lượng đã quy định trong khung chương trình. Tuy nhiên, có thể điều chỉnh cho phù hợp với tiết mục có sẵn, nhưng phải cân đối lại cả hệ thống các tiết mục sao cho phù hợp với tổng thời lượng của chương trình.

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Lưu ý: Gợi ý dàn cảnh là mô tả tóm tắt về hành động diễn xuất của tất cả diễn viên trong sự phối kết hợp với các phương tiện khác như: âm thanh, âm nhạc, lời nói, tiếng động, ánh sáng, cảnh trí, đạo cụ, phục trang, hóa trang, màn hình, video clip, hiệu ứng kỹ xảo và các phương tiện biểu cảm khác. Có thể chỉ mô tả hành động sân khấu tiêu biểu trong tiết mục hoặc mô tả hành động sân khấu của cả tiết mục theo trật tự từ lúc mở đầu cho tới lúc kết thúc. Gợi ý dàn cảnh là nhằm tạo ra tiết tấu, màu sắc cho tiết mục; tiết tấu giữa các tiết mục có sự liên quan với nhau và tạo ra hiệu quả tiết tấu của cả chương trình.

Tiết mục 2:

- Tên tiết mục: Diễn ngâm “Lá thư chiến trường”

Gợi ý: Có thể sưu tầm, cải biên hay sáng tác một bức thư của bộ đội viết từ chiến trường gửi về cho người vợ của mình ở hậu phương.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của lá thư.

Gợi ý: Để bám sát nội dung “Người phụ nữ được đồng đội của chồng báo tin anh đã hi sinh” thì nội dung lá thư là những tình cảm của người bộ đội gửi cho vợ mình, được viết trước lúc anh hi sinh. Nay khi anh đã hi sinh thì những đồng đội của anh mới phát hiện và đọc lại những dòng thư đó bằng tình cảm và “tâm tưởng” để thay lời anh gửi về hậu phương.

- Hình thức: diễn ngâm nam, nữ

- Thời lượng: 04 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tái hiện hai không gian trên một sân khấu; không gian một là cảnh người bộ đội đang đọc thư ở chiến trường bên xác đồng đội của mình và không gian hai là cảnh người vợ ở hậu phương đang nghe tâm sự của chồng mình và đau đớn khi biết đó là những dòng thư cuối cùng của chồng để lại.

Tiết mục 3:

- Tên tiết mục: Ca nhạc “Đất nước lời ru”
- Sáng tác âm nhạc: Văn Thành Nho
- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.
- Hình thức: đơn ca nữ và nhóm bè nam, nữ
- Thời lượng: 05 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Tiết mục 4:

- Tên tiết mục: Múa “Tiếp bước cha anh”

Sáng tác nhạc múa: viết nhạc mới hoặc sưu tầm, cải biên nhạc múa.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài múa độc lập.

Gợi ý: Nén nỗi đau mất chồng vào lòng, mẹ quyết biến đau thương thành hành động, động viên con mình tiếp tục noi theo gương chí lớn của cha anh – những anh hùng của dân tộc hùng anh, tiếp tục tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng, đánh đuổi giặc ngoại xâm, quyết giành lấy độc lập tự do, thống nhất nước nhà.

- Hình thức: tốp múa nam, nữ
- Thời lượng: 07 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Cảnh (1), khắp các địa phương từ thành thị tới nông thôn vô số thanh niên hăng hái ra trận, một đôi nam, nữ thanh niên lưu luyến chia tay nhau trước giờ ra trận (màn hình tái hiện lại cảnh mẹ tiễn đưa chồng năm xưa). Cảnh (2), cuộc chiến đấu gay gắt, quyết liệt ở chiến trường và hình tượng anh dũng hi sinh của người lính trẻ. Cảnh (3), niềm vui của một dân tộc chiến thắng kẻ thù ngoại xâm, người dân hân hoan chào đón đoàn quân chiến thắng trở về.

Tiết mục 5:

- Tên tiết mục: Ca múa “Đất nước”

Sáng tác: Thơ - Tạ Hữu Yên, Nhạc - Phạm Minh Tuấn

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

Gợi ý: Câu chuyện về dân tộc Việt Nam nhỏ bé nhưng triền miên hứng chịu những cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Trong tầm tối của chiến tranh, những người phụ nữ Việt Nam phải chấp nhận cảnh sống lam lũ, cơ cực để nuôi dạy con khôn lớn; và rồi vì nghĩa nước

mẹ đã phải nén tình nhà để lặng lẽ tiễn các con của mình ra trận, bước vào cuộc chiến với kẻ thù... Ngày cả dân tộc giải phóng, đất nước hòa bình, mẹ lại lặng im và khóc thầm khi biết các con của mình đã ra đi mãi mãi không trở về... Các anh đã hi sinh cho quê hương được giải phóng, mẹ cạn khô dòng nước mắt, lắng nỗi đau mất các con vào lòng; mẹ tự hào về sự anh dũng của các con, Tổ quốc tự hào về những hi sinh của mẹ.

- Hình thức: đơn ca nam và tốp múa nam, nữ minh họa
- Thời lượng: 05 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Màn hình chiếu phim tư liệu cảnh ngày thống nhất đất nước, cờ hoa tung bùng, người người rộn rã, mừng vui chiến thắng. Màn hình chuyển sang thời hiện tại, một đoạn trò chuyện của những người cựu chiến binh, nội dung nói về những đồng đội của mình tới nay có người còn chưa tìm được hài cốt. Màn hình chiếu cảnh các nghĩa trang liệt sĩ, đặc tả những bia mộ liệt sĩ chưa biết tên. Ánh sáng màn hình dịu xuống dần.

Người cựu chiến binh ngồi một góc sân khấu kể chuyện với khán giả:

Sân khấu mở ra cảnh một đêm mưa gió, sấm chớp đầy trời, ẩn hiện trong đêm mưa là hình ảnh một người

phụ nữ nhanh nhạy tiếp tế lương thực, thực phẩm và soi đèn cho từng tốp bộ đội lên dò qua sông. Cơn mưa ngoi hạt, người phụ nữ ngồi lặng lẽ bên song cửa, dõi mắt nhìn theo hướng những người bộ đội vừa đi qua. Tiếng đàn bầu vang lên, nhạc vào intro ca khúc “Đất nước”. Ca sĩ đi từ cánh gà trái ra một góc sân khấu, vừa hết intro bắt đầu vào hát từ đầu đến hết phiên khúc một. Ánh sáng màu vàng nhẹ, bao quanh khu vực ca sĩ, ánh sáng phía sau phông sân khấu dịu xuống dần, người mẹ đi vào cánh gà. Đoạn điệp khúc cho tới hết bài hát lần một, ca sĩ di chuyển ra giữa sân khấu. Màn hình chiếu cảnh người mẹ lần lượt tiễn hai người con của mình ra trận, đặc tả gương mặt mẹ đượm buồn nhưng cương nghị. Sân khấu tập trung ánh sáng vào ca sĩ.

Nhạc gian tấu, người mẹ xuất hiện ngồi đan áo ở một góc sân khấu, có lúc tiếng bom đạn nổ xa xa, mẹ ngẩng đầu nhìn, lo sợ... Màn hình xuất hiện cảnh bộ đội chiến đấu ở chiến trường, mẹ ra vẻ lo lắng bồn chồn, diễn nét mặt linh cảm điều không lành với con mình. Màn hình cảnh bom nổ to, sân khấu tương tác hiệu ứng âm thanh và ánh sáng dữ dội. Sân khấu xuất hiện một nhóm múa nam, nữ diễn tả cảnh chiến đấu và hi sinh của bộ đội. Ca sĩ tiếp tục vào bài hát từ đoạn điệp khúc. Màn hình xuất hiện cảnh từng đoàn bộ đội vẫn tiếp tục hành quân, mẹ đi ngược chiều đoàn bộ đội để tìm con

mình, diễn tương tác với màn hình... Ca sĩ hát hết điệp khúc, bất ngờ từ trong ngôi nhà mẹ, người con trai thứ ba của mẹ chạy vội ra nhìn theo đoàn quân, rồi quay lại ôm chầm lấy mẹ, quỳ xuống hôn đôi tay mẹ, sau đó người con nhanh nhậy đứng dậy, chạy vụt theo hướng đoàn bộ đội đang hành quân. Nhạc cao trào, mẹ chạy lên bục cao nhất giữa sân khấu giơ hai tay ra phía trước, ánh sáng tập trung vào nơi mẹ đứng, trên hai tay mẹ ôm dải lụa đỏ, dải lụa thướt tha kéo dài từ hai tay mẹ ra hai bên cánh gà sân khấu.

Ca sĩ hát câu coda. Nhóm múa nam, nữ xuất hiện theo hướng hai dải lụa đỏ di vào sân khấu, múa động tác tôn vinh mẹ, mẹ đứng bất động, dáng đứng một tượng đài sừng sững trên cao. Dải lụa đỏ trên hai tay mẹ tung bay phất phới. Ánh sáng đỏ rực rỡ sân khấu. Màn hình hiện một bức phù điêu màu vàng đồng cảnh các tư thế bộ đội chiến đấu. Âm nhạc kết vang vọng, hoành tráng.

Người cựu chiến binh, dâng một đóa hoa lên tượng đài người phụ nữ trên sân khấu.

2.5.2. Thiết kế tiết mục trong chương trình tuyên truyền cổ động

Dựa trên bố cục nội dung và kết cấu hình thức được xác định từ ví dụ (6.2)

Thứ tự	Nội dung bao quát/các ý chủ đạo	Kết cấu hình thức	Thời lượng
Thắt nút	Chiến trường diễn ra chiến tranh ác liệt, nhiều thiếu thốn. Trong khó khăn trăm bề nhưng những người phụ nữ ở hậu phương luôn sẵn sàng góp công sức, tiền của, tài sản, tính mạng của mình cho cuộc chiến	Tiết mục 1	06 phút
Cao trào	Làm giao liên, Làm du kích địa phương, Làm thanh niên xung phong cáng thương, tải đạn... và có người đã hi sinh	Tiết mục 2	01 phút
		Tiết mục 3	04 phút
		Tiết mục 4	01 phút
		Tiết mục 5	05 phút
		Tiết mục 6	05 phút
Mở nút	Mặc dù có người đã hi sinh, nhưng họ vẫn tiếp tục lao động tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm gửi ra chiến trường	Tiết mục 7	02 phút
		Tiết mục 8	05 phút
		Tiết mục 9	01 phút
Tổng thời lượng chương trình:			30 phút

(7.2) Thết kế các tiết mục trong chương trình tuyên truyền cổ động như sau:

Tiết mục 1:

- Tên tiết mục: Tiểu phẩm kịch “Áo rách nên thương”
- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của tiểu phẩm kịch.

Gợi ý: nhân vật: người mẹ, người con gái của mẹ, người giặc lính, người chỉ điểm.

Giao đãi: Tại ngôi nhà lá nghèo của hai mẹ con bên bờ sông, mẹ ngồi vá lại chiếc áo bộ đội đã bị rách vai, tâm trạng vừa làm vừa sợ bị bọn lính phát hiện mình tiếp tay, che giấu bộ đội. Cô gái giúp mẹ xỏ chỉ cho từng mũi kim khâu vừa canh chừng lính. MÀN HÌNH CHIẾU CẢNH THẲNG CHỈ ĐIỂM NÓI VỚI THẲNG LÍNH VỀ CÂU CHUYỆN HAI MẸ CON CHE GIẤU BỘ ĐỘI VÀ TIẾP TAY CHO VIỆT CỘNG.

Thắt nút: Thằng lính và thằng chỉ điểm phát hiện chiếc áo bộ đội trong nhà, nghi ngờ và quả quyết hai mẹ con che giấu bộ đội và tiếp tay cho Việt cộng, quyết trừng trị.

Phát triển: Mẹ đấu tranh bằng trí tuệ và tình cảm với bọn lính để thu phục nhân tâm và đòi lại chiếc áo bộ đội (nói dối với bọn giặc đó là một kỷ vật thiêng liêng của con trai bà hi sinh để lại), cũng là để tạo điều kiện thời gian cho con gái của bà kịp đưa người bộ đội rời khỏi

điểm trú ẩn từ phía sau nhà.

Cao trào: Bọn giặc phát hiện được âm mưu bà bày cảnh để cho con gái bà có thời gian đưa bộ đội tẩu thoát, bọn giặc điên cuồng ra lệnh bắn theo phía con dò mà con gái bà dùng để đưa người bộ đội qua sông trốn thoát. Mẹ chặn nòng súng kẻ thù, viên đạn trúng thẳng vào tim và mẹ hi sinh.

Mở nút: Bọn giặc hoảng sợ bỏ chạy, cô gái kịp đưa người bộ đội thoát hiểm nguy, và khi cô trở về lại nhà thì mẹ đã không còn. Chiếc áo bộ đội mẹ vẫn ôm chặt trong người khi bị bọn giặc bắn, máu mẹ thấm đỏ áo anh. Cô gái uất hận, quyết nuôi chí đánh đuổi kẻ thù.

- Hình thức: tiểu phẩm kịch nói
- Thời lượng: 06 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Tiết mục 2:

- Tên tiết mục: Tuyên truyền miệng (lần 1) “vai trò của người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh”

Sáng tác mới bài tuyên truyền miệng trên cơ sở thu thập đầy đủ, chính xác các thông tin, tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, có xuất xứ tin cậy, rõ ràng, chính thống.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài tuyên truyền miệng.

Gợi ý: Cấu trúc bài tuyên truyền với 3 ý chính: ý (1) nói về vai trò người phụ nữ ở hậu phương trong thời chiến; ý (2) nói về những đóng góp cụ thể (có số liệu minh chứng) về sức người, sức của của phụ nữ Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ý (3) nói về ý nghĩa của những đóng góp đó. Bài tuyên truyền có thể phân đoạn ra để đọc lần lượt ở những tiết mục phù hợp nhằm làm sáng tỏ thêm cho nội dung tiết mục và giúp khán giả dễ theo dõi và dễ nhớ hơn.

Ví dụ, sau tiết mục 1 này, chỉ cần đọc ý (1) của bài tuyên truyền là “khẳng định vai trò người phụ nữ ở hậu phương trong thời chiến”, và dẫn nối qua tiết mục tiếp theo, với câu nói “hãy cùng tiếp tục xem họ đã đóng góp những gì và đóng góp như thế nào cho cuộc chiến của chúng ta nhé”.

- Hình thức: tuyên truyền viên nam và nữ
- Thời lượng: 01 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tuyên truyền viên nói và diễn tương tác với màn hình. Màn hình chiếu clip minh họa theo nội dung chi tiết. Có thể kết hợp với panô minh họa những chi tiết

quan trọng cần nhấn trọng tâm để tác động vào sự chú ý của khán giả. Các panô sẽ được thiết kế đa dụng, thẩm mỹ và khai thác tiếp tục như là các cảnh trí sân khấu cho tiết mục tiếp sau.

Tiết mục 3:

- Tên tiết mục: Múa “Nữ giao liên”

Sáng tác nhạc múa: viết nhạc mới hoặc sưu tầm, cải biên nhạc múa.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài múa độc lập.

Gợi ý: diễn tả những hành động chiến đấu tiêu biểu của nữ giao liên hoạt động ở nội ô và vùng ven thành phố.

Đoạn 1: Hợp sức: chủ động gây dựng cơ sở, tập hợp lực lượng các chị em phụ nữ đứng vào hàng ngũ tổ chức, hình thức thông qua các buổi sinh hoạt nữ công, văn nghệ, sinh hoạt bí mật, công khai hoặc vừa bí mật vừa công khai ngay trong nội ô thành phố.

Đoạn 2: Dẫn đường: đội nữ du kích lên kế hoạch và tiến hành dẫn đường cho bộ đội tiến công vào nội thành, đánh du kích và chiến thắng một số trận.

Đoạn 3: Đối đầu: trong một lần đội nữ du kích dẫn đường bộ đội bị phát hiện, bị địch phản công dữ dội, các nữ du kích thông minh, lanh lợi và dũng cảm đã đối phó thành công với địch, bảo toàn lực lượng và đưa bộ đội ta rút lui, ẩn nấp an toàn.

- Hình thức: tốp múa nam, nữ
- Thời lượng: 03 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Tiết mục 4:

- Tên tiết mục: Tuyên truyền miệng (lần 2) “Những đóng góp về sức người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài tuyên truyền miệng.

Gợi ý: những đóng góp cụ thể về công sức của người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh (có số liệu minh chứng), như: bản thân tham gia làm du kích địa phương, làm giao liên, thông tin liên lạc, đội nữ tự vệ...

- Hình thức: tuyên truyền viên nữ
- Thời lượng: 01 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tuyên truyền viên nói và diễn tương tác với màn hình. Màn hình chiếu clip minh họa theo nội dung chi tiết. Có thể kết hợp với diễn viên trong vai các nữ du kích, giao liên, nữ tự vệ minh họa thêm cho đoạn tuyên truyền.

Sau khi kết lời tuyên truyền (lần 2), dẫn nối qua tiết mục tiếp theo, với câu nói “không chỉ ở thành thị mà cả ở nông thôn, đâu đâu cũng có biết bao tấm gương phụ nữ sẵn sàng đóng góp sức mình, trực tiếp giúp đỡ cho bộ đội vượt qua những chặng hành quân đầy gian nguy, cách trở. Không chỉ thế, mà ngay cả ở những cung đường tuyến lửa của cuộc chiến, vẫn không thể ngăn được sự tự nguyện dấn thân đóng góp của các chị - những thanh niên xung phong cáng thương, tải đạn, kéo pháo vá đường...”

Tiết mục 5:

- Tên tiết mục: Ca nhạc “Qua sông”

Sáng tác âm nhạc: Phạm Minh Tuấn

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: tốp ca nữ

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Có thể thay thế hình thức ca nhạc của tiết mục này bằng chiếu phim một trích đoạn phim truyện về nữ du kích Việt Nam hoặc kết hợp chiếu phim (không phát tiếng) để minh họa thêm về hình tượng nữ du kích hoạt động ở vùng sông nước Nam Bộ.

Tiết mục 6:

- Tên tiết mục: Ca nhạc “Những bông hoa trên tuyến lửa”

Sáng tác: Thơ – Đỗ Trung Quân,

Nhạc – Nguyễn Cửu Dũng

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nam, tốp bè nam và hoạt cảnh sân khấu nam, nữ

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Cảnh diễn những nữ thanh niên xung phong làm người cáng thương, tải đạn, lấp ổ bom, vá đường... trong khói lửa, bom đạn chiến tranh ác liệt nhưng các

chị vẫn hăng hái, quyết liệt... và rồi trong số các nữ thanh niên xung phong đó đã có một nữ anh hùng ngã xuống trong lứa tuổi thanh xuân khi đang làm nhiệm vụ thiêng liêng với Tổ quốc.

Tuyên truyền viên kết hợp đọc lời thuyết minh trên nền âm nhạc và cảnh diễn sân khấu về những số liệu đóng góp, hi sinh to lớn của các nữ thanh niên xung phong trong giai đoạn chiến tranh chống Mỹ của dân tộc ta.

Tiết mục 7:

- Tên tiết mục: Tuyên truyền miệng (lần 3) “Những đóng góp về của cải vật chất của người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài tuyên truyền miệng.

Gợi ý: Những đóng góp cụ thể về của cải vật chất của người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh (có số liệu minh chứng), như: tài sản hiện kim, hiện vật, nhu yếu phẩm, lương thực, thực phẩm...

- Hình thức: tuyên truyền viên nữ

- Thời lượng: 02 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tuyên truyền viên nói và diễn tương tác với màn hình. Màn hình chiếu video clip minh họa theo nội dung chi tiết.

Tiết mục 8:

- Tên tiết mục: Ca múa “Lá đỏ”

Sáng tác: Thơ - Nguyễn Đình Thi, Nhạc - Hoàng Hiệp

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nam và nhóm múa nữ minh họa

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Cảnh gặp gỡ giữa nữ thanh niên xung phong với bộ đội. Đoàn bộ đội tiếp tục hành quân. Cung đường tiếp tục bị bom đạn cày xéo. Các nữ thanh niên xung phong lại tiếp tục công việc nguy hiểm nhưng đầy vinh quang của mình. Tất cả cùng hi vọng vào ngày giải phóng... Lá rừng rực đỏ lên trong mịt mù đạn bom, khói lửa giữa đại ngàn Trường Sơn.

Tiết mục 9:

- Tên tiết mục: Tuyên truyền miệng (lần 4) “ý nghĩa về những đóng góp to lớn của người phụ nữ hậu phương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài tuyên truyền miệng.

- Hình thức: tuyên truyền viên nam, nữ

- Thời lượng: 01 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tuyên truyền viên đọc thuyết minh lúc gian tấu hoặc sau khi kết nhạc ca khúc “Lá đỏ” hoặc nối thêm một đoạn nhạc cao trào và đọc giọng khí thế trên nền nhạc nổi để kết chương trình hoành tráng, tạo cảm giác khí thế cuộc chiến và những đóng góp của những nữ thanh niên xung phong vẫn còn tiếp diễn.

2.5.3. Thiết kế tiết mục trong chương trình cuộc thi

Dựa trên bố cục nội dung và kết cấu hình thức được xác định từ ví dụ (6.3)

Thứ tự	Nội dung bao quát/các ý chủ đạo	Kết cấu hình thức	Thời lượng
Giao đãi	Ca ngợi người phụ nữ Việt Nam	Tiết mục mở	05 phút
Thắt nút	Tuyên bố thể lệ cuộc thi và danh sách các đội (hay người) thi đấu với nhau	Phần khai mạc	05 phút
Phát triển	Những đóng góp về vật chất của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc	Phần thi 1	20 phút
Cao trào	Những đóng góp về tinh thần của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc	Phần thi 2	20 phút
Mở nút	Tổng kết, công bố kết quả, trao giải. Ca ngợi sức mạnh trí tuệ và tâm hồn của người phụ nữ	Phần bế mạc Tiết mục kết	07 phút 03 phút
Tổng thời lượng chương trình:			60 phút

(7.3) Thiết kế các tiết mục trong chương trình cuộc thi như sau:

Tiết mục mở:

- Tên tiết mục: Trình diễn thời trang “Dáng đứng Việt Nam”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của tiết mục trình diễn thời trang.

Gợi ý: Bộ sưu tập thời trang áo dài truyền thống của người phụ nữ Việt Nam trải qua một số thời kỳ lịch sử văn hóa, gắn với các nhân vật nữ anh hùng hay các thời kỳ lịch sử tiêu biểu như: áo dài phụ nữ thời Hai Bà Trưng, áo dài phụ nữ thời Nam Phương hoàng hậu, áo dài phụ nữ thời kháng chiến chống Pháp, áo dài phụ nữ thời kháng chiến chống Mỹ, áo dài phụ nữ thời giải phóng, thống nhất đất nước, áo dài phụ nữ thời kỳ đổi mới...

- Hình thức: nhóm người mẫu thời trang nữ

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Phần khai mạc:

- Tên phần: khai mạc cuộc thi

Lưu ý: Khai mạc thường là một cuộc lễ³⁵, bao gồm nhiều nghi lễ/tiết mục diễn ra theo một trình tự, nguyên tắc nhất định, mang tính trang trọng; nhằm loan báo đến công chúng lý do, mục đích, ý nghĩa, nội dung, hình thức, thể thức tiến hành các hoạt động và đánh dấu thời điểm chính thức bắt đầu cho hoạt động đó.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của phần khai mạc.

Gợi ý: Lễ khai mạc thường bao gồm các nội dung; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, phát biểu khai mạc, thông qua thể lệ thi, giới thiệu ban tổ chức/ban giám khảo chấm thi, giới thiệu các đội thi/người thi.

- Hình thức: ngôn ngữ nói của người dẫn chương trình, đại biểu

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

³⁵ Cấu trúc truyền thống của cuộc lễ bao gồm các yếu tố: (1) nghi diễn – là diễn tích/lý do, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu; (2) nghi tiết – là tình tiết của cuộc lễ/tiết mục; (3) nghi thức – là cách thức thực hành ý tưởng/phương pháp thiết kế tiết mục, chương trình; (4) nghi trượng – là điều kiện vật thể và phi vật thể để thiết kế/phương tiện, công cụ thiết kế; (5) nghi trình – là quy định trình tự diễn ra cuộc lễ/chương trình.

Phần thi 1:

- Tên phần thi: “Lá ngọc trang”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của phần thi.

Gợi ý: Phát triển nội dung ý chủ đạo “những đóng góp về vật chất của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc” thành các nội dung thi cụ thể như sau:

Nội dung thi 1: Gói quà gửi ra tiền tuyến

Nội dung thi 2: May áo gửi ra tiền tuyến

Nội dung thi 3: Ngọc trang gánh quà gửi ra tiền tuyến

Nội dung thi 4: Gánh quà ra tiền tuyến

- Hình thức: thi đồng đội nữ (mỗi đội 10 người), liên hoàn các nội dung thi với nhau.

Gợi ý: xây dựng hình thức thi từ các nội dung thi đã xác định

Hình thức nội dung thi 1: gói bánh tét với các vật liệu quy định và có sẵn

Hình thức nội dung thi 2: may áo với các vật liệu quy định và có sẵn

Hình thức nội dung thi 3: ngụy trang gánh quà với các vật liệu quy định và có sẵn

Hình thức nội dung thi 4: gánh quà đã ngụy trang vượt chướng ngại vật quy định

- Yêu cầu: mô tả tiêu chí tính thắng và thua của các nội dung thi

Gợi ý: Tiêu chí cơ bản để tính thắng hay thua của các nội dung thi

Tính số lượng nhiều hay ít

Tính thời gian nhanh hay chậm

Tính khéo tay, đẹp hay xấu

Tính biểu diễn trên sân khấu

Tính đồng đội, làm việc tập thể

- Thời lượng: 20 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Sân khấu chia thành hai không gian, khu vực trước thềm sân khấu là hậu phương, khu vực sàn sân khấu là tiền tuyến; mỗi khu vực chia diện tích mặt nền đều nhau cho các đội thi; thiết kế đầy đủ vật liệu, đạo cụ theo các nội dung thi, thẩm mỹ, an toàn. Các nội dung thi liên tục diễn ra theo một trật tự và quy định thống nhất về thời gian bắt đầu và kết thúc (khuyến khích làm

nhANH). Âm thanh các nội dung thi tạo cảm giác gay cấn, thúc giục; kết hợp âm nhạc và lời dẫn kiểu quản trò, hoạt náo. Hình ảnh, có một đội trưởng (đạo diễn) chỉ huy dàn cảnh sân khấu (diễn xuất, thẩm mỹ) để tổ chức các hành động thi của tất cả các thành viên trong đội của mình (diễn viên). Đặc biệt là nội dung thi gánh quà ngụy trang ra tiền tuyến, diễn ra trên sân khấu, mỗi đội có hai người gánh tiếp sức, các đội gánh di chuyển theo các tuyến khác nhau, vừa gánh đi vừa diễn xuất trên nền âm nhạc và lời thoại, vượt qua các trở lực trên đường đi như: vật cản đường, ánh sáng đèn pha, hố bom, lính canh gác để về đích an toàn và nhanh nhất.

Phần thi 2:

- Tên phần thi: “Tình hậu phương”
- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của phần thi.

Gợi ý: Phát triển nội dung ý chủ đạo “những đóng góp về tinh thần của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc” thành nội dung thi cụ thể như:

Phản ánh và thể hiện tình cảm của những người phụ nữ ở hậu phương về hoàn cảnh sống và chiến đấu của bộ đội Việt Nam ở chiến trường qua hoạt động sáng

tạo tác phẩm văn học nghệ thuật.

- Hình thức: thi đồng đội nữ (mỗi đội 10 người), liên hoàn các nội dung thi với nhau.

Gợi ý: Xây dựng hình thức thi từ nội dung thi đã xác định

Xem một đoạn video clip hoặc bức tranh, ảnh hay tượng về cảnh sống và chiến đấu của bộ đội ở chiến trường;

Sáng tác đoạn thơ hoặc đoạn nhạc phản ánh và thể hiện tình cảm của mình về hoàn cảnh sống và chiến đấu của bộ đội qua xem video clip hoặc bức tranh, ảnh hay tượng;

Biểu diễn ca hoặc diễn ngâm nội dung của các đoạn thơ hoặc nhạc vừa sáng tác; kết hợp với biểu diễn minh họa múa hoặc hoạt cảnh sân khấu cho phần ca hay diễn ngâm thơ.

- Yêu cầu: mô tả tiêu chí tính thắng và thua của các nội dung thi

Gợi ý: Tiêu chí cơ bản để tính thắng hay thua của các nội dung thi

Tính thời gian nhanh hay chậm

Tính sáng tác

Tính dàn dựng

Tính biểu diễn

Tính đồng đội, làm việc tập thể

- Thời lượng: 20 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Có thể cho các đội chuẩn bị trước nội dung sáng tác và dàn dựng; tại thời điểm thi trên sân khấu chỉ mô tả lại quá trình thi của hai nội dung đó qua video clip. Nội dung thi thứ ba bắt buộc phải biểu diễn trực tiếp tại sân khấu.

Phần bế mạc:

- Tên phần: Bế mạc cuộc thi

Lưu ý: Bế mạc thường cũng là một cuộc lễ, bao gồm nhiều nghi lễ/tiết mục diễn ra theo một trình tự, nguyên tắc nhất định, mang tính trang trọng.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của phần bế mạc.

Gợi ý: Lễ bế mạc thường bao gồm các nội dung/tiết mục như: báo cáo nhận xét, đánh giá cuộc thi của ban giám khảo; tổng kết đánh giá của tổ chức; công bố kết

quả cuộc thi; trao giải cuộc thi; phát biểu bế mạc cuộc thi.

- Hình thức: ngôn ngữ nói của người dẫn chương trình, đại biểu

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Tiết mục kết:

- Tên tiết mục: Ca múa “Tự hào người phụ nữ Việt Nam”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài hát.

Gợi ý: Viết lời mới cho một làn điệu dân ca Nam Bộ dựa trên định hướng nội dung/ý chủ đạo là “ca ngợi sức mạnh trí tuệ và tâm hồn của người phụ nữ”.

Ví dụ: viết lời mới theo làn điệu Lý Chim Xanh (Dân ca Nam Bộ)

Đoạn 1:

Quê hương đất nước xinh tươi, tự hào năm xưa

Kiên trung, vẹn tình phụ nữ Việt Nam anh hùng

Triệu người dân quyết chung một lòng

Thề nguyện theo Đảng ta
Chung lòng yêu nước, cứu quốc
Dựng thành hậu phương.

Đoạn 2:

Hôm nay phụ nữ hân hoan, tự hào đi lên
Chung tay, ta cùng vun đắp dựng xây nước nhà
Từ hậu phương khó khăn đói nghèo
Chìm trong tăm tối xưa
Nay là vùng đất, đổi mới
Rộn ràng đông vui.

Đoạn 3:

Vinh danh phụ nữ Việt Nam, thời (đại) Hồ Chí Minh
Vang danh anh hùng, bất khuất, đảm đang, trung hậu
Cùng nhau ta, cất cao câu hò
Cùng nhau ta, hát vang
Mừng người phụ nữ, hùng anh
Người mẹ Việt Nam.

Hát lặp lại câu kết:

Chung lòng yêu nước, cứu quốc, vững vàng hậu phương.

Vẹn tròn tổ ấm, hạnh phúc, nhà nhà an vui.

Muôn đời tim khắc, tâm nhớ người mẹ Việt Nam.

- Hình thức: tốp ca múa nam, nữ

- Thời lượng: 03 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Sau khi trao giải xong, âm thanh liên kết ngay vào nhạc intro bài hát của tiết mục kết, trên nền câu hát lặp lại ở cuối bài lý, người dẫn chương trình nói lời kết thúc chương trình và chào tạm biệt khán giả.

Có thể nói, thiết kế tiết mục là công việc trọng tâm của quá trình viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật. Công việc thiết kế tiết mục có quan hệ với tất cả các công việc trước đó; là kết quả của một chu trình sáng tạo mang tính khoa học và nghệ thuật. Mỗi tiết mục phải đảm bảo chặt chẽ, hợp lý về nội dung; thẩm mỹ, sinh động về hình thức; cân bằng tâm sinh lý, tình cảm về tiết tấu. Đặc biệt, với chương trình có chủ đề, nội dung mỗi tiết mục đều có mối quan hệ với nhau và với một định hướng nội dung bao quát được phát triển từ chủ đề. Có thể xác định các yêu cầu cốt lõi, cơ bản, mang tính nguyên tắc của việc thiết kế tiết mục như sau:

- Nội dung các tiết mục phải bám sát trên cơ sở nội dung bao quát/các ý chủ đạo đã được xác định trước,

một ý chủ đạo có thể hình thành nên nội dung của một hay một số tiết mục. Nội dung là trục cố định để thiết kế tiết mục trong chương trình.

- Hình thức tiết mục do người viết kịch bản sáng tạo và thiết kế, sao cho đảm bảo tính thẩm mỹ, sinh động và phù hợp với điều kiện thiết kế và chuyển tải trọn vẹn nội dung. Hình thức có thể biến đổi, thay thế sao cho phù hợp nhất trong việc thể hiện nội dung.

- Tiết mục có thể dùng các tác phẩm văn nghệ có sẵn phù hợp về nội dung, hình thức và tiết tấu so với yêu cầu chung của chương trình. Nếu tiết mục có sẵn chỉ phù hợp một trong ba khía cạnh nội dung, hình thức hoặc tiết tấu, ta có thể: (1) cải biên về nội dung (viết lời mới); (2) thay đổi về hình thức (thay từ thể loại này sang thể loại khác, như từ ca sang múa, từ múa sang kịch, từ kịch sang thời trang...; thay đổi hình thức của thể loại, như từ đơn ca sang song ca, từ múa minh họa sang múa độc lập, từ hoạt cảnh sang tiểu phẩm kịch... hoặc kết hợp lẫn nhau giữa các thể loại, hình thức thể hiện của tiết mục như ca múa, ca hoạt cảnh, múa tương tác với phim ảnh, múa với diễn ngâm thơ...); (3) điều chỉnh về tiết tấu (xử lý các thủ pháp đối tỷ, như tăng hay giảm tốc độ, cường độ, màu sắc, âm thanh, tiếng động, số người tham dự... khi dàn cảnh sân khấu); nguyên tắc cải biên tiết mục là phải giữ định hướng về nội dung và tùy biến về hình thức,

tiết tấu thể hiện. Sáng tác tiết mục mới trong chương trình, người viết kịch bản có thể sáng tác hoặc đặt hàng các nghệ sĩ khác sáng tác mới tiết mục trong chương trình; đối với tiết mục đặt hàng nghệ sĩ sáng tác mới, người viết kịch bản cũng phải mô tả đầy đủ năm yếu tố của tiết mục, làm định hướng cho người nghệ sĩ dựa theo đó mà sáng tác ra tiết mục mới, đảm bảo tiết mục mới phù hợp, thống nhất với nội dung tổng thể và định hướng chủ đề tư tưởng chung của cả chương trình.

2.6. Cấu trúc tổng thể, đặt tên chương trình văn hóa nghệ thuật

Kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật hoàn chỉnh cũng tương tự như một bài làm văn, thường có cấu trúc gồm ba phần cơ bản là mở bài, thân bài và kết luận. Toàn bộ hệ thống tiết mục vừa thiết kế ở trên như thể là phần trọng tâm – thân bài của chương trình, để hoàn chỉnh cấu trúc tổng thể một chương trình, người viết cần phải tiếp tục hoàn chỉnh phần thân bài, viết thêm phần mở đầu và kết thúc chương trình.

Quá trình này, bao gồm một số công việc như: (1) Xác định tuyến phát triển chương trình. (2) Xác định và tập trung đầu tư ý tưởng thiết kế các tiết mục chủ lực, tiết mục “đỉnh”, điểm nhấn của chương trình (các tiết mục này thường ở vị trí mở đầu, cao trào và kết thúc

chương trình). (3) Kết nối mạch lạc giữa các tiết mục, chương, phần lại với nhau.

2.6.1. Cấu trúc tổng thể chương trình

(1) Tuyến phát triển chương trình: mỗi chương trình đều được xây dựng trên một tuyến phát triển nhất định, tuyến phát triển thể hiện sự vận động hợp lý, liên tục của nội dung câu chuyện trong một tiết tấu nhất định của chương trình.

Theo Lê Ngọc Canh³⁶, tuyến là một trục, một định hướng phát triển nghệ thuật của toàn bộ chương trình, theo ý đồ của những người sáng tạo tác phẩm đó, nhằm đem lại hiệu quả cao cho chương trình. Tuyến phát triển chương trình có năm dạng cơ bản là: tuyến gấp khúc, tuyến lượn sóng, tuyến đan xen, tuyến hình thoi, tuyến VA (vê a). Trên cơ sở đó, trong sách “Phương pháp kết cấu kịch bản múa”³⁷, tác giả chỉ ra năm cách thiết kế tuyến phát triển kịch bản múa là: tiến hành lượn sóng, tiến hành bậc thang, tiến hành gấp khúc, tiến hành nhảy vọt và tiến hành song hành.

³⁶ Lê Ngọc Canh. (2003). *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.

³⁷ Lê Ngọc Canh. (2004). *Phương pháp kết cấu kịch bản múa*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.

Kế thừa quan niệm của tác giả Lê Ngọc Canh, có thể phân tích về tuyển chương trình văn hóa nghệ thuật như sau: có hai dạng tuyển tính chương trình (tiết mục) căn bản là dạng lượn sóng thể hiện tính chất, nội dung trữ tình là chính và dạng gấp khúc có tính chất, nội dung mạnh, khỏe, chiến đấu là chính. Trên cơ sở hai tuyển tính căn bản này, chúng ta có thể ứng dụng vào thiết kế tuyển phát triển chương trình văn hóa nghệ thuật thành hai nhóm tuyển chương trình là: nhóm đơn tuyển và nhóm đa tuyển.

- Nhóm chương trình (tiết mục) đơn tuyển, chỉ thể hiện một dạng tuyển tính căn bản trong xây dựng tuyển phát triển chương trình (tiết mục), bao gồm:

- + Tuyển lượn sóng: cả chương trình (tiết mục) đều có tính chất, nội dung mềm mại, trữ tình là chính
- + Tuyển gấp khúc: cả chương trình (tiết mục) đều có tính chất, nội dung mạnh, khỏe, chiến đấu là chính

- Nhóm chương trình (tiết mục) đa tuyển, thể hiện kết hợp cả hai tuyển lượn sóng và gấp khúc (đan xen) trong xây dựng tuyển phát triển chương trình (tiết mục), bao gồm:

- + Tuyển hình thoi: chương trình (tiết mục) mở ra mềm mại, trữ tình; phát triển/cao trào mạnh, khỏe, chiến đấu; kết thúc mềm mại, trữ tình.

- + Tuyến VA: chương trình (tiết mục) mở ra mạnh, khỏe, chiến đấu; phát triển/cao trào mềm mại, trữ tình; kết thúc mạnh, khỏe, chiến đấu.

Các tuyến tính và tuyến phát triển chương trình trên đây mang tính khái quát khoa học, căn bản, như là những thủ pháp, biện pháp để hình thành nên các phương pháp thiết kế tuyến chương trình khác nhau cho người viết kịch bản. Quá trình viết kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật có thể sử dụng linh hoạt các biện pháp thiết kế này để xây dựng nên các tuyến phát triển chương trình theo cách sáng tạo riêng của mình; đảm bảo cho nội dung, hình thức và tiết tấu của một chương trình luôn có sự vận động, phát triển liên tục, hợp lý, thẩm mỹ, sinh động và hấp dẫn.

(2) Mở, cao trào và kết thúc chương trình: Trong mỗi tuyến phát triển của chương trình đều có những điểm nhấn trọng tâm, đó là điểm nhấn ở các tiết mục mở đầu, cao trào và kết thúc chương trình. Trước tiên, cần xác định tiết mục mở đầu, cao trào và kết thúc là những tiết mục nào sau đó, tiến hành tập trung ý tưởng xây dựng cách thức thể hiện tiết mục sao cho tạo được hiệu quả thẩm mỹ, ấn tượng nghe nhìn mạnh mẽ nhất, hoành tráng nhất.

- Mở đầu chương trình: là phần quan trọng đầu tiên của chương trình, vì nó tạo ấn tượng, tình cảm ban đầu

đối với khán giả. Nếu tiết mục mở đầu tốt, ấn tượng đẹp với khán giả sẽ giúp họ có tình cảm, hứng thú tốt đẹp để tiếp tục đón nhận những tiết mục tiếp theo của chương trình. Nếu tiết mục mở đầu không tốt đẹp, sẽ lập tức tạo sự khó chịu, ảnh hưởng tâm lý, tình cảm không thoải mái đối với khán giả ngay từ lúc đầu tiên tiếp nhận chương trình; tình trạng này có thể sẽ ảnh hưởng tới sự hứng thú, tình cảm thẩm mỹ trong tiếp nhận các tiết mục sau đó, thậm chí là với cả chương trình.

Các tiết mục ở vị trí mở đầu chương trình phải được đầu tư xây dựng công phu, đạt yêu cầu chất lượng cao về cả nội dung, hình thức và tiết tấu. Về nội dung, tiết mục mở đầu thường mở ra một xung đột nào đó, thôi thúc người xem chuẩn bị tâm lý để theo dõi diễn biến của xung đột đó sẽ phát triển như thế nào. Về hình thức, các tiết mục ở vị trí này thường là hoành tráng cả về số lượng, màu sắc, âm thanh và hành động sân khấu. Mở đầu có thể chọn một tiết mục trong số các tiết mục của phần trọng tâm chương trình đã thiết kế, cũng có thể viết thêm một tiết mục mở đầu, hay gợi ý dàn cảnh thêm phần mở đầu cho tiết mục đầu tiên của chương trình

- Cao trào chương trình: là thời điểm căng thẳng, kịch tính nhất của chương trình. Các tiết mục cao trào chương trình bắt buộc phải là tiết mục “đỉnh”, tiết mục chủ lực của chương trình. Mỗi tiết mục đều có một nội

dung và hình tượng nhất định, quá trình đi xây dựng chủ đề tư tưởng và hình tượng chung của chương trình văn hóa nghệ thuật chính là quá trình tổ chức sắp xếp các tiết mục có hình tượng đơn lẻ đó lại với nhau theo một trật tự nhất định, nhằm tô đậm, khắc họa rõ nét hơn và phản ánh tập trung, sâu sắc hơn cho một hình tượng chủ đạo, mang tính thống nhất của cả chương trình.

Hình tượng của chương trình được chuyển tải lần lượt qua các tiết mục, từ tiết mục giao đãi/mở đầu cho tới tiết mục mở nút/kết thúc; trong đó, tiết mục ở vị trí cao trào luôn được đầu tư tập trung và hoành tráng nhất cả về sáng tác, dàn dựng lẫn biểu diễn. Về nội dung, đây là tiết mục phản ánh cô đọng, sâu sắc nhất nội dung ý nghĩa, tư tưởng chủ đề; thể hiện sâu đậm, rõ ràng nhất thông điệp của chương trình. Về hình thức, tiết mục cao trào thường sử dụng tổng hợp một cách cao độ nhất các phương tiện nghệ thuật và thủ pháp sáng tạo để tạo ra dấu ấn đỉnh cao của nghệ thuật hành động sân khấu trong một chương trình văn hóa nghệ thuật; nhằm tác động mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu đậm, hiệu quả tích cực nhất đối với những người thưởng thức chương trình.

- Kết thúc chương trình: Kết thúc chương trình là dấu chấm kết trong một bài văn, nó khép lại một quá trình hành động sân khấu và mở ra trong người thưởng thức những nhận thức, thái độ và hành vi mới, tích cực

nào đó. Dấu ấn của tiết mục kết thúc chương trình hay, luôn tạo cho người thưởng thức sự lắng đọng trong cảm xúc và rút ra được một thông điệp gì đó cô đọng, sâu sắc, dễ nhớ và ấn tượng. Về nội dung, tiết mục kết thường có nội dung theo kiểu xung đột đã được giải quyết theo một sự hợp lý nào đó, để khán giả có được sự hài lòng, thoải mái tinh thần. Về hình thức, tiết mục kết cũng thường được dàn dựng hoành tráng, tạo ấn tượng đẹp trong người thưởng thức để khép lại chương trình. Kết thúc có thể chọn một tiết mục trong số các tiết mục của phần trọng tâm chương trình đã thiết kế, cũng có thể viết thêm một tiết mục kết thúc, hay viết thêm gợi ý dàn cảnh cho phần kết của tiết mục cuối cùng trong chương trình.

Có thể thấy, chương trình văn hóa nghệ thuật có hai dạng mở và kết phổ biến là đồng dạng (mở và kết cùng kiểu lượn sóng hoặc gấp khúc) và khác dạng (mở lượn sóng và kết gấp khúc hoặc ngược lại). Cao trào của chương trình không phải nhất thiết lúc nào cũng mang tính chất mạnh, khỏe, chiến đấu mà đôi khi lại là khoảnh khắc lắng đọng nhất của tâm hồn con người, nó cần tính chất mềm mại, trữ tình, sâu lắng.

(3) Kết nối giữa các tiết mục trong chương trình: Giữa các tiết mục phải được liên kết với nhau bằng các thủ pháp nghệ thuật, để tạo ra sự mạch lạc giữa các tiết

mục, và sự thống nhất, hoàn chỉnh (đúc khối) của cả chương trình. Lắp ghép liền mạch và hài hòa thống nhất tất cả tiết mục trong chương trình là một đặc trưng của thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật. Một kết nối tiết mục “đẹp” phải đồng thời chứa đựng sự hợp lý, mạch lạc về nội dung, sự sáng tạo, thẩm mỹ về hình thức và sự sinh động, biến đổi phù hợp về tiết tấu.

Có nhiều hình thức kết nối phổ biến như: kết nối bằng ngôn ngữ nói, qua các hình thức như dẫn chương trình, thuyết minh, tuyên truyền miệng, phát biểu, hỏi đáp, kể chuyện, dẫn chuyện...; kết nối bằng âm nhạc, qua các hình thức như hò, ca nhạc, diễn tấu nhạc cụ; kết nối bằng múa, qua các hình thức như tổ khúc, điệu múa, đội hình, động tác...; kết nối bằng kịch, qua các hình thức như hoạt cảnh sân khấu, cảnh diễn, tình huống kịch, sự kiện, hành động độc thoại, đối thoại, bàng thoại hay hành động không lời...; kết nối bằng phim, qua các hình thức như đoạn phim, sản phẩm đa phương tiện, clip hình ảnh động...; kết nối bằng hình ảnh, qua các hình thức như tranh, ảnh...; kết nối bằng âm thanh, tiếng động, ánh sáng, kỹ xảo hiệu ứng khác. Các hình thức kết nối này có thể sử dụng riêng lẻ (một hình thức) hoặc sử dụng kết hợp (tổng hòa nhiều hình thức) với nhau.

Ví dụ (8):

Sử dụng lại ví dụ (7) để thiết kế tiết mục mở đầu, cao trào, kết thúc và xây dựng phần kết nối giữa hai tiết mục.

(8.1) Thiết kế tiết mục mở đầu:

Chọn tiết mục 1, của chương trình văn nghệ (7.1) làm tiết mục mở đầu, gợi ý thiết kế tiết mục này như sau:

- Tên tiết mục: Ca cảnh sân khấu “Lời người ra đi”

Tác giả âm nhạc: Trần Hoàn

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nữ và hoạt cảnh sân khấu minh họa.

- Thời lượng: 04 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Dựng thêm hành động sân khấu cho tiết mục mở đầu (cảnh mở):

Âm thanh tiếng bom rơi xa xa, tiếng la ó, hoảng sợ của trẻ con và người già.

Ánh sáng vàng, xanh lá nhẹ, chớp trắng sáng theo tiếng bom nổ

Khói phủ nhẹ, từ một góc sân khấu lan tỏa ra khắp nền sân khấu...

Một người phụ nữ một tay bồng con, một tay ôm bao đồ, chạy lánh nạn.

Vài người già, kéo đỡ nhau chạy loạn.

Tiếng trẻ con khóc và kêu la: “Mẹ ơi, ba đâu rồi mẹ ơi...”

Tiếng người mẹ: “Ba đi chiến đấu rồi, con ngoan, nín đi con...”

Tiếng người phụ nữ già: “Con đi mạnh giỏi nhe con...”

Một ông già đứng nhìn theo hướng người thanh niên chia tay người mẹ già.

Tiếng nhạc hòa trong tiếng bom rơi (hòa âm, phối khí một câu nhạc chủ đề trong ca khúc “Lá Xanh” của nhạc sĩ Hoàng Hiệp)

Tiếng bom nổ to, tiếng trẻ con khóc thét sau đó, tiếng người phụ nữ khóc...

Video clip: cận cảnh chia tay của một đôi nam, nữ thanh niên, gương mặt người phụ nữ đượm buồn, người con trai thoáng buồn nhưng dứt khoát, quyết tâm ra đi.

Lời thuyết minh (đọc bên trong trên nền nhạc ca khúc “Lá xanh”): “Khói nhà máy cuộn trong sương núi, kèn gọi quân vắng vắng cánh đồng, ôm đất nước những

người áo vải, đã đứng lên thành những anh hùng” (Trích lời bài thơ “Đất nước” của nhà thơ Nguyễn Đình Thi).

Intro vào nhạc ca khúc “Lời người ra đi”.

(8.2) Thiết kế tiết mục cao trào:

Chọn tiết mục 6 của chương trình tuyên truyền cổ động (7.2) làm tiết mục cao trào, gợi ý thiết kế tiết mục này như sau:

- Tên tiết mục: Ca nhạc “Những bông hoa trên tuyến lửa”

Sáng tác: Thơ – Đỗ Trung Quân,

Nhạc – Nguyễn Cửu Dũng

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nam, tốp bè nam và hoạt cảnh sân khấu nam, nữ

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: cảnh diễn những nữ thanh niên xung phong làm người cáng thương, tải đạn, lấp ổ bom, vá đường... trong khói lửa, bom đạn chiến tranh ác liệt nhưng các chị vẫn hăng hái, quyết liệt... và rồi trong số các nữ thanh niên xung phong đó đã có một nữ anh hùng ngã xuống

trong lứa tuổi thanh xuân khi đang làm nhiệm vụ thiêng liêng với Tổ quốc.

Tuyên truyền viên kết hợp đọc lời thuyết minh trên nền âm nhạc và cảnh diễn sân khấu về những số liệu đóng góp, hi sinh to lớn của các nữ thanh niên xung phong trong giai đoạn chiến tranh chống Mỹ của dân tộc ta.

Dựng thêm hành động sân khấu cho tiết mục cao trào:

Tuyên truyền viên gồm một số người, họ thay phiên nhau đọc các số liệu, thành tích tiêu biểu của nữ thanh niên xung phong, nữ tự vệ, nữ du kích, nữ giao liên.

Sân khấu chia thành 4 không gian diễn và một không gian chiếu phim (màn hình trên cao, ở giữa sân khấu), tất cả cùng đồng thời diễn ra hành động (phức điệu), nhưng ánh sáng đặc tả đẹp cho một không gian chủ lực, không gian chủ lực được xác định là không gian đang được tuyên truyền viên nhắc tới qua nội dung lời đọc thuyết minh.

- Không gian 1: Trung tâm sân khấu; diễn viên minh họa theo lời tuyên truyền viên, giới thiệu đóng góp tiêu biểu của nữ thanh niên xung phong; âm nhạc nền ca khúc “Những bông hoa trên tuyến lửa” (Sáng tác: Thơ – Đỗ Trung Quân, Nhạc – Nguyễn Cửu Dũng); trang

phục và đạo cụ phù hợp.

- Không gian 2: Cánh trái sân khấu; diễn viên minh họa theo lời tuyên truyền viên, giới thiệu đóng góp tiêu biểu của nữ tự vệ; âm nhạc nền ca khúc “Bài ca người nữ tự vệ Sài Gòn” (Sáng tác âm nhạc: Phạm Minh Tuấn); trang phục và đạo cụ phù hợp.

- Không gian 3: Cánh phải sân khấu; diễn viên minh họa theo lời tuyên truyền viên, giới thiệu đóng góp tiêu biểu của nữ du kích; âm nhạc nền ca khúc “Qua sông” (Sáng tác âm nhạc: Phạm Minh Tuấn); trang phục và đạo cụ phù hợp.

- Không gian 4: Trên cao màn hình; diễn viên minh họa theo lời tuyên truyền viên, giới thiệu đóng góp tiêu biểu của nữ giao liên; âm nhạc nền ca khúc “Tiến về Sài Gòn” (Sáng tác âm nhạc: Huỳnh Minh Siêng); trang phục và đạo cụ phù hợp.

Trong lúc các không gian chủ lực đang diễn, thì các không gian khác cũng diễn minh họa theo nội dung không gian sân khấu chủ lực (phức điệu).

(8.3) Thiết kế tiết mục kết thúc:

Chọn tiết mục cuối cùng của chương trình cuộc thi (7.3) làm tiết mục kết thúc chương trình, gợi ý thiết kế tiết mục này như sau:

- Tên tiết mục: Ca múa “Tự hào người phụ nữ Việt Nam”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài hát.

Gợi ý: viết lời mới cho một làn điệu dân ca Nam Bộ dựa trên định hướng nội dung/ý chủ đạo là “ca ngợi sức mạnh trí tuệ và tâm hồn của người phụ nữ”.

Ví dụ: viết lời mới theo làn điệu Lý Chim Xanh (Dân ca Nam Bộ)

Đoạn 1:

Quê hương đất nước xinh tươi, tự hào năm xưa
Kiên trung, vẹn tình phụ nữ Việt Nam anh hùng
Triệu người dân quyết chung một lòng
Thề nguyện theo Đảng ta
Chung lòng yêu nước, cứu quốc
Dựng thành hậu phương.

Đoạn 2:

Hôm nay phụ nữ hân hoan, tự hào đi lên
Chung tay, ta cùng vun đắp dựng xây nước nhà
Từ hậu phương khó khăn đói nghèo
Chìm trong tăm tối xưa

Nay là vùng đất, đổi mới

Rộn ràng đông vui.

Đoạn 3:

Vinh danh phụ nữ Việt Nam, thời (đại) Hồ Chí Minh

Vang danh anh hùng, bất khuất, đảm đang, trung hậu

Cùng nhau ta, cất cao câu hò

Cùng nhau ta, hát vang

Mừng người phụ nữ, hùng anh

Người mẹ Việt Nam.

Hát lặp lại câu kết:

Chung lòng yêu nước, cứu quốc, vững vàng hậu phương.

Vẹn tròn tổ ấm, hạnh phúc, nhà nhà an vui.

Muôn đời tim khắc, tâm nhớ người mẹ Việt Nam.

- Hình thức: tốp ca múa nam, nữ

- Thời lượng: 03 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Sau khi trao giải xong, âm thanh liên kết ngay vào nhạc intro bài hát của tiết mục kết, trên nền câu hát lặp lại ở cuối bài lý, người dẫn chương trình nói lời kết thúc chương trình và chào tạm biệt khán giả.

Dựng thêm hành động sân khấu cho tiết mục kết (cảnh kết):

Múa minh họa (5 nhóm) trên nền bài hát cải biên từ điệu Lý Chim Xanh

- Nhóm 1: Điệu múa nữ nông dân (trang phục và đạo cụ phù hợp)

- Nhóm 2: Điệu múa nữ công nhân (trang phục và đạo cụ phù hợp)

- Nhóm 3: Điệu múa nữ quân đội và công an (trang phục và đạo cụ phù hợp)

- Nhóm 4: Điệu múa nữ doanh nhân (trang phục và đạo cụ phù hợp)

- Nhóm 5: Điệu múa nữ trí thức (trang phục và đạo cụ phù hợp)

Cả năm nhóm đồng thời múa chung một điệu múa và kết hình tượng tất cả phụ nữ Việt Nam cùng đồng tâm, hiệp lực tiến lên trong thời đại mới.

(8.4) Kết nối giữa hai tiết mục

Chọn hai tiết mục kế tiếp nhau trong chương trình tuyên truyền cổ động (7.2), gợi ý thiết kế phần kết nối giữa hai tiết mục này như sau:

Tiết mục 5:

- Tên tiết mục: Ca nhạc “Qua sông”

Sáng tác âm nhạc: Phạm Minh Tuấn

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: tốp ca nữ

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

- **Gợi ý kết nối giữa hai tiết mục:**

Nhạc nhỏ dẫn rối kết thúc bài hát “Qua sông”, sân khấu giảm dần ánh sáng, màn hình chiếu cảnh một vùng sông nước với dày đặc cây dừa nước, cảnh khúc sông dần về đêm, một con đò do nữ du kích đưa bộ đội qua sông, chỉ có âm thanh tiếng con ếch ương hòa với tiếng chèo đò nghe càng lúc càng rõ.

Chiếc đò len lách và khuất sâu trong đám cây dừa nước, chỉ còn thấy lấp lánh ánh sáng ngọn đèn dầu lắc lư theo từng nhịp chèo đò... đêm càng về khuya, càng nghe rõ tiếng côn trùng và tiếng chèo đò, đò càng lúc càng đi xa và sâu vào trong đám cây dừa nước.

Có một tiếng bom nổ to và ánh chớp lóe sáng một vùng sông nước.

Tiếng chèo dò dưng.

Ánh sáng đèn dầu vụt tắt.

Chỉ còn tiếng ếch ương.

Màn hình chiếu hình ảnh một khúc sông lơ mờ sáng trong khói đạn, len lỏi giữa hai hàng dừa nước có một dòng nước màu đỏ (máu) chảy loang ra, một chiếc khăn rằn nửa chìm nửa nổi lênh bênh trên mặt nước, bên cạnh là một nửa mảng chiếc xuồng bể tan hoang... không có ai, chỉ có tiếng nấc nghẹn, đau đớn của người bộ đội xa xa.

Từ một góc màn hình, người bộ đội như vừa lội được vào bờ, mệt mỏi, một tay kéo khúc voan màu trắng (pha ánh sáng màu đỏ vào khúc voan), cố gắng kéo dài khúc voan ra một cách mệt nhọc. Ánh sáng sân khấu đỏ dần dần lên. Người bộ đội ôm chiếc khăn rằn vào người, kéo theo khúc voan, tiến dần ra phía góc phải sân khấu, khúc voan trắng phủ màu đỏ như dòng máu cứ loang dần ra, khúc voan càng lúc càng được kéo nhiều ra và trải rộng khắp cả mặt nền sân khấu, sân khấu như là mặt nước một dòng sông đỏ rực máu.

Người bộ đội bất ngờ quay lại nhìn lên phía màn hình, màn hình chiếu cảnh chiếc đèn bị bom nổ trúng bể

nát, không còn ai sống sót, âm thanh rừng rợn, người bộ đội thét lên, rồi đau khổ, ôm chiếc khăn chạy vụt vào cánh gà.

Màn hình chuyển dần sang cảnh núi rừng tờ mờ sáng, mặt trời ló dạng.

Âm nhạc chuyển điệu, một câu nhạc, khí nhạc Tây Nguyên.

Ánh sáng chuyển màu xanh lá chiếu vào khúc voan, khúc voan chuyển động, diễn viên múa len lỏi vào các vị trí dưới nền khúc voan và đứng cao thấp, nhấp nhô nhẹ tạo sự ra cảnh đồi núi, nhìn từ xa tới gần.

Dùng kỹ thuật sân khấu, kỹ thuật biểu diễn và đạo cụ để chuyển cảnh, tạo ra hai không gian sân khấu gồm: tầng trên đồi cao, diễn cảnh bộ đội chiến đấu và tầng dưới đồi thấp, diễn cảnh các nữ thanh niên xung phong đang cứu thương cho bộ đội, lấp đường,...

Diễn phức điệu trong hành động sân khấu giữa tầng trên đồi cao và tầng dưới đồi thấp.

Intro bắt đầu vào nhạc ca khúc “Những bông hoa trên tuyến lửa”.

Tiết mục 6:

- Tên tiết mục: Ca nhạc “Những bông hoa trên tuyến lửa”

Sáng tác: Thơ – Đỗ Trung Quân,

Nhạc – Nguyễn Cửu Dũng

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nam, tốp bè nam và hoạt cảnh sân khấu nam, nữ

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

2.6.2. Đặt tên chương trình

Tên chương trình là thành phần quy định bắt buộc phải có đối với mỗi chương trình, nó dùng để nhận diện (gọi tên) một chương trình và để khu biệt giữa chương trình này với chương trình khác. Tên chương trình có khi được sáng tạo, xuất hiện ngay từ lúc bắt đầu viết kịch bản, trong quá trình viết kịch bản hay sau khi viết xong kịch bản.

Tên chương trình văn hóa nghệ thuật thường bao gồm tên của hình thức thể loại chương trình văn hóa

nghệ thuật kết hợp với tên riêng của mỗi chương trình.

Ví dụ: chương trình văn nghệ “Cánh cò lòng mẹ”

Trong đó:

- Tên hình thức thể loại là: chương trình văn nghệ (thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật – hình thức văn nghệ)

- Tên riêng của chương trình văn nghệ: “Cánh cò lòng mẹ” (tên riêng thường đặt trong ngoặc kép)

Thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật (với tư cách là một sản phẩm văn hóa phi vật thể) có một số hình thức phổ biến như: chương trình nghệ thuật/chương trình ca múa nhạc/chương trình nghệ thuật tổng hợp/chương trình tạp kỹ, chương trình tuyên truyền cổ động, chương trình lễ, chương trình lễ hội, chương trình họp mặt kỷ niệm, chương trình cuộc thi...

Tên chương trình văn hóa nghệ thuật có mối quan hệ với chủ đề, nội dung và hình thức thể loại, cụ thể: Tên chương trình phải khái quát cô đọng, súc tích nội dung chương trình, trong khi nội dung chương trình là sự triển khai, phát triển chủ đề. Chủ đề là một câu đơn nguyên thể, mang nội dung ý nghĩa rõ ràng (nghĩa tường minh), không gây cho người đọc sự liên tưởng, suy ra theo nghĩa bóng (nghĩa hàm ẩn). Trong khi đó, tên chương trình

không nhất thiết phải là một câu đơn đầy đủ cấu trúc ngữ pháp và khuyến khích người đọc liên tưởng, tưởng tượng để hình dung ra hình tượng nghệ thuật chủ đạo của chương trình (nghĩa hàm ẩn). Tên chương trình có đề cập tới hình thức, thể loại biểu diễn, còn chủ đề không cần phải xác định hình thức thể loại biểu diễn, mà chủ đề chỉ nhằm để xác định, định hướng cho sự phát triển nội dung, tư tưởng chương trình; một chủ đề, nội dung có thể thể hiện qua nhiều hình thức thể loại khác nhau.

Ví dụ:

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam
- Chủ đề: Tình thương yêu của người mẹ dành cho người con mà mình đã sinh ra.
- Tên chương trình: Cánh cò lòng mẹ

Trong một hoạt động văn hóa nghệ thuật (cuộc thi chẳng hạn), Ban tổ chức đề ra chủ đề cuộc thi là nhằm định hướng cho tất cả những người thi sáng tạo tác phẩm tập trung, thống nhất vào một vấn đề nào đó đã được xác định rõ ràng (định hướng chủ đề, vấn đề chủ yếu); tránh xảy ra tình trạng tác phẩm có nội dung lan man, xa hoặc sai chủ đề mong muốn; sẽ không thuận tiện cho việc phân tích, đánh giá, xếp loại vì không có mối quan hệ tương đồng, không cùng tiêu chí. Theo ví dụ trên, nếu ta nói chủ đề là “Cánh cò lòng mẹ” người đọc sẽ có thể

suy ra, liên tưởng ra, hiểu theo những kiểu, cách khác nhau như: cánh cò lòng mẹ là tình cảm của mẹ với quê hương đất nước, tình cảm của mẹ với cha, tình cảm của mẹ với gia đình, tình cảm của con dành cho mẹ, tình cảm của những người chiến sĩ dành cho mẹ... từ đó sẽ dẫn tới việc phát triển nội dung theo các chiều hướng khác nhau. Trong khi đó, chủ đề của cuộc thi này chỉ xác định tập trung vào tình cảm của người mẹ trong sự thương yêu đối với con ruột của mình thôi. Các tác phẩm không tập trung phản ánh vấn đề cốt lõi này sẽ không phù hợp với yêu cầu cuộc thi, tức là lạc chủ đề. Như vậy, chủ đề cần được xác định cụ thể, rõ ràng, nghĩa tường minh; để làm cơ sở cho việc xây dựng được các nội dung chặt chẽ, hợp lý, phản ánh sâu sắc, khắc họa tập trung hình tượng, chủ đề tư tưởng của chương trình; tránh lan man, vòng vèo hoặc chủ đề một đường, còn nội dung phát triển thì một nẻo, không phản ánh được chủ đề đã xác định.

Tên chương trình, phải khái quát được cô đọng nhất nội dung chương trình, bằng một từ hay cụm từ mang tính tượng thanh, tượng hình để khơi gợi, kích thích người tiếp nhận liên tưởng, tưởng tượng, muốn tìm đến, muốn khám phá những điều hấp dẫn trong một chương trình nào đó sắp diễn ra.

Ví dụ (9):

(9.1) Đặt tên chương trình văn nghệ:

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam

- Chủ đề: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Tóm tắt nội dung chương trình: Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, có rất nhiều người phụ nữ Việt Nam đã lần lượt tiến công và những người con của mình ra trận. Ngày chiến thắng, cả dân tộc hòa chung niềm vui đoàn tụ, thống nhất nhưng có những người phụ nữ đã không có cơ hội được đón chồng và các con của mình trở về. Họ đã chấp nhận hi sinh vô điều kiện cả thanh xuân của bản thân và tính mạng của những người ruột thịt thân yêu của mình để đổi lấy độc lập tự do cho cả dân tộc, họ xứng đáng để cả dân tộc tôn vinh là những người mẹ Việt Nam anh hùng.

- Hình thức thể loại chương trình: chương trình văn nghệ

- Tên chương trình: tên hình thức thể loại và tên riêng của chương trình

Gợi ý: Chương trình văn nghệ “Vinh quang Mẹ Việt Nam anh hùng”

(9.2) Đặt tên chương trình tuyên truyền cổ động:

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam

- Chủ đề: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Tóm tắt nội dung chương trình: Hậu phương là căn cứ cách mạng vững chắc cho tiền tuyến, mặc dù không đạn pháo ác liệt như chiến trường, nhưng hậu phương trong chiến tranh nhân dân của Việt Nam vẫn “rực lửa đấu tranh cách mạng”. Hậu phương luôn có những người phụ nữ sẵn sàng góp công sức, tiền của, tài sản, tính mạng của mình để xung phong, tình nguyện trở thành những cô du kích, giao liên, nữ thanh niên xung phong làm y tá cứu thương, dân công hỏa tuyến, hay là những cô nữ công đảm việc nhà để tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm tiếp tế cho tiền tuyến... Tất cả những đóng góp to lớn của những người phụ nữ ở hậu phương đã góp phần làm cho cuộc chiến tranh mang bản chất nhân dân của Việt Nam trở thành một huyền thoại giải phóng dân tộc vinh quang và bất tử.

- Hình thức thể loại chương trình: chương trình tuyên truyền cổ động

- Tên chương trình: tên hình thức thể loại và tên riêng của chương trình

Gợi ý: Chương trình tuyên truyền cổ động “Hoa chẵn tiền phương”

(9.3) Đặt tên chương trình cuộc thi:

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam

- Chủ đề: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- Tóm tắt nội dung chương trình: Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, người phụ nữ Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn về nguồn lực cả vật chất và cả nguồn lực văn hóa tinh thần. Tất cả những đóng góp đó đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp dân tộc Việt Nam chiến thắng được mọi kẻ thù xâm lược hùng mạnh hơn ta gấp nhiều lần, để giành lấy độc lập tự do, thống nhất đất nước.

- Hình thức thể loại chương trình: chương trình cuộc thi

- Tên chương trình: tên hình thức thể loại và tên riêng của chương trình

Gợi ý: Chương trình cuộc thi “Gánh tình hậu phương” (Cuộc thi tìm hiểu những đóng góp về vật chất và tinh thần của người phụ nữ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mang tên “Gánh tình hậu phương”).

2.7. Trình bày kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật

Trong thực tế, có nhiều cách trình bày văn bản kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật. Sau đây, xin giới thiệu cách trình bày văn bản kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật tương đối phổ biến hiện nay. Kịch bản trình bày trên văn bản, thường dùng trang giấy khổ A4, trang văn bản có thể dàn ngang hoặc dọc, có thể kẻ ô hoặc không kẻ ô. Bố cục nội dung kịch bản thường gồm ba phần: phần giới thiệu chung về chương trình, phần chương trình chi tiết và phần phụ lục. Kết cấu hình thức thường có: trang bìa ngoài, trang bìa trong và các trang chính nội dung của kịch bản.

Phần giới thiệu chung về chương trình, bao gồm: đặt vấn đề; đề tài, chủ đề, tên chương trình; tóm tắt nội dung, hình thức, thời lượng chương trình; thời gian, địa điểm biểu diễn; thành phần thực hiện.

Phần chương trình chi tiết: giới thiệu hệ thống các tiết mục trong chương trình.

Phần phụ lục, bao gồm: phụ lục văn bản, phụ lục hình ảnh, phụ lục âm thanh, phụ lục sản phẩm multimedia...

Ví dụ (10): phần này chỉ giới thiệu cách trình bày các trang chính trong nội dung của kịch bản, các trang bìa kịch bản sẽ được giới thiệu trong phần kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật tham khảo.

2.7.1. Trình bày kịch bản chương trình văn nghệ

Phần I. Giới thiệu chung về chương trình

1. Đặt vấn đề³⁸

- Lý do: Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, thực hiện kế hoạch hoạt động của đơn vị, trung tâm văn hóa tổ chức biểu diễn chương trình văn nghệ nhằm phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

- Mục đích: nhằm tạo sân chơi cho công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức được giải trí qua thưởng thức chương trình văn nghệ với chủ đề “những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc”.

- Ý nghĩa: giúp người lao động được giải tỏa căng thẳng trí óc sau thời gian lao động, làm việc căng thẳng; qua đó nâng cao năng lực cảm thụ nghệ thuật, bồi dưỡng tình cảm thẩm mỹ cho người lao động về những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, để họ càng thêm trân trọng,

³⁸ Phần đặt vấn đề cần trình bày rõ ràng các nội dung sau: lý do, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của chương trình. Mỗi nội dung này cần viết thành một đoạn văn, các đoạn văn có thể trình bày tách ra độc lập bằng cách xuống dòng sau mỗi đoạn hoặc viết chung lại với nhau. Mỗi đoạn có thể (hoặc không) ghi cụ thể tiêu đề lý do, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu.

yêu quý những người phụ nữ Việt Nam anh hùng của ngày hôm qua, hôm nay và cả mai sau.

- Yêu cầu: Nội dung chương trình phải chặt chẽ, hợp lý và mang tính tư tưởng chủ đề rõ ràng; hình thức các tiết mục và chương trình phải sáng tạo, mang tính thẩm mỹ cao; xây dựng được hình tượng/biểu tượng nghệ thuật gắn gũi với đời sống và phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ của công chúng; giúp người tham dự đạt được sự vui vẻ, sảng khoái, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần thông qua thưởng thức và giải mã các hình tượng/biểu tượng văn hóa nghệ thuật.

2. Đề tài, chủ đề và tên chương trình

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam.

- Chủ đề: những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Chủ đề chương trình sẽ được thể hiện qua các ý chủ đạo sau: (1) người phụ nữ tiễn chồng mình đi kháng chiến; (2) người phụ nữ được đồng đội của chồng báo tin anh đã hi sinh; (3) người phụ nữ một mình vừa nuôi con vừa nuôi chí diệt thù; (4) người phụ nữ tiếp tục tiễn con mình đi vào cuộc chiến; (5) ngày giải phóng, người phụ nữ đi tìm con trong đoàn quân chiến thắng trở về nhưng không gặp được con.

- Tên chương trình: chương trình văn nghệ “Vinh quang Mẹ Việt Nam anh hùng”.

3. Nội dung, hình thức và thời lượng chương trình

- Tóm tắt nội dung chương trình: trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, có rất nhiều người phụ nữ Việt Nam đã lần lượt tiến chồng và những người con của mình ra trận. Ngày chiến thắng, cả dân tộc hòa chung niềm vui đoàn tụ, thống nhất nhưng có những người phụ nữ đã không có cơ hội được đón chồng và các con của mình trở về. Họ đã chấp nhận hi sinh vô điều kiện cả thanh xuân của bản thân và tính mạng của những người ruột thịt thân yêu của mình để đổi lấy độc lập tự do cho cả dân tộc, họ xứng đáng để cả dân tộc tôn vinh là những người mẹ Việt Nam anh hùng.

- Hình thức thể loại chương trình: chương trình văn nghệ

- Tổng thời lượng chương trình: 25 phút

4. Thời gian, địa điểm biểu diễn chương trình

- Thời gian biểu diễn: 19 giờ 30 phút

- Địa điểm biểu diễn: Trung tâm văn hóa thành phố Thủ Đức

5. Thành phần thực hiện chương trình

- Danh nghĩa tổ chức: là tổ chức có tư cách pháp nhân chủ sở hữu chương trình nhưng không trực tiếp tổ chức sản xuất chương trình

- Đơn vị thực hiện: là đơn vị tổ chức sản xuất chương trình

- Tài trợ: là đóng góp vật chất cho chương trình

- Bảo trợ: là đồng hành, hỗ trợ, giúp đỡ, bảo bọc cho chương trình

Phần II. Chương trình chi tiết

1. Cảnh mở

Âm thanh tiếng bom rơi xa xa, tiếng la ó, hoảng sợ của trẻ con và người già. Ánh sáng vàng, xanh lá nhẹ, chớp trắng sáng theo tiếng bom nổ. Khói phủ nhẹ, từ một góc sân khấu lan tỏa ra khắp nền sân khấu...

Một người phụ nữ một tay bồng con, một tay ôm bao đồ, chạy lánh nạn. Vài người già, kéo đỡ nhau chạy loạn.

Tiếng trẻ con khóc và kêu la: “Mẹ ơi, ba đâu rồi mẹ ơi...”

Tiếng người mẹ: “Ba đi chiến đấu rồi, con ngoan, nín đi con...”

Tiếng người phụ nữ già: “Con đi mạnh giỏi nhe con...”

Một ông già đứng nhìn theo hướng người thanh niên chia tay người mẹ già.

Tiếng nhạc hòa trong tiếng bom rơi (hòa âm, phối khí một câu nhạc chủ đề trong ca khúc “Lá xanh” của nhạc sĩ Hoàng Hiệp). Tiếng bom nổ to, tiếng trẻ con khóc thét sau đó, tiếng người phụ nữ khóc... Video clip: cận cảnh chia tay của một đôi nam, nữ thanh niên, gương mặt người phụ nữ đượm buồn, người con trai thoáng buồn nhưng dứt khoát, quyết tâm ra đi.

Lời thuyết minh (đọc bên trong trên nền nhạc ca khúc “Lá xanh”): “Khói nhà máy cuộn trong sương núi, kèn gọi quân vắng vắng cánh đồng, ôm đất nước những người áo vải, đã đứng lên thành những anh hùng” (Trích lời bài thơ “Đất nước” của nhà thơ Nguyễn Đình Thi).

Im tro vào nhạc ca khúc “Lời người ra đi”.

2. Tiết mục 1

- Tên tiết mục: ca cảnh sân khấu “Lời người ra đi”

Tác giả âm nhạc: Trần Hoàn

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nữ và hoạt cảnh sân khấu minh họa.

- Thời lượng: 04 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

3. Tiết mục 2

- Tên tiết mục: diễn ngâm “Lá thư chiến trường”

Gợi ý: có thể sưu tầm, cải biên hay sáng tác một bức thư của bộ đội viết từ chiến trường gửi về cho người vợ của mình ở hậu phương.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của lá thư.

Gợi ý: để bám sát nội dung “Người phụ nữ được đồng đội của chồng báo tin anh đã hi sinh” thì nội dung lá thư là những tình cảm của người bộ đội gửi cho vợ mình, được viết trước lúc anh hi sinh. Nay khi anh đã hi sinh thì những đồng đội của anh mới phát hiện và đọc lại những dòng thư đó bằng tình cảm và “tâm tưởng” để thay lời anh gửi về hậu phương.

- Hình thức: diễn ngâm nam, nữ

- Thời lượng: 04 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: tái hiện hai không gian trên một sân khấu; không gian một là cảnh người bộ đội đang đọc thư ở chiến trường bên xác đồng đội của mình và không gian hai là cảnh người vợ ở hậu phương đang nghe tâm sự của chồng mình và đau đớn khi biết đó là những dòng thư cuối cùng của chồng để lại.

4. Tiết mục 3

- Tên tiết mục: ca nhạc “Đất nước lời ru”

Sáng tác âm nhạc: Văn Thành Nho

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nữ và nhóm bè nam, nữ
- Thời lượng: 05 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

5. Tiết mục 4

- Tên tiết mục: múa “Tiếp bước cha anh”

Sáng tác nhạc múa: viết nhạc mới hoặc sưu tầm, cải biên nhạc múa.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài múa độc lập.

Gợi ý: nén nỗi đau mất chồng vào lòng, mẹ quyết biến đau thương thành hành động, động viên con mình tiếp tục noi theo gương chí lớn của cha anh – những anh hùng của dân tộc hùng anh, tiếp tục tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng, đánh đuổi giặc ngoại xâm, quyết giành lấy độc lập tự do, thống nhất nước nhà.

- Hình thức: tốp múa nam, nữ

- Thời lượng: 07 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Cảnh (1), khắp các địa phương từ thành thị tới nông thôn vô số thanh niên hăng hái ra trận, cảnh một đôi nam, nữ thanh niên lưu luyến chia tay nhau trước giờ ra trận (màn hình tái hiện lại cảnh mẹ tiễn đưa chồng năm xưa). Cảnh (2), cuộc chiến đấu gay cấn, quyết liệt ở chiến trường và hình tượng anh dũng hi sinh của người lính trẻ. Cảnh (3), niềm vui của một dân tộc chiến thắng kẻ thù ngoại xâm, người dân hân hoan chào đón đoàn quân chiến thắng trở về.

6. Tiết mục 5

- Tên tiết mục: ca múa “Đất nước”

Sáng tác: Thơ - Tạ Hữu Yên, Nhạc - Phạm Minh Tuấn

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

Gợi ý: câu chuyện về dân tộc Việt Nam nhỏ bé nhưng triền miên hứng chịu những cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Trong tầm tối của chiến tranh, những người phụ nữ Việt Nam phải chấp nhận cảnh sống lam lũ, cơ cực để nuôi dạy con khôn lớn; và rồi vì nghĩa nước mẹ đã phải nén tình nhà để lặng lẽ tiễn các con của mình ra trận, bước vào cuộc chiến với kẻ thù... Ngày cả dân

tộc giải phóng, đất nước hòa bình, mẹ lại lặng im và khóc thầm khi biết các con của mình đã ra đi mãi mãi không trở về... Các anh đã hi sinh cho quê hương được giải phóng, mẹ cạn khô dòng nước mắt, lắng nỗi đau mất các con vào lòng; mẹ tự hào về sự anh dũng của các con, Tổ quốc tự hào về những hi sinh của mẹ.

- Hình thức: đơn ca nam và tốp múa nam, nữ minh họa

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: màn hình chiếu phim tư liệu cảnh ngày thống nhất đất nước, cờ hoa tung bùng, người người rộn rã, mừng vui chiến thắng. Màn hình chuyển sang thời hiện tại, một đoạn trò chuyện của những người cựu chiến binh, nội dung nói về những đồng đội của mình tới nay có người còn chưa tìm được hài cốt. Màn hình chiếu cảnh các nghĩa trang liệt sĩ, đặc tả những bia mộ liệt sĩ chưa biết tên. Ánh sáng màn hình dịu xuống dần.

Người cựu chiến binh ngồi một góc sân khấu kể chuyện với khán giả:

Sân khấu mở ra cảnh một đêm mưa gió, sấm chớp đầy trời, ẩn hiện trong đêm mưa là hình ảnh một người phụ nữ nhanh nhạy tiếp tế lương thực, thực phẩm và soi

đèn cho từng tốp bộ đội lên dò qua sông. Cơn mưa ngoi hạt, người phụ nữ ngồi lặng lẽ bên song cửa, dõi mắt nhìn theo hướng những người bộ đội vừa đi qua. Tiếng đàn bầu vang lên, nhạc vào intro ca khúc “Đất nước”. Ca sĩ đi từ cánh gà trái ra một góc sân khấu vừa hết intro bắt đầu vào hát từ đầu đến hết phiên khúc một. Ánh sáng màu vàng nhẹ, bao quanh khu vực ca sĩ, ánh sáng phía sau phông sân khấu dịu xuống dần, người mẹ đi vào cánh gà. Đoạn điệp khúc cho tới hết bài hát lần một, ca sĩ di chuyển ra giữa sân khấu. Màn hình chiếu cảnh người mẹ lần lượt tiễn hai người con của mình ra trận, đặc tả gương mặt mẹ đượm buồn nhưng cương nghị. Sân khấu tập trung ánh sáng vào ca sĩ.

Nhạc gian tấu, người mẹ xuất hiện ngồi đan áo ở một góc sân khấu, có lúc tiếng bom đạn nổ xa xa, mẹ ngẩng đầu nhìn, lo sợ... Màn hình xuất hiện cảnh bộ đội chiến đấu ở chiến trường, mẹ ra vẻ lo lắng bồn chồn, diễn nét mặt linh cảm điều không lành với con mình. Màn hình cảnh bom nổ to, sân khấu tương tác hiệu ứng âm thanh và ánh sáng dữ dội. Sân khấu xuất hiện một nhóm múa nam, nữ diễn tả cảnh chiến đấu và hi sinh của bộ đội. Ca sĩ tiếp tục vào bài hát từ đoạn điệp khúc. Màn hình xuất hiện cảnh từng đoàn bộ đội vẫn tiếp tục hành quân, mẹ đi ngược chiều đoàn bộ đội để tìm con mình, diễn tương tác với màn hình... Ca sĩ hát hết điệp

khúc, bất ngờ từ trong ngôi nhà mẹ, người con trai thứ ba của mẹ chạy vội ra nhìn theo đoàn quân, rồi quay lại ôm chầm lấy mẹ, quỳ xuống hôn đôi tay mẹ, sau đó người con nhanh nhậy đứng dậy, chạy vụt theo hướng đoàn bộ đội đang hành quân. Nhạc cao trào, mẹ chạy lên bậc cao nhất giữa sân khấu giơ hai tay ra phía trước, ánh sáng tập trung vào nơi mẹ đứng, trên hai tay mẹ ôm dải lụa đỏ, dải lụa thắt tha kéo dài từ hai tay mẹ ra hai bên cánh gà sân khấu.

Ca sĩ hát câu coda. Nhóm múa nam, nữ xuất hiện theo hướng hai dải lụa đỏ di vào sân khấu, múa động tác tôn vinh mẹ, mẹ đứng bất động, dáng đứng một tượng đài sừng sững trên cao. Dải lụa đỏ trên hai tay mẹ tung bay phát phới. Ánh sáng đỏ rực rỡ sân khấu. Màn hình hiện một bức phù điêu màu vàng đồng cảnh các tư thế bộ đội chiến đấu. Âm nhạc kết vang vọng, hoành tráng.

Người cựu chiến binh, dâng một đóa hoa lên tượng đài người phụ nữ trên sân khấu.

Phần III. Phụ lục

1. Văn bản

- Văn bản ca khúc có trong chương trình
- Văn bản lời bài hát dân ca có trong chương trình

- Văn bản lời dẫn chương trình, lời thuyết minh, lời tuyên truyền...

- Văn bản kịch có trong chương trình

2. Hình ảnh (nếu có)

- Thiết kế sân khấu

- Thiết kế phục trang

- Thiết kế đạo cụ

- Logo chương trình

- Hình ảnh minh họa khác

3. Âm thanh – Multimedia (nếu có)

- Nhạc nền cho biểu diễn ca, múa, kịch, thời trang...

- Nhạc biểu diễn độc lập

- Sản phẩm multimedia minh họa

- Sản phẩm multimedia trình chiếu độc lập

2.7.2. Trình bày kịch bản chương trình tuyên truyền cổ động

Phần I. Giới thiệu chung về chương trình

1. Đặt vấn đề

Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ

nữ Việt Nam, thực hiện kế hoạch hoạt động của đơn vị, trung tâm văn hóa tổ chức biểu diễn chương trình văn nghệ nhằm phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

Chương trình nhằm tuyên truyền cho công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức về những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Giúp người lao động cảm nhận được sâu sắc hơn về những tổn thất, mất mát, hi sinh to lớn cũng như tinh thần dũng cảm, kiên trung, bất khuất của những người phụ nữ Việt Nam trong thời chiến. Qua đó, nhằm nâng cao hơn nữa lòng tự hào về truyền thống đấu tranh cách mạng của những người phụ nữ, của cả dân tộc ta; giữ gìn và phát huy, củng cố và lan tỏa tinh thần yêu nước cho bản thân mỗi cá nhân, từng gia đình và cả cộng đồng xã hội.

Chương trình phải có nội dung cô đọng, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ; có hình thức đẹp, phong phú, sinh động, gần gũi và hấp dẫn người xem; tác động một cách trực quan tới người tiếp nhận; tạo ra sự ảnh hưởng tích cực tới nhận thức, thái độ và hành vi của những người tham dự.

2. Đề tài, chủ đề và tên chương trình

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam.

- Chủ đề: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Chủ đề chương trình sẽ được thể hiện qua các ý chủ đạo sau: Ý chính; những đóng góp to lớn của người phụ nữ ở hậu phương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Các ý phụ; (1) phụ nữ làm du kích, phụ nữ làm giao liên; (2) phụ nữ làm thanh niên xung phong cứu thương, tải đạn; (3) phụ nữ hăng hái lao động tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm gửi ra chiến trường.

- Tên chương trình: Chương trình tuyên truyền cổ động “Hoa chấn tiền phương”.

3. Nội dung, hình thức và thời lượng chương trình

- Tóm tắt nội dung chương trình: Hậu phương là căn cứ cách mạng vững chắc cho tiền tuyến, mặc dù không đạn pháo ác liệt như chiến trường, nhưng hậu phương trong chiến tranh nhân dân của Việt Nam vẫn “rực lửa đấu tranh cách mạng”. Hậu phương luôn có những người phụ nữ sẵn sàng góp công sức, tiền của, tài sản, tính mạng của mình để xung phong, tình nguyện trở thành những cô du kích, giao liên, nữ thanh niên xung phong làm y tá cứu thương, dân công hỏa tuyến, hay là những cô nữ công đảm việc nhà để tăng gia sản xuất nhu yếu phẩm tiếp tế cho tiền tuyến... Tất cả những đóng góp to lớn của những người phụ nữ ở hậu phương đã góp phần

làm cho cuộc chiến tranh mang bản chất nhân dân của Việt Nam trở thành một huyền thoại giải phóng dân tộc vinh quang và bất tử.

- Hình thức thể loại chương trình: chương trình tuyên truyền cổ động

- Tổng thời lượng chương trình: 30 phút

4. Thời gian, địa điểm biểu diễn chương trình

- Thời gian biểu diễn: 19 giờ 30 phút

- Địa điểm biểu diễn: Trung tâm văn hóa thành phố Thủ Đức

5. Thành phần thực hiện chương trình

- Danh nghĩa tổ chức: là tổ chức có tư cách pháp nhân chủ sở hữu chương trình nhưng không trực tiếp tổ chức sản xuất chương trình

- Đơn vị thực hiện: là đơn vị tổ chức sản xuất chương trình

- Tài trợ: là đóng góp vật chất cho chương trình

- Bảo trợ: là đồng hành, hỗ trợ, giúp đỡ, bảo bọc cho chương trình

Phần II. Chương trình chi tiết

1. Tiết mục 1

- Tên tiết mục: Tiểu phẩm kịch “Áo rách nên thương”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của tiểu phẩm kịch.

Gợi ý: nhân vật: người mẹ, người con gái của mẹ, người giặc lính, người chỉ điểm.

Giao đãi: Tại ngôi nhà lá nghèo của hai mẹ con bên bờ sông. Mẹ ngồi vá lại chiếc áo bộ đội đã bị rách vai, tâm trạng vừa làm vừa sợ bị bọn lính phát hiện mình tiếp tay, che giấu bộ đội. Cô gái giúp mẹ xỏ chỉ cho từng mũi kim khâu vừa canh chừng lính. MÀN HÌNH CHIẾU CẢNH THẲNG CHỈ ĐIỂM NÓI VỚI THẲNG LÍNH VỀ CÂU CHUYỆN HAI MẸ CON CHE GIẤU BỘ ĐỘI VÀ TIẾP TAY CHO VIỆT CỘNG.

Thắt nút: thẳng lính và thẳng chỉ điểm phát hiện chiếc áo bộ đội trong nhà, nghi ngờ và quả quyết hai mẹ con che giấu bộ đội và tiếp tay cho Việt cộng, quyết trừng trị.

Phát triển: Mẹ đấu tranh bằng trí tuệ và tình cảm với bọn lính để thu phục nhân tâm và đòi lại chiếc áo bộ đội (nói dối với bọn giặc đó là một kỷ vật thiêng liêng của con trai bà hi sinh để lại), cũng là để tạo điều kiện thời

gian cho con gái của bà kịp đưa người bộ đội rời khỏi điểm trú ẩn từ phía sau nhà.

Cao trào: Bọn giặc phát hiện được âm mưu bà bày cảnh để cho con gái bà có thời gian đưa bộ đội tẩu thoát, bọn giặc điên cuồng ra lệnh bắn theo phía con dò mà con gái bà dùng để đưa người bộ đội qua sông trốn thoát. Mẹ chặn nòng súng kẻ thù, viên đạn trúng thẳng vào tim và mẹ hi sinh.

Mở nút: Bọn giặc hoảng sợ bỏ chạy, cô gái kịp đưa người bộ đội thoát hiểm nguy, và khi cô trở về lại nhà thì mẹ đã không còn. Chiếc áo bộ đội mẹ vẫn ôm chặt trong người khi bị bọn giặc bắn, máu mẹ thấm đỏ áo anh. Cô gái uất hận, quyết nuôi chí đánh đuổi kẻ thù.

- Hình thức: tiểu phẩm kịch nói
- Thời lượng: 06 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

2. Tiết mục 2

- Tên tiết mục: Tuyên truyền miệng (lần 1) “vai trò của người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh”

Sáng tác mới bài tuyên truyền miệng trên cơ sở thu thập đầy đủ, chính xác các thông tin, tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, có xuất xứ tin cậy, rõ ràng, chính thống.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài tuyên truyền miệng.

Gợi ý: Cấu trúc bài tuyên truyền với 3 ý chính: ý (1) nói về vai trò người phụ nữ ở hậu phương trong thời chiến; ý (2) nói về những đóng góp cụ thể (có số liệu minh chứng) về sức người, sức của của phụ nữ Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ý (3) nói về ý nghĩa của những đóng góp đó. Bài tuyên truyền có thể phân đoạn ra để đọc lần lượt ở những tiết mục phù hợp nhằm làm sáng tỏ thêm cho nội dung tiết mục và giúp khán giả dễ theo dõi và dễ nhớ hơn.

Ví dụ, sau tiết mục 1 này, chỉ cần đọc ý (1) của bài tuyên truyền là “khẳng định vai trò người phụ nữ ở hậu phương trong thời chiến”, và dẫn nối qua tiết mục tiếp theo, với câu nói “hãy cùng tiếp tục xem họ đã đóng góp những gì và đóng góp như thế nào cho cuộc chiến của chúng ta nhé”.

- Hình thức: tuyên truyền viên nam và nữ
- Thời lượng: 01 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tuyên truyền viên nói và diễn tương tác với màn hình. Màn hình chiếu clip minh họa theo nội dung chi tiết. Có thể kết hợp với panô minh họa những chi tiết

quan trọng cần nhấn trọng tâm để tác động vào sự chú ý của khán giả. Các panô sẽ được thiết kế đa dụng, thẩm mỹ và khai thác tiếp tục như là các cảnh trí sân khấu cho tiết mục tiếp sau.

3. Tiết mục 3

- Tên tiết mục: Múa “Nữ giao liên”

Sáng tác nhạc múa: viết nhạc mới hoặc sưu tầm, cải biên nhạc múa.

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài múa độc lập.

Gợi ý: Diễn tả những hành động chiến đấu tiêu biểu của nữ giao liên hoạt động ở nội ô và vùng ven thành phố.

Đoạn 1: Hợp sức: chủ động gây dựng cơ sở, tập hợp lực lượng các chị em phụ nữ đứng vào hàng ngũ tổ chức, hình thức thông qua các buổi sinh hoạt nữ công, văn nghệ, sinh hoạt bí mật, công khai hoặc vừa bí mật vừa công khai ngay trong nội ô thành phố.

Đoạn 2: Dẫn đường: đội nữ du kích lên kế hoạch và tiến hành dẫn đường cho bộ đội tiến công vào nội thành, đánh du kích và chiến thắng một số trận.

Đoạn 3: Đối đầu: trong một lần đội nữ du kích dẫn đường bộ đội bị phát hiện, bị địch phản công dữ dội, các nữ du kích thông minh, lanh lợi và dũng cảm đã đối phó

thành công với địch, bảo toàn lực lượng và đưa bộ đội ta rút lui, ẩn nấp an toàn.

- Hình thức: tốp múa nam, nữ
- Thời lượng: 03 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

4. Tiết mục 4

- Tên tiết mục: Tuyên truyền miệng (lần 2) “Những đóng góp về sức người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài tuyên truyền miệng.

Gợi ý: Những đóng góp cụ thể về công sức của người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh (có số liệu minh chứng), như: bản thân tham gia làm du kích địa phương, làm giao liên, thông tin liên lạc, đội nữ tự vệ...

- Hình thức: tuyên truyền viên nữ
- Thời lượng: 01 phút
- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tuyên truyền viên nói và diễn tương tác với màn hình. Màn hình chiếu clip minh họa theo nội dung chi tiết. Có thể kết hợp với diễn viên trong vai các nữ du kích, giao liên, nữ tự vệ minh họa thêm cho đoạn tuyên truyền.

Sau khi kết lời tuyên truyền (lần 2), dẫn nối qua tiết mục tiếp theo, với câu nói “không chỉ ở thành thị mà cả ở nông thôn, đâu đâu cũng có biết bao tấm gương phụ nữ sẵn sàng đóng góp sức mình, trực tiếp giúp đỡ cho bộ đội vượt qua những chặng hành quân đầy gian nguy, cách trở. Không chỉ thế, mà ngay cả ở những cung đường tuyến lửa của cuộc chiến, vẫn không thể ngăn được sự tự nguyện dân thân đóng góp của các chị - những thanh niên xung phong cáng thương, tải đạn, kéo pháo vá đường...”

5. Tiết mục 5

- Tên tiết mục: Ca nhạc “Qua sông”

Sáng tác âm nhạc: Phạm Minh Tuấn

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: tốp ca nữ

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Có thể thay thế hình thức ca nhạc của tiết mục này bằng chiếu phim một trích đoạn phim truyện về nữ du kích Việt Nam hoặc kết hợp chiếu phim (không phát tiếng) để minh họa thêm về hình tượng nữ du kích hoạt động ở vùng sông nước Nam Bộ.

- Gợi ý kết nối giữa hai tiết mục:

Nhạc nhỏ dần rồi kết thúc bài hát “Qua sông”, sân khấu giảm dần ánh sáng, màn hình chiếu cảnh một vùng sông nước với dày đặc cây dừa nước, cảnh khúc sông dần về đêm, một con đò do nữ du kích đưa bộ đội qua sông, chỉ có âm thanh tiếng con ếch ương hòa với tiếng chèo đò nghe càng lúc càng rõ.

Chiếc đò len lách và khuất sâu trong đám cây dừa nước, chỉ còn thấy lấp lánh ánh sáng ngọn đèn dầu lắc lư theo từng nhịp chèo đò... đêm càng về khuya, càng nghe rõ tiếng côn trùng và tiếng chèo đò, đò càng lúc càng đi xa và sâu vào trong đám cây dừa nước.

Có một tiếng bom nổ to và ánh chớp lóe sáng một vùng sông nước.

Tiếng chèo đò dừng.

Ánh sáng đèn dầu vụt tắt.

Chỉ còn tiếng ếch ương.

Màn hình chiếu hình ảnh một khúc sông lơ mờ sáng trong khói đạn, len lỏi giữa hai hàng dừa nước có một dòng nước màu đỏ (máu) chảy loang ra, một chiếc khăn rằn nửa chìm nửa nổi lênh bênh trên mặt nước, bên cạnh là một nửa mảnh chiếc xuồng bể tan hoang... không có ai, chỉ có tiếng nấc nghẹn, đau đớn của người bộ đội xa xa.

Từ một góc màn hình, người bộ đội như vừa lội được vào bờ, mệt mỏi, một tay kéo khúc voan màu trắng (pha ánh sáng màu đỏ vào khúc voan), cố gắng kéo dài khúc voan ra một cách mệt nhọc. Ánh sáng sân khấu đỏ dần dần lên. Người bộ đội ôm chiếc khăn rằn vào người, kéo theo khúc voan, tiến dần ra phía góc phải sân khấu, khúc voan trắng phủ màu đỏ như dòng máu cứ loang dần ra, khúc voan càng lúc càng được kéo nhiều ra và trải rộng khắp cả mặt nền sân khấu, sân khấu như là mặt nước một dòng sông đỏ rực máu.

Người bộ đội bất ngờ quay lại nhìn lên phía màn hình, màn hình chiếu cảnh chiếc đồ bị bom nổ trúng bể nát, không còn ai sống sót, âm thanh rừng rợn, người bộ đội thét lên, rồi đau khổ, ôm chiếc khăn chạy vụt vào cánh gà.

Màn hình chuyển dần sang cảnh núi rừng tờ mờ sáng, mặt trời ló dạng.

Âm nhạc chuyển điệu, một câu nhạc, khí nhạc Tây Nguyên.

Ánh sáng chuyển màu xanh lá chiếu vào khúc voan, khúc voan chuyển động, diễn viên múa len lỏi vào các vị trí dưới nền khúc voan và đứng cao thấp, nhấp nhô nhẹ tạo sự ra cảnh đồi núi, nhìn từ xa tới gần.

Dùng kỹ thuật sân khấu, kỹ thuật biểu diễn và đạo cụ để chuyển cảnh, tạo ra hai không gian sân khấu gồm: tầng trên đôi cao, diễn cảnh bộ đội chiến đấu và tầng dưới đôi thấp, diễn cảnh các nữ thanh niên xung phong đang cứu thương cho bộ đội, lấp đường,...

Diễn phức điệu trong hành động sân khấu giữa tầng trên đôi cao và tầng dưới đôi thấp.

Intro bắt đầu vào nhạc ca khúc “Những bông hoa trên tuyến lửa”.

6. Tiết mục 6

- Tên tiết mục: Ca nhạc “Những bông hoa trên tuyến lửa”

Sáng tác: Thơ – Đỗ Trung Quân,

Nhạc – Nguyễn Cửu Dũng

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nam, tốp bè nam và hoạt cảnh sân khấu nam, nữ

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Cảnh diễn những nữ thanh niên xung phong làm người cáng thương, tải đạn, lấp ổ bom, vá đường...

trong khói lửa, bom đạn chiến tranh ác liệt nhưng các chị vẫn hăng hái, quyết liệt... và rồi trong số các nữ thanh niên xung phong đó đã có một nữ anh hùng ngã xuống trong lửa tuổi thanh xuân khi đang làm nhiệm vụ thiêng liêng với Tổ quốc.

Tuyên truyền viên kết hợp đọc lời thuyết minh trên nền âm nhạc và cảnh diễn sân khấu về những số liệu đóng góp, hi sinh to lớn của các nữ thanh niên xung phong trong giai đoạn chiến tranh chống Mỹ của dân tộc ta.

Tuyên truyền viên gồm một số người, họ thay phiên nhau đọc các số liệu, thành tích tiêu biểu của nữ thanh niên xung phong, nữ tự vệ, nữ du kích, nữ giao liên.

Sân khấu chia thành 4 không gian diễn và một không gian chiếu phim (màn hình trên cao, ở giữa sân khấu), tất cả cùng đồng thời diễn ra hành động (phức điệu), nhưng ánh sáng đặc tả đẹp cho một không gian chủ lực, không gian chủ lực được xác định là không gian đang được tuyên truyền viên nhắc tới qua nội dung lời đọc thuyết minh.

- Không gian 1: Trung tâm sân khấu; diễn viên minh họa theo lời tuyên truyền viên, giới thiệu đóng góp tiêu biểu của nữ thanh niên xung phong; âm nhạc nền ca khúc “Những bông hoa trên tuyến lửa” (Sáng tác: Thơ

– Đỗ Trung Quân, Nhạc – Nguyễn Cửu Dũng); trang phục và đạo cụ phù hợp.

- Không gian 2: Cánh trái sân khấu; diễn viên minh họa theo lời tuyên truyền viên, giới thiệu đóng góp tiêu biểu của nữ tự vệ; âm nhạc nền ca khúc “Bài ca người nữ tự vệ Sài Gòn” (Sáng tác âm nhạc: Phạm Minh Tuấn); trang phục và đạo cụ phù hợp.

- Không gian 3: Cánh phải sân khấu; diễn viên minh họa theo lời tuyên truyền viên, giới thiệu đóng góp tiêu biểu của nữ du kích; âm nhạc nền ca khúc “Qua sông” (Sáng tác âm nhạc: Phạm Minh Tuấn); trang phục và đạo cụ phù hợp.

- Không gian 4: Trên cao màn hình; diễn viên minh họa theo lời tuyên truyền viên, giới thiệu đóng góp tiêu biểu của nữ giao liên; âm nhạc nền ca khúc “Tiến về Sài Gòn” (Sáng tác âm nhạc: Huỳnh Minh Siêng); trang phục và đạo cụ phù hợp.

Trong lúc các không gian chủ lực đang diễn, thì các không gian khác cũng diễn minh họa theo nội dung không gian sân khấu chủ lực (phức điệu).

7. Tiết mục 7

- Tên tiết mục: Tuyên truyền miệng (lần 3) “Những đóng góp về của cải vật chất của người phụ nữ ở hậu

phương trong chiến tranh”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài tuyên truyền miệng.

Gợi ý: Những đóng góp cụ thể về của cải vật chất của người phụ nữ ở hậu phương trong chiến tranh (có số liệu minh chứng), như: tài sản hiện kim, hiện vật, nhu yếu phẩm, lương thực, thực phẩm...

- Hình thức: tuyên truyền viên nữ

- Thời lượng: 02 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tuyên truyền viên nói và diễn tương tác với màn hình. Màn hình chiếu video clip minh họa theo nội dung chi tiết.

8. Tiết mục 8

- Tên tiết mục: Ca múa “Lá đỏ”

Sáng tác: Thơ - Nguyễn Đình Thi, Nhạc - Hoàng Hiệp

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của ca khúc.

- Hình thức: đơn ca nam và nhóm múa nữ minh họa

- Thời lượng: 05 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Cảnh gặp gỡ giữa nữ thanh niên xung phong với bộ đội. Đoàn bộ đội tiếp tục hành quân. Cung đường tiếp tục bị bom đạn cày xéo. Các nữ thanh niên xung phong lại tiếp tục công việc nguy hiểm nhưng đầy vinh quang của mình. Tất cả cùng hi vọng vào ngày giải phóng... Lá rừng rực đỏ lên trong mịt mù đạn bom, khói lửa giữa đại ngàn Trường Sơn.

9. Tiết mục 9

- Tên tiết mục: Tuyên truyền miệng (lần 4) “ý nghĩa về những đóng góp to lớn của người phụ nữ hậu phương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam”

- Nội dung: mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài tuyên truyền miệng.

- Hình thức: tuyên truyền viên nam, nữ

- Thời lượng: 01 phút

- Gợi ý dàn cảnh: mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Tuyên truyền viên đọc thuyết minh lúc gian tấu hoặc sau khi kết nhạc ca khúc “Lá đỏ” hoặc nối thêm một đoạn nhạc ca trào và đọc giọng khí thế trên nền nhạc nổi để kết chương trình hoành tráng, tạo cảm giác

khí thế cuộc chiến và những đóng góp của những nữ thanh niên xung phong vẫn còn tiếp diễn.

Phần III. Phụ lục

1. Văn bản

- Văn bản ca khúc có trong chương trình
- Văn bản lời bài hát dân ca có trong chương trình
- Văn bản lời dẫn chương trình, lời thuyết minh, lời tuyên truyền...
- Văn bản kịch có trong chương trình

2. Hình ảnh (nếu có)

- Thiết kế sân khấu
- Thiết kế phục trang
- Thiết kế đạo cụ
- Logo chương trình
- Hình ảnh minh họa khác

3. Âm thanh – Multimedia (nếu có)

- Nhạc nền cho biểu diễn ca, múa, kịch, thời trang...
- Nhạc biểu diễn độc lập
- Sản phẩm multimedia minh họa
- Sản phẩm multimedia trình chiếu độc lập

2.7.3. Trình bày kịch bản chương trình cuộc thi

Phần I. Giới thiệu chung về chương trình

1. Đặt vấn đề

Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, thực hiện kế hoạch hoạt động của đơn vị, trung tâm văn hóa tổ chức biểu diễn chương trình văn nghệ nhằm phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trên địa bàn thành phố Thủ Đức. Chương trình nhằm hướng tới mục đích giáo dục truyền thống cho nữ công nhân ở các công ty may trên địa bàn thành phố Thủ Đức về những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Giúp người lao động có được sự hiểu biết và nhận thức đầy đủ hơn về những hi sinh to lớn, đóng góp quan trọng cả về vật chất lẫn tinh thần của những người phụ nữ Việt Nam trong thời chiến. Qua đó, nhằm nâng cao tinh thần tự hào, tự tôn về người phụ nữ Việt Nam; tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp đó để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong giai đoạn hôm nay. Nội dung chương trình phải được soạn thảo có tính hệ thống khoa học chặt chẽ, hợp lý, đảm bảo tính chân thực khách quan, tính lịch sử, tính chính trị rõ ràng, phù hợp với trình độ, tâm sinh lý – tình cảm của đối tượng tham dự. Hình thức thể hiện phải đa dạng, mới lạ và mang tính thẩm

mỹ, bằng hoặc thông qua các loại hình nghệ thuật tổng hợp, sinh động, hấp dẫn để dễ dàng thu hút đông đảo người tham dự.

2. Đề tài, chủ đề và tên chương trình

- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam.

- Chủ đề: Những đóng góp to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Chủ đề chương trình sẽ được thể hiện qua các ý chủ đạo sau: (1) những đóng góp về vật chất của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; (2) những đóng góp về tinh thần của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc

- Tên chương trình: Chương trình cuộc thi “Gánh tình hậu phương” (Cuộc thi tìm hiểu những đóng góp về vật chất và tinh thần của người phụ nữ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mang tên “Gánh tình hậu phương”).

3. Nội dung, hình thức và thời lượng chương trình

- Tóm tắt nội dung chương trình: Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, người phụ nữ Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn về nguồn lực cả vật chất và cả nguồn lực văn hóa tinh thần. Tất cả những đóng góp đó đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp,

giúp dân tộc Việt Nam chiến thắng được mọi kẻ thù xâm lược hùng mạnh hơn ta gấp nhiều lần, để giành lấy độc lập tự do, thống nhất đất nước.

- Hình thức thể loại chương trình: chương trình cuộc thi
- Tổng thời lượng chương trình: 60 phút

4. Thời gian, địa điểm biểu diễn chương trình

- Thời gian biểu diễn: 19 giờ 30 phút
- Địa điểm biểu diễn: Trung tâm văn hóa thành phố

Thủ Đức

5. Thành phần thực hiện chương trình

- Danh nghĩa tổ chức: là tổ chức có tư cách pháp nhân chủ sở hữu chương trình nhưng không trực tiếp tổ chức sản xuất chương trình

- Đơn vị thực hiện: là đơn vị tổ chức sản xuất chương trình

- Tài trợ: là đóng góp vật chất cho chương trình

- Bảo trợ: là đồng hành, hỗ trợ, giúp đỡ, bảo bọc cho chương trình

Phần II. Chương trình chi tiết

1. Tiết mục mở

- Tên tiết mục: Trình diễn thời trang “Dáng đứng Việt Nam”

- Nội dung: Mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của tiết mục trình diễn thời trang.

Gợi ý: Bộ sưu tập thời trang áo dài truyền thống của người phụ nữ Việt Nam trải qua một số thời kỳ lịch sử văn hóa, gắn với các nhân vật nữ anh hùng hay các thời kỳ lịch sử tiêu biểu như: áo dài phụ nữ thời Hai Bà Trưng, áo dài phụ nữ thời Nam Phương hoàng hậu, áo dài phụ nữ thời kháng chiến chống Pháp, áo dài phụ nữ thời kháng chiến chống Mỹ, áo dài phụ nữ thời giải phóng, thống nhất đất nước, áo dài phụ nữ thời kỳ đổi mới...

- Hình thức: nhóm người mẫu thời trang nữ.

- Thời lượng: 05 phút.

- Gợi ý dàn cảnh: Mô tả hành động sân khấu.

2. Phần khai mạc

- Tên phần: Khai mạc cuộc thi.

Lưu ý: Khai mạc thường là một cuộc lễ, bao gồm nhiều nghi lễ/tiết mục diễn ra theo một trình tự, nguyên tắc nhất định, mang tính trang trọng; nhằm loan báo đến công chúng lý do, mục đích, ý nghĩa, nội dung, hình thức, thể thức tiến hành các hoạt động và đánh dấu thời điểm chính thức bắt đầu cho hoạt động đó.

- Nội dung: Mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của phần khai mạc.

Gợi ý: Lễ khai mạc thường bao gồm các nội dung; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, phát biểu khai mạc, thông qua thể lệ thi, giới thiệu ban tổ chức/ban giám khảo chấm thi, giới thiệu các đội thi/người thi.

- Hình thức: Ngôn ngữ nói của người dẫn chương trình, đại biểu.

- Thời lượng: 05 phút.

- Gợi ý dàn cảnh: Mô tả hành động sân khấu.

3. Phần thi 1

- Tên phần thi: “Lá ngọc trang”

- Nội dung: Mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của phần thi.

Gợi ý: Phát triển nội dung ý chủ đạo “những đóng góp về vật chất của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc” thành các nội dung thi cụ thể như sau:

Nội dung thi 1: Gói quà gửi ra tiền tuyến

Nội dung thi 2: May áo gửi ra tiền tuyến

Nội dung thi 3: Ngọc trang gánh quà gửi ra tiền tuyến

Nội dung thi 4: Gánh quà ra tiền tuyến

- Hình thức: Thi đồng đội nữ (mỗi đội 10 người), liên hoàn các nội dung thi với nhau.

Gợi ý: Xây dựng hình thức thi từ các nội dung thi đã xác định:

Hình thức nội dung thi 1: Gói bánh tét với các vật liệu quy định và có sẵn

Hình thức nội dung thi 2: May áo với các vật liệu quy định và có sẵn

Hình thức nội dung thi 3: Ngụy trang gánh quà với các vật liệu quy định và có sẵn

Hình thức nội dung thi 4: Gánh quà đã ngụy trang vượt chướng ngại vật quy định

- Yêu cầu: Mô tả tiêu chí tính thắng và thua của các nội dung thi.

Gợi ý: Tiêu chí cơ bản để tính thắng hay thua của các nội dung thi:

Tính số lượng nhiều hay ít

Tính thời gian nhanh hay chậm

Tính khéo tay, đẹp hay xấu

Tính biểu diễn trên sân khấu

Tính đồng đội, làm việc tập thể

- Thời lượng: 20 phút

- Gợi ý dàn cảnh: Mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Sân khấu chia thành hai không gian, khu vực trước thềm sân khấu là hậu phương, khu vực sàn sân khấu là tiền tuyến; mỗi khu vực chia diện tích mặt nền đều nhau cho các đội thi; thiết kế đầy đủ vật liệu, đạo cụ theo các nội dung thi, thẩm mỹ, an toàn. Các nội dung thi liên tục diễn ra theo một trật tự và quy định thống nhất về thời gian bắt đầu và kết thúc (khuyến khích làm nhanh). Âm thanh các nội dung thi tạo cảm giác gay cấn, thúc giục; kết hợp âm nhạc và lời dẫn kiểu quản trò, hoạt náo. Hình ảnh, có một đội trưởng (đạo diễn) chỉ huy dàn cảnh sân khấu (diễn xuất, thẩm mỹ) để tổ chức các hành động thi của tất cả các thành viên trong đội của mình (diễn viên). Đặc biệt là nội dung thi gánh quà ngụy trang ra tiền tuyến, diễn ra trên sân khấu, mỗi đội có hai người gánh tiếp sức, các đội gánh di chuyển theo các tuyến khác nhau, vừa gánh đi vừa diễn xuất trên nền âm nhạc và lời thoại, vượt qua các trở lực trên đường đi như: vật cản đường, ánh sáng đèn pha, hố bom, lính canh gác để về đích an toàn và nhanh nhất.

4. Phần thi 2

- Tên phần thi: “Tình hậu phương”
- Nội dung: Mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của phần thi.

Gợi ý: Phát triển nội dung ý chủ đạo “những đóng góp về tinh thần của người phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc” thành nội dung thi cụ thể như:

Phản ánh và thể hiện tình cảm của những người phụ nữ ở hậu phương về hoàn cảnh sống và chiến đấu của bộ đội Việt Nam ở chiến trường qua hoạt động sáng tạo tác phẩm văn học nghệ thuật.

- Hình thức: Thi đồng đội nữ (mỗi đội 10 người), liên hoàn các nội dung thi với nhau.

Gợi ý: Xây dựng hình thức thi từ nội dung thi đã xác định.

Xem một đoạn video clip hoặc bức tranh, ảnh hay tượng về cảnh sống và chiến đấu của bộ đội ở chiến trường;

Sáng tác đoạn thơ hoặc đoạn nhạc phản ánh và thể hiện tình cảm của mình về hoàn cảnh sống và chiến đấu của bộ đội qua xem video clip hoặc bức tranh, ảnh hay tượng;

Biểu diễn ca hoặc diễn ngâm nội dung của các đoạn thơ hoặc nhạc vừa sáng tác; kết hợp với biểu diễn minh họa múa hoặc hoạt cảnh sân khấu cho phần ca hay diễn ngâm thơ.

- Yêu cầu: Mô tả tiêu chí tính thắng và thua của các nội dung thi.

Gợi ý: Tiêu chí cơ bản để tính thắng hay thua của các nội dung thi:

Tính thời gian nhanh hay chậm

Tính sáng tác

Tính dàn dựng

Tính biểu diễn

Tính đồng đội, làm việc tập thể

- Thời lượng: 20 phút.

- Gợi ý dàn cảnh: Mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Có thể cho các đội chuẩn bị trước nội dung sáng tác và dàn dựng; tại thời điểm thi trên sân khấu chỉ mô tả lại quá trình thi của hai nội dung đó qua video clip. Nội dung thi thứ ba bắt buộc phải biểu diễn trực tiếp tại sân khấu.

5. Phần bế mạc

- Tên phần: Bế mạc cuộc thi.

Lưu ý: Bế mạc thường cũng là một cuộc lễ, bao gồm nhiều nghi lễ/tiết mục diễn ra theo một trình tự, nguyên tắc nhất định, mang tính trang trọng.

- Nội dung: Mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của phần bế mạc.

Gợi ý: Lễ bế mạc thường bao gồm các nội dung/tiết mục như: báo cáo nhận xét, đánh giá cuộc thi của ban giám khảo; tổng kết đánh giá của tổ chức; công bố kết quả cuộc thi; trao giải cuộc thi; phát biểu bế mạc cuộc thi.

- Hình thức: Ngôn ngữ nói của người dẫn chương trình, đại biểu.

- Thời lượng: 05 phút.

- Gợi ý dàn cảnh: Mô tả hành động sân khấu.

6. Tiết mục kết

- Tên tiết mục: Ca múa “Tự hào người phụ nữ Việt Nam”

- Nội dung: Mô tả tóm tắt nội dung ý nghĩa của bài hát.

Gợi ý: Viết lời mới cho một làn điệu dân ca Nam Bộ dựa trên định hướng nội dung/ý chủ đạo là “ca ngợi sức mạnh trí tuệ và tâm hồn của người phụ nữ”.

Ví dụ: Viết lời mới theo làn điệu Lý Chim Xanh (Dân ca Nam Bộ)

Đoạn 1:

Quê hương đất nước xinh tươi, tự hào năm xưa

Kiên trung, vẹn tình phụ nữ Việt Nam anh hùng

Triệu người dân quyết chung một lòng

Thề nguyện theo Đảng ta
Chung lòng yêu nước, cứu quốc
Dựng thành hậu phương.

Đoạn 2:

Hôm nay phụ nữ hân hoan, tự hào đi lên
Chung tay, ta cùng vun đắp dựng xây nước nhà
Từ hậu phương khó khăn đói nghèo
Chìm trong tăm tối xưa
Nay là vùng đất, đổi mới
Rộng ràng đông vui.

Đoạn 3:

Vinh danh phụ nữ Việt Nam, thời (đại) Hồ Chí Minh
Vang danh anh hùng, bất khuất, đảm đang, trung hậu
Cùng nhau ta, cất cao câu hò
Cùng nhau ta, hát vang
Mừng người phụ nữ, hùng anh
Người mẹ Việt Nam.

Hát lặp lại câu kết:

Chung lòng yêu nước, cứu quốc, vững vàng hậu phương.

Vẹn tròn tổ ấm, hạnh phúc, nhà nhà an vui.

Muôn đời tim khắc, tâm nhớ người mẹ Việt Nam.

- Hình thức: Tốp ca múa nam, nữ.

- Thời lượng: 03 phút.

- Gợi ý dàn cảnh: Mô tả hành động sân khấu.

Gợi ý: Sau khi trao giải xong, âm thanh liên kết ngay vào nhạc intro bài hát của tiết mục kết, trên nền câu hát lặp lại ở cuối bài lý người dẫn chương trình nói lời kết thúc chương trình và chào tạm biệt khán giả.

7. Cảnh kết

Múa minh họa (5 nhóm) trên nền bài hát cải biên từ điệu Lý Chim Xanh

- Nhóm 1: Điệu múa nữ nông dân (trang phục và đạo cụ phù hợp)

- Nhóm 2: Điệu múa nữ công nhân (trang phục và đạo cụ phù hợp)

- Nhóm 3: Điệu múa nữ quân đội và công an (trang phục và đạo cụ phù hợp)

- Nhóm 4: Điệu múa nữ doanh nhân (trang phục và đạo cụ phù hợp)

- Nhóm 5: Điệu múa nữ trí thức (trang phục và đạo cụ phù hợp)

Cả năm nhóm đồng thời múa chung một điệu múa và kết hình tượng tất cả phụ nữ Việt Nam cùng đồng tâm, hiệp lực tiến lên trong thời đại mới.

Phần III. Phụ lục

1. Văn bản

- Văn bản ca khúc có trong chương trình
- Văn bản lời bài hát dân ca có trong chương trình
- Văn bản lời dẫn chương trình, lời thuyết minh, lời tuyên truyền...
- Văn bản kịch có trong chương trình

2. Hình ảnh (nếu có)

- Thiết kế sân khấu
- Thiết kế phục trang
- Thiết kế đạo cụ
- Logo chương trình
- Hình ảnh minh họa khác

3. Âm thanh – Multimedia (nếu có)

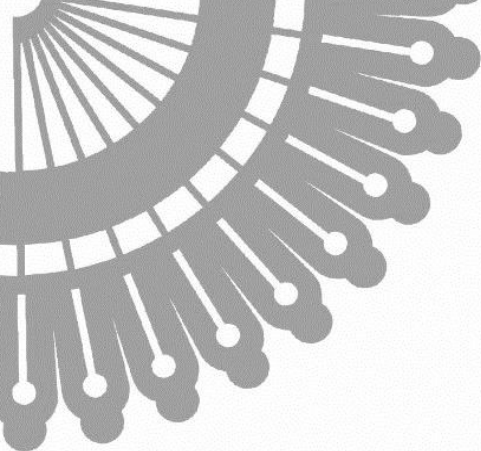
- Nhạc nền cho biểu diễn ca, múa, kịch, thời trang...
- Nhạc biểu diễn độc lập
- Sản phẩm multimedia minh họa
- Sản phẩm multimedia trình chiếu độc lập

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 2

1. Trần Ngọc Bích (dịch). (2006). *Ecrire un court metrage – Cách viết kịch bản phim ngắn*: Hội Điện ảnh Việt Nam và DIXIT/Cécile Fougea.
2. Lê Ngọc Canh. (2003). *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.
3. Lê Ngọc Canh. (2004). *Phương pháp kết cấu kịch bản múa*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.
4. Trần Yến Chi. (2010). *Nghệ thuật biên kịch Arthur Miller*: Sân khấu.
5. Cao Đức Hải, Nguyễn Khánh Ngọc. (2014). *Quản lý lễ hội và sự kiện*. Hà Nội: Lao động.
6. Trương Thị Huệ, Nguyễn Mạnh Quang (dịch). (2011). *The art of public speaking – Nghệ thuật nói chuyện trước công chúng*. Đại học Duy Tân: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Đỗ Hương. (2005). *Về nghệ thuật diễn xuất kịch hát truyền thống và kịch nói Việt Nam*: Sân khấu.
8. Nguyễn Văn Hy (dịch). (1988). *Tuyên truyền và cổ động trực quan*. Hà Nội: Văn hóa.

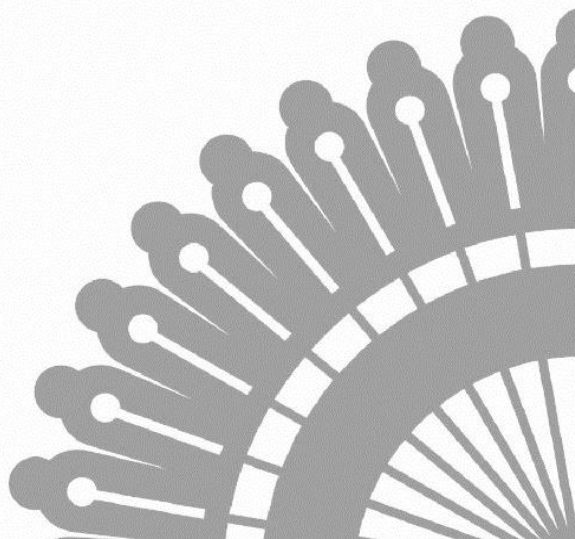
9. Nguyễn Thị Mỹ Liêm. (2008). *Hát dân ca*. Bộ VH, TT&DL – Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh: Âm nhạc.
10. Thu Linh, Đặng Văn Lung. (1984). *Lễ hội “truyền thống và hiện đại”*. Hà Nội: Văn hóa.
11. Nguyễn Diệu Linh (chủ biên) (2011). *Kỹ năng viết trong quan hệ công chúng*: Dân trí.
12. Nguyễn Lưu (biên soạn) (2007). *Lễ nghi thời hiện đại*: Văn hóa Dân tộc.
13. Dương Xuân Sơn. (2012). *Giáo trình Các thể loại báo chí chính luận – nghệ thuật*: Giáo dục Việt Nam.
14. Vũ Nho. (1999). *Nghệ thuật đọc diễn cảm*: Thanh niên.
15. Hồ Ngọc. (1973). *Nghệ thuật viết kịch*. Hà Nội: Văn hóa.
16. Trần Phúc Phong (biên soạn) (2002). *Đồng diễn thể dục*. Hà Nội: Thể dục Thể thao.
17. Trần Phiêu, Bùi thị Bích Vân (biên soạn) (2006). *Kịch bản sân khấu sinh hoạt*: Thanh niên.
18. Nguyễn Quân. (2006). *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*: Văn hóa – Thông tin.

19. Võ Phước Tấn (hiệu đính), Hà Tú Vân, Đỗ Thị Anh Hoa, Thái Châu Á. (2006). *Mỹ thuật trang phục: Lao động – Xã hội*.
20. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (chủ biên), Sử Ngọc Diệp. (2015). *Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội: Lao động – Xã hội*.
21. Bùi Ngọc Thắng. (2014). *Giá trị hành động không lời: Dân trí*.
22. Sâm Thương. (2011). *Viết kịch bản điện ảnh & truyền hình*. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa – Văn nghệ.



Chương 3

ĐẠO DIỄN CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT



3.1. Khái niệm và phương tiện đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật

3.1.1. Khái niệm đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật

Sách “Sân khấu và tôi” của Nguyễn Thị Minh Thái³⁹, trong bài “*Đối thoại với Nguyễn Đình Nghi về nghề đạo diễn*” tác giả đã có cuộc trao đổi sâu về nghề với Nguyễn Đình Nghi – một đạo diễn có khả năng thực hành khá lớn, đặc biệt yêu thích công việc dàn tập với diễn viên trên sàn gỗ, không lúc nào ngưng làm nghề và nghĩ về nghề, lại là một đạo diễn có khả năng tư duy lý luận một cách sâu sắc trong thực tiễn dàn dựng. Trả lời câu hỏi đạo diễn là gì? Thế nào là công việc của người đạo diễn của Nguyễn Thị Minh Thái, ông cho rằng: Theo cách hiểu của Đantrenkô nhà đạo diễn Nga Xô Viết xuất sắc “Đạo diễn là người giải thích tác phẩm, đạo diễn là tấm gương soi của diễn viên và đạo diễn là người tổ chức vở diễn”, còn theo riêng giải thích của ông thì “Đạo diễn = người giải thích tác phẩm, đạo diễn = bối số của tác phẩm, đạo diễn = giấc mơ của tác phẩm”. Theo đó: (1) Đạo diễn = người giải thích tác phẩm, nghĩa là người đạo diễn phải coi việc tìm ra tư tưởng tác phẩm là công việc hàng đầu. (2) Đạo diễn = bối số của tác phẩm, nghĩa là

³⁹ Nguyễn Thị Minh Thái. (1999). *Sân khấu và tôi*: Sân khấu. Tr. 76 – 93.

đạo diễn phải là người nhân tác phẩm lên thành bội số, và cao hơn nữa, đi đến chặng cuối là sự thăng hoa, giấc mơ về tác phẩm. Giấc mơ ấy phải nhuần thấm vào công việc dàn dựng của đạo diễn, vào diễn xuất của diễn viên, họ phải tạo cho được giấc mơ và khi đạt đến giấc mơ thì khoảng trời rộng danh cho các thủ pháp hiển nhiên sẽ là vô cùng. Lý giải xung quanh mối quan hệ biện chứng giữa vở diễn/đạo diễn và kịch bản/tác giả, Nguyễn Thị Minh Thái và Nguyễn Đình Nghi đều có sự tương đồng trong quan điểm, cho rằng: kịch bản của nhà viết kịch có một đời sống mãnh liệt trên trang giấy, còn vở kịch là “bội số và giấc mơ” của đạo diễn và diễn viên trên sân khấu. Để đạt được mục tiêu “giải thích, bội số, giấc mơ” đó, người đạo diễn phải bắt đầu từ việc tìm và hiểu kịch bản văn học một cách sâu sắc, nghiêm túc; bởi nó là cánh cửa đầu tiên dẫn tới vở diễn trong cả một chuỗi dài lao động nghệ thuật tiếp nối. Người đạo diễn phải hiểu, cắt nghĩa, giải thích sản phẩm theo ý riêng của mình, khi ấy tác phẩm văn học kịch (kịch bản) sẽ mang ánh sáng của riêng anh ta.

Theo Trần Minh Ngọc⁴⁰, đạo diễn là tác giả của vở diễn, là người chuyển từ kịch bản văn học thành vở diễn sân khấu. Người đạo diễn là người lý giải kịch bản bằng

⁴⁰ Trần Minh Ngọc. (1993). *Cơ sở lý luận và kỹ thuật đạo diễn sân khấu*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Nghệ thuật Sân khấu II. Tr. 41 – 43.

những hiểu biết nghề nghiệp của mình, bằng cách nói của mình, bằng những cảm xúc, những rung động thật sự của mình; chỉ huy, điều khiển cả một tập thể từ diễn viên, họa sĩ, nhạc sĩ... cho đến những người phục vụ hậu đài... cùng hướng vào một mục tiêu; sử dụng mọi khả năng kỹ thuật và nghệ thuật của tất cả mọi ngành, mọi khuynh hướng để tạo ra một chỉnh thể “vở diễn” theo ý mình. Đạo diễn là người tạo nên những quy luật logic tự nhiên của hành động nhân vật, người tổ chức không gian và thời gian diễn xuất, điều chỉnh các thái độ, bố cục các cấu trúc trang trí, âm thanh, ánh sáng, tạo ra ý nghĩa cho từng chi tiết của hành động kịch, từ những cấu trúc sẵn có như kịch bản, ngôn ngữ, từ những chất liệu có sẵn là các diễn viên (người biểu diễn) từ những nghệ thuật sẵn có như nhạc, họa, vũ đạo... Phương tiện sáng tạo của đạo diễn chính là ngôn ngữ của tác giả và tính cách, ngoại hình của diễn viên. Sáng tạo của đạo diễn hòa tan vào hình tượng của nhân vật mà anh ta đã xây dựng nên trong sự hài hòa của vở diễn. Đạo diễn là người làm công việc dàn cảnh, phản chiếu một kịch bản văn học vào thời gian, không gian (sân khấu) hoặc là thực hiện một tác phẩm trên sân khấu với một ý nhất quán về tác phẩm ấy, chịu trách nhiệm toàn bộ và kết quả cuối cùng của tác phẩm. Để dàn dựng một vở diễn sân khấu, người đạo diễn phải: (1) xác lập ý đồ đạo diễn, tức là nhìn thấy kịch

bản được thể hiện như thế nào trên sân khấu thông qua một đề án dựng vở; (2) thực hiện ý đồ đạo diễn, tức là quá trình dàn tập có tính chất sáng tạo với diễn viên và các cộng tác viên như họa sĩ, nhạc sĩ... để tạo ra một vở diễn.

Theo Trần Trí Trắc⁴¹, đạo diễn là người chỉ huy vở diễn, người xây dựng hình tượng nghệ thuật từ những dòng chữ trên trang giấy thành những con người sống động, chân thực “có da, có thịt”, có số phận trên sân khấu; là người tổ chức phối hợp các loại hình nghệ thuật, chỉ huy, điều khiển các thành viên sáng tạo vào một hướng cụ thể; là người chỉ đạo diễn xuất cho từng diễn viên để hình thành những hình tượng nhân vật độc đáo... Người đạo diễn không phải là người thợ minh họa những nội dung văn học thành hình hài ở sân khấu; mà cùng chung một nhân sinh quan, thế giới quan, thẩm mỹ quan, nghệ thuật quan với người tác giả; đồng thời còn phải là một nhà khoa học sân khấu với bộ óc thông minh, uyên bác để đưa tác phẩm văn học lên sân khấu thành những hình tượng đầy sáng tạo, hứng thú, hấp dẫn mà không trái với nội dung trong tác phẩm văn học. Người đạo diễn phải đem vốn sống của mình hòa vào vốn sống của nhà văn để tạo nên những hình tượng sống động trên sân

⁴¹ Trần Trí Trắc. (2014). *Đại cương nghệ thuật sân khấu*. Hà Nội: Lao động. Tr. 22 – 24.

khẩu. Không có vốn sống thực tế của đạo diễn, thì mọi hình tượng trên sân khấu sẽ nghèo nàn, khô cứng và mang tính minh họa “vốn sống” của nhà văn. Bên cạnh đó, đạo diễn cũng phải có sự am hiểu vốn sống của khán giả, chắt lọc và đưa vốn sống ấy vào hình tượng, để phù hợp, thu hút sự tiếp nhận, cảm thụ của khán giả.

Theo Lê Ngọc Canh⁴², nghệ thuật đạo diễn là khái niệm chung dùng để xác định những người làm nghề đạo diễn chuyên ngành như đạo diễn điện ảnh, đạo diễn sân khấu, đạo diễn múa... trong đó có đạo diễn chương trình nghệ thuật. Đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp phải thông thạo từng loại hình nghệ thuật; phải am hiểu về nghệ thuật biên kịch, nghệ thuật phân cảnh, nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật hành động, tuyến kịch, tuyến phát triển nhân vật;... nhất là phương pháp tư duy nghệ thuật, các thủ pháp kết cấu tác phẩm, cao trào, xung đột, mâu thuẫn, phát triển, giải quyết, những điển nhấn và thủ pháp mở, kết tác phẩm. Ngoài ra còn phải am hiểu kỹ thuật, kỹ xảo, âm thanh, ánh sáng, phim ảnh, màn hình và các cách xử lý tình huống, hội họa, mỹ thuật, tạo hình, trang phục, màu sắc, đạo cụ, tiếng động, cảnh trí... Người đạo diễn chương trình nghệ thuật phải nhất chuyên, đa năng, có thể là “thầy”,

⁴² Lê Ngọc Canh. (2003). *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin. Tr. 20 – 25, 39 – 41.

có thể là “trò” về một lĩnh vực nghệ thuật. Người đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp phải thực hiện hai chức năng nhiệm vụ trong một chương trình: vừa là người sáng tác, vừa là người đạo diễn (tương tự như biên đạo múa, là người biên soạn, sáng tác múa và đạo diễn múa là một). Nghề đạo diễn là nghề hướng dẫn, truyền đạt cho diễn viên kiến thức về cách thức, các phương pháp thể hiện, trình diễn các tác phẩm nghệ thuật. Nghĩa là, đạo diễn phải chỉ ra, phân tích cho diễn viên thấu hiểu nội dung, cấu trúc tính cách của từng loại tác phẩm, đồng thời phải gợi ý cho người thực hiện (diễn viên) về tình cảm, kỹ thuật, thủ pháp xử lý tác phẩm mà người diễn viên sẽ trình bày. Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp đòi hỏi người đạo diễn phải được trang bị kiến thức về nhiều lĩnh vực có liên quan như âm nhạc, múa, hát, kịch... bởi các loại hình ấy là thành tố của một chương trình nghệ thuật tổng hợp.

Quan niệm của các tác giả trên có những điểm tương đồng cơ bản: đạo diễn là người lý giải kịch bản theo một cách riêng của mình; người chỉ dẫn cho diễn viên biểu diễn; hướng dẫn cho các cộng tác viên cùng tham gia vào hoạt động sáng tạo tập thể theo một ý đồ thống nhất; tổ chức mọi hoạt động để tạo ra một vở diễn, chương trình nghệ thuật trên sân khấu để biểu diễn cho khán giả xem. Kế thừa từ các quan niệm trên, có thể đưa ra một khái

niệm về đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật như sau: **Đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật là người lý giải kịch bản và chỉ đạo, hướng dẫn toàn bộ công việc biểu diễn trong một chương trình văn hóa nghệ thuật, bằng nghệ thuật dàn cảnh sân khấu.**

Đạo diễn là danh xưng để chỉ một người làm công việc dàn dựng nghệ thuật; là người có năng lực phân tích, lý giải và xây dựng hình tượng nghệ thuật trong tiết mục, chương trình và chỉ rõ việc thể hiện hình tượng nghệ thuật đó trên sân khấu; hướng dẫn nhưng không áp đặt, mở ra tất cả những sáng tạo của diễn viên và tập thể văn nghệ sĩ cộng tác viên trong chương trình; có năng lực tổ chức toàn bộ hành động của một chương trình.

Từ khái niệm trên, có thể thấy vai trò, nhiệm vụ và các chức năng của đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật như sau:

(1) Vai trò của đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật:

Chuyển ngôn ngữ hành động kịch trong kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật thành ngôn ngữ hành động sân khấu để diễn viên biểu diễn trong sự sắp đặt, dàn cảnh của các yếu tố thuộc điều kiện thiết kế khác để hợp thành tác phẩm sân khấu – chương trình văn hóa nghệ thuật.

(2) Nhiệm vụ của đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật:

Xây dựng hình tượng nghệ thuật cho tiết mục, chương trình là nhiệm vụ tối cao, hàng đầu của người nghệ sĩ – đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật. Hình tượng nghệ thuật chính là thước đo giá trị - tài năng lao động của người nghệ sĩ. Quá trình tạo dựng nên các hình tượng nghệ thuật trong các chương trình chính là quá trình nghệ sĩ từ trí tuệ và cảm xúc, tình cảm của mình đi lựa chọn các công cụ, phương tiện vật chất kỹ thuật và các hình thái (đặc trưng ngôn ngữ) của các loại hình nghệ thuật khác nhau để tạo nên lớp vỏ vật chất mang tính hình thức bên ngoài, nhằm chuyển tải một nội dung, tư tưởng nào đó mà kịch bản quy định. Nói cách khác, người đạo diễn có nhiệm vụ chuyển tải nội dung tư tưởng đã được khẳng định trong kịch bản (hành động kịch), thành các hình trạng, cảnh tượng được diễn viên biểu diễn sinh động trên sân khấu để khán giả xem (hành động sân khấu), bằng các thủ pháp nghệ thuật dàn cảnh.

Nghệ thuật dàn cảnh là hoạt động tư duy bằng những hình tượng tạo hình được chuyển tải thông qua diễn xuất của diễn viên cùng với các điều kiện thiết kế của sân khấu khi đạo diễn đã thấy rõ toàn bộ hành động kịch trong kịch bản. Ngôn ngữ dàn cảnh thể hiện cuộc

sống trên sân khấu một cách hình tượng và nhiệm vụ này chỉ có thể được thực hiện thông qua sự tổng hợp toàn bộ các phương tiện nghệ thuật và sức mạnh đặc thù của sân khấu. Dàn cảnh là phương tiện để bày tỏ tư tưởng – tình cảm, bày tỏ ý đồ nghệ thuật của người đạo diễn. Ngôn ngữ dàn cảnh là phương tiện giải quyết hàng loạt nhiệm vụ như: khám phá hành động quán xuyên, hoàn thiện hành động diễn viên, tìm kiếm hành động hình thể của nhân vật và cuối cùng là không khí vở diễn mà trong đó hành động diễn ra. Tất cả những nhiệm vụ này diễn ra cùng một lúc do ngôn ngữ dàn cảnh tạo nên và chính chúng tạo nên ngôn ngữ dàn cảnh. Tóm lại, có thể hình dung dàn cảnh là sự “sắp đặt” diễn viên trên sân khấu trong mối quan hệ cụ thể giữa họ với nhau và với cảnh trí, đạo cụ, âm thanh, ánh sáng... tại một thời điểm nhất định. Sự tương tác giữa những người biểu diễn với nhau, với công chúng khán giả và với các điều kiện thiết kế sân khấu tạo nên những cảnh diễn sống động, hấp dẫn của một cuộc sống thật sự sinh động trên sân khấu.

Đạo diễn là người có nhiệm vụ tạo ra những hình tượng nghệ thuật sân khấu trong các chương trình văn hóa nghệ thuật bằng nghệ thuật dàn cảnh; để hấp dẫn người xem, giúp họ tìm được những khoái cảm thẩm mỹ, thông qua sự liên tưởng, tưởng tượng của chính mình; từ đó mà có sự biến đổi trong nhận thức, tình cảm, hành vi

theo những chiều hướng tích cực, nhân văn hơn.

(3) Chức năng của đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật:

- Lý giải kịch bản: là quá trình mà người đạo diễn đọc và phân tích kịch bản để hoàn thiện kịch bản trên hai phương diện cơ bản; thứ nhất là về mặt nội dung sao cho đảm bảo tính logic rõ ràng, tính tư tưởng chặt chẽ, tính mục đích cụ thể; thứ hai là về mặt hình thức phải suy nghĩ và tìm ra được các hình thức và cách thức để chuyển tải nội dung đó sao cho đẹp, hay và hấp dẫn. Cùng một nội dung có thể sẽ có nhiều cách lý giải hành động sân khấu khác nhau giữa những người dàn dựng, đó cũng chính là cái tôi cá nhân trong sáng tạo nghệ thuật của mỗi người nghệ sĩ, để từ đó hình thành nên những phong cách nghệ thuật khác nhau góp phần làm đa dạng hóa các chương trình văn hóa nghệ thuật trong thực tế.

- Hướng dẫn diễn xuất: Diễn xuất của diễn viên trong một tiết mục hay của các nhân vật trong một chương trình là vấn đề quan tâm hàng đầu của quá trình sáng tạo một tác phẩm sân khấu, bởi lẽ không có một tiết mục hay một chương trình nào diễn ra trên sân khấu mà không có sự biểu diễn của diễn viên, nếu ở đó không diễn ra những vấn đề (hành động nào đó) mà con người

đang mong muốn quan tâm và thể hiện mối quan tâm đó của mình thì nghệ thuật sân khấu không còn bản chất của nó – nghệ thuật hành động (diễn) của diễn viên. Trong chương trình văn hóa nghệ thuật, yếu tố diễn xuất không chỉ thuần túy là nghệ thuật dành riêng cho một đối tượng diễn viên – nghệ sĩ; mà nó còn thể hiện trong hành động của nhiều thành phần, đối tượng khác như: đại biểu, khách mời, giám khảo, huấn luyện viên, quần chúng nhân dân... Những con người này, khi tham gia một vai trò nào đó trong chương trình trên sân khấu, thì đều cần phải “đẹp”; do vậy, phải tuân thủ theo quy luật tạo hình của cái đẹp. Một đại biểu phát biểu, khách mời giao lưu, người tham gia trả lời phỏng vấn... tất cả đều phải được “sắp đặt”, “kiểm soát” như: xuất hiện như thế nào, làm gì và làm ra sao để thực hiện tốt một vai trò nào đó theo yêu cầu nội dung kịch bản, đồng thời phải biểu diễn cho hay, cho đẹp từ các chi tiết đi, đứng hay ngồi, trang phục, đạo cụ, ngữ điệu khi nói, phong thái khi trình bày,... tất cả đều phải được biểu diễn (hành động sân khấu) và đặt dưới sự chỉ huy chung, nhất quán của người đạo diễn.

- Tổ chức hành động: Vở diễn, bộ phim hay chương trình văn hóa nghệ thuật đều là một chỉnh thể thống nhất. Đánh giá sự thành công của một chương trình văn hóa nghệ thuật là đánh giá sức lao động tổng hợp của

cả một tập thể những người sáng tạo. Đạo diễn là nghệ tổng hợp, phải lao động cùng với một tập thể những người sáng tác, dàn dựng, kỹ thuật, biểu diễn và quần chúng cho nên muốn hay không muốn anh ta cũng phải có năng lực của một nhà tổ chức. Có một tư duy khoa học tổ chức tốt thể hiện qua sự huy động, nối kết và phân nhiệm rõ ràng, hiệu quả cho từng người, từng bộ phận và khơi gợi nên trong họ khả năng sáng tạo, tinh thần tập thể và tính kỷ luật cao để cùng nhau tạo dựng nên một chương trình, tác phẩm hoàn mỹ. Một hành động sân khấu đôi khi chỉ là một, hai hay ba giây ngắn ngủi nhưng đó là những khoảnh khắc tập trung cao độ của diễn viên, âm nhạc, ánh sáng, đạo cụ, phim ảnh, quần chúng... nếu tất cả các bộ phận này độc lập sáng tạo với nhau mà không hướng đích theo chỉ dẫn, điều khiển chung của người đạo diễn thì tất sẽ khó có được những khoảnh khắc hành động sân khấu đẹp, ấn tượng và đỉnh cao. Hơn thế nữa, nếu không có vai trò tổng chỉ huy thống nhất của người đạo diễn, mà từng bộ phận công việc phát triển độc lập, riêng biệt, tách rời với nhau thì tác phẩm đó, chương trình đó không thể nào trở thành một tổ hợp đúc khối, một chỉnh thể đa dạng mà thống nhất định hướng tư tưởng chủ đề – đặc tính quan trọng, tất yếu để tạo nên tác phẩm nghệ thuật sân khấu nói chung trong đó có chương trình văn hóa nghệ thuật.

Người đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật có vai trò, nhiệm vụ, chức năng hết sức quan trọng trong việc tạo dựng nên những hình ảnh khác biệt, đặc trưng, mang giá trị nội dung và tính thẩm mỹ nghệ thuật cao cho mỗi chương trình văn hóa nghệ thuật. Đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật là người chỉ huy và hướng dẫn tất cả mọi hoạt động trong một chương trình dưới góc nhìn thẩm mỹ - nghệ thuật. Đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật là người: lý giải kịch bản, chỉ huy và hướng dẫn tất cả công việc biểu diễn, người khán giả đầu tiên, người tổng chỉ huy cho một cuộc trình diễn sân khấu.

3.1.2. Phương tiện đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật

a. Phương tiện nghệ thuật

(1) Nhóm nghệ thuật biểu diễn: gồm những loại hình nghệ thuật chủ yếu sử dụng những thao tác nghệ thuật bằng phương thức trình diễn (âm nhạc, vũ đạo, sân khấu, biểu diễn thời trang, xiếc – ảo thuật...)

Chất liệu: âm thanh, động tác, làn điệu, tình tiết, ngôn ngữ.

- Thành tố âm nhạc thể hiện trong chương trình văn hóa nghệ thuật qua: các tiết mục biểu diễn khí nhạc,

thanh nhạc; làm nhạc nền, nhạc nổi, nhạc chờ trong cả chương trình.

- Thành tố sân khấu thể hiện trong chương trình văn hóa nghệ thuật qua: các tiết mục biểu diễn kịch nói, kịch hát, kịch hình thể dưới hình thức là các hoạt cảnh, tiểu phẩm, trích đoạn, chặp diễn ngắn; trong diễn xuất của diễn viên...

- Thành tố vũ đạo, múa thể hiện trong chương trình văn hóa nghệ thuật qua: các tiết mục biểu diễn múa phụ họa, minh họa, độc lập; trong tạo hình, đội hình của diễn viên...

(2) Nhóm nghệ thuật tạo hình: gồm những loại hình nghệ thuật chủ yếu sử dụng thao tác kỹ thuật bằng phương thức thể hiện (mỹ thuật, thiết kế thời trang, tạo hình...)

Chất liệu: các loại vật liệu, màu sắc, đường nét, hình khối.

Thành tố mỹ thuật thể hiện trong chương trình văn hóa nghệ thuật qua: thiết kế sân khấu, cảnh trí, phục trang, đạo cụ, hóa trang, trang điểm, ánh sáng...

(3) Nhóm nghệ thuật ngôn từ: gồm những loại hình văn chương chủ yếu sử dụng ngôn ngữ nói và chữ viết để thể hiện (văn vần, văn xuôi...)

Chất liệu: chữ viết, lời nói.

Thành tố nghệ thuật ngôn từ thể hiện trong chương trình văn hóa nghệ thuật qua: kịch bản, lời thuyết minh, lời bình, lời dẫn chương trình...

Mối quan hệ giữa nghệ thuật biểu diễn và không biểu diễn: có những loại hình nghệ thuật chứa đựng trong đó cả hai yếu tố biểu diễn và không biểu diễn. Tuy nhiên nghệ thuật biểu diễn thể hiện tính chính thể nguyên hợp hơn nghệ thuật không biểu diễn.

Ví dụ:

- Dân ca: lời ca chính là yếu tố nghệ thuật không biểu diễn còn hát dân ca là nghệ thuật biểu diễn. Nhưng ta luôn xem xét dân ca ở tư cách là một thể loại của loại hình nghệ thuật âm nhạc bởi muốn hiểu giá trị của lời ca thì phải tìm hiểu nó trong âm nhạc.

- Kịch nói: là một thể loại của sân khấu chứa đựng trong mình cả nghệ thuật biểu diễn (thông qua diễn xuất của diễn viên, âm nhạc, múa) và cả nghệ thuật không biểu diễn (kịch bản, cảnh trí, phục trang, đạo cụ...). Như vậy, khi ta xem kịch thì đương nhiên được xem cả các nghệ thuật không biểu diễn hiện diện như là những yếu tố góp phần làm hoàn chỉnh cho một tác phẩm nghệ thuật sân khấu.

- Thời trang: nếu chỉ xem thiết kế – kiểu mẫu trang phục thì chúng chỉ hiểu nó ở góc độ nghệ thuật không

biểu diễn, còn ta xem biểu diễn thời trang tức là ta đã xem thời trang đó với hai góc độ thiết kế – tạo mẫu và biểu diễn của người mẫu.

b. Phương tiện kỹ thuật

(1) Kỹ thuật âm thanh

Âm thanh sân khấu có hai dạng cơ bản: dàn âm thanh sân khấu trong nhà và dàn âm thanh sân khấu ngoài trời.

Dàn âm thanh sân khấu trong nhà

Đặc điểm của hệ thống âm thanh sân khấu trong nhà là ngoài việc phục vụ cho biểu diễn, sự kiện thì nó còn có thể thực hiện các chức năng khác như họp hành, hội thảo hoặc mục đích khác. Chính vì thế nên dàn âm thanh sân khấu trong nhà có những đặc điểm như:

- Có hệ thống loa vệ tinh đi kèm. Việc trang bị loa vệ tinh giúp tiếng treble của hệ thống âm thanh được đầy đủ hơn. Số lượng loa vệ tinh này phụ thuộc vào diện tích từng phòng, công suất của chúng nằm trong khoảng từ 40W đến 60W.

- Hệ thống âm thanh sân khấu trong nhà được trang bị các micro cổ ngỗng để phục vụ hội họp.

- Đặc trưng của hội trường là không gian rộng, rất dễ tạo tiếng vang nên các thiết bị xử lý tạo vang trong

dàn âm thanh sân khấu trong nhà không quá quan trọng.

Dàn âm thanh sân khấu ngoài trời

Đặc điểm chính của hệ thống âm thanh này là sự chú trọng về các thiết bị xử lý tạo vang. Theo lý thuyết, sóng âm truyền thẳng, trong môi trường ngoài trời, khi không có vật cản, cường độ của sóng âm sẽ giảm dần tạo nên những hiệu ứng âm thanh kém. Do đó, tầm quan trọng của các thiết bị xử lý tạo vang là không thể xem nhẹ. Các đặc điểm của dàn âm thanh sân khấu ngoài trời là:

- Sử dụng hệ thống loa công suất lớn: Các loại loa như loa toàn dải, loa siêu trầm, loa kiểm tra,... là những loại loa thông dụng thường thấy trong hệ thống này.

- Các thiết bị xử lý âm thanh cần được đầu tư thích đáng.

Những lưu ý trước khi lựa chọn một dàn âm thanh sân khấu

- Loa: Đối với hệ thống âm thanh sân khấu, ta nên lựa chọn loại loa bass âm – bass dương với công suất và cách lắp đặt phù hợp với cấu trúc sân khấu. Chú ý sắp xếp loa sao cho âm thanh tỏa đi được đều đặn các hướng.

- Cục đẩy công suất hay ampli: Cục đẩy công suất là một thiết bị khuếch đại các tần số, nhằm tạo sự vững

mạnh cho tất cả các dải tần của loa. Tuy nhiên nếu bạn lựa chọn ampli thì có thể không cần sử dụng cục đẩy công suất nữa.

- Mixer: Mixer là một thiết bị hiệu chỉnh tín hiệu đầu vào (ví dụ như các tần số sóng âm hay các dải tần), làm cho hệ thống âm thanh của bạn trở nên mới mẻ hơn. Có nhiều loại mixer khác nhau phục vụ được nhiều tính năng khác nhau do đó chúng ta cần cân nhắc những lựa chọn sao cho phù hợp.

- Bộ xử lý tín hiệu: Hãy sử dụng những bộ xử lý tín hiệu như Crossover, Equalizer hay một số thiết bị tạo vang khác để dàn âm thanh có sự tự nhiên nhiều hơn nữa, hay hơn và thuyết phục người nghe hơn.

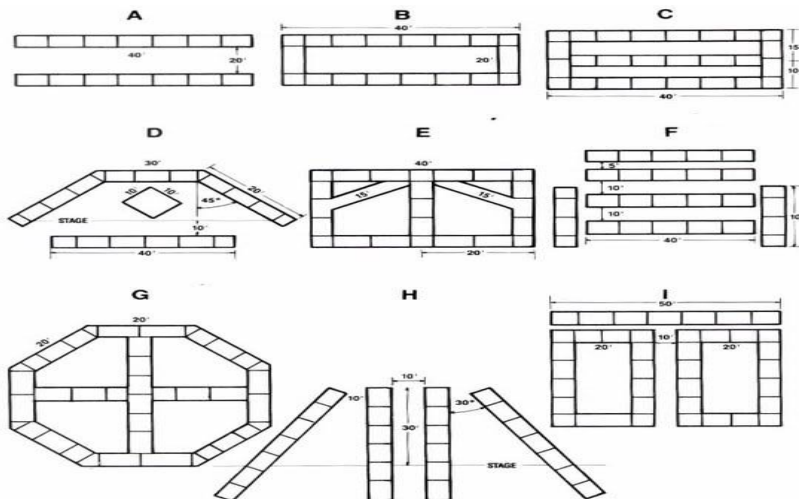
- Micro không dây, micro cổ ngỗng và các thiết bị phụ kiện âm thanh khác: dây loa, dây tín hiệu, jack các loại,...

(2) Kỹ thuật ánh sáng

Trước hết phải định hình kích thước, hình dáng và chiều cao của từng loại sân khấu. Ở đây ta đang nói về sân khấu ca nhạc đơn giản. Kế tiếp, phải nắm được những vị trí có thể treo đèn được. Nếu ở trong hội trường, nhà hát bạn phải tìm kiếm những vị trí có thể đặt, treo đèn được. Còn nếu ở ngoài trời, bắt buộc phải có một giàn khung để treo đèn. Giàn khung này, ở nước ngoài làm bằng nhôm duralum nhưng ở Việt Nam vì lý do kinh tế,

thường làm bằng ống sắt hàn lại, cũng tạm sử dụng được.

Sau đây là vài demo về giàn khung treo đèn, tùy các bạn sáng tạo.



Phần chính yếu trong thiết kế ánh sáng sân khấu là thiết bị ánh sáng.

Số lượng thiết bị tối thiểu cho một sân khấu ngoài trời với diện tích 15.0m x 10.0m bao gồm như sau:

- Đèn Par 64: 80 cái
- Đèn Scanner 575W trở lên: 08 cái
- Đèn Movie head: 08 cái
- Đèn Effect (kỹ xảo): một số cái
- Máy tạo khói trên 2000W: 1 đến 2 cái

- Bộ điều khiển ánh sáng (lighting controller system) phù hợp với những thiết bị trên

Cách sắp đặt các thiết bị trên sân khấu:

- Giàn mặt tiền: lắp khoảng 16 đèn Par 64 mỗi bên, có thể treo bằng trụ đứng hay giàn giáo xây dựng

- Giàn đầu: 2 giàn, mỗi giàn khoảng 8 đèn Par 64

- Giàn hậu: khoảng 16 đèn Par 64

- Giàn cánh gà: 2 giàn, 2 bên, mỗi giàn khoảng 8 đèn Par 64

- Đèn Scanner: treo trên giàn khung, 2 cái ở khung hậu, 4 cái ở khung bên, 2 cái ở trụ đứng trước

- Đèn Movie head: thường đặt trên sân khấu, 4 cái trên bục ban nhạc, 4 cái đặt ngang mặt tiền sân khấu, có thể treo lên khung nhưng phải treo ngược thẳng đứng, không được treo ngang (có thể làm gãy trục Pan của đèn)

- Đèn giữa chiều phong sân khấu: có thể dùng đèn mặt trời đôi, hoặc lấy Centre-piece đánh thẳng vào phong sân khấu.

- Có thể thêm một số đèn Flood để đổi màu phong sân khấu

- Các loại đèn khác, lắp đặt thêm theo dụng ý

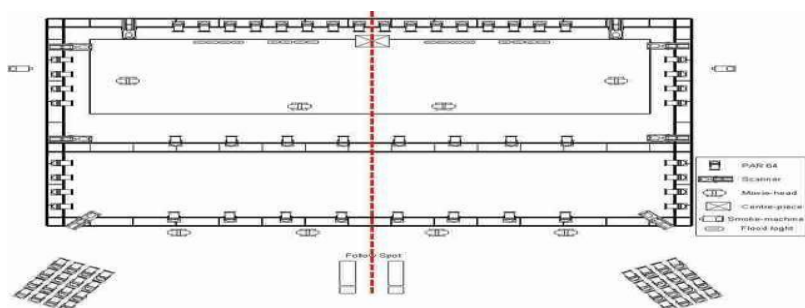
- Hai máy khói, nếu sân khấu trong nhà thì đặt ở

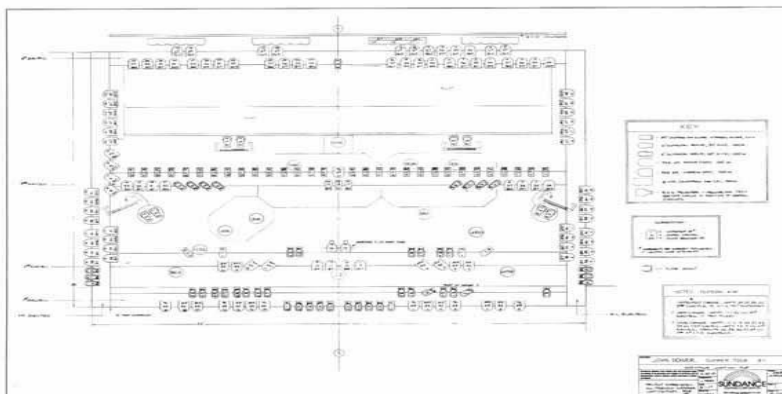
hai bên cánh gà sân khấu, nếu sân khấu ngoài trời thì đặt 2 cái cùng một bên, xuôi theo chiều gió

- Một hoặc hai đèn chiếu đuổi (Follow spot) 1200W ở phía sau lưng khán giả, hướng về sân khấu.

Nguyên tắc cơ bản: chia sân khấu ra làm hai theo một đường thẳng chiều dọc. Khi bạn đặt ở một bên cây đèn loại nào, thì đối xứng bên kia qua đường phân chia, bạn phải đặt một cây đèn giống như vậy. Khi lẻ một hay chỉ có một cây bạn nên đặt ở giữa. Ngay cả khi gắn màu, những cây đối xứng, màu cũng phải giống nhau. Tất cả Scanner hay Movie-head ở một bên phải được cài đặt. Pan trái ngược với ở bên kia, để khi điều khiển Pan của 2 cây nằm một hàng ngang cùng lúc, nó sẽ pan đối xứng, không pan cùng chiều.

Sau đây là thiết kế minh họa sân khấu trên và một design nước ngoài:





(Theo <http://soundlightingvn.wordpress.com>)

(3) Kỹ thuật đa phương tiện

Bản thân chương trình văn hóa nghệ thuật là một sản phẩm đa phương tiện từ nghe, nhìn, chơi... nhằm truyền đạt, cung cấp thông tin nào đó tới công chúng; đồng thời, trong chương trình văn hóa nghệ thuật cũng sử dụng các sản phẩm đa phương tiện như các video clip, phim, các tiết mục nghệ thuật... với tư cách là các phương tiện nghệ thuật để dàn dựng chương trình.

Đạo diễn cần hiểu biết các dạng sản phẩm đa phương tiện phổ biến, đặc biệt là biết dùng các sản phẩm này vào công tác dàn dựng nhằm tăng hiệu quả cho chương trình.

Sử dụng các sản phẩm đa phương tiện cần lưu ý về nội dung, hình thức, tiết tấu của chúng khi lắp ghép

hay minh họa cho tiết mục hoặc chương trình; mỗi sản phẩm có thể là một tiết mục độc lập hoặc là một yếu tố trong tiết mục, cần lý giải được tính hợp lý, tính hiệu quả và tăng cường hiệu quả của chúng đối với tiết mục hay chương trình.

Quy trình kỹ thuật: xác lập các tiết mục cần sử dụng sản phẩm đa phương tiện; biên tập nội dung các tiết mục trong sự thống nhất với nội dung toàn chương trình; biên tập (lựa chọn) hình ảnh tĩnh và hình ảnh động; biên tập (và đọc) lời bình, lời thuyết minh, lời thoại...; dựng các sản phẩm.

Xem, kiểm duyệt sản phẩm, lắp ghép sản phẩm vào tiết mục, vào chương trình; điều chỉnh nếu cần thiết và chạy kỹ thuật để tạo sự nhuần nhuyễn liền mạch trong từng tiết mục và tổng thể chương trình.

Lưu ý, bản thân sản phẩm đa phương tiện đã là một tác phẩm nghệ thuật, khi lắp ghép vào chương trình cần chú ý tính hài hòa, hợp lý, liền mạch và thẩm mỹ của chúng nhằm tăng hiệu quả thẩm mỹ trong tổng thể chương trình; tránh sự đứt đoạn, biệt lập và không liền mạch khi sử dụng sản phẩm đa phương tiện trong mối quan hệ với các thành tố khác trong tổng thể chương trình.

(4) Kỹ thuật sân khấu

Sân khấu là trung tâm biểu diễn của chương trình. Người đạo diễn có thể không trực tiếp thiết kế (trang trí,

bày trí) sân khấu. Nhưng, là người đưa ra ý tưởng, yêu cầu và gợi ý cho những người thiết kế, thi công sân khấu thực hiện sáng tạo và thực hiện các sân khấu theo ý đồ dàn dựng của mình.

Ý tưởng về thiết kế sân khấu, xuất phát từ khi đạo diễn làm việc với kịch bản, vì sân khấu các chương trình văn hóa nghệ thuật không chỉ là một địa điểm biểu diễn mà còn là một không gian nghệ thuật của mỗi chương trình. Thông qua nghệ thuật tạo hình, thiết kế sân khấu cùng góp phần tạo ra hiệu quả lý giải kịch bản của đạo diễn với công chúng.

Một số vấn đề về kỹ thuật sân khấu mà người đạo diễn phải nắm vững khi dàn dựng:

Hệ thống hóa không gian chương trình văn hóa nghệ thuật theo mô hình các vòng tròn đồng tâm, trong đó:

- Tâm vòng tròn: sân khấu chính (lễ đài)
- Vòng 1: khu vực khán giả
- Vòng 2: khu vực phục vụ (không thu phí)
- Vòng 3: khu vực dịch vụ (có thu phí, giá)
- Vòng 4: khu vực cổng chào

Những vấn đề kỹ thuật sân khấu đối với các khu vực trên:

Địa điểm và địa hình

- Lựa chọn địa điểm: dựa vào yêu cầu kịch bản, kinh phí, đặc điểm khách hàng.

- Phân tích địa điểm: vì sao chọn địa điểm này, ưu điểm, hạn chế, phương án khác.

- Khai thác địa hình: điều tiết kịch bản theo địa hình và cải tạo địa hình theo kịch bản.

Khu vực sân khấu = trung tâm

- Tạo hình sân khấu, đạo cụ

- Tầng, tầm, diện

- Phong: câu chữ, hình ảnh, màu sắc, chất liệu

- Cánh gà, màn, lối di chuyển, hậu đài

- Âm thanh: diện tích, số lượng, trong nhà – ngoài trời, có biểu diễn nghệ thuật không.

- Ánh sáng: ngày – đêm, trong nhà – ngoài trời.

- Màn hình: Led, máy chiếu

- Nguồn điện, thiết bị điện

Khu vực khán giả = vòng 1

- Khu đại biểu, khách mời, khán giả, phục vụ

- Khu kỹ thuật, hậu cần

- Lối ra vào, thoát hiểm

- Cách âm, cách nhiệt, cách quang
- Phương tiện kỹ thuật
- Vệ sinh
- Trật tự
- Nguồn điện, nguồn nước
- Bàn trí khán phòng

Khu vực phục vụ = vòng 2

- Lễ tân
- Nhà vệ sinh
- Nhà chờ
- Nhà phục vụ theo nhu cầu
- An ninh, trật tự, vệ sinh, y tế, cứu hỏa
- Khu vực báo đài, truyền thông
- Khu vực Ban tổ chức, thông tin liên lạc

Khu vực dịch vụ = vòng 3

- Trưng bày, triển lãm
- Gian hàng, quầy
- Cẩn tin
- Các hoạt động tụ họp nhóm

- Chụp ảnh, quay phim
- Giới thiệu, quảng cáo
- Di chuyển
- Dịch vụ khác

Khu vực trực quan = vòng 4

- Cổng chào, cổng vào
- Cờ, băng rôn
- Panô, áp phích, tờ rơi
- Bãi đậu xe
- Khu hoạt động hưởng ứng
- An ninh, trật tự
- Tạo hình: màu sắc, hình khối, đường nét
- Nội dung: câu chữ, hình ảnh tĩnh – động

Dựa trên các phương tiện – công cụ dàn dựng chương trình và khái niệm đạo diễn như đã phân tích ở trên, có thể đưa ra quy trình cơ bản của hoạt động dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật bao gồm các công việc sau: (1) xác lập ý đồ đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật; (2) làm việc với tập thể những người sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật; (3) thực hiện ý đồ đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật.

3.2. Xác lập ý đồ đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật

Theo Trần Minh Ngọc⁴³, ý đồ đạo diễn là:

- Một nhiệm vụ sáng tạo, ý định nghệ thuật, những dự định chưa thực hiện mà người đạo diễn tự đặt cho mình như cái “đích” nghệ thuật phải thực hiện trong vở diễn tương lai của mình.

- Cách đạo diễn xử lý và kiến giải tư tưởng của vở diễn, là sự thống nhất biện chứng giữa những dự định sáng tạo về nội dung và hình thức của vở diễn, là cách đạo diễn hình dung sự tiến triển của vở diễn.

- Cách hình tượng hóa những cảm xúc nghệ thuật được đạo diễn sáng tạo thông qua diễn xuất của diễn viên và các xử lý đạo diễn khác như xử lý các tính toán, xử lý không gian, thời gian, lời kịch...

- Cách đạo diễn trình bày những quan điểm nghệ thuật của mình thông qua dàn cảnh (mise en scène) thông qua các xử lý về phong cách thể loại của nghệ thuật diễn, trang trí, âm nhạc, và các phương tiện kỹ thuật khác.

- Mise en scène (Midăngxen) là phương tiện để người đạo diễn thực hiện ý đồ sáng tạo, những ý định

⁴³ Trần Minh Ngọc. (1993). *Cơ sở lý luận và kỹ thuật đạo diễn sân khấu*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Nghệ thuật Sân khấu II. Tr. 85, 86.

nghệ thuật, những hình dung của mình về vở diễn.

Ý đồ đạo diễn bắt nguồn cảm hứng từ kịch bản (khác với ý đồ tác giả bắt nguồn cảm hứng từ cuộc sống của bản thân và đời sống xã hội). Đối với chương trình văn hóa nghệ thuật, quá trình viết kịch bản, tác giả cũng đã liên tưởng, gợi ý dàn cảnh trong tiết mục, giữa các tiết mục và tổng thể chương trình (người viết kịch bản đã thấy được hành động sân khấu trong khi viết kịch bản); cho nên, người viết kịch bản đồng thời là người dàn dựng luôn sẽ có những thuận lợi nhất định. Tuy nhiên, cũng có những kịch bản, tác giả chủ yếu chỉ xác lập nội dung và gợi ý hình thức thể hiện, không đi vào mô tả gợi ý dàn cảnh sân khấu (vì cũng không phải là nhiệm vụ quy định bắt buộc đối với người viết kịch bản). Mặt khác, quá trình liên tưởng và những gợi ý dàn cảnh trong quá trình viết cũng chưa phải là ý đồ dàn cảnh hoàn chỉnh, vì sáng tạo dàn cảnh sân khấu còn phải tùy thuộc nhiều vào điều kiện thiết kế thực tế và sự lý giải kịch bản của người đạo diễn cũng không phải lúc nào cũng tương đồng với cách gợi ý dàn cảnh của tác giả. Cho nên, dù đạo diễn là người viết kịch bản hay không phải là người viết kịch bản thì quá trình trước khi bắt đầu vào dàn dựng, yêu cầu anh ta phải xác định được một cách rõ ràng trong đầu mình những ý đồ dàn cảnh cụ thể và mang tính khả thi. Không thể bước vào dàn dựng khi trong đầu người đạo

diễn chưa xác định chắc chắn được các điều kiện thiết kế, chưa biết mình sẽ phải làm gì, làm ra sao để xử lý và kiến giải tư tưởng của chương trình.

Để hình thành một ý đồ đạo diễn, thông thường người đạo diễn phải trải qua một quá trình từ việc đọc kịch bản, chọn lọc kịch bản, phân tích kịch bản, xác định hình thức thể loại và định hình phong cách chương trình trong tương lai. Quá trình thực hiện các công việc này có thể quy vào hai loại hoạt động của đạo diễn là: đạo diễn làm việc với kịch bản và đạo diễn hình thành ý đồ dàn dựng (viết thành kịch bản dàn dựng).

3.2.1. Làm việc với kịch bản

(1) Đọc kịch bản: là quá trình đọc tác phẩm văn học với mục đích vừa nghiên cứu, vừa sáng tạo. Quá trình đọc kịch bản có thể diễn ra nhiều lần, kịch bản có thể để lại những ấn tượng hoặc không tạo được ấn tượng với đạo diễn sau khi đọc, mức độ những ấn tượng của kịch bản có thể mạnh hay nhẹ khác nhau, những ấn tượng mạnh mẽ về kịch bản sẽ tạo nên sự hứng thú, hình thành nên hạt nhân cảm xúc tích cực cho sự sáng tạo của đạo diễn.

Những vấn đề cần làm rõ khi đọc kịch bản:

- Đọc để hiểu thấu nội dung, khai thác những tầng sâu ý nghĩa, những giá trị văn hóa của một kịch bản

chương trình.

- Đọc để hiểu được những ẩn ý trong các gợi ý dàn dựng, các thủ pháp nghệ thuật ngôn từ (so sánh, ẩn dụ, khoa trương, phóng đại...) mà người viết sử dụng trong kịch bản.

- Đọc để tưởng tượng, hình dung một cách rõ ràng về những hành động, hệ thống hành động diễn ra trong từng tiết mục, chương, phần và cả chương trình.

- Có thể, chỉ trong một lần đọc, người đạo diễn đã hình dung được tổng quát về chương trình với sự đồng hiện cùng lúc rất nhiều chi tiết về dàn dựng, tạo nên ấn tượng cho chương trình tương lai. Cũng có thể, quá trình hình dung ra ý đồ đạo diễn chương trình phải trải qua một thời gian đọc, nghiên cứu kịch bản nhiều lần.

(2) Chọn kịch bản: Sau khi đọc kịch bản, người đạo diễn đi tới quyết định có chọn kịch bản đó hay không. Quyết định chọn kịch bản của người đạo diễn mang ý chí chủ quan của chính người đạo diễn đó, trên cơ sở trí tuệ, tình cảm, vốn sống của bản thân mỗi người đạo diễn và trong sự “cảm thấy” kịch bản đó có “hay” hay không. Có thể dựa trên một số chuẩn nghệ thuật sau đây làm cơ sở chọn lựa kịch bản:

- Đề tài và chủ đề của chương trình có mới lạ, độc đáo, hấp dẫn không

- Bố cục nội dung có hợp lý, logic, chặt chẽ không
- Hình thức có đa dạng, sinh động, mới lạ không
- Nội dung và hình thức có phù hợp với tính chất thể loại chương trình không
- Các nhân vật có gì đặc biệt, ấn tượng không
- Văn phong tác giả có phù hợp không
- Có những chi tiết, vấn đề về nghệ thuật thú vị không
- Thể loại có phù hợp với tính chất, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của hoạt động văn hóa nghệ thuật (trong một thiết chế văn hóa) hay không
- Có nhiều khả năng thực hiện được hay không: cần phải xem xét tính khả thi có dựng được hay không trên cơ sở dựa vào nhiều khía cạnh như về nghệ thuật (trình độ, năng lực của diễn viên và những người đồng sáng tạo), về kỹ thuật (cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dùng...), về tài chính.
- Khả năng đóng góp (sáng tạo) của mình vào sự thành công của chương trình.

(3) Phân tích kịch bản: Phân tích kịch bản nhằm mục đích là để dàn dựng chương trình; để phát huy tưởng tượng từ những câu chữ viết trên trang giấy thành những hành động sống động trên sân khấu; để dẫn dắt, đưa diễn viên đi theo quỹ đạo sáng tạo của mình; bằng

những rung cảm nghệ thuật (cảm xúc quan trọng hơn cả lý trí). Phân tích kịch bản cần chú trọng vào một số vấn đề sau:

- Đề tài và chủ đề chương trình
- Chủ đề này được khắc họa, khẳng định, làm rõ qua những nội dung gì
 - Bố cục nội dung được xây dựng theo kiểu cấu trúc nào
 - Mỗi nội dung thể hiện qua bao nhiêu tiết mục
 - Đặc điểm của mỗi tiết mục (tên, nội dung, hình thức, thời lượng, tiết tấu)
- Tiết mục “đỉnh” của chương trình là những tiết mục nào
 - Kết nối giữa các tiết mục ra sao
 - Tiết mục nào sâu sắc, cải biên và sáng tác mới
 - Có những loại hình, thể loại nghệ thuật nào tham gia vào chương trình
- Tuyển phát triển chương trình
- Thời lượng chương trình
- Lực lượng tham gia sáng tác, dàn dựng, biểu diễn chương trình
- Quy mô kịch bản

(4) Xác định hình thức thể loại chương trình: Hình thức thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật gắn liền với tính chất – yêu cầu của mỗi loại chương trình văn hóa nghệ thuật khác nhau. Hình thức thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật thường được xác định trong quá trình viết kịch bản của người tác giả. Song, quá trình đạo diễn dàn dựng cũng cần khẳng định, nhất quán và nắm chắc hình thức thể loại để tiếp tục thể hiện dàn cảnh sao cho sát với tính chất, phù hợp với yêu cầu của chương trình đề ra. Thể loại chương trình mang tính chất, yêu cầu cần dễ nhớ, dễ hiểu thì tránh dàn dựng nhiều tiết mục quá cầu kỳ, khó hiểu hoặc quá ẩn ý, trừu tượng, làm cho người xem không thể hiểu ngay và nhớ nhanh được. Hay ngược lại, với thể loại chương trình cần xây dựng các hình tượng nghệ thuật, để qua thưởng thức nhằm nâng cao năng lực cảm thụ nghệ thuật của quần chúng nhân dân, thì lại dàn dựng kiểu “giải thích” hay “chứng minh” một cách “cụ thể hóa” bằng các panô, khẩu hiệu, số liệu rạch ròi.

Sau khi xác định rõ ràng được các vấn đề trên, người đạo diễn tiến hành cụ thể hóa ý đồ dàn dựng của mình. Việc cụ thể hóa ý đồ đạo diễn có thể diễn ra “trong đầu” của người đạo diễn để anh ta bắt đầu bước vào giai đoạn dàn cảnh trực tiếp với diễn viên và các lực lượng đồng sáng tạo khác; cũng có thể được viết ra trên giấy. Ý đồ đạo diễn được viết ra trên giấy được gọi là kịch bản

phân cảnh của đạo diễn, hay là kịch bản dàn dựng (đó là những thủ pháp đạo diễn được viết ra trên văn bản).

3.2.2. Viết kịch bản dàn dựng

Kịch bản dàn dựng là kết quả sáng tạo của người đạo diễn, trên cơ sở nghiên cứu kịch bản và suy tư, tưởng tượng, tìm tòi ra các thủ pháp nghệ thuật để xử lý dàn dựng cho từng tiết mục, từng chương (phần) của chương trình.

Để tiến hành đạo diễn, dàn dựng một chương trình văn hóa nghệ thuật, tùy theo tính chất, quy mô, nội dung, yêu cầu của từng chương trình cụ thể mà người đạo diễn có thể chọn một trong hai cách dàn dựng thông thường sau: (1) Dàn dựng trực tiếp; nghĩa là sau khi đã nghiên cứu kỹ kịch bản văn học hoặc đề cương của chương trình, người đạo diễn bắt tay ngay vào công tác dàn dựng, đạo diễn và trong quá trình dàn dựng sẽ tiếp tục sửa đổi, bổ sung các chi tiết cần thiết nhằm nâng cao kịch bản và chương trình. (2) Viết kịch bản phân cảnh (kịch bản dàn dựng); nghĩa là từ kịch bản văn học hoặc đề cương kịch bản sau khi đã nghiên cứu kỹ, người đạo diễn bắt tay vào viết kịch bản phân cảnh để thể hiện rõ ý đồ dàn dựng xuyên suốt của mình đối với chương trình, trước khi tiến hành dàn dựng. Thông qua việc sáng tạo ra các “thủ pháp nghệ thuật” xử lý “màu sắc” cho từng

tiết mục, xử lý mối nối giữa các tiết mục, phần, chương và cả chương trình.

Thủ pháp đạo diễn: chính là ý tưởng và cách thức dàn dựng của người đạo diễn đối với tác phẩm của mình về: diễn xuất, âm nhạc, âm thanh, ánh sáng, đạo cụ, cảnh trí, tạo hình, tiếng động, các phương tiện kỹ thuật, kỹ xảo...

Kịch bản dàn dựng là cụ thể hóa kịch bản văn học (hoặc đề cương kịch bản) thành hiện thực của chương trình. Nói cách khác là từ văn bản biến thành hành động, cách trình diễn của diễn viên trên sân khấu cùng các bộ phận, các loại hình phối hợp. Kịch bản dàn dựng chính là kịch bản của người đạo diễn, quy định những việc mà người đạo diễn phải làm. Kịch bản dàn dựng cần viết chi tiết, theo thứ tự hành động nối tiếp sự kiện, quy định cụ thể cách xử lý diễn xuất, âm nhạc, trang phục, trang trí, đạo cụ,... cùng các thủ pháp xử lý trong dàn dựng.

Kịch bản văn học (hoặc đề cương kịch bản) và kịch bản dàn dựng luôn gắn bó hữu cơ với nhau không thể chia tách, chúng có mối quan hệ trật tự trong một quy trình xây dựng chương trình văn hóa nghệ thuật. Có lẽ vì thế mà thông thường tác giả kịch bản chương trình văn hóa nghệ thuật cũng đồng thời là người đạo diễn luôn cho chương trình đó, cách làm này có nhiều thuận lợi và tính thống nhất, tính nghệ thuật sẽ cao hơn.

Để viết được kịch bản phân cảnh, trước hết người đạo diễn phải hiểu thấu đáo ý đồ, mục đích, nội dung, ý nghĩa, tính chất, đặc điểm của kịch bản văn học, từ đó suy tư, tưởng tượng, tìm tòi, sáng tạo để tìm ra các thủ pháp nghệ thuật xử lý cho từng tiết mục, chương, phần của chương trình (theo tư duy hình tượng và tư duy khoa học) nhằm đem lại cho người xem (khán giả) thưởng thức, tiếp nhận những hình tượng nghệ thuật qua nghe, nhìn tạo nên nơi họ những cảm xúc thẩm mỹ nghệ thuật về cái đang diễn ra trên sân khấu.

Cách trình bày một kịch bản dàn dựng chương trình:

- Cách 1: mỗi ô là một thành tố dàn dựng⁴⁴

Số TT	Tiêu đề	Thể hiện	Nội dung	Diễn xuất	Âm nhạc	Mỹ thuật	Đa phương tiện	Kỹ thuật	Hậu đài	Ghi chú	...

- Cách 2: các thành tố dàn dựng ghi chung một ô

Số TT	Tiết mục	Thủ pháp đạo diễn	Ghi chú

⁴⁴ Tùy vào ý đồ dàn dựng của đạo diễn mà các thành tố dàn dựng có thể biến đổi, có thể ít hơn hoặc nhiều hơn về thành tố dàn dựng.

Chú giải:

- Số thứ tự (Số TT): ghi thứ tự chương, phần, lớp, đoạn, tiết mục

- Tiêu đề: ghi tên của từng chương, phần, lớp, đoạn, tiết mục

- Thể hiện: ghi hình thức thể hiện của tiết mục

- Nội dung: ghi nội dung của từng chương, phần, lớp, đoạn, tiết mục (cần cô đọng, ngắn gọn, gợi hình tượng)

- Diễn xuất: ghi xử lý kỹ thuật biểu diễn của diễn viên ca hay múa, hay kịch...

- Âm nhạc: ghi xử lý giai điệu, ca từ, hòa âm, phối khí, tính chất, yêu cầu, tốc độ, thể loại (thanh nhạc, khí nhạc)...

- Mỹ thuật: ghi xử lý màu sắc, đường nét, hình khối, bố cục, chất liệu, tạo hình của cảnh trí, phục trang, đạo cụ, hóa trang...

- Đa phương tiện: ghi xử lý hình ảnh tĩnh, hình ảnh động, phim...

- Kỹ thuật: ghi xử lý âm thanh, tiếng động, ánh sáng, kỹ xảo, hiệu ứng sân khấu

- Hậu đài: ghi xử lý chạy cảnh, chạy micro, chạy đạo cụ, điều phối bên trong sân khấu

- Ghi chú: ghi những điều cần nhớ, phân công nhân sự, chú giải thêm

- ...: những thành tố khác

3.3. Làm việc với tập thể những người sáng tạo chương trình văn hóa nghệ thuật

Ý đồ nghệ thuật dàn cảnh của đạo diễn là nguồn kích thích sáng tạo, là đích đến cho toàn thể những người tham gia vào quá trình tạo ra một sản phẩm chương trình văn hóa nghệ thuật. Công việc sáng tạo của đạo diễn liên quan tới nhiều người, nhiều loại hình nghệ thuật (không như tác giả chủ yếu làm việc một mình để sáng tác kịch bản); cho nên, trước khi tiến hành dàn dựng, người đạo diễn cần làm việc với tất cả các thành viên sáng tạo trong chương trình về ý đồ đạo diễn của mình. Đạo diễn cần quán triệt ý đồ đạo diễn của mình để tất cả các cộng tác viên cùng tham gia trong quá trình sáng tạo hiểu thấu đáo tư tưởng chủ đề và những xử lý đạo diễn trong xây dựng hình tượng nghệ thuật của tiết mục, của chương trình. Để từ đó mỗi cộng tác viên tiếp tục có những sáng tạo độc đáo riêng của mình, trên cơ sở tuân thủ tuyến phát triển chương trình thống nhất theo ý đồ của đạo diễn.

Căn cứ vào các thành tố nghệ thuật (loại hình, thể loại nghệ thuật) cấu thành nên chương trình văn hóa nghệ thuật trong mỗi kịch bản khác nhau; và sở trường (nhất chuyên, đa năng) của người đạo diễn mà người chủ trì dàn dựng tiến hành thành lập nên một nhóm đạo diễn (ê kíp đạo diễn) với những chuyên môn khác nhau.

Thông thường, ê kíp đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật bao gồm những nhà chuyên môn thuộc các lĩnh vực nghệ thuật như: đạo diễn sân khấu, nhạc sĩ, họa sĩ, biên đạo múa, người dựng múa, người dựng ca, người dựng kịch, người dựng phim hay người thiết kế sản phẩm đa phương tiện, người kỹ thuật âm thanh, kỹ thuật ánh sáng, kỹ thuật trình chiếu màn hình, kỹ thuật hậu đài. Trong ê kíp đó, có một người chủ trì, đóng vai trò là đạo diễn, chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ huy tất cả văn nghệ sĩ và toàn bộ các cộng sự trong quá trình sáng tạo nên một chương trình văn hóa nghệ thuật.

Tùy theo tính chất, quy mô của chương trình mà người đạo diễn (tổng đạo diễn) có thể huy động, nối kết và phân nhiệm vai trò các thành viên trong tổ đạo diễn như: các phó đạo diễn, trợ lý đạo diễn để giúp việc cho mình trong công tác dàn dựng. (1) Đạo diễn (Tổng đạo diễn) là người trực tiếp điều hành, thi hành và chịu trách nhiệm chính về lĩnh vực chuyên môn nghệ thuật của toàn bộ chương trình và các bộ phận phối hợp phục vụ cho chương trình hoặc có liên quan tới chương trình dưới sự lãnh đạo của Ban tổ chức (Ban chỉ đạo). (2) Các phó đạo diễn, trợ lý đạo diễn là người giúp đạo diễn triển khai tập luyện các tiết mục, phần, chương sau khi người đạo diễn đã xử lý, dàn dựng với các thủ pháp nghệ thuật (theo ý đồ đạo diễn của người đạo diễn); phát hiện, góp ý kiến với người đạo diễn về nghệ thuật dàn dựng và các

vấn đề khác có liên quan đến tiết mục, phần, chương đã được phân công thực hiện.

Đối với chương trình có quy mô nhỏ nên có một trợ lý đạo diễn, đối với chương trình có quy mô vừa nên có phó đạo diễn, đối với chương trình có quy mô lớn phải có tổ đạo diễn theo chuyên ngành ca, múa, nhạc, kịch... Tổ đạo diễn, là tổ chức bao gồm những người cùng tham gia vào quá trình dàn dựng chương trình, thường bao gồm các bộ phận như: bộ phận sáng tác, bộ phận dàn dựng, bộ phận biểu diễn, bộ phận hậu đài. Mỗi bộ phận nên cơ cấu một người cấp trưởng phụ trách, người trưởng bộ phận có quyền tuyển dụng các cộng tác viên theo yêu cầu chuyên môn và quyền hạn của mình, trực tiếp điều hành công việc được đạo diễn (tổng đạo diễn, đạo diễn, phó đạo diễn, trợ lý đạo diễn) phân công với những cộng tác viên của mình.

3.3.1. Làm việc bộ phận

(1) Làm việc với bộ phận sáng tác

Bộ phận sáng tác thường gồm các nhà chuyên môn như: nhà viết kịch, nhạc sĩ, họa sĩ, biên đạo múa... Người đạo diễn cần làm việc với các nhà chuyên môn này để truyền đạt ý đồ đạo diễn của mình, khơi gợi những cảm xúc, định hướng sáng tạo của họ theo quỹ đạo phát triển hình tượng nghệ thuật của chương trình. Các nhà

chuyên môn, trên cơ sở nghiên cứu kịch bản, lĩnh hội tường tận ý đồ dàn cảnh của đạo diễn sẽ tiến hành sáng tác theo từng chuyên môn riêng của mình (hoặc kết hợp, đan xen với nhau) để góp phần tạo nên một tiết mục, chương trình văn hóa nghệ thuật thống nhất, hoàn chỉnh.

- Làm việc với nhạc sĩ, nhạc công các công việc như: sáng tác một ca khúc mới; cải biên một bài hát dân ca; hòa âm phối khí một tác phẩm khí nhạc để biểu diễn độc lập hoặc làm nhạc nền cho ca sĩ hát; sáng tác hay biên tập hoặc chọn nhạc cho biểu diễn múa, kịch, thời trang, xiếc, ảo thuật, đọc thơ, dẫn chuyện...; chọn nhạc, ghép nối nhạc, hoàn thành đĩa tiếng cho toàn bộ chương trình.

- Làm việc với biên đạo múa về nội dung, hình thức, thể loại, tính chất, ý đồ của từng tiết mục múa độc, múa minh họa, múa phụ họa. Theo đó, cần hiểu được: (1) múa phụ họa là múa để trang trí, làm nền cảnh, tạo màu sắc phụ thêm cho một loại hình nghệ thuật biểu diễn chính nào đó như ca, kịch, thời trang...; (2) múa minh họa, cũng là diễn phụ thêm cho một loại hình nghệ thuật biểu diễn chính nào đó như ca, kịch, thời trang..., nhưng động tác múa phải thể hiện được một nội dung ý nghĩa nào đó, góp phần làm sáng tỏ thêm cho nội dung của tiết mục nghệ thuật biểu diễn chính; (3) múa độc lập, biểu diễn múa là duy nhất, tiết mục múa phải xây dựng được một hình tượng nghệ thuật độc lập. Đạo diễn phải

làm việc với người sáng tác kịch bản tiết mục múa độc lập, yêu cầu về hình tượng nghệ thuật của tiết mục múa độc lập; phân tích rõ vai trò của tất cả các tiết mục múa trong mối quan hệ với các tiết mục khác và trong tuyến phát triển chung của cả chương trình.

- Làm việc với nhà viết kịch (nhà văn) để sáng tác cho chương trình một tiểu phẩm kịch, câu chuyện thông tin hay hoạt cảnh sân khấu; chọn lựa các trích đoạn, chặp cải lương, cảnh diễn sân khấu đã có sẵn phù hợp với định hướng nội dung của chương trình; viết lời dẫn, lời tuyên truyền, lời bình, lời thuyết minh... cho tiết mục, kết nối giữa các tiết mục hay chương, phần và cả chương trình; viết lời phát biểu cho đại biểu (nếu có), lời giao lưu phỏng vấn các nhân vật (nếu có). Lời dẫn chương trình có thể đã được viết từ trước đó và kèm theo trong kịch bản chương trình, tuy nhiên lời dẫn chương trình chính thức chỉ có được sau khi người chịu trách nhiệm viết lời dẫn (tác giả kịch bản, đạo diễn hay người dẫn chương trình) đã xem được buổi chạy chương trình tổng thể và dựa trên những dàn cảnh cụ thể của người đạo diễn để chỉnh sửa lại cho phù hợp với những gì diễn ra trên sân khấu (không phải lúc nào cũng trùng khớp với kịch bản trước đó), khi tổng duyệt hay chạy đường dây tổng thể chương trình, lời dẫn chương trình phải được hoàn thiện và cung cấp cho người dẫn chương trình để nói hay đọc chính thức.

- Làm việc với họa sĩ và chuyên gia mỹ thuật, chuyên gia kỹ thuật thi công, lắp ráp các nội dung thiết kế mỹ thuật sân khấu. Tùy thuộc vào từng hình thức thể loại chương trình văn hóa nghệ thuật khác nhau mà yêu cầu về thiết kế mỹ thuật cũng sẽ khác nhau. Người đạo diễn phải trình bày được ý đồ dàn cảnh câu chuyện của mình trong một không gian sân khấu, trên cơ sở đó kết hợp với việc nghiên cứu kịch bản, những chuyên gia mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng sẽ tiến hành phác họa các tác phẩm tạo hình cụ thể, trình ra bản thiết kế mỹ thuật sân khấu, làm cơ sở để bộ phận kỹ thuật, hậu đài thi công, thực hiện trên sân khấu. Thông thường, thiết kế mỹ thuật sân khấu có các nội dung như: thiết kế trang trí phong cảnh sân khấu, cảnh trí sân khấu, đạo cụ sân khấu, phục trang diễn viên, hóa trang nhân vật, thiết kế ánh sáng sân khấu). Đạo diễn có thể vẽ phác thảo hoặc là diễn đạt bằng ngôn ngữ (nói hoặc viết) các ý đồ sáng tạo mỹ thuật trong chương trình văn hóa nghệ thuật, muốn vậy người đạo diễn cần am hiểu các đặc trưng, ý nghĩa của ngôn ngữ hình và màu sắc, đường nét, mảng khối, bố cục, chất liệu và các nguyên lý của nghệ thuật tạo hình trong không gian hai chiều, ba chiều.

(2) Làm việc với bộ phận dàn dựng

- Làm việc với người dựng hát cho các tiết mục trong chương trình (dựng ca một hoặc nhiều bè, xử lý kỹ

thuật thanh nhạc, tình cảm...)

- Làm việc với người dựng múa

- Làm việc với người dựng kịch

(3) Làm việc với bộ phận biểu diễn

- Lựa chọn diễn viên phù hợp cho từng tiết mục

- Làm việc với từng nhóm diễn viên theo tiết mục, loại hình

- Làm việc với người dẫn chương trình

Chú ý: tránh chồng chéo diễn viên giữa các tiết mục liên kế nhau trong chương trình.

(4) Làm việc với bộ phận tổ chức biểu diễn

- Tổ phục trang, đạo cụ: làm việc với các nghệ nhân, chuyên viên chế tác đạo cụ, phục trang về quy cách mẫu mã, số lượng từng loại phục trang, đạo cụ...

- Tổ hậu đài sân khấu: làm việc với chuyên gia kỹ thuật và bộ phận phục vụ chuẩn bị về địa điểm, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ tập luyện và biểu diễn (sân khấu, cảnh trí, âm thanh, ánh sáng, màn hình...).

3.3.2. Làm việc tổng hợp

Trước khi bắt tay vào thực hiện chương trình cần tổ chức cuộc họp chung cho toàn thể những người tham gia sáng tác, dàn dựng, biểu diễn và hậu đài cùng các bộ phận phối hợp có liên quan tới chương trình để thống

nhất một lần nữa các vấn đề sau:

- Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của chương trình đặt ra
- Phổ biến nội dung, hình thức, bố cục, kết cấu của kịch bản
- Trình bày đề án đạo diễn phân cảnh của toàn bộ chương trình
- Phổ biến kế hoạch, thời gian tổng thể và cụ thể từng buổi, ngày, tuần tập dợt và thời gian cuối cùng phải hoàn thành chương trình

Từ kế hoạch chung, các tổ chuyên môn phải lập kế hoạch riêng, cụ thể cho nhóm, tổ của mình nhằm tiến hành đồng loạt các công việc đã thống nhất. Trong quá trình triển khai thực hiện công việc cần tiếp tục thông tin, trao đổi ý kiến khi cần thiết để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho chương trình.

Thường xuyên chỉ huy, điều khiển, giám sát, kiểm tra, báo cáo nhanh và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lúc tổ chức tập luyện. Sau khi tập luyện xong (đã chạy được đường dây chương trình), đạo diễn chủ trì tổ chức tổng duyệt (hay chạy đường dây tổng thể chương trình), tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chương trình và tổ chức biểu diễn chính thức. Báo cáo tổng kết chương trình, nhận định mặt thành công và hạn chế, rút kinh

nghiệm và đề xuất khen thưởng, kỷ luật nếu có.

Tất cả nội dung công việc tổ chức dàn dựng của đạo diễn có thể được cụ thể hoá thông qua 10 bảng sau:

Bảng (1): Ý đồ đạo diễn tiết mục

Tiết mục: (mô tả đầy đủ các đặc điểm của tiết mục)		
Thành tố dàn dựng	Xử lý kỹ thuật đạo diễn	Ghi chú
Diễn xuất		
Âm nhạc		
Mỹ thuật		
Đa phương tiện		
Kỹ thuật		
Hậu đài		
...		

Bảng (2): Ý đồ đạo diễn chương trình

Tên tiết mục	Xử lý kỹ thuật đạo diễn	Thực hiện	Ghi chú

Bảng (3): Ý đồ thiết kế mỹ thuật sân khấu

Mô tả sân khấu	Hình ảnh phác thảo sân khấu

Bảng (4): Kịch bản lời dẫn chương trình

Tên tiết mục	Lời dẫn chương trình

Bảng (5): Tổng hợp tiết mục, diễn viên, phục trang, đạo cụ...

TT	Tên tiết mục	Diễn viên	Phục trang	Đạo cụ

Bảng (6): Phân công nhiệm vụ tổ đạo diễn

TT	Công việc	Phụ trách	Thời gian bắt đầu/hoàn thành	Ghi chú

Bảng (7): Tiến độ thời gian đạo diễn

TT	Nội dung công việc	Thời gian bắt đầu/hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng kịch bản đạo diễn		
2	Làm việc với tổ đạo diễn		
3	Triển khai tập luyện - Tập dợt (tiết mục, chương, phần, tổng thể) - Chạy chương trình - Tổng duyệt		
4	Biểu diễn chính thức		
5	Tổng kết		

Bảng (8): Lịch tập dợt chương trình

TT	Nội dung tập dợt	Buổi tập Sáng, chiều, tối	Ngày tập	Ghi chú (phụ trách)

Bảng (9): Tổng hợp về thiết bị kỹ thuật

Tiêu chí/ nội dung	Sân khấu	Âm thanh	Ánh sáng	Màn hình
Quy cách/ tính năng				
Số lượng/ chủng loại				
Yêu cầu/ghi chú				
Thời gian sử dụng (bắt đầu/ kết thúc)				

Bảng (10): Tổng hợp kinh phí

TT	Loại sản phẩm Hàng hoá vật chất, thù lao bồi dưỡng	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền

Nghề đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật thực chất là nghề hướng dẫn, truyền đạt cho diễn viên và những cộng sự của mình (biên đạo múa, nhạc sĩ, trợ lý đạo diễn, diễn viên, các bộ phận phục vụ, phụ trách...) kiến thức về cách thức và các phương pháp thể hiện, trình diễn các tác phẩm nghệ thuật. Nghĩa là người đạo diễn phải chỉ ra, phải phân tích để họ thấu hiểu nội dung, hình thức, cấu trúc, phong cách của từng loại tác phẩm, tính chất của từng loại công việc, đồng thời phải gợi ý về tình cảm, kỹ thuật, thủ pháp xử lý nghệ thuật đối với từng tiết mục, từng loại công việc mà họ sẽ phải là người trực tiếp trình bày, thực hiện và chịu trách nhiệm.

Dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật đòi hỏi người đạo diễn phải “nhất chuyên – đa năng”; nghĩa là cần phải hiểu tốt, làm giỏi một nghề và hiểu biết nhiều nghề; cần phải hiểu được, nói được, làm được lý thuyết kết hợp với thực hành, mà thực hành là quan trọng. Người đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật là nhạc sĩ, biên đạo múa, đạo diễn sân khấu sẽ là thuận lợi hơn vì họ đã được trang bị những kiến thức nhất định về các loại hình nghệ thuật biểu diễn và tổng hợp như: âm nhạc, múa, sân khấu... là những thành tố nghệ thuật cốt lõi trong một chương trình văn hóa nghệ thuật.

3.4. Thực hiện ý đồ đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật

3.4.1. Kỹ thuật đạo diễn

a. Xử lý hành động

(1) Phân tích hành động

- Phân tích nội dung, hình thức, tiết tấu của tiết mục
- Xử lý dàn dựng cho tiết mục
- Trình bày ý đồ dàn dựng với ekip đạo diễn
- Trình bày ý đồ dàn dựng với ekip diễn viên
- Trình bày các yếu tố kỹ thuật cần hỗ trợ
- Trình bày tiến độ thực hiện tiết mục
- Trình bày yêu cầu, quy định, kết quả cần đạt được

(2) Tổ hợp các hành động

Kiểm tra lại lần lượt các tiết mục lẻ trong chương trình

- Phân tích mối quan hệ giữa các tiết mục với nhau và với tổng thể chương trình về nội dung, hình thức, tiết tấu

- Xử lý các thủ pháp kết nối tiết mục, chương, phần
- Xử lý điểm nhấn mở đầu, cao trào, kết thúc
- Trình bày ý đồ dàn dựng với ekip đạo diễn

- Trình bày ý đồ dàn dựng với ekip diễn viên
- Trình bày các yếu tố kỹ thuật cần hỗ trợ
- Trình bày tiến độ thực hiện ráp nối
- Trình bày yêu cầu, quy định, kết quả cần đạt được

b. Xử lý âm nhạc

(1) Nhạc mở đầu

- Chọn âm nhạc theo chủ đề hoặc không theo chủ đề tiết mục, chương trình

- Tùy theo tính chất chương trình mà chọn hình thức và thể loại âm nhạc mở đầu với tiết tấu nhanh, vừa hay chậm; nhạc có lời hay không có lời; cổ nhạc hay tân nhạc; nhạc dân gian hay nhạc hiện đại

- Không sử dụng các bài nhạc có biểu diễn trong chương trình

- Không sử dụng một nền nhạc phát lặp lại nhiều lần (trừ khi có ý đồ cụ thể nào đó)

- Không thả nhạc phát ra hệ thống âm thanh biểu diễn khi đã đến giờ chính thức vào chương trình (tính theo giờ ghi trong thư mời, hay quy định đã công bố)

(2) Nhạc nền

- Nhạc nền thu âm sẵn hoặc nhạc diễn tấu tại chỗ (nhạc sống)

- Nhạc nền có thu bè hay không thu bè
- Nhạc nền có thu lời (thuyết minh, bình, dẫn, thoại) hay không có lời nói, đọc
- Chọn nhạc nền có sẵn hay hòa âm, phối khí, thu âm mới
- Xử lý mối quan hệ giữa nhạc nền với tác phẩm và người biểu diễn
- Nghe và kiểm tra nhạc nền trước tập, diễn
- Ráp thử nhạc nền với biểu diễn
- Ráp thử nhạc nền với kỹ thuật
- Yêu cầu điều chỉnh nhạc nền (nếu cần)

(3) Nhạc biểu diễn tiết mục độc lập

- Nhạc không lời nhưng phải có hình tượng nghệ thuật âm nhạc phù hợp với nội dung chương trình
- Có thể lựa chọn các hình thức: đơn, song, tam, hòa tấu nhạc cụ
- Xác định đặc tính âm nhạc của từng loại nhạc cụ
- Xác định loại nhạc cụ biểu diễn là truyền thống dân tộc, nhạc cụ phương Tây, hay sự hòa trộn cả hai loại này
- Sắp xếp đội hình biểu diễn nhạc cụ phải đáp ứng đúng quy tắc âm nhạc, đẹp và sinh động

- Xử lý biểu diễn (diễn xuất) cho người diễn tấu nhạc cụ

Lưu ý: nhạc không lời cần một đối tượng công chúng có khả năng thường thức tốt, nếu công chúng không thích, không hiểu, không cảm nhận hay sẽ không tạo hiệu quả cao cho chương trình

(4) Nhạc nối kết

- Nhạc kết nối phải phù hợp với tiết mục trước và sau đó về nội dung, hình thức, tính chất và tiết tấu

- Cần lựa chọn hay sáng tác những đoạn nhạc nối kết mới lạ, độc đáo cho từng loại chương trình khác nhau

- Cắt, ghép và thực hiện từng đoạn nhạc nối kết riêng biệt, tránh dùng một đĩa nhạc phát lặp lại nhiều lần trong cùng một chương trình

- Cần chú ý tính chất khác nhau của từng tiết mục, chương trình mà chọn màu sắc âm nhạc nối kết sao cho phù hợp, hiệu quả

(5) Nhạc kết thúc

- Kết thúc chương trình cần tín hiệu âm nhạc dứt điểm

- Sau thời khắc dứt điểm, có thể còn kéo dài thêm, nên chọn nhạc phù hợp với nội dung, tính chất và tạo

được không khí chương trình

- Có thể chọn nhạc của một tiết mục nào đó trong chương trình để xử lý tạo không khí kết thúc (để nhấn mạnh chủ đề, để truyền thông, để tạo dấu ấn riêng...)

- Nhạc mở đầu và kết thúc có thể đồng dạng hay khác dạng.

c. Xử lý mỹ thuật

(1) Thiết kế, trang trí sân khấu

- Phân tích kịch bản để xác định ý tưởng tạo hình sân khấu

- Trang trí sân khấu: tạo nền cảnh đẹp mắt cho công chúng đến với chương trình

- Bày trí – trưng bày – sắp đặt sân khấu: tạo không gian nghệ thuật, góp phần phát triển nội dung chương trình để công chúng tiếp nhận hình tượng nghệ thuật của chương trình bằng nhiều cảm xúc nghệ thuật khác nhau (nghệ thuật tạo hình có gắn bó mật thiết với nội dung chương trình, không chỉ là tạo nền cảnh cho chương trình)

- Phác thảo ý tưởng bằng bản vẽ (hoặc mô tả thành văn)

- Phân tích các yếu tố: địa điểm, không gian, mỹ thuật tạo hình, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, màn hình

và sân khấu trong mối quan hệ với kịch bản, ý đồ dàn dựng, điều kiện thiết kế và khả năng tài chính

- Thống nhất phương án thiết kế
- Triển khai ý tưởng thành bản vẽ kỹ thuật cụ thể (hai chiều hoặc ba chiều)
- Xác định tiến độ thời gian thực hiện
- Tổ chức thi công
- Nghiệm thu và sử dụng theo tiến độ
- Kiểm tra các mức độ mỹ thuật, kỹ thuật, hiệu quả khi biểu diễn
- Điều chỉnh thiết kế (nếu cần)

(2) Mỹ thuật trang phục, đạo cụ

- Phân tích kịch bản để xác định ý tưởng tạo hình trang phục, đạo cụ
- Trang phục phải phù hợp với diễn xuất, diễn viên, hóa trang, cảnh trí, thiết kế sân khấu, nội dung tiết mục và tổng thể chương trình
- Đạo cụ: phải phù hợp tiết mục, thiết kế sân khấu và được sử dụng hiệu quả, đắt giá trong dàn cảnh; không thừa, không thiếu.

- Phác thảo ý tưởng bằng bản vẽ (hoặc mô tả thành văn)

- Phân tích các yếu tố: địa điểm, không gian, mỹ thuật tạo hình, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, màn hình và sân khấu trong mối quan hệ với kịch bản, ý đồ dàn dựng, điều kiện thiết kế và khả năng tài chính

- Thống nhất phương án thiết kế

- Triển khai ý tưởng thành bản vẽ kỹ thuật cụ thể (2 chiều hoặc 3 chiều)

- Xác định tiến độ thời gian thực hiện

- Tổ chức thi công

- Nghiệm thu và sử dụng theo tiến độ

- Kiểm tra các mức độ mỹ thuật, kỹ thuật, hiệu quả khi biểu diễn

- Điều chỉnh thiết kế (nếu cần)

(3) Hóa trang

- Cấp độ: hóa trang, trang điểm

- Hóa trang: thể hiện tính cách nhân vật

- Trang điểm: điểm tô cho đẹp

- Sự hài hòa giữa: trang phục, trang điểm, trang sức

- Sự hài hòa giữa: nội dung, hình thức

- Sự hài hòa giữa: công chúng, người diễn viên, từng đối tượng tham gia từng bối cảnh, không gian, thời gian, điều kiện thiết kế và nội dung, tính chất của mỗi chương trình

d. Xử lý hình ảnh

(1) Hình ảnh tĩnh

- Hình ảnh phải có nguồn, tác giả, bản quyền
- Biên tập nội dung hình ảnh phải gắn với chủ đề, nội dung tiết mục, chương trình
- Lựa chọn, sáng tác hình ảnh theo các chủ đề
- Cần đa dạng, phong phú, dồi dào nguồn ảnh
- Bố cục, sắp xếp hình ảnh theo ý đồ
- Chú thích, lý giải hình ảnh cho công chúng dễ hiểu ý đồ
- Gắn kết các hình ảnh thành chuỗi, bộ, phim và lưu trữ thống nhất
- Kết nối hình ảnh với hành động diễn viên, sân khấu...
- Xử lý kỹ thuật trình chiếu, trang trí, sắp đặt...

(2) Hình ảnh động

- Hình ảnh động phải có nguồn, tác giả, bản quyền

- Biên tập nội dung hình ảnh động phải gắn với chủ đề, nội dung tiết mục, chương trình
- Lựa chọn, sáng tác hình ảnh động theo các chủ đề
- Cần đa dạng, phong phú, dồi dào nguồn ảnh động
- Bố cục, sắp xếp hình ảnh động theo ý đồ
- Chú thích, lý giải hình ảnh động cho công chúng dễ hiểu ý đồ
- Gắn kết các hình ảnh động thành chuỗi, bộ, phim và lưu trữ thống nhất
- Kết nối hình ảnh động với hành động diễn viên, sân khấu...
- Xử lý kỹ thuật trình chiếu, trang trí, sắp đặt...
- Chú ý: mối quan hệ giữa hình ảnh tĩnh và động

đ. Xử lý diễn xuất và đội hình

(1) Diễn xuất

- Phân tích vai diễn của mỗi người
- Xử lý diễn xuất cho từng đối tượng khác nhau: diễn viên, cán bộ, công chúng khán giả...
- Phân tích để diễn viên hiểu và sáng tạo diễn xuất

- Thị phạm khi cần thiết (nếu diễn viên không diễn được tốt)

(2) Đội hình

- Phân tích kịch bản, sơ đồ hóa đội hình, các tuyến ra vào, di chuyển

- Chú ý: tầng, tầm, diện; tạo hình; lối đi...

- Chú ý: vận dụng tốt các thủ pháp đối tỷ trong tạo hình

- Chú ý: tính tĩnh và động trong tạo đội hình sân khấu

e. Xử lý không khí sân khấu

(1) Không gian, địa điểm, thời gian của hành động

- Không gian: của kịch bản, sân khấu, sự kiện là khác nhau nhưng thống nhất trong một không gian tổ chức chương trình

- Địa điểm: khai thác địa thế, địa lợi trong thiết kế không gian nhằm tạo không khí cho chương trình sự kiện

- Thời gian: của kịch bản, sân khấu và sự kiện là khác nhau nhưng thống nhất trong một không gian tổ chức chương trình

- Mối quan hệ giữa địa điểm tổ chức với không gian và thời gian trong tạo bầu không khí sân khấu cho

chương trình sự kiện

- Các yếu tố tác động tới không khí sân khấu: con người, phương tiện, kỹ thuật, thời tiết

(2) Tiết tấu và các thủ pháp đối tỷ

- Tiết tấu là nhịp đập trái tim của chương trình

- Các yếu tố ảnh hưởng tới tiết tấu: (ý thức) tâm lý, tình cảm, kỹ thuật diễn xuất, hiệu ứng công chúng – đám đông, (vật chất) phương tiện, kỹ thuật, các điều kiện thiết kế

- Mối quan hệ giữa tiết tấu với nội dung, hình thức và thể loại

- Các thủ pháp đối tỷ: âm thanh, màu sắc, hình khối, bố cục, đường nét, chất liệu, số lượng, giới tính, thể loại, hình thức, nội dung, thời điểm...

- Ý tưởng, thủ pháp và sự sử dụng nhuần nhuyễn các thủ pháp đối tỷ sẽ tạo ra sự biến đổi sinh động, đa dạng, phong phú cho tiết mục và chương trình; tạo ra màu sắc và tiết tấu riêng cho mỗi chương trình

- Các thủ pháp đối tỷ là phương tiện để thực hiện ý đồ dàn dựng nhằm đạt tới mục đích tạo nên màu sắc, tiết tấu cho tiết mục, kết nối tiết mục, chương, phần và cả chương trình

g. Xử lý kỹ thuật, kỹ xảo

(1) Hệ thống âm thanh

- Cần nắm vững hệ thống thiết bị âm thanh, địa điểm lắp đặt, kỹ thuật lắp ráp, nghệ thuật điều chỉnh
- Các nguyên tắc xử lý micro, âm thanh
- Công tác hậu đài – chạy micro
- Xử lý sự cố âm thanh

(2) Hệ thống ánh sáng

- Cần nắm vững hệ thống thiết bị ánh sáng, địa điểm lắp đặt, kỹ thuật lắp ráp, nghệ thuật điều chỉnh
- Các nguyên tắc xử lý ánh sáng
- Công tác hậu đài – chiếu đèn follow
- Xử lý sự cố ánh sáng

(3) Hệ thống kỹ xảo, hiệu ứng đặc biệt

- Cần nắm vững hệ thống thiết bị kỹ xảo, hiệu ứng, địa điểm lắp đặt, kỹ thuật lắp ráp, nghệ thuật điều chỉnh
- Các nguyên tắc xử lý kỹ xảo, hiệu ứng
- Công tác hậu đài – kết nối hiệu ứng, kỹ xảo
- Xử lý sự cố kỹ xảo, hiệu ứng

(4) Hệ thống sân khấu

- Cần nắm vững hệ thống bậc – sân khấu, địa điểm lắp đặt, kỹ thuật lắp ráp, mỹ thuật tạo hình, không gian sân khấu (khu vực sân khấu, khán giả, các bộ phận tiện ích liên quan)

- Các nguyên tắc lắp đặt, trang trí, bày trí sân khấu

- Công tác hậu đài – lối di chuyển, thoát nạn, cấp cứu...

- Xử lý sự cố sân khấu

h. Công tác hậu cần, hậu đài

(1) Hậu cần

- Thành phần: chuyên gia, có hiểu biết và giỏi về quản lý, chi tiêu tài chính; các vấn đề liên quan tới đời sống; lễ tân; phục vụ

- Yêu cầu: có tư duy tổ chức, sắp xếp; có khả năng điều phối, chỉ huy; xử lý tình huống nhanh, hiệu quả

- Công việc: chỉ huy toàn bộ các công việc về chi tiêu, đời sống vật chất, lễ tân, phục vụ.

(2) Hậu đài

- Thành phần: chuyên gia, có hiểu biết và giỏi về kỹ thuật, mỹ thuật, công nghệ thông tin, thiết kế

- Yêu cầu: có tư duy tổ chức, sắp xếp; có khả năng điều phối, chỉ huy; xử lý tình huống nhanh, hiệu quả

- Công việc: chỉ huy toàn bộ các yếu tố bên, phía sau các buổi biểu diễn chương trình

3.4.2. Tổ chức tập luyện, tổng duyệt và biểu diễn chính thức

a. Công tác chuẩn bị trước, trong và sau khi tập luyện

(1) Chuẩn bị trước khi tập luyện

- Liên hệ sân bãi và hệ thống phương tiện âm thanh, ánh sáng... để hỗ trợ công việc tập luyện chương trình

- Chuẩn bị các loại đạo cụ tập luyện tạm thời cho các tiết mục

- Chuẩn bị kỹ về máy hát, băng đĩa nhạc cho tiết mục tập luyện

- Thông báo lịch tập cụ thể cho diễn viên và người dàn dựng

(2) Trong lúc tập luyện

- Quản lý diễn viên tập luyện (điểm danh, giờ giấc tập, giải quyết các tình huống phát sinh trong lúc tập)

- Đảm bảo an ninh, trật tự và tích cực hỗ trợ cho công tác tập luyện của người dàn dựng khi họ có yêu cầu

- Công tác hậu cần: thức ăn, nước uống... phục vụ người tập luyện

(3) Sau khi tập luyện

- Thu dọn và kiểm tra lại đạo cụ, các trang thiết bị đã tập luyện

- Thông báo nhắc lại lịch tập buổi sau

- Kiểm tra kỹ hệ thống điện, nước và vệ sinh sân bãi trước khi ra về

b. Phương pháp tập luyện chương trình

(1) Tập từng tiết mục lẻ

Phần tập này người đạo diễn cần giới thiệu, phân tích nội dung, hình tượng kết cấu của tiết mục sau đó trình bày thủ pháp nghệ thuật để xử lý tiết mục đó.

Trình tự tập tiết mục lẻ:

- Đối với hát

- + Võ bài hát

- + Ghép ca với nhạc

- + Xử lý sắc thái tác phẩm

- + Dàn dựng biểu diễn
- + Hoàn chỉnh, nâng cao
- Đối với múa
 - + Tập những động tác múa cơ bản được sử dụng trong tác phẩm
 - + Tập từng phân đoạn theo nhịp đếm
 - + Ghép từng phân đoạn múa với nhạc
 - + Tập các phân đoạn còn lại rồi ghép với nhạc
 - + Lắp ghép toàn bộ tác phẩm
 - + Xử lý sắc thái tác phẩm
 - + Hoàn chỉnh, nâng cao
- Đối với tiết mục hát có múa minh họa
 - + Tập vỡ bài hát
 - + Tập vỡ bài múa
 - + Ghép múa với hát
 - + Hoàn chỉnh, nâng cao
- Đối với tiết mục kịch
 - + Làm việc quan bản (đọc kịch bản, phân tích hành động nhân vật và hành động kịch, tập thoại kịch)
 - + Tập diễn xuất trên sân diễn (tập mộc)

+ Tập diễn xuất hoàn chỉnh với các điều kiện thiết kế đầy đủ

+ Chạy sân khấu

+ Hoàn chỉnh, nâng cao

(2) Tập từng bộ phận (phần, chương)

Sau khi tập xong các tiết mục đơn lẻ, người đạo diễn tiến hành ghép – nối các tiết mục đó lại bằng các thủ pháp nghệ thuật phong phú, sinh động, sáng tạo để hoàn chỉnh từng phần, chương của chương trình.

(3) Tập tổng thể

- Sau khi đã tập hoàn thành các phần, chương, người đạo diễn tiến hành ghép – nối các phần, chương đó lại với nhau để hình dung ra được tổng thể của chương trình, có nhìn thấy được tổng thể mới có thể điều chỉnh, bổ sung và kịp thời xử lý đạo diễn các mặt, bộ phận phối hợp của toàn bộ chương trình cho hợp lý.

- Bước tập tổng thể kết thúc cũng là lúc người đạo diễn phải phối hợp làm việc với các bộ phận khác như: âm thanh, ánh sáng, phục trang, đạo cụ, hậu đài, người dẫn chương trình... để đạo diễn tổng thể toàn bộ chương trình, giai đoạn này là phối hợp tổng thể để hoàn chỉnh chương trình.

- Sau khi phối hợp hoàn chỉnh chương trình, người đạo diễn tiến hành cho tổ chức chạy thử toàn bộ chương trình (chạy đường dây kịch bản).

- Trình tự tập tổng thể: chạy toàn bộ chương trình (chạy mộc); chạy ghép với âm thanh, ánh sáng, phục trang, đạo cụ; chạy tổng thể tất cả với lời dẫn chương trình.

(4) Hoàn thiện chương trình

Sau khi chạy tổng thể chương trình xong, người đạo diễn cần bình tĩnh suy nghĩ, nhìn lại chương trình xem đã phản ánh đầy đủ tinh thần của kịch bản phân cảnh chưa? Mặt được và chưa được? Cần bổ sung thêm hoặc bớt gì? Từ đó tiếp tục sáng tạo, bổ sung, điều chỉnh để hoàn thiện chương trình.

(5) Rèn luyện kỹ thuật – nâng cao chương trình

Khi đã định hình chương trình, các bộ phận phối hợp đã đồng bộ, thống nhất thì bước vào giai đoạn trau chuốt, rèn luyện kỹ thuật từng tiết mục, phần, chương để nâng cao chương trình.

(6) Một số lưu ý khi hướng dẫn tập dợt

- Hướng dẫn tập dợt cần cụ thể bằng hành động, cử chỉ, cách diễn và chỉ ra các tuyến của người diễn.

- Tập theo nguyên tắc từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Nên tập theo kiểu cuốn chiếu, tập tốt tiết

mục này rồi mới sang tiết mục khác.

- Đối với chương trình có quy mô lớn nên phác thảo tổng thể (tập nhanh) rồi mới tập chi tiết sau. Không tham chi tiết nhỏ mà bỏ tổng thể (mảng, khối lớn).

- Khi ráp nối (tập cùng lúc nhiều bộ phận) phải chuẩn bị kỹ kịch bản đạo diễn, phân cảnh chính xác, cụ thể tối đa về ý đồ nghệ thuật, các tuyến ra – vào, tuyến di chuyển tạo mảng – khối (nên có sơ đồ cụ thể) để ráp – nối được liền mạch mà không mất nhiều thời gian và đạt hiệu quả.

c. Tổ chức tổng duyệt và biểu diễn chính thức

(1) Tổ chức tổng duyệt chương trình

- Đây là buổi trình diễn đầu tiên để lãnh đạo duyệt chương trình, chính vì thế nó có vai trò đặc biệt quan trọng đối với tất cả mọi người tham gia, bởi vì ấn tượng ban đầu thường khó có thể quên đối với người xem. Nên cần quán triệt sâu sắc đến toàn thể những người tham gia, những bộ phận có liên quan đến chương trình tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, hết mình đồng thời cũng cần khích lệ, động viên họ tự tin, phấn khởi để trình diễn, phục vụ tốt cho chương trình.

- Sau khi lãnh đạo duyệt chương trình xong, người tổ chức và đạo diễn cần bình tĩnh, khách quan, khiêm

tổn và có bản lĩnh nghề nghiệp để tiếp thu, cân nhắc những ý kiến đóng góp của lãnh đạo, bạn bè đồng nghiệp và khán giả nhằm tiếp tục bổ sung, sáng tạo hoàn thiện lần cuối cùng chương trình.

(2) Tổ chức trình diễn chính thức

- Buổi diễn chính thức đầu tiên (có khi là duy nhất) đòi hỏi tập thể những người tham gia, các bộ phận liên quan phải chuẩn bị chu đáo, cẩn thận và nghiêm túc mọi công việc trước khi trình diễn để hạn chế mức thấp nhất các sơ suất, sai sót xảy ra trong suốt quá trình biểu diễn.

- Người tổ chức, đạo diễn và các trợ lý, phụ trách từng bộ phận, phải kiểm tra kỹ lưỡng từ đạo cụ, phục trang, băng - đĩa nhạc... đến những chi tiết nhỏ nhất có liên quan tới chương trình và phối hợp nhắc nhở diễn viên, các bộ phận liên quan, đồng loạt kiểm tra chu đáo các khâu chuẩn bị trước giờ biểu diễn chính thức ít nhất từ mười lăm đến ba mươi phút.

- Người tổ chức và đạo diễn cần tạo tâm lý thoải mái, tự tin, vui vẻ, giảm bớt căng thẳng để các diễn viên, các bộ phận phục vụ làm chủ được công việc của mình và hứng thú để trình diễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 3

1. Trần Ngọc Bích (dịch). (2006). *Ecrire un court metrage – Cách viết kịch bản phim ngắn*: Hội Điện ảnh Việt Nam và DIXIT/Cécile Fougea.
2. Lê Ngọc Canh. (2003). *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.
3. Lê Ngọc Canh. (2004). *Phương pháp kết cấu kịch bản múa*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.
4. Trần Yến Chi. (2010). *Nghệ thuật biên kịch Arthur Miller*: Sân khấu.
5. Cao Đức Hải, Nguyễn Khánh Ngọc. (2014). *Quản lý lễ hội và sự kiện*. Hà Nội: Lao động.
6. Trương Thị Huệ, Nguyễn Mạnh Quang (dịch). (2011). *The art of public speaking – Nghệ thuật nói chuyện trước công chúng*. Đại học Duy Tân: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Đỗ Hương. (2005). *Về nghệ thuật diễn xuất kịch hát truyền thống và kịch nói Việt Nam*: Sân khấu.
8. Nguyễn Văn Hy (dịch). (1988). *Tuyên truyền và cổ động trực quan*. Hà Nội: Văn hóa.

9. Nguyễn Thị Mỹ Liêm. (2008). *Hát dân ca*. Bộ VH, TT&DL – Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh: Âm nhạc.
10. Thu Linh, Đặng Văn Lung. (1984). *Lễ hội “truyền thống và hiện đại”*. Hà Nội: Văn hóa.
11. Nguyễn Diệu Linh (chủ biên) (2011). *Kỹ năng viết trong quan hệ công chúng*: Dân trí.
12. Nguyễn Lưu (biên soạn) (2007). *Lễ nghi thời hiện đại*: Văn hóa Dân tộc.
13. Dương Xuân Sơn. (2012). *Giáo trình Các thể loại báo chí chính luận – nghệ thuật*: Giáo dục Việt Nam.
14. Vũ Nho. (1999). *Nghệ thuật đọc diễn cảm*: Thanh niên.
15. Hồ Ngọc. (1973). *Nghệ thuật viết kịch*. Hà Nội: Văn hóa.
16. Trần Phúc Phong (biên soạn) (2002). *Động diễn thể dục*. Hà Nội: Thể dục Thể thao.
17. Trần Phiêu, Bùi thị Bích Vân (biên soạn) (2006). *Kịch bản sân khấu sinh hoạt*: Thanh niên.
18. Nguyễn Quân. (2006). *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*: Văn hóa – Thông tin.

19. Võ Phước Tấn (hiệu đính), Hà Tú Vân, Đỗ Thị Anh Hoa, Thái Châu Á. (2006). *Mỹ thuật trang phục: Lao động – Xã hội*.
20. Nguyễn Thị Minh Thái. (1999). *Sân khấu và tôi: Sân khấu*.
21. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (chủ biên), Sử Ngọc Diệp. (2015). *Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội: Lao động – Xã hội*.
22. Bùi Ngọc Thắng. (2014). *Giá trị hành động không lời: Dân trí*.
23. Sâm Thương. (2011). *Viết kịch bản điện ảnh & truyền hình*. Thành phố Hồ Chí Minh: Văn hóa – Văn nghệ.

TRANG LUU CHIEU